

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN
KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ
VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**

Sinh viên thực hiện : Huỳnh Nam
MSSV : 4054040191
Lớp : Kế toán K40D
Giáo viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Lai

Bình Định, tháng 06 năm 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bài báo cáo khóa luận tốt nghiệp: “*Hoàn thiện Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong bài khóa luận tốt nghiệp được sử dụng trung thực, chính xác.

Bình Định, ngày 12 tháng 06 năm 2021

Sinh viên

Huỳnh Nam

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên sinh viên thực hiện: Huỳnh Nam

Lớp: Kế Toán K40D Khóa: K40

Tên cơ sở thực tập: Công ty Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

Địa chỉ: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:.....
2. Nội dung của Báo cáo:.....
 - Cơ sở dữ liệu.....
 - Phương pháp giải quyết vấn đề.....
3. Hình thức của Báo cáo:
 - Hình thức trình bày:
 - Kết quả báo cáo:
4. Những nhận xét khác.....

II. Đánh giá cho điểm:

Bình Định, ngày ... tháng ... năm 2021

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

ThS. Phạm Thị Lai

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

Họ và tên sinh viên thực hiện: Huỳnh Nam

Lớp: Kế Toán K40D Khóa: K40

Tên cơ sở thực tập: Công ty Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

Địa chỉ: 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:.....
2. Nội dung của Báo cáo:.....
 - Cơ sở dữ liệu.....
 - Phương pháp giải quyết vấn đề.....
3. Hình thức của Báo cáo:
 - Hình thức trình bày:
 - Kết quả báo cáo:
4. Những nhận xét khác.....

II. Đánh giá cho điểm:

Bình Định, ngày ... tháng ... năm 2021

GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

ThS. Lương Thị Thúy Diễm

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG SỬ DỤNG.....	viii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	ix
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG	3
1.1. Khái quát chung về khoản mục nợ phải thu khách hàng	3
<i>1.1.1. Khái niệm nợ phải thu khách hàng.....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2. Đặc điểm của khoản mục nợ phải thu khách hàng.....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.3. Vai trò của khoản mục nợ phải thu khách hàng.....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.4. Quy trình kế toán khoản mục nợ phải thu khách hàng.....</i>	<i>4</i>
1.2. Cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng	5
<i>1.2.1. Cơ sở dẫn liệu.....</i>	<i>5</i>
<i>1.2.2. Mục tiêu kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng</i>	<i>5</i>
1.3. Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng	6
<i>1.3.1. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng.....</i>	<i>6</i>
<i>1.3.2. Các thủ tục kiểm soát đối với nợ phải thu khách hàng.....</i>	<i>7</i>
<i>1.3.2.1. Lập Lệnh bán hàng.....</i>	<i>13</i>
<i>1.3.2.2. Xét duyệt bán chịu.....</i>	<i>14</i>
<i>1.3.2.3. Xuất kho hàng hóa</i>	<i>15</i>
<i>1.3.2.4. Gửi hàng.....</i>	<i>15</i>
<i>1.3.2.5. Lập và kiểm tra Hóa đơn bán hàng</i>	<i>16</i>
<i>1.3.2.6. Theo dõi thanh toán và thu tiền</i>	<i>16</i>
<i>1.3.2.7. Xét duyệt hàng bán bị trả lại và giảm giá.....</i>	<i>16</i>
<i>1.3.2.8. Cho phép xóa sổ các khoản nợ không thu hồi được</i>	<i>17</i>
1.4. Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng.....	17
<i>1.4.1. Chuẩn bị kiểm toán</i>	<i>18</i>

1.4.2. Thực hiện kiểm toán	19
1.4.2.1. Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát.....	19
1.4.2.2. Thực hiện thử nghiệm cơ bản.....	25
1.4.3. Kết thúc kiểm toán.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM	31
2.1. Đặc điểm hoạt động và tổ chức quản lý của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.....	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	31
2.1.1.1. Thông tin chung.....	31
2.1.1.2. Kết quả kinh doanh của Công ty.....	31
2.1.1.3. Quá trình hình thành và phát triển	33
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty	33
2.1.2.1. Chức năng	33
2.1.2.2. Nhiệm vụ.....	34
2.1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty.....	34
2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động của Công ty	34
2.1.3.2. Vốn điều lệ của công ty	36
2.1.4. Đặc điểm tổ chức của Công ty.....	36
2.1.5. Giới thiệu về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.....	37
2.2. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.....	40
2.2.1. Giai đoạn 1: Đánh giá và chấp nhận khách hàng.....	41

2.2.2. Giai đoạn 2: Tiền kế hoạch.....	43
2.2.3. Giai đoạn 3: Lập kế hoạch kiểm toán	47
2.2.3.1. Tài liệu yêu cầu khách hàng chuẩn bị.....	47
2.2.3.2. Xác định mức trọng yếu	48
2.2.3.3. Trao đổi với khách hàng về kế hoạch kiểm toán.....	50
2.2.4. Giai đoạn 4: Thực hiện kiểm toán.....	52
2.4.2.1. Thử nghiệm kiểm soát	52
2.4.2.2. Thực hiện các thủ tục cơ bản	52
2.2.5. Giai đoạn 5: Kết thúc kiểm toán.....	60
2.3. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.....	63
2.3.1. Ưu điểm.....	63
2.3.2. Nhược điểm.....	65
3.1. Quan điểm hoàn thiện của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.....	67
3.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam	68
3.3. Kiến nghị đến cơ quan Nhà nước (Bộ Tài chính, Hiệp hội nghề nghiệp...)	70
3.3.1. Kiến nghị đến với Bộ Tài chính.....	70
3.3.2. Kiến nghị đến Hiệp hội nghề nghiệp.....	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
2	BCĐSPS	Bảng cân đối số phát sinh
3	BĐSDT	Bảng động sản đầu tư
4	BCKT	Báo cáo kiểm toán
5	BCTC	Báo cáo tài chính
6	BGĐ	Ban Giám đốc
7	BTC	Bộ Tài chính
8	CSDL	Cơ sở dữ liệu
9	DN	Doanh nghiệp
10	GLV	Giấy làm việc
11	HĐQT	Hội đồng quản trị
12	IFRS (International Financial Reporting Standards)	Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế
13	KSNB	Kiểm soát nội bộ
14	KTV	Kiểm toán viên
15	MTV	Một thành viên
16	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
17	TXN	Thư xác nhận

DANH MỤC CÁC BẢNG SỬ DỤNG

Tên bảng biểu	Trang
Bảng 1.1. Mục tiêu kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng	6
Bảng 1.2. Bảng câu hỏi về hệ thống KSNB đối với nợ phải thu khách hàng	20
Bảng 1.3. Thử nghiệm cơ bản đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng.	25
Bảng 2.1. Bảng Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam	32
Bảng 2.2. Các giai đoạn thực hiện kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam	38
Bảng 2.3. Bảng tổng hợp GLV của khoản mục nợ phải thu khách hàng của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam	41
Bảng 2.4. Tỷ lệ tính mức trọng yếu tổng thể của AFA	50
Bảng 2.5. Tỷ lệ chọn mẫu theo phương pháp Scoping	59
Bảng 3.1. Bảng minh họa GLV <To Do List> được đề xuất	70

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Tên Sơ đồ	Trang
Sơ đồ 1.1. Quy trình kế toán khoản mục nợ phải thu khách hàng	4
Sơ đồ 1.2. Chu trình bán hàng trong đơn vị	13
Sơ đồ 1.3. Chu trình kiểm toán theo VACPA	17
Sơ đồ 1.4: Các bước chính trong quy trình chấp nhận/duy trì khách	18
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam	36
Sơ đồ 2.2. Quy trình thực hiện kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam	37

DANH MỤC LƯU ĐỒ

Tên lưu đồ	Trang
Lưu đồ 1.1. Lưu đồ chu trình bán hàng – thu tiền	8

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế ngày càng phát triển như hiện nay, các thông tin tài chính của doanh nghiệp ngày càng được nhiều đối tượng quan tâm, khai thác để sử dụng cho các quyết định kinh tế. Một yêu cầu được đặt ra là các thông tin này phải đảm bảo sự khách quan, trung thực và đáng tin cậy. Đáp ứng yêu cầu đó, hoạt động kiểm toán độc lập ra đời, phát triển không ngừng và trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế. Bằng việc kiểm tra, xác nhận tính đúng đắn, trung thực và hợp lý của các số liệu, tài liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan và trên cơ sở kết quả kiểm toán, kiểm toán viên độc lập đưa ra những kết luận về việc tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Kiểm toán báo cáo tài chính là một bộ phận của hoạt động kiểm toán độc lập. Trong kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán viên thực hiện các cuộc kiểm tra, các thủ tục kiểm toán để đưa ra ý kiến kiểm toán về sự trình bày trung thực và hợp lý thông tin trên báo cáo tài chính của một đơn vị. Trong số các khoản mục, nợ phải thu khách hàng là một trong những khoản mục có ảnh hưởng quan trọng đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Nợ phải thu khách hàng là một loại tài sản khá nhạy cảm với những gian lận phổ biến như bị chiếm dụng hoặc biến thủ tài sản, phát sinh tương đối lớn. Hoạt động của doanh nghiệp xấu hay tốt sẽ thể hiện một phần qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản mục này liên quan mật thiết đến chỉ tiêu doanh thu, phản ánh hiệu quả hoạt động cũng như tình hình tài chính của doanh nghiệp. Các kiểm toán viên thường rất thận trọng khi kiểm toán khoản mục này với mục tiêu cung cấp cho người sử dụng báo cáo tài chính một cái nhìn chính xác đối với tình hình kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp.

Hiểu được tầm quan trọng của khoản mục này trong kiểm toán báo cáo tài chính, em quyết định chọn đề tài ***“Hoàn thiện Quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam”*** làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm toán nợ phải thu khách hàng.
- Tìm hiểu thực trạng kiểm toán nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

- Nhận xét và đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Quy trình kiểm toán nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Không gian: Nghiên cứu tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

+ Dữ liệu thu thập: Số liệu năm 2019 - 2020.

+ Thời gian thực hiện: Từ ngày đến ngày 19/04/2021 đến 13/6/2021.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tham khảo: Tham khảo sách giáo khoa, tạp chí, các văn bản và tài liệu liên quan đến Công ty và quy trình kiểm toán tại Công ty.

- Phương pháp quan sát: Trực tiếp tham gia kiểm toán khách hàng.

- Phương pháp phỏng vấn: Thông qua các câu hỏi phỏng vấn khách hàng.

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Thu thập số liệu trong quá trình kiểm toán tại công ty.

- Phương pháp thống kê, so sánh đối chiếu: So sánh hồ sơ Kiểm toán qua các năm.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận thì Khóa luận gồm các chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý thuyết về quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng.

Chương 2: Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

1.1. Khái quát chung về khoản mục nợ phải thu khách hàng

1.1.1. Khái niệm nợ phải thu khách hàng

Theo Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/2014/TT - BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014: “Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT và các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác”.

Theo Bộ môn kiểm toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh: Trên bảng cân đối kế toán, Nợ phải thu khách hàng trình bày tại phần A “Tài sản ngắn hạn”, gồm khoản mục “Phải thu khách hàng” (mã số 131) ghi theo số phải thu và khoản mục “Dự phòng phải thu khó đòi” (mã số 137) được ghi theo số âm. Do đó, hiệu số giữa Phải thu khách hàng và Dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ phản ánh số nợ phải thu thuần, tức giá trị thuần có thể thực hiện được. Riêng khoản Phải thu dài hạn của khách hàng được trình bày trong phần B “Tài sản dài hạn” (mã số 211).

1.1.2. Đặc điểm của khoản mục nợ phải thu khách hàng

Nợ phải thu được xem là tài sản của DN bị chiếm dụng, mang tính chất trao đổi thương mại thường phát sinh từ giao dịch mua và bán các sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính và cung cấp các dịch vụ khác,...

Điều kiện để ghi nhận nợ phải thu: Thông thường nợ phải thu được ghi tăng giá trị nếu thoả mãn điều kiện ghi nhận doanh thu; còn trường hợp nợ phải thu ghi giảm giá trị khi khách hàng thanh toán các khoản nợ. Ngoài ra, nợ phải thu còn bị tác động bởi các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại.

Đánh giá khoản mục nợ phải thu: Nợ phải thu phải được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được cho nên cuối kì phải ước tính phần nợ phải thu có khả năng không thu hồi được để tiến hành lập dự phòng. Mặc dù vậy, do nhà quản lý là người quyết định việc lập Dự phòng nên quyết định này có thể dẫn đến sai sót và khó kiểm tra được.

Khoản mục nợ phải thu trên BCTC, đây là khoản mục rất trọng yếu vì liên quan trực tiếp đến các giao dịch chủ yếu của DN. Khoản mục nợ phải thu thường có giá trị lớn vì hiện nay đa phần các công ty từ nhỏ đến lớn đều thực hiện chính sách bán chịu để kéo dài thời hạn thanh toán.

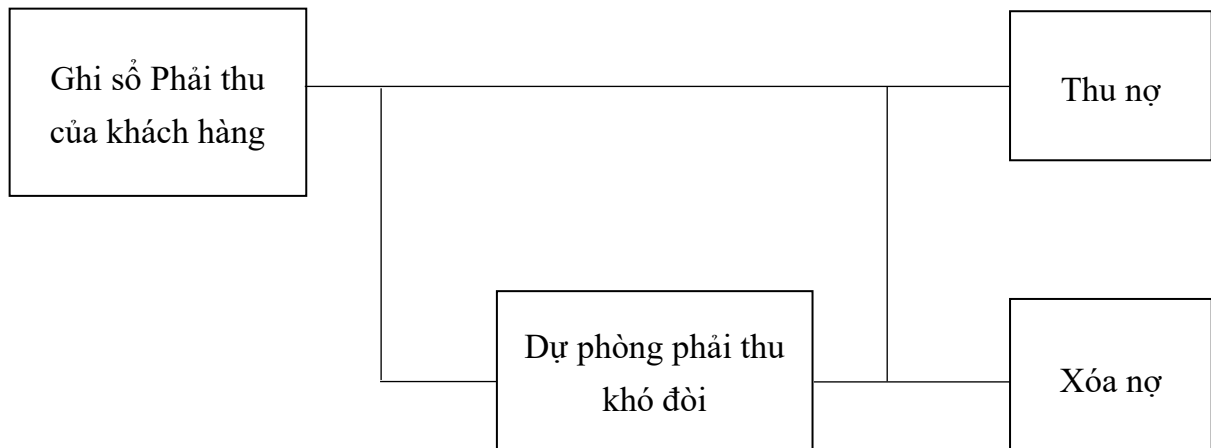
Khoản mục nợ phải thu khách hàng là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn và phát sinh lớn trong tổng tài sản và chứa đựng nhiều rủi ro nhất. Đây là khoản mục khá nhạy cảm vì nó liên quan mật thiết tới doanh thu mà doanh thu luôn được coi là khoản mục có khả năng bị sai sót nhiều nhất trên BCTC. Bản chất nợ phải thu khách hàng cũng là loại tài sản nhạy cảm với những gian lận phổ biến và thường gặp như “bị chiếm dụng gói đầu”.

1.1.3. Vai trò của khoản mục nợ phải thu khách hàng

Nợ phải thu khách hàng xuất hiện khi đơn vị bán chịu hàng hóa hoặc dịch vụ cho khách hàng, đây được xem là hình thức cấp tín dụng của đơn vị. Chính sách tín dụng là công cụ giúp cho đơn vị đạt được mục tiêu về doanh số và làm cho khách hàng mua sản phẩm của mình thường xuyên hơn.

Mặt khác, nới lỏng chính sách tín dụng sẽ làm cho đơn vị giảm được lượng hàng tồn kho, đồng thời giảm các chi phí liên quan đến hàng tồn kho. Ngoài ra cấp tín dụng còn giúp cho khách hàng gắn bó với đơn vị hơn, duy trì được mối quan hệ thường xuyên với khách hàng truyền thống và tìm kiếm thêm những khách hàng mới.

1.1.4. Quy trình kế toán khoản mục nợ phải thu khách hàng



Sơ đồ 1.1. Quy trình kế toán khoản mục nợ phải thu khách hàng

(Nguồn: Kiểm toán BCTC 1, Khoa Kinh tế & Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn, 2020 và tổng hợp của tác giả)

Quy trình kế toán nợ phải thu khách hàng:

Trong phương thức bán hàng trả chậm, khi giao hàng đơn vị yêu cầu khách hàng ký xác nhận lên giấy nợ. Sau đó kế toán công nợ ghi nhận khoản phải thu khách hàng

vào sổ chi tiết TK 131 và kế toán bán hàng cũng ghi nhận vào sổ nhật ký bán hàng.

Kế toán công nợ (hoặc bộ phận bán hàng) tiến hành theo dõi, đôn đốc khách hàng trả nợ. Định kỳ, kế toán công nợ lập biên bản đối chiếu công nợ gửi cho khách hàng.

Theo Thông tư 48/2019 của BTC, khi khoản nợ phải thu khách hàng vượt quá 6 tháng, kế toán công nợ hoặc bộ phận phụ trách phải tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Khi kế toán ngân hàng hoặc thủ quỹ nhận được giấy báo có của ngân hàng (hoặc tiền mặt) về việc khách hàng thanh toán số nợ hoặc một phần số nợ, kế toán công nợ ghi nhận số tiền tương ứng vào sổ chi tiết TK 131. Khi khách hàng thanh toán đầy đủ số nợ, kế toán công nợ tiến hành đóng sổ chi tiết TK 131 của khách hàng.

Nếu kế toán công nợ hoặc bộ phận phụ trách nhận định khách hàng không còn khả năng thanh toán nợ, kế toán công nợ tiến hành xóa nợ cho khách hàng, đồng thời đóng sổ chi tiết TK 131 của khách hàng.

1.2. Cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng

1.2.1. Cơ sở dẫn liệu

- Tính hiện hữu: Nợ phải thu khách hàng thể hiện trên BCTC là có thật.
- Tính đầy đủ: Tất cả các khoản nợ phải thu khách hàng đã được ghi chép đầy đủ.
- Quyền và nghĩa vụ: Tất cả các khoản nợ phải thu khách hàng thể hiện trên BCTC là thuộc quyền sở hữu của đơn vị.
- Đánh giá và phân bổ: Các khoản nợ phải thu khách hàng thể hiện trên BCTC đã được đánh giá, ghi nhận phù hợp với những chuẩn mực, quy định và chế độ kế toán hiện hành.
- Chính xác: Các khoản nợ phải thu khách hàng thể hiện trên BCTC được ghi nhận chính xác số tiền, đối tượng nợ,...
- Trình bày và thuyết minh: Các khoản nợ phải thu khách hàng được phân loại phù hợp trên Bảng cân đối kế toán và Thuyết minh BCTC.

1.2.2. Mục tiêu kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng

Theo VSA 200, mục tiêu của việc thực hiện kiểm toán BCTC là giúp cho KTV đưa ra ý kiến xác nhận rằng BCTC có được lập một cách phù hợp theo khuôn khổ lập và trình bày BCTC trên khía cạnh trọng yếu hay không? Mục tiêu của kiểm toán BCTC còn giúp cho đơn vị được kiểm toán thấy được rõ sự tồn tại và sai sót từ bên ngoài và bên trong DN để khắc phục nhằm nâng cao chất lượng thông tin tài chính của đơn vị.

Đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng, ta cần đạt được các mục tiêu sau đây:

Bảng 1.1. Mục tiêu kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng

Mục tiêu	Diễn giải
Hiện hữu và quyền	Nợ phải thu KH thể hiện trên BCTC là có thật và thuộc quyền sở hữu của DN. Nợ phải thu KH là loại tài sản vô hình, các thủ tục chứng minh sự hiện hữu cũng đồng thời chứng minh quyền sở hữu
Đầy đủ	Các khoản nợ phải thu khách hàng phải được ghi chép đầy đủ
Chính xác	Sổ chi tiết của tài khoản khớp với số dư trên sổ cái và được ghi nhận đúng theo từng khách hàng
Đánh giá và phân bổ	Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi hợp lý về mặt tính toán, dữ liệu.
Trình bày và thuyết minh	Phải được trình bày đúng đắn và công bố đầy đủ về những vấn đề trọng yếu có liên quan như cầm cố, thế chấp,...

(Nguồn: Kiểm toán BCTC 1, Khoa Kinh tế & Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn, 2020)

1.3. Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng

1.3.1. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng

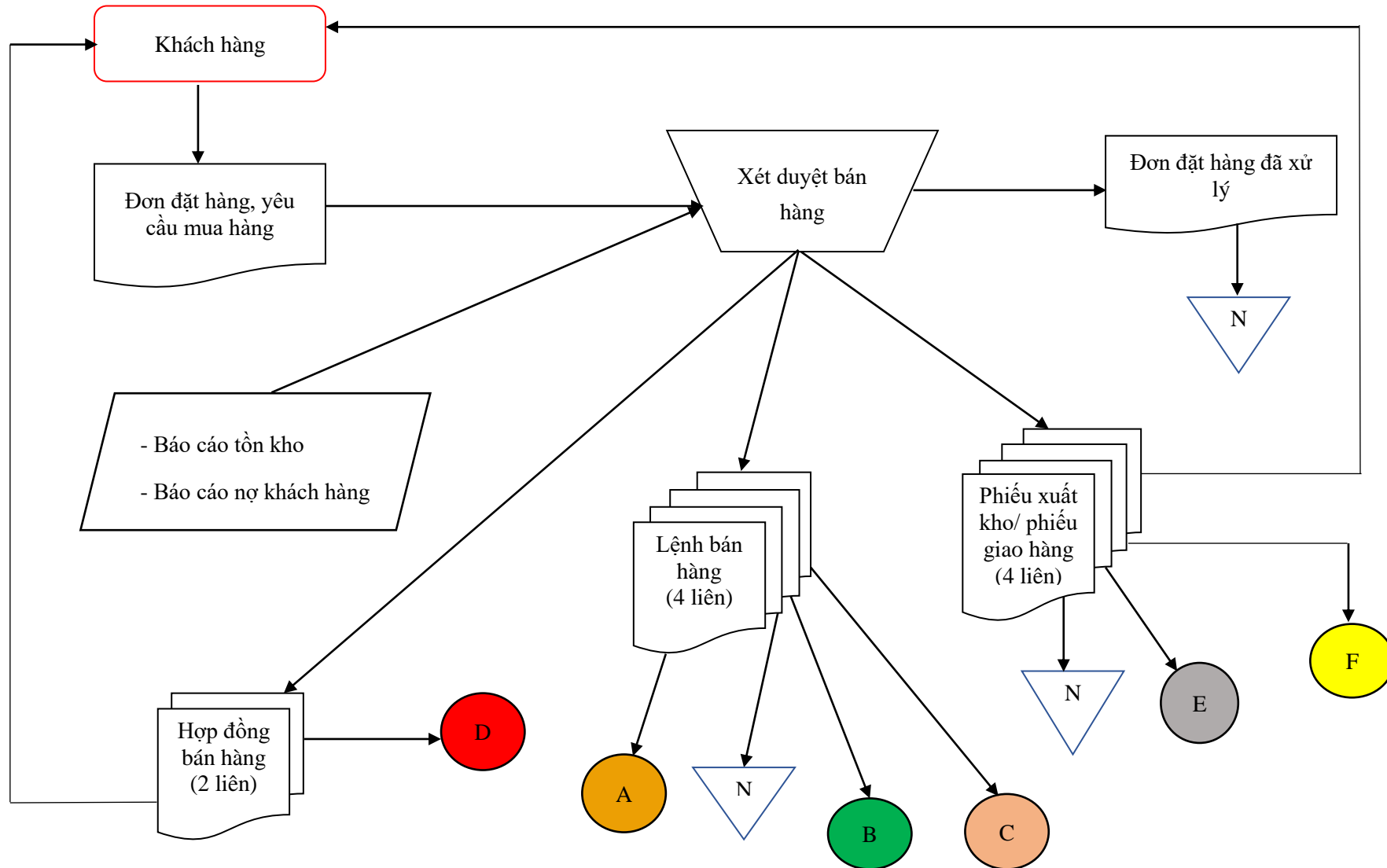
Nợ phải thu khách hàng có mối liên hệ chặt chẽ với chu trình bán hàng trong đơn vị. Nếu hệ thống kiểm soát nội bộ với chu trình bán hàng không hiệu quả thì rủi ro và sai sót phát sinh với nợ phải thu khách hàng là điều tất yếu. Do vậy, KTV muốn tìm hiểu và đánh giá rủi ro kiểm soát đối với nợ phải thu thì phải tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đối với toàn bộ chu trình bán hàng.

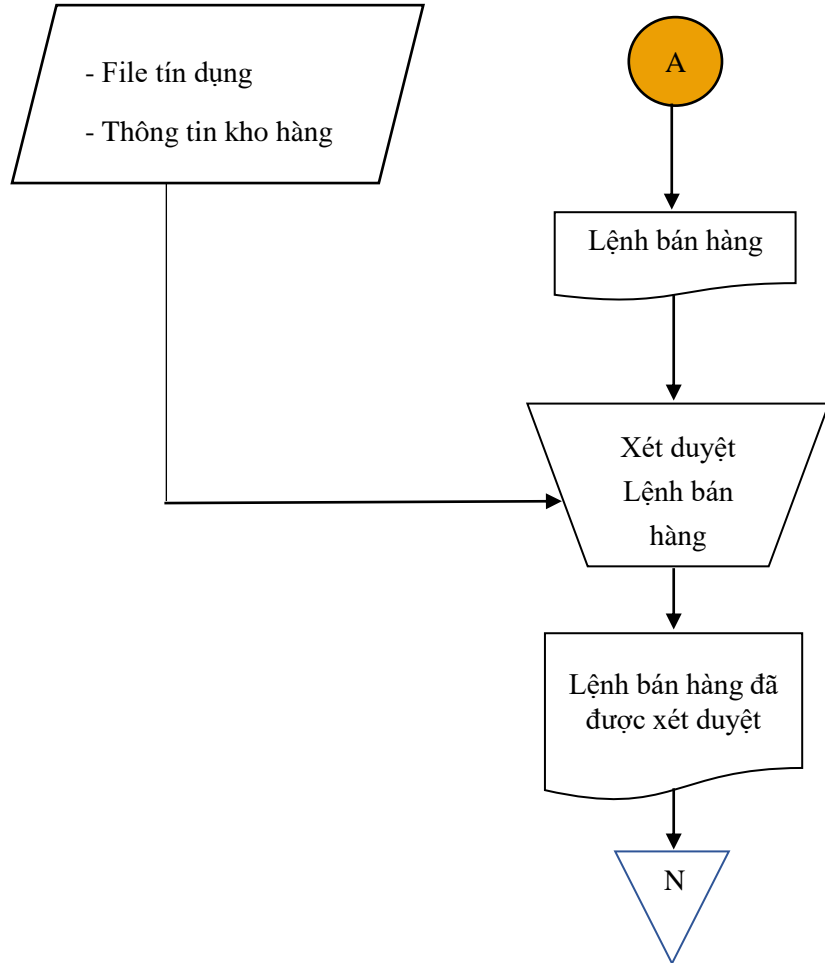
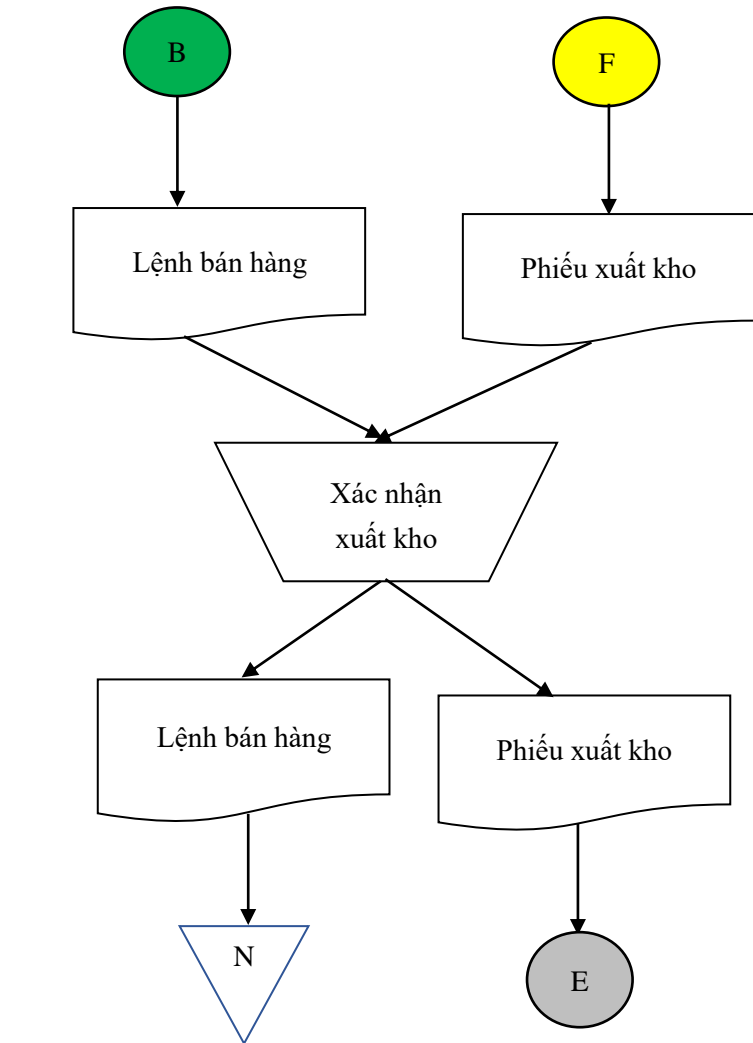
Các mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng trong thực tế phát sinh trong chu trình bán hàng thường bao gồm việc tách biệt các chức năng, phân

công phân nhiệm, xét duyệt các nghiệp vụ bán hàng, soát xét chứng từ,... tách biệt các chức năng nhằm giảm thiểu những sai phạm có thể xảy ra khi một cá nhân được phép thực hiện nhiều phần hành. Chẳng hạn phân chia trách nhiệm giữa các chức năng xét duyệt bán chịu – lập Hóa đơn – gửi hàng, ghi chép doanh thu – theo dõi chi tiết nợ phải thu khách hàng – xóa sổ nợ phải thu khó đòi. Phân nhiệm cho những cá nhân hay bộ phận khác nhau phụ trách. Mức độ phân chia trách nhiệm càng cao thì các sai phạm càng dễ bị phát hiện nhờ sự kiểm tra lẫn nhau giữa những phần hành hay việc đối chiếu tài liệu giữa các bộ phận với nhau.

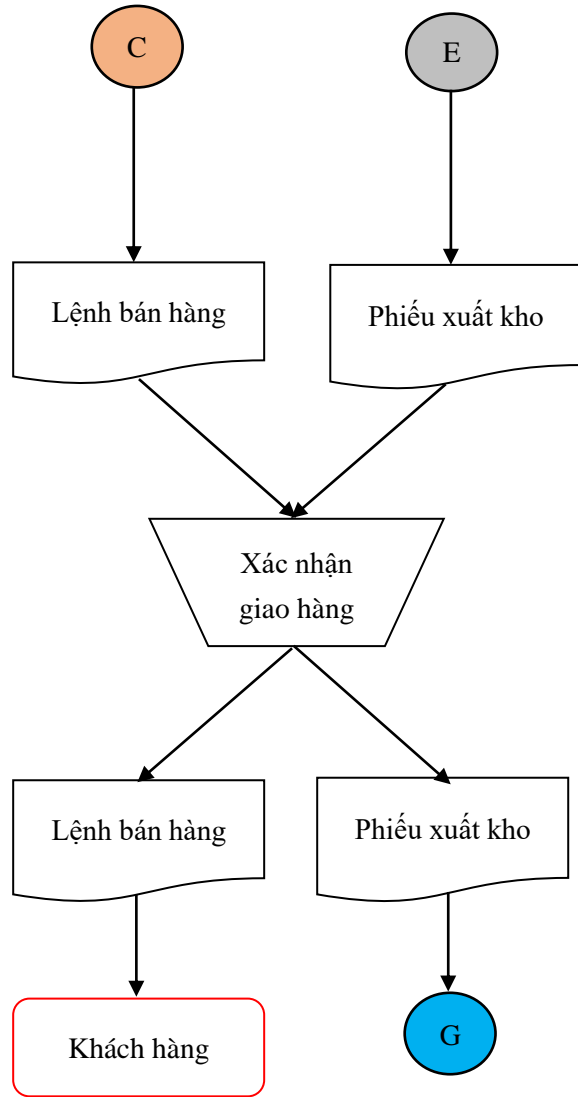
1.3.2. Các thủ tục kiểm soát đối với nợ phải thu khách hàng

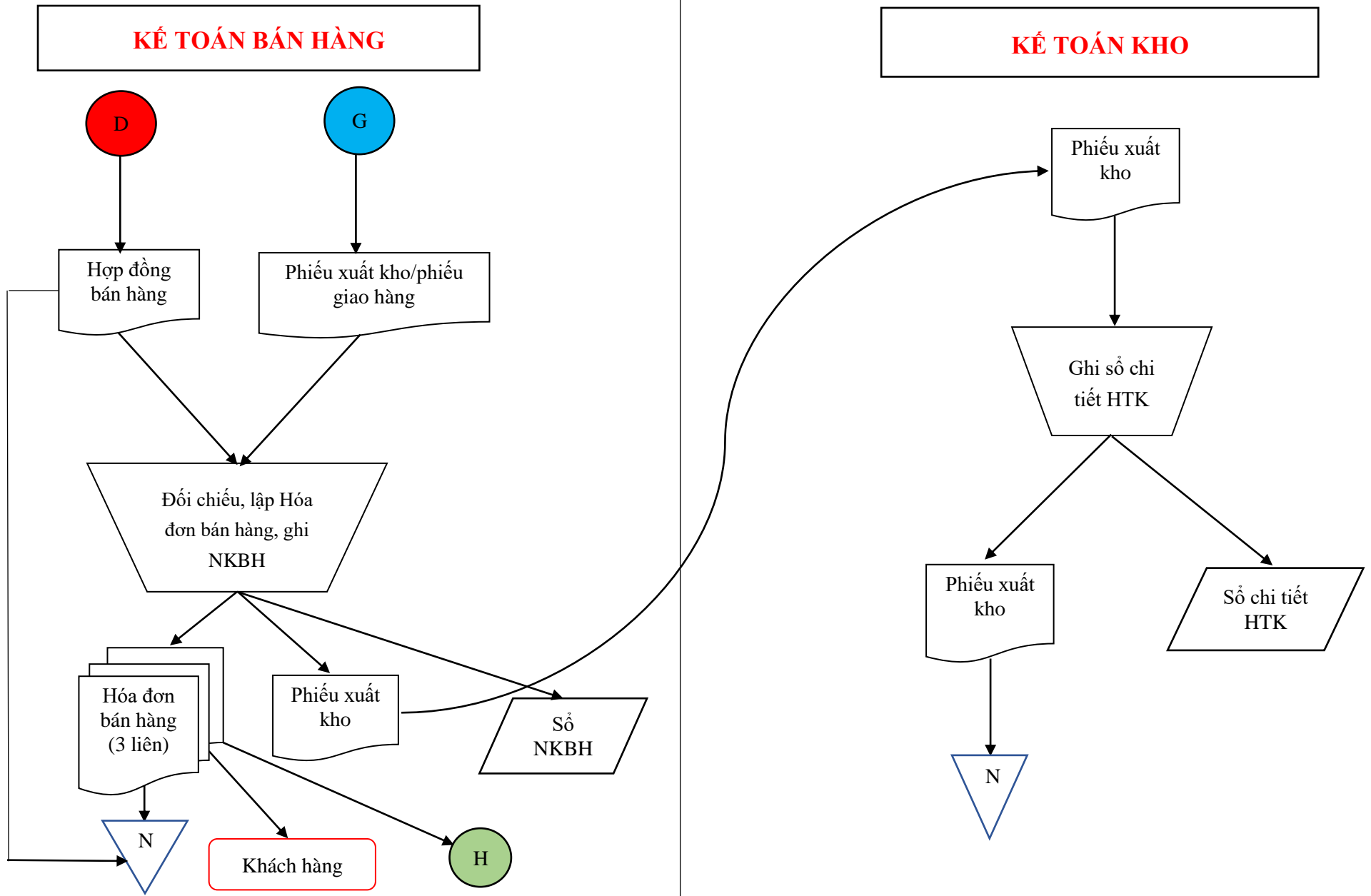
Tùy theo quy mô và đặc điểm của từng đơn vị mà cách thức tổ chức cụ thể về KSNB trong chu trình bán hàng có thể rất khác nhau. Để có thể nghiên cứu đầy đủ về các thủ tục kiểm soát trong chu trình này, phần dưới đây sẽ trình bày cách thức tổ chức chu trình bán hàng tại đơn vị có quy mô lớn và chủ yếu thực hiện bán chịu thông qua lưu đồ chu trình bán hàng – thu tiền sau:

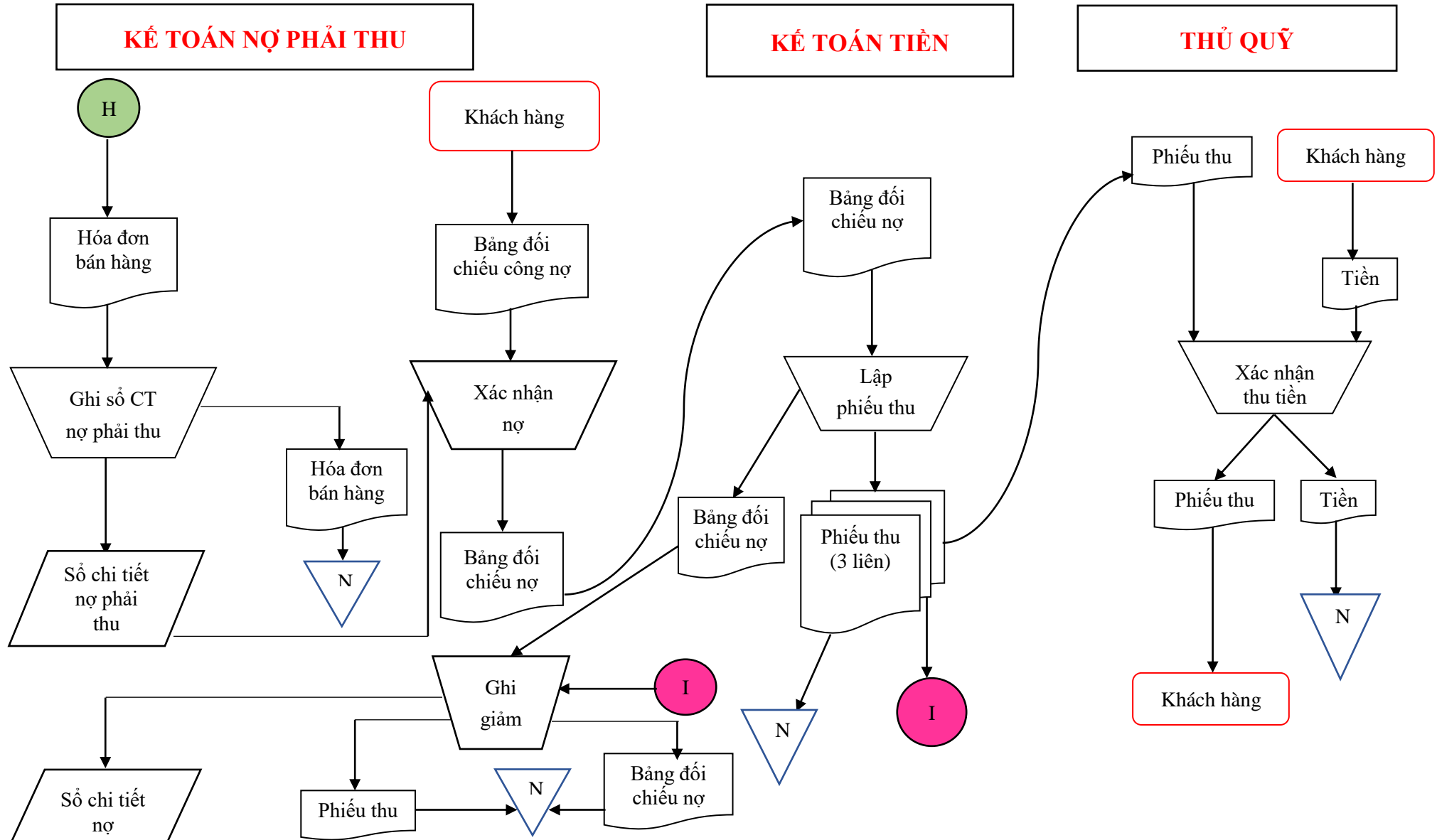
BỘ PHẬN BÁN HÀNG

BỘ PHẬN XÉT DUYỆT BÁN CHỊU**BỘ PHẬN KHO HÀNG**

BỘ PHẬN GIAO HÀNG



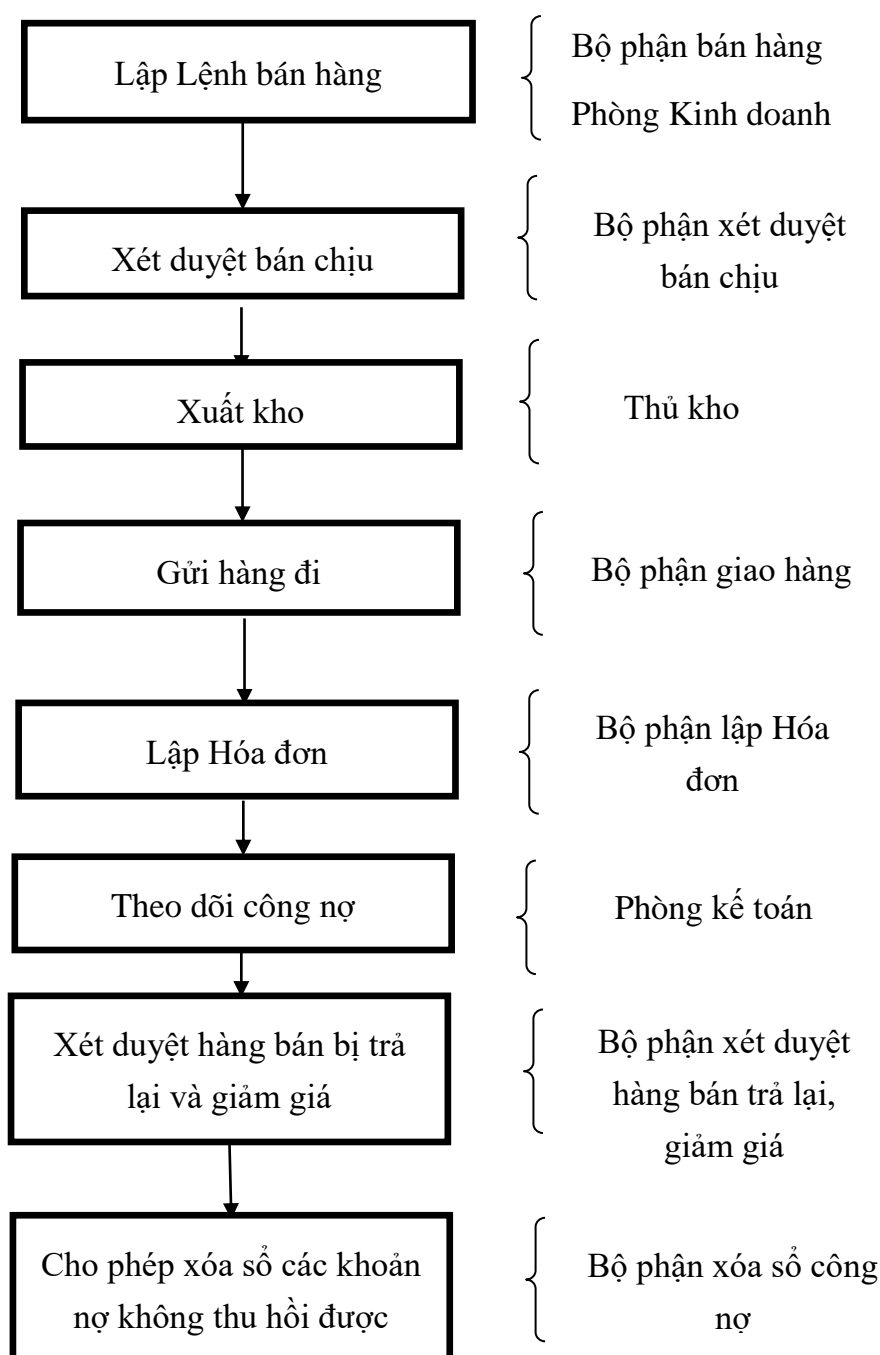




Lưu đồ 1.1. Lưu đồ chu trình bán hàng - thu tiền

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

Chu trình bán hàng được phân chia thành tám chức năng như sau:



Sơ đồ 1.2. Chu trình bán hàng trong đơn vị

(Nguồn: Kiểm toán BCTC 1, Khoa Kinh tế & Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn, 2020)

1.3.2.1. Lập Lệnh bán hàng

Khách hàng có thể đặt hàng qua Đơn đặt hàng, Phiếu yêu cầu mua hàng, Yêu cầu mua hàng qua email, fax, thư từ. Đơn đặt hàng, Phiếu yêu cầu mua hàng, Yêu cầu mua hàng hợp lệ phải có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của khách hàng. Nếu Đơn đặt hàng, Phiếu yêu cầu mua hàng, Yêu cầu mua hàng được gửi qua email, điện thoại hay fax thì đơn vị cần có những thủ tục kiểm soát việc đặt hàng của khách hàng.

Dựa vào Đơn đặt hàng, Phiếu yêu cầu mua hàng, Yêu cầu mua hàng hai bên thực hiện ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ nhằm quy định rõ trách nhiệm pháp lý theo những điều kiện thỏa thuận (số lượng, chủng loại, đơn giá, thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán,...). Về mặt pháp lý, Đơn đặt hàng là việc bày tỏ sự sẵn sàng mua hàng hóa, dịch vụ theo những điều kiện xác định. Do đó, có thể xem Đơn đặt hàng là điểm bắt đầu của toàn bộ chu kỳ bán hàng. Trên cơ sở pháp lý này, Bộ phận xét duyệt bán chịu có thể xem xét để đưa ra quyết định bán (thông qua Lệnh bán hàng) và lập Hoá đơn bán hàng.

Các giấy tờ đặt hàng bán thường bao gồm những nội dung cung cấp cơ sở cho việc xác định tất cả các nghiệp vụ bán hàng đều được phê chuẩn và ghi chép đầy đủ. Các thủ tục kiểm soát bao gồm: Yêu cầu sử dụng thủ tục phải đánh số thứ tự trước khi sử dụng đối với các Đơn đặt hàng; Chữ ký hợp pháp của đơn vị và khách hàng; Sự phê chuẩn liên quan tới chế độ bán hàng; Mô tả một phần nghiệp vụ bán, giá bán, các điều khoản chuyển giao hàng và địa điểm lập Hoá đơn hợp pháp trước khi chuyển hàng.

Khi xét duyệt Đơn đặt hàng, Phiếu yêu cầu mua hàng, Yêu cầu mua hàng cần chú ý về số lượng, chủng loại, thời gian,... để xác định khả năng cung ứng của đơn vị. Sau khi chấp thuận Đơn đặt hàng cần thông báo cho khách hàng để xác nhận lại, tránh xảy ra tranh chấp trong tương lai.

1.3.2.2. Xét duyệt bán chịu

Xét duyệt bán chịu là thủ tục kiểm soát rất quan trọng để đảm bảo khả năng thu hồi nợ phải thu. Mỗi đơn vị cần phải thiết lập chính sách bán chịu rõ ràng đối với từng khách hàng, đồng thời thực hiện đánh giá và điều chỉnh hạn mức bán chịu thường xuyên để hạn chế các khoản nợ phải thu khó đòi phát sinh trong tương lai. Đây chính là cơ sở pháp lý cũng như điều kiện thỏa ước xác định quyền lợi và trách nhiệm giữa các bên.

Công việc phê duyệt thường do một người am hiểu về tài chính và về khách hàng xét duyệt. Việc xét duyệt có thể được tính toán cụ thể trên lợi ích của cả hai bên theo hướng khuyến khích người mua trả tiền nhanh qua tỷ lệ chiết khấu khác nhau theo thời hạn thanh toán. Trên thực tế, một số đơn vị bỏ qua chức năng này trong khi thực hiện bán hàng sẽ có thể phải đối mặt với khả năng tăng nợ khó đòi và thất thu do khách hàng mất khả năng thanh toán hoặc cố tình không thanh toán do sơ hở trong thỏa thuận ban đầu.

Dựa vào Đơn đặt hàng, Phiếu yêu cầu mua hàng, Yêu cầu mua hàng từ khách hàng, Bộ phận xét duyệt bán chịu xem xét hạn mức bán chịu, đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng, tìm hiểu tình hình hoạt động của khách hàng (đặc biệt đối với khách hàng mới, Đơn đặt hàng có giá trị lớn,...). Từ đó, Bộ phận xét duyệt bán chịu có thể yêu cầu khách hàng đặt cọc, thế chấp tài sản, ký quỹ,...

Các thủ tục kiểm soát cần được tiến hành là ban hành chính sách bán chịu rõ ràng, lập danh sách và luôn cập nhật thông tin về tình hình tài chính của khách hàng, thường xuyên trao đổi với kế toán và bộ phận kinh doanh về tình hình trả nợ của khách hàng để kịp thời điều chỉnh hạn mức bán chịu, tách biệt chức năng xét duyệt bán chịu với Bộ phận bán hàng, Bộ phận kế toán; Thực hiện kiểm tra chéo giữa các bộ phận thường xuyên,...

1.3.2.3. Xuất kho hàng hóa

Thủ kho dựa vào Lệnh bán hàng đã được phê duyệt từ Bộ phận xét duyệt bán chịu để xuất hàng cho Bộ phận gửi hàng. Phiếu xuất kho phải có đầy đủ chữ ký và thường được lập thành 3 liên: 1 liên tại Bộ phận bán hàng, 1 liên tại Thủ kho để ghi Thẻ kho và 1 liên gửi cho Bộ phận kế toán để ghi sổ và theo dõi hàng tồn kho.

Kế toán thường xuyên tiến hành đối chiếu hàng xuất cho khách hàng với số liệu của Thủ kho.

1.3.2.4. Gửi hàng

Bộ phận gửi hàng lập Chứng từ gửi hàng và giao hàng cho khách hàng. Chứng từ gửi hàng có các thông tin về quy cách chủng loại hàng hóa, số lượng và dữ liệu liên quan làm cơ sở lập Hóa đơn bán hàng.

Đơn vị nên thành lập Bộ phận gửi hàng độc lập để hạn chế sai sót và gian lận giữa Thủ kho với người nhận hàng.

Nhiều đơn vị đã ứng dụng máy tính vào quá trình phân phối, đặc biệt là giai đoạn chuyển giao hàng từ Bộ phận lưu kho. Trong những trường hợp như vậy, đơn vị thường phát hành Thẻ lấy hàng cùng với Đơn đặt hàng. Một số đơn vị khác cũng “tự động hoá” quá trình lập Thẻ lấy hàng để chuyển giao cho khách hàng. Khi chuẩn bị hàng giao cho khách, những miếng giấy nhỏ được chuẩn bị để đưa cho Bộ phận chuyển giao và để kiểm tra tất cả những Đơn đặt hàng được chuyển giao. Cũng có một số đơn vị khác xây dựng các bảng mã vạch để khách hàng có thể kiểm tra việc nhận hàng một cách dễ dàng.

1.3.2.5. Lập và kiểm tra Hóa đơn bán hàng

Hóa đơn bán hàng nên được lập bởi bộ phận độc lập với Phòng kế toán và Bộ phận bán hàng. Hóa đơn bán hàng được lập trên cơ sở so sánh Lệnh bán hàng đã được duyệt với Chứng từ gửi hàng, Đơn đặt hàng. Hóa đơn bán hàng có đủ chữ ký của người lập, người đại diện theo pháp luật của đơn vị và khách hàng. Hóa đơn bán hàng phải được kiểm tra kỹ (thông tin khách hàng, chủng loại, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế suất, hình thức thanh toán, ...) trước khi gửi cho khách hàng.

Bộ phận lập Hóa đơn thường xuyên kiểm tra giá bán hàng hóa đồng thời có các quy định chặt chẽ và rõ ràng chính sách chiết khấu. Bộ phận lập Hóa đơn và Bộ phận bán hàng phải liên hệ chặt chẽ với nhau để nắm bắt thông tin khách hàng, giá bán hàng hóa, chính sách khuyến mãi, chiết khấu, giảm giá,... Các Hóa đơn bán hàng có giá trị lớn cần được một người độc lập kiểm tra.

Định kỳ, Bộ phận lập Hóa đơn lập Bảng tổng hợp Hóa đơn bán hàng xuất để đối chiếu với Chứng từ gửi hàng của Bộ phận giao hàng, Phiếu xuất kho,... nhằm phát hiện kịp thời các sai sót.

1.3.2.6. Theo dõi thanh toán và thu tiền

Kế toán công nợ hay Bộ phận xét duyệt bán chịu tiến hành liệt kê các khoản nợ theo từng nhóm tuổi để theo dõi và phân công đòi nợ.

Thủ tục gửi Thư thông báo nợ cho khách hàng nên được thường xuyên thực hiện để đối chiếu, đôn đốc khách hàng trả nợ và điều chỉnh khi có khác biệt. Thủ tục này có thể thực hiện hàng tháng, hàng quý hay cuối năm thông qua gửi thư bưu điện, email hay fax. Sau khi gửi Thư thông báo nợ, khách hàng thanh toán nợ qua ngân hàng hoặc tiền mặt.

1.3.2.7. Xét duyệt hàng bán bị trả lại và giảm giá

Đơn vị cần có bộ phận độc lập chịu trách nhiệm tiếp nhận xét duyệt và khấu trừ các khoản có liên quan đến hàng trả lại hay giảm giá cho khách hàng. Đơn vị cần quy định chính sách xét duyệt hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán rõ ràng. Bộ phận xét duyệt cần độc lập và thiết kế chứng từ riêng liên quan đến hàng trả lại hay giảm giá để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Đối với hàng bán bị trả lại, khi xuất trả hàng cần ghi rõ nội dung trả hàng (do hàng không đúng chất lượng, quy cách, mẫu mã,...), số lượng trả hàng, số tiền,... Đối với hàng bán giảm giá hay chiết khấu thương mại nếu lập Hóa đơn điều chỉnh thì ghi rõ điều chỉnh Hóa đơn bán hàng nào, số tiền điều chỉnh,...

1.4.1. Chuẩn bị kiểm toán

a. Xem xét và chấp nhận khách hàng.



Sơ đồ 1.4: Các bước chính trong quy trình chấp nhận/duy trì khách hàng

(Nguồn: VACPA, Chương trình kiểm toán mẫu, ban hành theo Quyết định số 469/2019/QĐ – VACPA.)

Thu thập thông tin khách hàng: Mục đích hiểu biết về đơn vị và môi trường kinh doanh: Để đánh giá rủi ro về nợ phải thu khách hàng thì trước tiên KTV cần có sự hiểu biết về đơn vị và môi trường kinh doanh của đơn vị chưa được kiểm toán. Thông qua phỏng vấn, quan sát, điều tra, KTV sẽ thu thập các dữ liệu, thông tin về:

- Hoạt động kinh doanh chính.
- Các chính sách bán hàng.
- Đặc điểm của từng nhóm khách hàng hay khách hàng nói chung.
- Đối thủ cạnh tranh.
- Tìm hiểu tình hình bán hàng của đơn vị.
- Sản phẩm có khả năng cạnh tranh.

b. Tìm hiểu đánh giá hệ thống KSNB

Sau khi tìm hiểu về đơn vị, KTV cần phải có sự hiểu biết sâu rộng về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB của đối tác. KTV xem xét hệ thống KSNB có được thiết kế phù hợp và có được đơn vị thực hiện vào thực tiễn hay không; từ đó, lập được kế hoạch kiểm toán phù hợp.

Trong khoản mục nợ phải thu, KTV cần tìm hiểu KSNB về quy trình bán hàng - thu tiền bắt đầu từ lúc nhận đơn đặt hàng, đến xem xét phương thức thanh toán, vận chuyển, tiếp đến việc lập hoá đơn đầy đủ, chính xác, ghi chép vào sổ theo dõi doanh thu, nợ phải thu khách hàng, cho đến khi được khách hàng trả tiền và ghi tăng quỹ hoặc ghi tăng tài khoản ngân hàng.

Tìm hiểu kỹ hơn và sâu rộng hơn HTKSNB, KTV thường áp dụng các phương pháp: Dựa vào kinh nghiệm kiểm toán trước đây tại đơn vị (đối với khách hàng cũ), phỏng vấn nhà quản lý, quan sát các hoạt động kiểm soát và kiểm tra sơ bộ sổ sách và tài liệu. Thông qua công cụ bảng câu hỏi đã vạch ra trước để có cái nhìn toàn diện hơn về HTKSNB. Sau đó tiến hành thực hiện kỹ thuật kiểm tra từng bước walk-through), để đảm bảo rằng việc mô tả HTKSNB đúng với tình trạng thực tại của hệ thống.

Bảng câu hỏi về HTKSNB của DN: dưới đây là một loạt câu hỏi về cơ cấu KSNB. Liệt kê những câu hỏi với câu trả lời “Có” hoặc là “Không”.

c. Thủ tục đánh giá rủi ro

Trên cơ sở hiểu biết về đơn vị, môi trường kinh doanh của đơn vị và HTKSNB, KTV có thể đánh giá sự hữu hiệu của HTKSNB trong việc ngăn chặn và phát hiện sai sót trọng yếu. Căn cứ mức độ hữu hiệu của HTKSNB, KTV sẽ đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát theo từng CSDL bằng tỷ lệ % hay là theo mức độ: Cao, trung bình và thấp. Thông thường khi đánh giá rủi ro kiểm soát, KTV thường dự kiến ở mức cao nhất có thể. Nếu hệ thống KSNB được thiết kế và vận hành hữu hiệu thì rủi ro kiểm toán được đánh giá là thấp hơn mức tối đa, KTV cần phải bổ sung thêm những bằng chứng thu được từ kết quả thực hiện các thử nghiệm kiểm soát. Đây là cơ sở giúp KTV giới hạn phạm vi của các thử nghiệm cơ bản. Ngược lại, nếu mức rủi ro kiểm toán được đánh giá là tối đa và không giảm được, KTV không thực hiện các thử nghiệm kiểm soát mà chỉ thực hiện các thử nghiệm cơ bản ở mức độ phù hợp.

d. Xác lập mức trọng yếu

Mục tiêu: Nhóm kiểm toán sẽ thực hiện lập mức trọng yếu kế hoạch trước kiểm toán tại đơn vị và xác định lại mức trọng yếu thực tế ở giai đoạn kết thúc kiểm toán để đảm bảo những công việc và thủ tục kiểm toán đã đầy đủ chưa.

1.4.2. Thực hiện kiểm toán

1.4.2.1. Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát

Nợ phải thu khách hàng là khoản mục có liên quan mật thiết đến kết quả kinh doanh, do đó tiềm ẩn rất nhiều rủi ro trong đơn vị được kiểm toán bao gồm: Môi trường của đơn vị, hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị,...

Đối với môi trường của đơn vị: KTV thường thu thập những thông tin sau: Hoạt động kinh doanh của khách hàng, chính sách bán hàng, các khách hàng chính; Đặc điểm và bản chất giao dịch bán hàng (thời điểm ghi nhận doanh thu, rủi ro phát sinh trong bán hàng,...); Các điều khoản về hàng bán trả lại, chiết khấu, giảm giá; Các Hợp đồng cho thuê, Hợp đồng đi vay,...

Đối với kiểm soát nội bộ của khoản mục nợ phải thu khách hàng: KTV tìm hiểu các thành phần của KSNB và cần chú trọng đến các quy định về kế toán. KTV cần sử dụng sự xét đoán nghề nghiệp để kiểm tra các thủ tục kiểm soát nào, riêng lẻ hay kết hợp với thủ tục kiểm soát khác có liên quan.

Để thu thập thông tin về đơn vị được kiểm toán, KTV thường tiến hành phỏng vấn Ban Giám đốc và các cá nhân khác trong đơn vị; Quan sát, điều tra và thực hiện thủ tục phân tích. Khi tìm hiểu hệ thống KSNB nợ phải thu khách hàng, KTV có thể sử dụng bản câu hỏi để khảo sát. Sau đó, KTV cần thực hiện kỹ thuật kiểm tra từng bước (Walk-through) để đảm bảo việc mô tả kiểm soát nội bộ đúng với hiện trạng của hệ thống.

Bảng 1.2: Bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng

Câu hỏi	Trả lời		Đánh giá của KTV về yếu kém của kiểm soát nội bộ		Ghi chú
	Có	Không	Quan trọng	Thứ yếu	
1. Các khoản bán chịu có được xét duyệt trước khi gửi hàng không?					
2. Các chính sách bán chịu có được cụ thể hóa cho từng đối tượng khách hàng hay không?					
3. Các Chứng từ gửi hàng có được đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng không?					
4. Các Hóa đơn bán hàng có được đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng không?					
5. Có quy định bắt buộc kiểm tra để đảm bảo rằng mọi hàng hóa gửi đi đều đã được lập Hóa đơn hay không?					
6. Có bảng giá được duyệt để làm cơ sở tính tiền trên Hóa đơn hay không?					
7. Phương thức tín dụng có được xem xét và phê chuẩn bởi 1 nhân viên có trách nhiệm hay không?					

8. Hóa đơn có được kiểm tra độc lập trước khi gửi đi hay không?					
9. Hàng tháng có gửi bảng sao kê công nợ cho khách hàng hay không?					
10. Nguyên nhân trả hàng có được điều tra hay không?					
11. Việc nhận hàng bị trả lại có sự phê duyệt của người có thẩm quyền hay không?					
12. Hàng tháng đơn vị có gửi Bản sao kê công nợ để đối chiếu với khách hàng hay không?					
13. Đơn vị có phân loại doanh thu bán hàng thu tiền mặt và doanh thu bán chịu hay không?					
14. Việc xóa sổ nợ phải thu khó đòi có được phê chuẩn và được thực hiện bằng văn bản hay bởi Giám đốc hay người có thẩm quyền hay không?					

(Nguồn: Kiểm toán BCTC 1, Khoa Kinh tế & Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn, 2020)

Dựa vào kết quả các thủ tục đánh giá rủi ro và hiểu biết sơ bộ về KSNB của đơn vị, KTV đưa ra đánh giá sơ bộ về rủi ro kiểm soát, nhận diện những điểm mạnh và điểm chưa hiệu quả của KSNB. Từ đó, KTV sẽ thiết kế nội dung, lịch trình và phạm vi thủ tục kiểm toán tiếp theo cho phù hợp. Tùy thuộc vào mức độ chặt chẽ và đầy đủ của các thủ tục kiểm soát tại đơn vị mà KTV sẽ quyết định thực hiện các thử nghiệm kiểm soát phù hợp.

Nếu KTV đánh giá rủi ro kiểm soát thấp hơn mức tối đa, KTV phải thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát để đánh giá tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng. Điều này rất quan trọng vì đây là cơ sở để KTV giới hạn phạm vi của các thử nghiệm cơ bản.

KTV sử dụng phương pháp lấy mẫu để cung cấp cơ sở hợp lý cho việc kết luận về tính hữu hiệu của các KSNB chính trong toàn bộ kỳ được kiểm toán. Tiếp theo, KTV tiến hành kiểm tra mẫu chọn để xem xét việc thực hiện hoạt động kiểm soát trong thực tế đơn vị, từ đó cung cấp cơ sở hợp lý cho việc kết luận về tính hữu hiệu

của hoạt động kiểm soát trong toàn bộ kỳ được kiểm toán. Căn cứ trên các phần tử đã được chọn, KTV tiến hành kiểm tra các kiểm soát trên các phần tử đã chọn. Kết thúc công việc này, KTV kết luận hoạt động kiểm soát có được thực hiện đầy đủ không.

Thứ nhất, đối với mục tiêu kiểm soát “Tính hiện hữu”: Doanh thu, các khoản phải thu ghi nhận trên sổ phải có thật.

Để phát hiện doanh thu và khoản phải thu đã ghi nhận trên sổ là giả (không có thật), KTV tiến hành kiểm tra Hợp đồng/ Đơn đặt hàng tại đơn vị có được người có thẩm quyền phê duyệt hay không thông qua việc kiểm tra mẫu các nghiệp vụ bán hàng.

KTV chọn mẫu Hóa đơn bán hàng phát hành trong kỳ để đối chiếu với Đơn đặt hàng, Lệnh bán hàng, Chứng từ chuyển hàng về các thông tin sau: Ngày gửi hàng, chữ ký, số lượng, chủng loại, giá trị,... Thử nghiệm này nhằm thu thập bằng chứng Hóa đơn bán hàng được lập trên cơ sở các nghiệp vụ bán hàng đã thực sự xảy ra và quá trình bán hàng đã tuân thủ đúng quy định do đơn vị thiết lập.

KTV kiểm tra chữ ký xét duyệt bán chịu và cơ sở xét duyệt bán chịu so với quy định của đơn vị để xem xét các nghiệp vụ bán chịu có được phê duyệt trước khi xuất hàng bán cho khách hàng hay không.

KTV xem xét tổng cộng từng loại hàng, từng Hóa đơn bán hàng so với Bảng giá bán hàng được duyệt ở từng thời điểm. Thử nghiệm này giúp KTV kiểm tra việc đơn vị có sử dụng Bảng giá đã được duyệt để tính đơn giá bán hay không.

KTV lần theo Hóa đơn kiểm tra việc ghi chép trên sổ sách. Thử nghiệm này giúp KTV thu thập bằng chứng về việc ghi chép đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ bán hàng trên sổ sách kế toán.

KTV thu thập bằng chứng về sự hữu hiệu của thủ tục kiểm soát liên quan đến việc ghi chép đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ bán hàng trên sổ sách kế toán, giúp so sánh giữa Hóa đơn với Đơn đặt hàng nhằm đảm bảo Hóa đơn được lập chính xác trên cơ sở số hàng được giao.

Để phát hiện Hóa đơn bán hàng bị ghi nhận trùng, KTV kiểm tra đơn vị có thực hiện thủ tục kiểm soát đối chiếu độc lập giữa Phiếu xuất kho với Hóa đơn, đồng thời đóng dấu “Đã xuất Hóa đơn” trên Phiếu xuất kho để đảm bảo rằng một nghiệp vụ bán hàng không bị xuất Hóa đơn và ghi sổ kế toán nhiều lần. Với các Hóa đơn đã lựa chọn trên, KTV đối chiếu đến Phiếu xuất kho và xem Phiếu xuất kho có dấu hiệu kiểm soát chưa để không bị sử dụng lại dẫn đến xuất Hóa đơn nhiều lần.

Để phát hiện doanh thu ghi nhận nhưng chưa giao hàng hóa hoặc chưa cung cấp dịch vụ, KTV xem xét đơn vị có thiết lập thủ tục kiểm soát đối với Phiếu xuất kho phải được ký xác nhận bởi người giao hàng và người nhận hàng. Với Phiếu xuất kho tương ứng đã thu thập ở trên, KTV sẽ kiểm tra Phiếu xuất kho có được ký nhận bởi người giao hàng và người nhận hàng hay không.

Thứ hai, đối với mục tiêu kiểm soát “Tính đầy đủ”: Doanh thu, các khoản phải thu và đã thu tiền được ghi nhận đầy đủ.

Sai phạm thường xảy ra tại đơn vị là hàng hóa đã bán nhưng chưa được ghi nhận doanh thu, hoặc chưa xuất Hóa đơn. KTV sẽ tiến hành đánh giá thủ tục kiểm soát tại đơn vị về việc đánh số thứ tự trên Chứng từ vận chuyển, Đơn đặt hàng, Phiếu xuất hàng để kiểm soát, so sánh với Hóa đơn về số lượng xuất, thời gian xuất. KTV chọn một vài tháng/tháng trong năm để mượn Chứng từ vận chuyển, Đơn đặt hàng, Phiếu xuất hàng. Kiểm tra việc đánh số thứ tự có liên tục không và có liên kết tương ứng với nội dung Hóa đơn không. KTV kiểm tra số lượng hàng giao, số tiền, ngày tháng, chữ ký xét duyệt của người có thẩm quyền và đối chiếu với thực tế việc ghi sổ kế toán liên quan. KTV tổng hợp Chứng từ gửi hàng và Hóa đơn bán hàng theo tháng/quý để phát hiện các trường hợp bất thường. Tuy nhiên, thử nghiệm này sẽ không phát hiện được các trường hợp hàng gửi đi không lập Hóa đơn bán hàng và Chứng từ gửi hàng.

KTV tìm hiểu đơn vị định kỳ có tiến hành đối chiếu công nợ với khách hàng, đơn vị có điều tra, xử lý các chênh lệch hay không? KTV chọn vài tháng/quý trong năm để mượn Biên bản đối chiếu công nợ với khách hàng; Kiểm tra tính đầy đủ của các Biên bản đối chiếu công nợ và dấu hiệu rà soát của Kế toán. Đối chiếu số liệu với sổ kế toán. Xem xét việc xử lý chênh lệch (nếu có).

Thủ tục kiểm soát quan trọng tại đơn vị sẽ được KTV quan tâm đó là vào cuối kỳ, Kế toán có thực hiện rà soát lại tất cả các giao dịch, các giao dịch đã giao hàng nhưng chưa xuất Hóa đơn nhằm kiểm tra giao dịch bán hàng đã được ghi nhận doanh thu hay chưa? KTV chọn mẫu kiểm tra các giao dịch phát sinh sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán để kiểm tra dấu hiệu rà soát của Kế toán.

Thứ ba, đối với mục tiêu kiểm soát “Tính chính xác”: Doanh thu, các khoản phải thu và đã thu tiền được ghi nhận chính xác, đúng đối tượng.

Đơn vị thường sai phạm khi số lượng, chủng loại hàng bán trên Hóa đơn khác với Hợp đồng, Đơn đặt hàng và thực tế xuất kho. Do vậy, thủ tục kiểm soát chính tại đơn vị được KTV quan tâm là khi lập Hóa đơn bán hàng [Kế toán/nhân viên bán hàng] có thực hiện kiểm tra, đối chiếu với Hợp đồng, Đơn đặt hàng, Phiếu xuất kho về số

lượng, chủng loại hàng bán hay không? Căn cứ Hóa đơn đã chọn ở trên, KTV kiểm tra dấu hiệu rà soát, đối chiếu của [Kế toán/nhân viên bán hàng] trên Hóa đơn, Hợp đồng, Đơn đặt hàng, Phiếu xuất kho và kiểm tra sự phù hợp về số lượng, chủng loại trên các tài liệu này.

Các nghiệp vụ bán hàng bị ghi sai đối tượng khách hàng hay xuất hiện, do vậy, KTV xem xét hàng tháng Kế toán tại đơn vị có lập Biên bản đối chiếu nợ phải thu với Phòng kinh doanh hay không? KTV chọn vài tháng trong năm để mượn Biên bản đối chiếu 2 bộ phận. Đối chiếu số liệu và xem xét việc xử lý các chênh lệch (nếu có).

Thứ tư, đối với mục tiêu kiểm soát “Tính đánh giá”: Các khoản phải thu khách hàng được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi được.

Đơn vị thường bỏ qua việc xác định các khoản nợ không có khả năng thu hồi do không thiết lập hoặc xem nhẹ thủ tục kiểm soát đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng trước khi bán chịu thông qua người có thẩm quyền. Để kiểm tra vấn đề này, KTV chọn vài khách hàng có số dư nợ lớn để kiểm tra hồ sơ đánh giá năng lực khách hàng và sự phê duyệt bán chịu.

Đơn vị thực hiện ước tính giá trị có thể thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn không chính xác do hàng kỳ, bộ phận chịu trách nhiệm không lập Báo cáo phân tích tuổi nợ trình lãnh đạo xem xét. Khi này, KTV chọn vài tháng để mượn Báo cáo phân tích tuổi nợ; Kiểm tra các số liệu phân tích trên báo cáo và dấu hiệu rà soát, phê duyệt của lãnh đạo; Xem xét các khách hàng dư nợ quá hạn đã được trích lập dự phòng chưa.

Thứ năm, KTV xem xét sự xét duyệt và ghi chép về hàng bán bị trả lại hay bị hư hỏng.

Đối với những hàng hóa bị trả lại hay bị hư hỏng, KTV xem xét các chứng từ chứng minh nghiệp vụ đã xảy ra: Biên bản trả hàng, Hóa đơn điều chỉnh, Phiếu nhập kho, Chứng từ nhận hàng trả lại,... KTV xem xét thứ tự chứng từ, phê duyệt trên chứng từ và đối chiếu với quy định của đơn vị. Bộ phận này phải độc lập với Kế toán, Thủ quỹ hay Thủ kho.

KTV đánh giá các thủ tục kiểm soát tại đơn vị đối với hàng bán trả lại hay giảm giá: Thủ tục kiểm tra, thủ tục xét duyệt trước khi nhận lại hàng.

Ngoài ra, KTV còn kiểm tra các quy định về hạn mức tín dụng cho từng khách hàng có được trình bày cụ thể bằng văn bản hay trong quy chế bán hàng của đơn vị hay không? Các quy định này có được triển khai và kiểm soát chặt chẽ trong thực tế hay không?

Các kiểm soát chính trình bày ở trên sẽ được sửa đổi cho phù hợp với đặc điểm thực tế của khách hàng. Một số kiểm soát có thể được thiết kế để đáp ứng nhiều hơn một mục tiêu kiểm soát. Kết thúc thử nghiệm kiểm soát, KTV đánh giá lại rủi ro kiểm soát để nhận diện các điểm mạnh và điểm yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ và thiết kế lại các thử nghiệm cơ bản cho phù hợp. KTV kết luận rằng có tin tưởng vào kiểm soát nội bộ tại đơn vị không, các mục tiêu kiểm soát có thể ngăn ngừa/phát hiện kịp thời các sai sót trọng yếu hay không? Từ đó, kết luận nên thực hiện các thử nghiệm cơ bản ở mức thấp, trung bình hay cao; Các khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ cần nêu trong Thư quản lý.

1.4.2.2. Thực hiện thử nghiệm cơ bản

Bất kể kết quả đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu ra sao, KTV vẫn phải thiết kế và thực hiện các thử nghiệm cơ bản (thủ tục phân tích cơ bản và kiểm tra chi tiết). Các thử nghiệm cơ bản và mục tiêu kiểm toán tương ứng khi tiến hành kiểm toán nợ phải thu khách hàng được trình bày tại bảng sau.

Bảng 1.3. Thử nghiệm cơ bản đối với khoản mục phải thu khách hàng

Loại	Thử nghiệm cơ bản	Mục tiêu kiểm toán
Thủ tục phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ Lãi gộp/Doanh thu - Số vòng quay nợ phải thu khách hàng - Số nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/Tổng số nợ phải thu khách hàng năm nay so với năm trước - Dự phòng nợ phải thu khó đòi/Số dư nợ phải thu khách hàng 	Tính hiện hữu, Tính đầy đủ, Đánh giá và phân bổ, Tính chính xác
Kiểm tra chi tiết	Đôi chiếu số dư đầu năm với số dư cuối kỳ năm trước và kiểm tra Bảng số dư chi tiết phân tích theo tuổi nợ	Tính chính xác
	Gửi TXN đến khách hàng	Tính hiện hữu, Quyền và nghĩa vụ
	Kiểm tra việc lập dự phòng phải thu khó đòi	Đánh giá và phân bổ
	Kiểm tra việc khóa sổ nghiệp vụ bán hàng	Tính hiện hữu, Tính đầy đủ
	Xem xét các khoản nợ phải thu khách hàng bị cầm cố, thế chấp	Quyền và nghĩa vụ, Trình bày và thuyết minh

Xem xét các khoản nợ phải thu khách hàng có được phân loại đúng đắn không	Trình bày và thuyết minh
Đánh giá chung về sự trình bày và thuyết minh về các khoản nợ phải thu khách hàng	Trình bày và thuyết minh

(Nguồn: Kiểm toán BCTC 1, Khoa Kinh tế & Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn, 2020)

a) Thủ tục phân tích

Tính tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu so sánh với tỷ lệ của ngành hay những năm trước để phát hiện biến động bất thường cần và giải thích nguyên nhân. Sự biến động có thể xuất phát từ quá trình hoạt động kinh doanh của đơn vị (do thay đổi trong chính sách giá, cơ cấu mặt hàng, giá hàng mua,...); sai sót từ số liệu kế toán (ghi chép sai doanh thu).

Tính số vòng quay nợ phải thu khách hàng (= Doanh thu bán chịu/Nợ phải thu khách hàng bình quân) so sánh với tỷ lệ của ngành hay của những năm trước để tìm các biến động bất thường và giải thích nguyên nhân. Nguyên nhân gây ra biến động trong số vòng quay nợ phải thu khách hàng có thể do thay đổi trong chính sách bán chịu (thay đổi thời hạn bán chịu, thu hẹp hay mở rộng điều kiện bán chịu,...); Tồn đọng các khoản nợ phải thu khác hàng khó đòi chưa được lập dự phòng; Hay do sai lệch trong số liệu sổ sách kế toán (ghi chép trùng lặp, bỏ sót các khoản nợ phải thu).

KTV so sánh số nợ quá hạn hay tỷ lệ nợ khó đòi trên tổng số nợ phải thu khách hàng năm nay so với năm trước để tìm ra biến động trong thu hồi nợ và khả năng sai lệch số liệu nợ phải thu khách hàng. KTV sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp Bảng tổng hợp công nợ và Bảng phân loại tuổi nợ (nếu có). Trong trường hợp đơn vị không lập Bảng phân loại tuổi nợ, KTV tiến hành lập và so sánh số dư chi tiết các khoản phải thu theo các tuổi nợ.

KTV so sánh tuổi nợ của khách hàng với thời gian quy định của đơn vị giúp phát hiện các trường hợp khách hàng có khả năng xảy ra rủi ro cao để tập trung kiểm tra chi tiết chứng từ.

KTV tính tỷ số chi phí dự phòng trên số dư nợ phải thu khách hàng để đánh giá tính hợp lý của lập dự phòng phải thu khó đòi, phát hiện các trường hợp khai khống hay khai thiếu mức dự phòng.

So sánh số dư của kỳ hiện tại với kỳ trước bằng cách phân tích số dư phải thu khách hàng với doanh số bán hàng cho nợ trong kỳ, so sánh các khách hàng chính của kỳ hiện tại với kỳ trước.

KTV soát xét các khoản mục trên mức trọng yếu thực hiện, hoặc khoản mục bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng. Cuối cùng, xem xét liệu có các rủi ro cụ thể được xác định từ việc thực hiện các thủ tục phân tích dẫn đến số dư các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, dài hạn chứa đựng sai sót trọng yếu không.

b) Kiểm tra chi tiết

- Đối chiếu số dư

KTV lập Bảng tổng hợp số dư cuối kỳ nợ phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi để phân tích biến động và tìm nguyên nhân.

KTV so sánh, đối chiếu Sổ chi tiết các tài khoản phải thu và số dư đầu kỳ, cuối kỳ từ Bảng cân đối số phát sinh (theo công thức $Số\ dư\ cuối\ kỳ = Số\ dư\ đầu\ kỳ + Phát\ sinh\ tăng - Phát\ sinh\ giảm$) để đảm bảo rằng khách hàng đã cộng sổ đúng. Sau đó, KTV phải đối chiếu Bảng cân đối số phát sinh với Sổ chi tiết công nợ theo từng đối tượng để đảm bảo nợ phải thu khách hàng được ghi nhận đúng và phù hợp.

- Gửi Thư xác nhận

KTV gửi thư xin xác nhận đến khách hàng để thu thập bằng chứng về sự hiện hữu và hạch toán đúng kỳ của nợ phải thu khách hàng vào thời điểm khóa sổ. Đây là một thủ tục kiểm toán bắt buộc phải làm đối với phần hành nợ phải thu khách hàng. Rủi ro thường gặp nhất đối với phần hành này là đơn vị thường có xu hướng khai khống hay che giấu giá trị của các khoản nợ phải thu khách hàng. Do vậy, việc gửi TXN sẽ đảm bảo được tính hiện hữu của các khoản nợ phải thu khách hàng này.

- Rà soát các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu khách hàng được trình bày theo giá trị thuần có thể thực hiện được nên việc xác định dự phòng phải thu khó đòi là vấn đề được KTV quan tâm khi kiểm tra việc đánh giá khoản mục phải thu khách hàng. Mục tiêu của thủ tục này giúp KTV kiểm tra sự hợp lý của việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Kiểm tra tính đúng kỳ (Cut-off test)

KTV kiểm tra việc khóa sổ các nghiệp vụ bán hàng để phát hiện việc cố tình ghi tăng/giảm doanh thu trong kỳ, ví dụ: Hàng gửi đi vào đầu tháng 1 của niên độ sau nhưng Hóa đơn bán hàng lập vào tháng 12 của niên độ trước và ghi sổ kế toán.

KTV lập Bảng kê các nghiệp vụ bán hàng diễn ra vài ngày trước và sau thời điểm khóa sổ; so sánh với Hóa đơn bán hàng và chứng từ liên quan. KTV yêu cầu đơn vị bổ sung số liệu Sổ chi tiết tài khoản phải thu của kỳ kế toán tiếp theo và tiến hành chọn mẫu test cut-off cho cả trước và sau kỳ. Thời điểm ghi nhận doanh thu và công

nợ phải thu thường sẽ là thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và quyền sở hữu tài sản. Do đó, KTV chú ý nhiều nhất vào Biên bản bàn giao hàng hóa và điều khoản trên Hợp đồng mua bán. Bởi vì trên đó sẽ thể hiện chính xác ngày mà đơn vị đã chuyển giao phần lớn rủi ro và quyền sở hữu tài sản cho khách hàng. Tuy nhiên, KTV còn phải kiểm tra số tiền đơn vị đang ghi nhận trên giao dịch có đúng không thông qua Hóa đơn bán hàng.

KTV xem xét tất cả các khoản hàng trả lại sau ngày kết thúc niên độ và so sánh với TXN công nợ liên quan. Mục tiêu KTV phát hiện doanh thu khai tăng giả tạo bằng cách ghi nhận trước khoản doanh thu vào niên độ hiện hành, qua niên độ sau điều chỉnh giảm doanh thu trở lại.

Lưu ý đối với những giao dịch liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa được chọn để thực hiện kiểm tra tính đúng kỳ, KTV phải xem xét kỹ các điều khoản thương mại quốc tế bởi vì không phải lúc nào biên bản bàn giao cũng là căn cứ để chuyển giao phần lớn rủi ro và quyền sở hữu.

- Đánh giá lại các khoản nợ phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ

KTV chọn tất cả những khách hàng có số dư cuối kỳ là ngoại tệ, lấy số nguyên tệ và tiến hành đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng nơi đơn vị chỉ định khách hàng thanh toán. Lưu ý rằng, KTV không phải tiến hành đánh giá lại cho các khoản tạm ứng từ khách hàng, tức là những khách hàng có số dư bên Có tài khoản 131.

- Trình bày và thuyết minh

Đảm bảo các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, dài hạn được thuyết minh phù hợp trên Báo cáo tài chính theo khuôn khổ lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm thuyết minh đầy đủ, thích hợp về số dư phải thu khách hàng với các bên liên quan. Xem xét sự cần thiết phải hoàn thành danh mục kiểm tra Thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản mục này để đảm bảo việc trình bày và thuyết minh phù hợp.

KTV phỏng vấn đơn vị để xác định các khoản phải thu khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp, cầm cố (kết hợp với các phân hành liên quan vay, nợ,...) để thuyết minh theo yêu cầu cho phù hợp; Đảm bảo đã thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp trong Hồ sơ kiểm toán để hỗ trợ cho việc thực hiện tất cả các thuyết minh.

Đánh giá chung về sự trình bày và công bố khoản phải thu khách hàng trên BCTC có tuân thủ đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hay không. Lưu ý khi tài khoản phải thu khách hàng có số dư bên Có thì đơn vị phải trình bày trên phần nợ phải trả của Bảng cân đối kế toán. KTV kiểm tra bảng số dư chi tiết phân tích theo

tuổi nợ để xem xét khoản phải thu khách hàng ghi trong bảng này có được phân loại đúng hay không.

Ngoài ra, KTV xem xét các khoản phải thu khách hàng bị cầm cố, thế chấp: KTV có thể kiểm tra các khoản phải thu khách hàng bị cầm cố, thế chấp thông qua TXN, việc phân tích chi phí lãi vay, các Biên bản họp và các tài liệu liên quan, phỏng vấn nhân viên,...

1.4.3. Kết thúc kiểm toán

- Tổng hợp các phát hiện trong quá trình kiểm toán

Ở giai đoạn kết thúc, KTV sẽ tổng hợp kết quả kiểm toán của các khoản mục trọng yếu, các kết luận cho từng khoản mục, các vấn đề còn tồn tại cần trao đổi BGD đơn vị, các khoản mục trọng yếu trong kiểm toán.

- Trao đổi với đơn vị về kết quả kiểm toán

KTV phải trao đổi với đơn vị về những vấn đề mà KTV phát hiện được trong quá trình kiểm toán như là:

- + Các nhược điểm của HTKSNB;
 - + Việc tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước;
 - + Các vấn đề cần giải quyết trước khi phát hành BCKT;
 - + Các bút toán điều chỉnh và phân loại;
 - + Thư giải trình của BGD;
 - + Thư quản lý.
- Phê duyệt phát hành BCKT và thư quản lý.

Phải đảm bảo cuộc kiểm toán đã được kiểm soát chặt chẽ trong tất cả các giai đoạn kiểm toán, KTV đã tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, đảm bảo đã thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để phục vụ cho việc đưa ra ý kiến.

+ Đã tổng hợp đầy đủ các nội dung quan trọng trong “Tổng hợp kết quả kiểm toán”.

+ Đã soát xét các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành BCKT, bao gồm cả vấn đề về tính hoạt động liên tục.

+ Đã thực hiện trao đổi với Ban quản trị về các vấn đề quan trọng theo yêu cầu chuẩn mực kiểm toán.

+ Đã thu thập đầy đủ thư giải trình của BGD về những vấn đề chung của doanh nghiệp hoặc TXN của bên thứ ba trước khi phát hành BCKT.

+ Đã soát xét việc hình thành ý kiến kiểm toán phù hợp với bằng chứng kiểm toán thu thập được.

+ Đã soát xét việc trình bày BCKT.

+ Thư quản lý đã bao gồm tất cả những vấn đề quan trọng về kế toán, thuế, KSNB cần báo cáo với BGD và những điểm trong thư quản lý.

- Soát xét việc khảo sát chất lượng cuộc kiểm toán.

Theo quy định chuẩn mực kiểm toán VSA 220, đối với cuộc kiểm toán BCTC của các công ty niêm yết và các khách hàng có rủi ro cao thì công ty kiểm toán phải bổ nhiệm người soát xét việc khảo sát chất lượng của cuộc kiểm toán và phải hoàn thành trước khi phát hành báo cáo chính thức.

Cần đảm bảo liên kết giữa các thủ tục kiểm toán đã thiết kế với WP và đảm bảo tất cả các WP đã được ghi chép, phản ánh đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết, WP phải được thiết kế phù hợp với thủ tục kiểm toán. Tất cả các vấn đề nghi ngờ có sai sót trọng yếu, có gian lận đã được làm rõ.

Cần xem xét mức độ quan trọng của các sai sót đã được điều chỉnh và các sai sót không điều chỉnh để đảm bảo vấn đề này đã được xử lý đúng.

- Hình thành ý kiến kiểm toán. Đảm bảo việc phát hành báo cáo với ý kiến kiểm toán phù hợp và đầy đủ thông tin đúng theo quy định.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM

2.1. Đặc điểm hoạt động và tổ chức quản lý của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2.1.1.1. Thông tin chung

Tên công ty: Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

Tên tiếng Anh: ECOVIS AFA VIETNAM Auditing - Appraisal and consulting company limited

Logo công ty:

* Trước khi gia nhập tập đoàn:

(Năm 2014 - 2020)



* Sau khi gia nhập tập đoàn Ecovis:

(Năm 2020 - nay)



Địa chỉ: Số 142, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401632052

Tổng Giám đốc: Phạm Quang Trung

Điện thoại: +84.236.363.333

Email: info@afac.com.vn

Website: <http://www.afac.com.vn>

2.1.1.2. Kết quả kinh doanh của Công ty

Bảng 2.1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2020	NĂM 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	34.202.748.000	33.550.057.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3.	34.202.748.000	33.550.057.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	28.395.375.168	26.876.559.383
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.807.372.832	6.673.497.617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	30.118.453	55.870.870
7. Chi phí tài chính	22	VI.6.	14.588.001	29.640.745
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	1.075.526.484	1.482.389.817
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		4.747.376.800	5.217.337.925
11. Thu nhập khác	31		19.893.245	377.377
12. Chi phí khác	32		-	3.781.462
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.893.245	(3.404.085)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.767.270.045	5.213.933.840
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	953.454.009	1.042.786.768
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.813.816.036	4.171.147.072
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

(Nguồn: Tài liệu từ Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

2.1.1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Kiểm toán AFA, được thành lập ngày 26 tháng 11 năm 2014, là một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

Những năm vừa qua, Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam đã từng bước xây dựng nền móng về đội ngũ nhân lực, cơ sở vật chất, quy trình làm việc, giá trị văn hóa. Sau 6 năm hoạt động, AFA đã trở thành Công ty Kiểm toán có doanh thu lớn nhất Miền trung và Tây nguyên, đồng thời là Công ty có 2 dịch vụ kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và thẩm định giá tài sản (chỉ tính trong các Công ty kiểm toán có cung cấp dịch vụ Thẩm định giá) nằm trong top 10 của Việt Nam; nằm trong danh sách 37 công ty được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020,...

AFA có một đội ngũ nhân sự hùng hậu với gần 120 nhân viên chuyên nghiệp, năng động, chăm chỉ với trình độ chuyên môn cao, được đào tạo thường xuyên và liên tục; có trên 500 khách hàng thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, quy mô khác nhau, cung cấp đầy đủ các dịch vụ giá trị gia tăng như kiểm toán, kế toán, tư vấn thuế, tư vấn tài chính và đầu tư, tư vấn quản trị, đào tạo và hỗ trợ tuyển dụng cho các DN.

Năm 2020, AFA chính thức gia nhập tập đoàn Ecovis và chính thức hoạt động dưới cái tên mới Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam. Theo đó, Tập đoàn Ecovis là một trong những tập đoàn tư hoạt động về thuế, kế toán, kiểm toán và tư vấn tài chính toàn cầu hàng đầu của thế giới có nguồn gốc từ Châu Âu đại lục. Tập đoàn có gần 9,000 nhân viên hoạt động tại hơn 80 quốc gia trên toàn thế giới, trong đó tại Việt Nam có hai cái tên tham gia tập đoàn đó là ECOVIS Vietnam OC Law và ECOVIS AFA Việt Nam. Trọng tâm của tập đoàn là tư vấn và năng lực cốt lõi của tập đoàn nằm trong các lĩnh vực tư vấn thuế, kế toán, kiểm toán và tư vấn pháp lý. Cái tên ECOVIS là một sự kết hợp giữa các thuật ngữ Economy (Kinh tế) và Vision (Tầm nhìn), thể hiện cả tầm nhìn quốc tế và niềm tin vào tương lai và sự phát triển của kinh tế.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

2.1.2.1. Chức năng

Công ty là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, thẩm định giá, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn thuế, kế toán và đào tạo. Công ty mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng khách hàng, góp phần gia tăng giá trị doanh nghiệp. Mục tiêu của Công ty là mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ cao nhất thông qua hướng tiếp cận

chuyên nghiệp, sáng tạo và khả năng cung cấp dịch vụ trọn gói với mức phí hợp lý.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam luôn phấn đấu không ngừng để trở thành một trong những công ty kiểm toán và thẩm định giá hàng đầu tại khu vực Miền Trung nói riêng, Việt Nam nói chung, đồng thời đem lại những giá trị gia tăng cho khách hàng cũng như cộng đồng xã hội, và nâng cao giá trị cuộc sống của các thành viên AFA cả về vật chất lẫn tinh thần.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, AFA đã và đang xây dựng và hoàn thiện hơn nữa các giá trị cốt lõi của mình.

Đối với khách hàng và đối tác, luôn đặt uy tín và lòng tận tâm lên hàng đầu;

Đối với nội bộ Công ty, đoàn kết và sẻ chia làm nên sức mạnh tập thể;

Đối với sản phẩm, dịch vụ, luôn chú trọng vào chất lượng và hiệu quả;

Đối với xã hội, luôn gương mẫu và hoàn thành mọi trách nhiệm và nghĩa vụ.

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam tin tưởng rằng với tầm nhìn và các giá trị cốt lõi trên, Công ty sẽ phát triển vững mạnh, vươn tầm khu vực và quốc gia, đem đến quyền lợi tốt cho người lao động và các thành viên, và đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của cộng đồng.”

Công ty hoạt động với phương châm là “Luôn đồng hành cùng doanh nghiệp” cùng với tinh thần luôn sẵn sàng sát cánh và tận tụy với khách hàng, đồng thời luôn đề cao nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bí mật số liệu khách hàng. Nhằm mục tiêu giúp cho khách hàng và các bên khách quan có thể bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình cũng như cung cấp những thông tin cần thiết cùng các giải pháp tối ưu cho việc quản trị và điều hành DN, Công ty cam kết sẽ mang đến cho khách hàng các dịch vụ chuyên ngành với chất lượng tốt nhất, tham gia vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty

2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động của Công ty

- Kiểm toán và soát xét BCTC:

AFA cung cấp dịch vụ kiểm toán và dịch vụ đảm bảo với tiêu chuẩn và chuyên môn đáng tin cậy do đội ngũ KTV nhiều năm kinh nghiệm thực hiện. Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu kiểm toán thông thường, công ty còn nghiên cứu sâu hơn các hoạt động của khách hàng để giúp doanh nghiệp sớm phát hiện các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình kinh doanh.

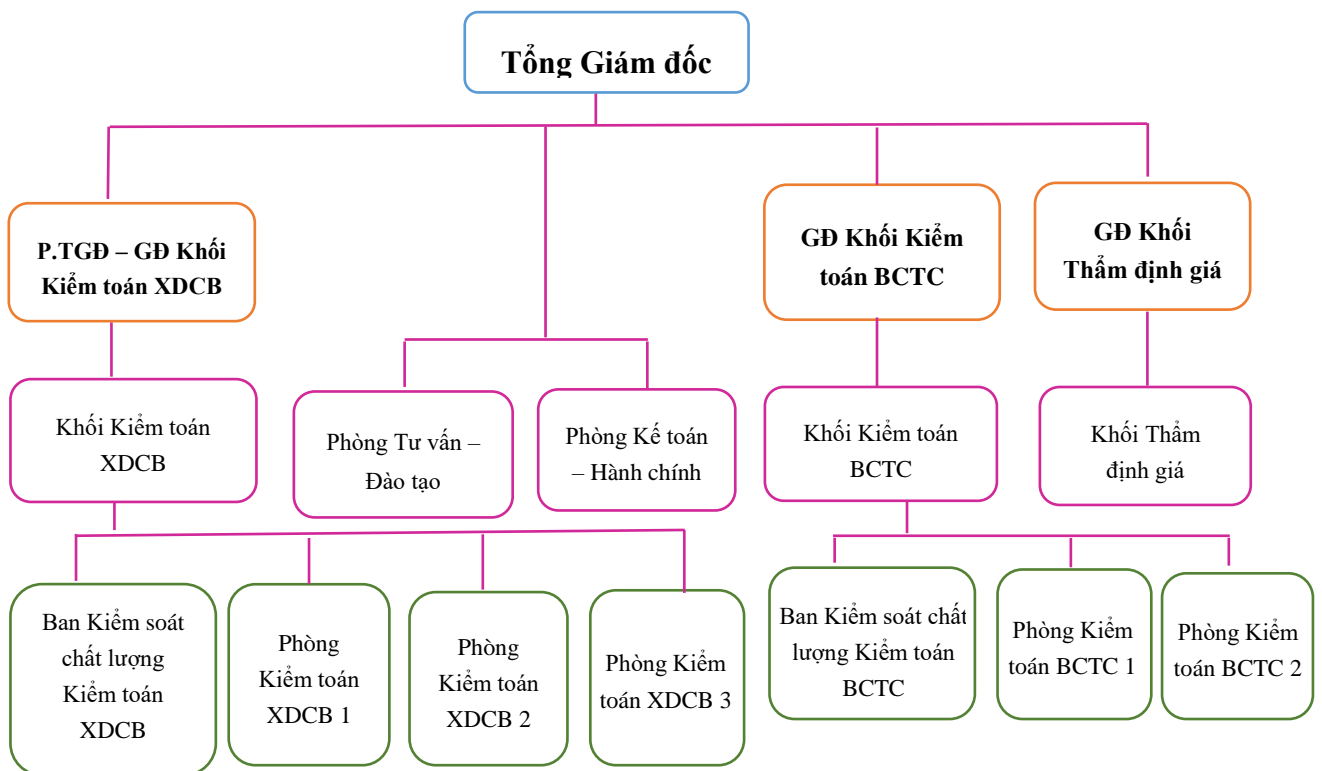
- + Kiểm toán BCTC.
- + Soát xét BCTC (cho các BCTC bán niên).
- + Soát xét thông tin tài chính dựa theo các thủ tục thỏa thuận trước.
- + Kiểm toán và chuyển đổi BCTC theo hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam sang Chuẩn mực kế toán quốc tế.
- + Kiểm toán BCTC lập theo Chuẩn mực lập và trình bày BCTC Quốc tế (IFRS).
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Thẩm định giá: Thẩm định giá giá trị bất động sản, dự án đầu tư, giá trị DN, giá trị thương hiệu, giá trị tài sản vô hình, lợi thế kinh doanh,...
- Dịch vụ thuế:
 - Tư vấn thuế, rà soát về thuế, soát xét thuế, làm việc với các cơ quan nhà nước.
- Dịch vụ tư vấn:
 - Tư vấn hoạt động cổ phần hóa, chuẩn bị niêm yết; Hỗ trợ giao dịch; Tư vấn tái cấu trúc kinh doanh, tư vấn quản trị, tư vấn về gian lận và rủi ro pháp lý,...
- Dịch vụ đào tạo:
 - Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán và Thuế; Đào tạo về đầu tư xây dựng cơ bản; Đào tạo nội dung theo yêu cầu khách hàng.
- Dịch vụ kế toán:
 - Ghi sổ kế toán, lập BCTC, lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư và các báo cáo khác; Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán; Chuyển đổi báo cáo sang IFRS và tư vấn kế toán. Thay vì thuê nhân sự tự thực hiện công tác kế toán tại doanh nghiệp, khách hàng có thể thuê dịch vụ kế toán từ AFA. Sử dụng dịch vụ kế toán AFA vừa mang lại cho doanh nghiệp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, vừa mang lại sự ổn định và chuyên nghiệp.
- Dịch vụ giấy phép:
 - Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận đầu tư mới, giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép kinh doanh. Dịch vụ kế toán
- Tư vấn tài chính và đầu tư:

Đây cũng là lĩnh vực công ty thực sự chuyên sâu và tin tưởng sẽ mang đến những thay đổi chiến lược trong quá trình phát triển bền vững của khách hàng. Đội ngũ nhân lực của công ty tham gia tư vấn trực tiếp quý khách hàng là các chuyên gia làm việc nhiều năm ở cấp quản lý tại các quỹ đầu tư, công ty tư vấn và dịch vụ tài chính có uy tín trong và ngoài nước.

2.1.3.2. Vốn điều lệ của công ty

Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng

2.1.4. Đặc điểm tổ chức của Công ty



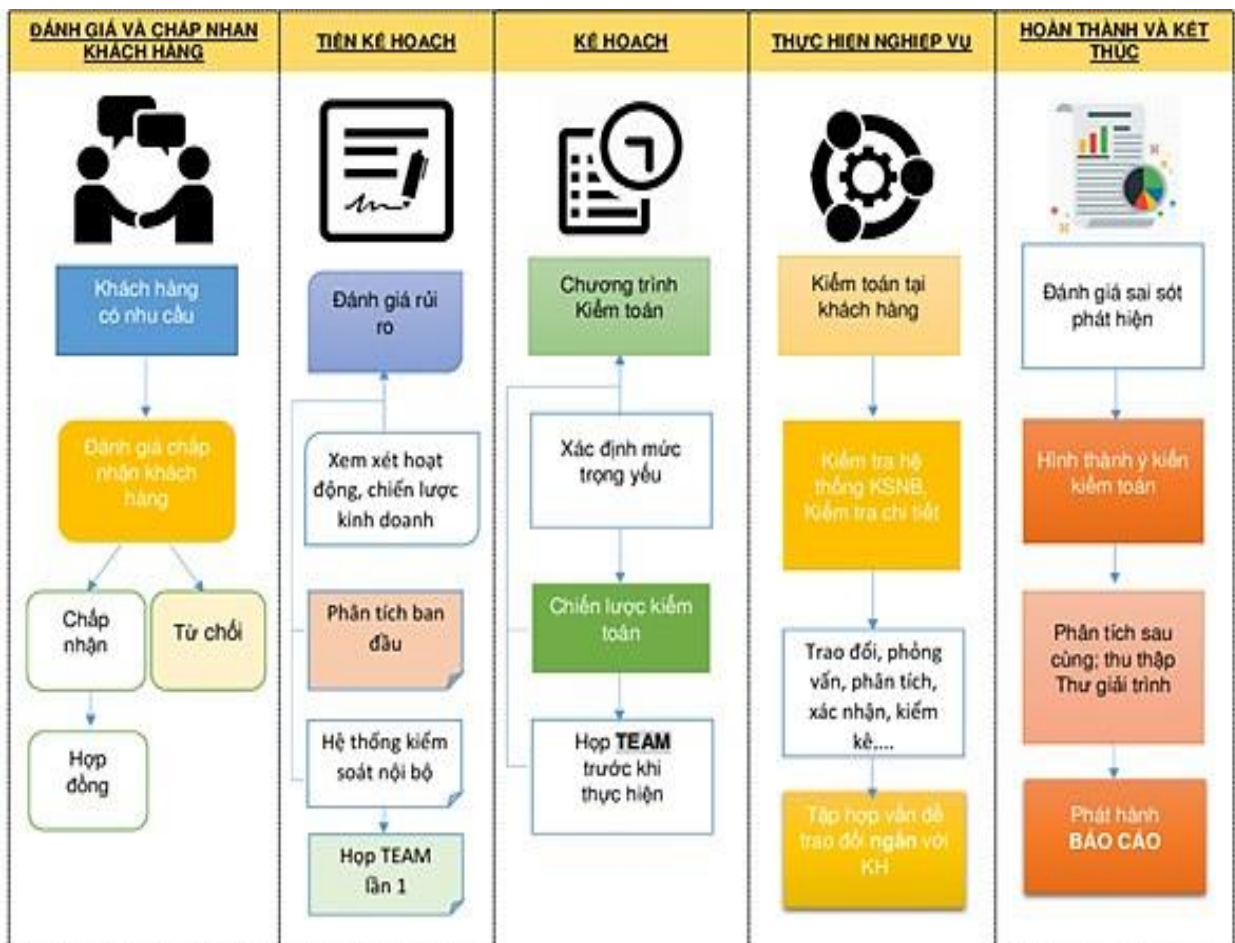
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

(Nguồn: <http://www.afac.com.vn>)

Công ty Kiểm toán, Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam gồm 1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc. Theo đó, Công ty bao gồm 2 khối hoạt động chính đó là Khối Kiểm toán BCTC và Khối Thẩm định giá. Dưới các khối bao gồm các ban Kiểm soát chất lượng Kiểm toán BCTC và các phòng Kiểm toán, ngoài ra còn có phòng Phòng Tư vấn - Đào tạo và phòng Kế toán hành chính. Các khối hoạt động độc lập tuy nhiên giữa các phòng và các khối có sự liên đới công việc với nhau một cách chặt chẽ như giữa phòng Tư vấn – Đào tạo với Khối Kiểm toán BCTC.

2.1.5. Giới thiệu về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

Công ty thực hiện cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu liệu BCTC của Công ty khách hàng được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán khác có liên quan tại Việt Nam. Cuộc kiểm toán được thực hiện dựa trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về tình hình kinh doanh, hệ thống KSNB và các rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng. Trước khi đưa ra kế hoạch kiểm toán và để giúp cho việc đánh giá rủi ro, Công ty thực hiện việc dự đoán và phân tích tổng quát. Với một số lượng lớn các công cụ dự đoán sẵn có, phương pháp tiếp cận này sẽ giúp xác định được các vấn đề tiềm tàng và tăng cường sự hiểu biết sâu sắc đạt được trong suốt quá trình kiểm toán. Phương pháp tiếp cận này cũng phù hợp với các yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt về tính hợp lý và tính minh bạch.



Sơ đồ 2.2. Các giai đoạn kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán, Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

(Nguồn: <http://www.afac.com.vn>)

Quy trình kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam được chia thành 5 giai đoạn như sau:

Bảng 2.2. Các giai đoạn thực hiện kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

Giai đoạn	Nội dung	GLV
1. Đánh giá và chấp nhận khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thu thập thông tin tổng quan về khách hàng ▪ Quyết định có chấp nhận hoặc duy trì hợp đồng ▪ Đánh giá việc tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp bao gồm tính độc lập ▪ Xem xét các điều kiện tiên quyết của cuộc kiểm toán hoặc soát xét ▪ Liên lạc với KTV tiền nhiệm ▪ Thống nhất phạm vi công việc trong hợp đồng kiểm toán ▪ Xem xét nhân sự thực hiện và cơ cấu của cuộc kiểm toán bao gồm số lần thực hiện kiểm toán và sự cần thiết sử dụng chuyên gia. 	201, 211, 212, 224, 225, 240.
2. Tiền kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hiểu biết về khách hàng ▪ Thủ tục đánh giá rủi ro và các hoạt động liên quan ▪ Xem xét hoạt động và chiến lược kinh doanh ▪ Thủ tục phân tích tài chính ban đầu ▪ Hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội, bao gồm cả hệ thống kế toán ▪ Chính sách kế toán ▪ Xác định các chu trình kinh doanh, tìm hiểu và đánh giá các chu trình kinh doanh ▪ Kiểm toán nội bộ ▪ Công nghệ thông tin ▪ Tổ chức cung cấp dịch vụ 	301, 302, 321, 322, 380.
3. Lập kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Xác định mức trọng yếu ▪ Xác định các phần hành của báo cáo tài chính và cơ sở dẫn liệu ▪ Đưa ra các giải pháp thực hiện đối với rủi ro đã được đánh giá ▪ Xác định chiến lược kiểm toán, thủ tục kiểm toán ▪ Sử dụng công việc của các chuyên gia kiểm toán 	401, 401.10, 416, 420, 430, 450, 452.

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thông báo kế hoạch kiểm toán đến Ban giám đốc của khách hàng 	
4. Thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ ▪ Thực hiện thủ tục phân tích chính yếu ▪ Kỹ thuật kiểm toán “Sampling” ▪ Kỹ thuật kiểm toán “Scoping” ▪ Kiểm tra chi tiết ▪ Quan sát kiểm kê ▪ Xác nhận bên ngoài ▪ Ước tính kế toán ▪ Các bên liên quan ▪ Rủi ro sai sót trọng yếu ảnh hưởng đến toàn bộ báo cáo tài chính <ul style="list-style-type: none"> ▪ Số dư đầu năm và sự nhất quán của chính sách kế toán <p><i>Các thử nghiệm ảnh hưởng toàn doanh nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Hoạt động liên tục ▪ Tuân thủ pháp luật và các quy định ▪ Kiện tụng và bồi thường ▪ Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ ▪ Các cam kết và các khoản mục tiềm tàng 	510.10, 520.20, 530 601, 610, 686.
5. Hoàn thành và kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đánh giá các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán ▪ Thủ tục phân tích sau kiểm toán ▪ Hoàn thành việc xem xét các sự kiện phát sinh sau niên độ, công nợ tiềm tàng và tính hoạt động liên tục ▪ Xem xét việc tuân thủ pháp luật và các quy định ▪ Tổng hợp các vấn đề cần trao đổi với partner ▪ Trình bày và thuyết minh báo cáo tài chính ▪ Xin ý kiến của chuyên gia tư vấn ▪ Thu thập Thư giải trình của Ban giám đốc ▪ Hình thành ý kiến kiểm toán ▪ Trao đổi với Ban Giám đốc và Ban quản trị ▪ Phát hành và chuyển giao báo cáo ▪ Thông tin khách trong báo cáo tài chính được kiểm toán 	701, 710, 720, 740, 745, 765. 772, 773, 774.

Các giai đoạn kiểm toán và GLV liên quan sẽ được trình bày cụ thể ở GLV <Ind FOF> [GLV Ind FOF - Phụ lục 01].

Sở dĩ quy trình kiểm toán của AFA gồm 5 giai đoạn, khác với quy trình kiểm toán của VACPA gồm 3 giai đoạn là vì AFA đã cụ thể hóa giai đoạn “Chuẩn bị kiểm toán” của quy trình kiểm toán mẫu thành 3 tiểu giai đoạn là giai đoạn 1: “Đánh giá và chấp nhận khách hàng”, giai đoạn 2: “Tiền kế hoạch” và giai đoạn 3: “Lập kế hoạch”. Công ty đã đánh giá và ước tính rằng giai đoạn 1-2-3 đã chiếm tới 70% thời gian của cuộc kiểm toán, và ảnh hưởng của hai giai đoạn này đến cuộc kiểm toán là tương đối lớn. Đó là lý do quy trình của Công ty đã cụ thể hóa 3 giai đoạn này từ giai đoạn đầu trong VACPA. Điều này là thực sự hợp lý khi mà giai đoạn Chuẩn bị kiểm toán đang ngày càng quan trọng đối với một cuộc kiểm toán, KTV sẽ bỏ ít thời gian để đến Công ty khách hàng hơn vì họ đã phân tích sẵn số liệu của công ty trước đó bằng cách xin BCTC đã được truy xuất từ các phần mềm kế toán (MISA,...). Nhờ đó mà làm giảm đi thời gian công tác tại Công ty khách hàng cũng như các chi phí liên quan, tăng hiệu quả kiểm toán và đảm bảo mức độ chuyên nghiệp của các KTV.

2.2. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

Các GLV liên quan đến khoản mục nợ phải thu khách hàng được tổng hợp cụ thể qua bảng 2.2. như sau:

Bảng 2.3. Bảng tổng hợp các GLV khoản mục nợ phải thu khách hàng của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

Tên GLV	Giải thích
Infomation	GLV chung về tên Công ty khách hàng, giai đoạn kiểm toán, Người thực hiện, người soát xét và ngày lập GLV
To do list	Danh sách công việc GLV cần làm
5300 – Note	Đưa ra những nợ phải thu đáng chú ý
5310 – Lead schedule	Thể hiện số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ của Nợ phải thu khách hàng, ứng trước của khách hàng
5320 – System Notes	Những sai sót được phát hiện và ý kiến kiểm toán cho khoản mục
5330 – Audit program	Thể hiện các thử nghiệm cơ bản và GLV liên quan tới khoản mục
5340 – Agreed to GL	Thủ tục đánh giá các bên liên quan
5340 – 1	Bảng tổng hợp công nợ

5342 – Analytical review	Thủ tục phân tích
5351 – Provision for doubtful debts	Xem xét dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi
5352	Xem xét dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi
5353	Bảng phân tích tuổi nợ phải thu khách hàng
5360 – Confirm	Thủ tục gửi thư xác nhận
5361	Thủ tục gửi thư xác nhận
5362	Thủ tục gửi thư xác nhận
AFA – Audit program	Chương trình kiểm toán chung của AFA
Scoping	Phương pháp chọn mẫu Scoping
Sampling (520.20.1); MUS	Phương pháp chọn mẫu Sampling

(Nguồn: Tổng hợp từ các GLV [Phụ lục 05] và [Phụ lục 06])

2.2.1. Giai đoạn 1: Đánh giá và chấp nhận khách hàng

Trước khi chấp nhận một khách hàng mới hoặc quyết định việc tiếp tục duy trì quan hệ với khách hàng hiện tại, KTV cần tiến hành thu thập các thông tin chung về khách hàng như lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, tình hình tài chính, thông tin về BGĐ và Ban quản trị, những vấn đề phát sinh trong cuộc kiểm toán năm trước (nếu có) và ảnh hưởng đến cuộc kiểm toán năm hiện hành,... KTV có thể thu thập các thông tin này thông qua các nguồn như Báo cáo thường niên, BCTC, website của công ty,...; phỏng vấn, trao đổi với BGĐ công ty, KTV tiên nhiệm. Ngoài ra, KTV cũng phải xem xét về năng lực chuyên môn và khả năng của nhóm kiểm toán trong việc thực hiện cuộc kiểm toán, việc tuân thủ các quy định và chuẩn mực có liên quan đến đạo đức nghề nghiệp. Từ đó, KTV sẽ trả lời các câu hỏi được đặt ra để đánh giá và đưa ra kết luận có chấp nhận hay tiếp tục duy trì quan hệ với khách hàng đó không.

Để thực hiện các giai đoạn kiểm toán, KTV sẽ thực hiện file FOF [Phụ lục 01] ngay trước các cuộc kiểm toán. Thông tin về cuộc kiểm toán, về phân công, các giai đoạn kiểm toán và quy trình kiểm toán sẽ được thể hiện cụ thể ở 2 GLV <inf> và <ind FOF> [Phụ lục 01].

Ở giai đoạn chấp nhận khách hàng, KTV sẽ thực hiện Bảng câu hỏi về tính độc lập toàn cầu của khách hàng (Global Independence Assessment Questionnaire) [GLV 201 – Phụ lục 01], Bảng câu hỏi chấp nhận khách hàng (Client Acceptance and Independence Questionnaire) đối với khách hàng mới, Bảng câu hỏi đánh giá khách hàng (Client Re-evaluation and Independence Questionnaire) [GLV 212 – Phụ lục 01], Đánh giá về Kiểm toán liên tục (Auditor rotation evaluation) [GLV 224 – Phụ lục 01], Biểu mẫu xác nhận tính độc lập của KTV (Independence Confirmation Sign-Off)

[GLV 225 – Phụ lục 01] và form xem xét mức độ phụ thuộc và khách hàng kiểm toán [GLV 240 – Phụ lục 01].

Giới thiệu về Công ty khách hàng:

Công ty Cổ phần ABC là Công ty cổ phần đại chúng với quy mô nhỏ, ngành nghề kinh doanh chính của công ty là sản xuất các loại nước khoáng đóng chai. Đây là một ngành được đánh giá là có khả năng rủi ro thấp theo quy định của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam. Công ty là một khách hàng cũ của AFA, đã kiểm toán được 2 năm, bắt đầu kiểm toán từ năm 2018.

Thông tin của khách hàng:

- Công ty Cổ phần ABC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV ABC theo Quyết định số 2040/QĐ-CTUBND ngày 18/07/2009 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty được chuyển đổi sang hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký DN số 4100587xxx ngày 01/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký DN và lần thay đổi gần nhất vào ngày 21/08/2017.

- Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ.

- Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký DN, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

+ Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước ngọt, nước giải khát bổ dưỡng. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai khác. Sản xuất đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn. Sản xuất nước ngọt. Sản xuất bột hoặc nước ngọt không cồn: Nước chanh, nước cam, côla, xá xị, nước hoa quả, nước bổ dưỡng, nước uống dùng cho thể thao, nước trà xanh, sữa đậu nành, trà sữa,...

+ Mua bán nước khoáng, nước ngọt, nước giải khát bổ dưỡng;

- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký DN là 30,450,000,000 VND.

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn

mục kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

- Đơn vị tiền tệ trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính áp dụng phần mềm kế toán MISA. [Thuyết minh báo cáo tài chính – Phụ lục 02].

Hệ thống sổ sách kế toán của khách hàng được tổ chức tốt. BGD theo sát và điều hành mọi hoạt động của công ty và các nhân viên. Không có bất đồng hay tranh cãi quan trọng nào xảy ra giữa BGD và các cổ đông được phát hiện, không có thay đổi đáng kể nào về nhân sự của những vị trí tài chính quan trọng. Không có giao dịch lớn bất thường với bên có liên quan, chưa có thông tin đáng nghi ngại về tính chính trực của Ban Tổng Giám đốc.

Tình hình tài chính của Công ty là ổn định. Tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để bù đắp những yêu cầu hoạt động chính yếu của khách hàng. Không phát hiện bất kỳ hợp đồng vay nào gần đây bị khước từ hoặc bị vi phạm sau ngày kết thúc độ. Khách hàng không có nhu cầu cao về nợ mới hoặc về vốn góp. Tốc độ phát triển kinh doanh của khách hàng là phù hợp với nguồn lực và cấu trúc KSNB.

Lịch kiểm toán là phù hợp để nhóm kiểm toán có thể hoàn thành công việc. Các khoản mục trọng yếu trên BCTC của khách hàng không yêu cầu có sự xác nhận từ các chuyên gia độc lập. Công việc kiểm toán không có liên quan đến mua bán, sáp nhập DN, không có liên quan đến phát hành chứng khoán lần đầu hoặc mua bán cổ phần giữa các cá nhân. Hoạt động kinh doanh của khách hàng không yêu cầu kiến thức chuyên ngành đặc biệt. Không có bất kỳ yếu tố nào liên quan đến tính độc lập của KTV ảnh hưởng đến việc tiếp tục thực hiện dịch vụ cho khách hàng.

Kết luận của Công ty Kiểm toán: Chấp nhận kiểm toán khách hàng này. [GLV 212 – Phụ lục 01].

2.2.2. Giai đoạn 2: Tiền kế hoạch

Ở giai đoạn này, KTV thu thập những thông tin và đưa ra những đánh giá ban đầu về các rủi ro đối với công ty khách hàng. KTV thu thập các thông tin và điền vào biểu mẫu 301 [Phụ lục 01]. Những thông tin chung cần được thu thập bao gồm bản chất và loại hình của đơn vị, các thông tin về BGD, HĐQT, các bên liên quan, các nhà

cung cấp và khách hàng chính, mô tả tình hình tài chính và tổ chức bộ máy công nghệ thông tin, hệ thống quản lý, máy chủ, phần mềm đang được sử dụng trong năm của đơn vị.

Sau đó, các hoạt động đánh giá rủi ro sẽ được thực hiện trên GLV 302 [Phụ lục 01], cụ thể bao gồm:

+ Đánh giá rủi ro gian lận: Được thực hiện và trình bày ở mục A. Risk of Fraud. Mục này được cụ thể hóa ở biểu mẫu 321 [Phụ lục 01], KTV phỏng vấn các thành viên BGD và một số nhân viên khác trong đơn vị khách hàng về quan điểm của họ về các rủi ro gian lận và hiểu biết của họ về gian lận hay nghi ngờ gian lận trong Công ty. Đối với Biểu mẫu 322 [Phụ lục 01], KTV chọn các bút toán để kiểm tra, bao gồm: Các bút toán ghi sổ nhật ký tiêu chuẩn; Bút toán ghi sổ bất thường/ không thường xuyên; Bút toán ghi sổ nhật ký tiêu chuẩn cuối niên độ; Bút toán ghi sổ bất thường và không thường xuyên cuối niên độ. Đối với bút toán được chọn KTV sẽ kiểm tra các chứng từ gốc có liên quan, sự phê duyệt, việc ghi chép đầy đủ, chính xác, đúng kỳ, có phù hợp với khuôn khổ lập và trình bày BCTC hay không. Qua đó, để KTV nhận thấy có bất kỳ bằng chứng nào về việc BGD sẽ bỏ qua hệ thống kiểm soát (có nghĩa là không chịu sự kiểm soát của hệ thống kiểm soát), và phát hiện những gian lận có thể phát sinh từ sự vượt quyền của BGD. Nếu có, KTV cần xem xét xem điều này có thể đưa đến những rủi ro sai sót trọng yếu hay không và đưa những rủi ro này vào Báo cáo rủi ro [Mục I, GLV 302 – Phụ lục 01].

+ Đánh giá rủi ro kinh doanh được thể hiện ở mục B. Business Risk [Mục B, GLV 302 – Phụ lục 01], nhằm ghi nhận những hiểu biết của KTV và phân tích những yếu tố cơ bản của khách hàng liên quan đến môi trường bên trong và bên ngoài. Những yếu tố bên ngoài có thể ảnh hưởng đến khách hàng có thể bao gồm chính trị, kinh tế, luật pháp, xã hội, kỹ thuật và môi trường. Những yếu tố bên trong có thể bao gồm hệ thống kế toán, tổ chức, và yếu tố KSNB. Những phân tích này nhằm phát hiện ra những rủi ro trọng yếu tiềm tàng. Tất cả rủi ro trọng yếu phải được nêu, ghi lại và phân tích chi tiết hơn trên báo cáo rủi ro [Mục I, GLV 302 – Phụ lục 01].

+ Đánh giá phân tích sơ bộ được cụ thể hóa ở mục C. Preliminary Analytical Review [Mục C, GLV 302 – Phụ lục 01] nhằm xác định những khoản mục, thuyết minh trọng yếu và những khu vực đặc biệt nhạy cảm.

+ Đánh giá về khả năng hoạt động liên tục ở mục D. Preliminary Going Concern [Mục D, GLV 302 – Phụ lục 01]. KTV thực hiện việc đánh giá ban đầu xem có những sự kiện hay điều kiện tồn tại tổng hợp hoặc riêng lẻ, có thể dẫn đến những vấn đề về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị không, nếu có thì BGD đã xử lý chúng như thế nào. KTV cần phỏng vấn BGD về những đánh giá ban đầu của BGD về

khả năng hoạt động liên tục và dự định của BGD về việc tiếp tục duy trì khả năng hoạt động liên tục của đơn vị, cũng như những hiểu biết của họ đối với những sự kiện, hoạt động nằm ngoài đánh giá của họ, mà điều này đưa ra những nghi ngờ quan trọng về khả năng hoạt động liên tục của khách hàng. Ngoài ra, KTV còn tính toán Hệ số *Z-score* với những khách hàng là công ty niêm yết để đánh giá về nguy cơ phá sản. KTV đã thực hiện *Z-score* chung với file BCTC [Mục C – GLV 302 – Phụ lục 01] để có thể link công thức với nhau.

+ Đánh giá rủi ro kế toán tại mục F. Financial Reporting Process and Accounting Risk [GLV 302 – Phụ lục 01].

+ Đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống thông tin tại mục G. Information Systems [GLV 302 – Phụ lục 01].

+ Các phát hiện và nghi ngờ về rủi ro tại mục I. Risk Report [GLV 302 – Phụ lục 01].

+ Cuối cùng là kết luận về mức độ rủi ro tại mục J. Overall Audit Risk [GLV 302 – Phụ lục 01].

Kết thúc giai đoạn tiền kế hoạch, tất cả những rủi ro được mô tả ở mức cao ở các hoạt động đánh giá trên sẽ được ghi lại và phân tích chi tiết hơn trong Báo cáo rủi ro [Mục J, GLV 302 – Phụ lục 04]. Tiếp theo, KTV đánh giá về khả năng xảy ra của các rủi ro này và KTV phải dựa vào xét đoán chuyên môn để quyết định xem liệu rủi ro đã xác định có phải là rủi ro đáng kể hay không, đây là vấn đề mà KTV phải đặc biệt lưu ý khi kiểm toán. Đồng thời, KTV phải xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu là ở các cấp độ BCTC hay cấp độ CSDL của các nhóm giao dịch, số dư tài khoản và thông tin thuyết minh. Từ đó, KTV cần thiết kế các thủ tục kiểm toán tiếp theo cho từng rủi ro đã được xác định.

Tổng quan về những phát hiện rủi ro của KTV tại Công ty Cổ phần ABC: Không có nghi ngờ về rủi ro do gian lận, cũng không có nghi ngờ về rủi ro kinh doanh (do bản chất của công ty), không có nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục, không có nghi ngờ về các chính sách kế toán và rủi ro kế toán. Tuy nhiên, KTV nghi ngờ về phát hiện của mình về doanh thu có thể không được ghi nhận đầy đủ và hàng tồn kho có thể được khai khống [Mục I, GLV 302 – Phụ lục 01]. Kết luận lại, KTV đánh giá rủi ro Kiểm toán (AR) đối với Công ty Cổ phần ABC là thấp (Low) [Mục J, GLV 302 – Phụ lục 01].

*** Đánh giá rủi ro gian lận:**

- Rủi ro có gian lận liên quan tới sai sót phát sinh từ việc lập BCTC gian lận:

+ Động cơ/ áp lực: ABC là công ty đại chúng lớn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước khoáng và các loại nước ngọt đóng chai. Công ty có lượng khách hàng cố định và thị trường ổn định và luôn mở rộng nên việc hoàn thành kế hoạch doanh thu năm 2020 không phải quá khó khăn. Ngoài ra, khả năng giám sát và năng lực kế toán trưởng tốt nên hệ thống sổ sách kế toán và BCTC được đánh giá là tốt và không có nhiều rủi ro gian lận.

+ Cơ hội/ Môi trường: Qua trao đổi với Chủ tịch Hội đồng quản trị, KTV nhận thấy rất khó xảy ra gian lận do hệ thống KSNB đã được thiết kế và hoạt động một cách hữu hiệu vì thế rủi ro về gian lận có thể giảm thiểu một cách đáng kể.

+ Thái độ: BGD điều hành hoạt động công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp, trong quá khứ Công ty chưa có vi phạm luật chứng khoán hoặc các luật và quy định pháp lý có liên quan. Qua cuộc kiểm toán năm trước, BGD luôn tạo điều kiện để KTV thực hiện các quyền của mình như quy định trong hợp đồng kiểm toán khi thực hiện công việc kiểm toán. Vì vậy, KTV không nhận thấy nhân tố nào phản ánh thái độ BGD, hoặc những nhân viên mà những nhân tố này cho phép họ tham gia, lập BCTC gian lận.

- Rủi ro liên quan đến sai sót do biến thủ tài sản:

+ Động cơ/ áp lực: Công ty là Công ty cổ phần, chính sách, chế độ cho BGD tốt vì thế không có động cơ hoặc áp lực biến thủ tài sản.

+ Cơ hội/ Môi trường: Tài sản của Công ty chủ yếu là máy móc, tài sản cố định để tạo ra sản phẩm nước đóng chai cùng các bao bì, nhãn dán. Tiền mặt tại quỹ được duy trì ổn định và không có các nghiệp vụ bất thường. Vì vậy, cơ hội biến thủ là thấp.

+ Thái độ: Không thấy có dấu hiệu nào về việc này. BGD quan tâm đến rủi ro tài sản bị biến thủ nên đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm hạn chế rủi ro.

Như vậy, xem xét ở mức tổng thể, dựa vào các đánh giá trên, KTV đánh giá rủi ro xảy ra gian lận là thấp.

* Đánh giá rủi ro kinh doanh:

+ Các yếu tố ngành nghề: Ngành nghề kinh doanh của Công ty luôn ở giai đoạn ổn định và có tính cạnh tranh trên thị trường cao. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần ABC là Công ty tương đối uy tín trên thị trường và khả năng cạnh tranh tốt.

+ Đặc điểm của đơn vị: Bản chất kinh doanh của đơn vị là Công ty hoạt động theo định hướng lợi nhuận, nguồn doanh thu chính đến từ sản xuất nước khoáng đóng chai và bán ra trong nước. Ngoài ra, Công ty có cấu trúc tài chính đơn giản.

+ Sản phẩm và thị trường: Nhu cầu về sản phẩm của khách hàng khá ổn định, có phụ thuộc vào thị trường và các yếu tố khác (giá, sản phẩm thay thế, cạnh tranh trong ngành...).

+ Mục tiêu và chiến lược kinh doanh: Mục tiêu, chiến lược phát triển trong năm 2019 của Hội đồng quản trị và BGD là sử dụng tiềm lực sẵn có để phát triển ổn định và giữ vững thị trường, hoàn thành kế hoạch đặt ra cho năm 2020.

*** Phân tích sơ bộ BCTC:**

Các phân tích sơ bộ liên quan đến các nợ phải thu khách hàng tại Công ty Cổ phần ABC:

+ Phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm: Số dư giảm nhẹ so với năm trước, nguyên nhân là Công ty đã thực hiện tốt công tác thu hồi nợ trong năm. Biến động Nợ - Có của khoản phải thu khách hàng cũng phát sinh tương đối lớn.

+ Khoản khách hàng ứng trước có xu hướng tăng mạnh trong năm tài chính. Công ty phát sinh khoản thu tiền ứng trước cao hơn nhiều lần so với năm trước đó.

+ Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi giảm trong năm 2020 so với năm 2019. Chính vì thế đây là một dấu hiệu tích cực trong hoạt động thu hồi công nợ của Công ty.

* Đánh giá về khả năng hoạt động liên tục: Qua phỏng vấn BGD Công ty vẫn có ý định hoạt động trong 12 tháng sắp tới và không có sự kiện nào dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của khách hàng. Ngoài ra KTV có sử dụng mô hình *Z-core* để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty và kết luận không có rủi ro về hoạt động liên tục do phá sản.

* Đánh giá về rủi ro kiểm soát: Hệ thống KSNB được đánh giá là phù hợp và hiệu quả trong mô hình hoạt động của Công ty và trong việc lập BCTC.

* Đánh giá về rủi ro kế toán: Chính sách Công ty đang áp dụng phù hợp với thực tế tại Công ty, chuẩn mực về BCTC và chế độ kế toán hiện hành các ước tính kế toán thực hiện đúng theo quy định hiện hành, không có sự thay đổi nào về chính sách kế toán trong năm.

Sau khi tổng hợp ý kiến thông qua việc đánh giá các rủi ro, KTV kết luận rủi ro tổng thể của khách hàng là thấp (Low) [Mục J, GLV 302 – Phụ lục 01].

2.2.3. Giai đoạn 3: Lập kế hoạch kiểm toán

2.2.3.1. Tài liệu yêu cầu khách hàng chuẩn bị

KTV sẽ yêu cầu Công ty khách hàng chuẩn bị một số tài liệu cần thiết và gửi trước từ 5-7 ngày tính đến ngày kiểm toán qua Skype, email hoặc các công cụ truyền tải dữ liệu khác. Các tài liệu cần chuẩn bị trước bao gồm: BCTC, sổ Nhật ký chung, sổ

Cái các tài khoản,... Tới ngày kiểm toán, các KTV có thể yêu cầu thêm các tài liệu khác. Tài liệu yêu cầu bao gồm:

- BCTC năm 2020 (gồm BCDKT, BCKQHĐKD, Thuyết minh BCTC)
- Bảng cân đối số phát sinh
- Sổ chi tiết nợ phải thu khách hàng
- Bảng tổng hợp khách hàng
- Bảng phân tích tuổi nợ của các khoản nợ phải thu khách hàng
- Bảng tổng hợp số dư của TK 131
- Hợp đồng mua bán nợ

2.2.3.2. Xác định mức trọng yếu

Việc xác định mức trọng yếu được trình bày tại biểu mẫu số 420 [Phụ lục 01]. Theo đó, quy trình xác định mức trọng yếu của AFA gồm 3 phần: Mức trọng yếu tổng thể, mức trọng yếu thực hiện và ngưỡng sai sót không đáng kể.

- Mức trọng yếu tổng thể (Overall Material - OM):

Để xác định mức trọng yếu đối với tổng thể BCTC, KTV sử dụng xét đoán chuyên môn của mình để lựa chọn một tiêu chí phù hợp và nhân với một tỷ lệ %. KTV cần xác định những người sử dụng chính của BCTC và xem xét các vấn đề như:

- + Công ty có lợi ích công chúng không, số lượng cổ đông quan tâm đến BCTC.
- + Chu kỳ phát triển (Đầu tư, Phát triển, ổn định, suy thoái), đặc điểm ngành nghề và môi trường kinh doanh.
- + Thông tin nào trong các khoản mục BCTC được người sử dụng chú ý nhất.
- + Cơ cấu sở hữu vốn của đơn vị được kiểm toán (vốn vay, vốn chủ sở hữu).
- + Khả năng thay đổi tương đối của tiêu chí đã được xác định. Cách tính được như sau:

$$\text{Mức trọng yếu tổng thể} = \text{Chỉ tiêu} * \text{Tỷ lệ}$$

Tùy theo từng chỉ tiêu mà tỷ lệ % cũng thay đổi tương ứng, theo quy định của Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam, tỷ lệ % này được xác định dựa theo quy mô của công ty như sau:

Bảng 2.4. Tỷ lệ tính mức trọng yếu tổng thể của AFA

Tổng TS hoặc Doanh thu		Tài sản ròng		Lợi nhuận gộp	
US\$ million	%	US\$ million	%	US\$ million	%
25	2.0	10	5.0	5	10.0
50	1.5	20	4.0	10	7.5
75	1.0	30	3.5	15	6.0
100	0.75	40	3.25	20	5.5
Over	0.50	Over	3.0	Over	5.0

(Nguồn: Tài liệu nội bộ của Công ty AFA)

Đối tượng sử dụng BCTC của Công ty rất đa dạng, bao gồm cổ đông, ngân hàng, cơ quan thuế,... Tuy nhiên, mục đích chính vẫn là công bố thông tin BCTC cho các cổ đông về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên chỉ tiêu Lợi nhuận là chỉ tiêu hàng đầu mà cổ đông quan tâm. KTV quyết định lựa chọn tổng doanh thu làm tiêu chí để xác định mức trọng yếu đối với tổng thể BCTC, vì đây là chỉ tiêu ít biến động, ổn định và ít bị ảnh hưởng bởi những bút toán ước tính kế toán bất thường.

Chỉ tiêu	Chọn	Giá trị (VND)	Mức trọng yếu tổng thể
Doanh thu thuần	Yes	30,000,000,000	600,000,000
Giải thích	Ít biến động qua các năm		

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Trưởng đoàn sẽ thực hiện việc lấy số liệu doanh thu thuần của Công ty từ đó ước lượng tỷ lệ mức trích lập trọng yếu tổng thể. Cụ thể ở đây số liệu 600,000,000 VND chính là số doanh thu thuần 30,000,000,000 x 2% (Tỷ lệ 2% là vì doanh thu nhỏ hơn 25 triệu USD).

Tiếp theo, bảng sau thể hiện giá trị làm tròn đến hàng nghìn của mức trọng yếu tổng thể:

MỨC TRỌNG YẾU TỔNG THỂ	GIÁ TRỊ
Giá trị mức trọng yếu tổng thể	600,000,000
Làm tròn số ('000')	600,000,000

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

- Mức trọng yếu thực hiện (Performance Materiality):

Mức trọng yếu thực hiện sẽ quyết định nội dung, lịch trình, phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần phải thực hiện. Mức trọng yếu thực hiện có thể thay đổi dựa trên những yếu tố rủi ro mới hoặc những phát hiện kiểm toán mà không tác động đến mức trọng yếu tổng thể.

Tại AFA, mức trọng yếu thực hiện được xác định như sau:

$$\text{Mức trọng yếu thực hiện} = \text{Mức trọng yếu tổng thể} \times \text{Tỷ lệ}$$

Trong đó, nếu khách hàng có rủi ro kiểm toán thấp thì tỷ lệ là 75%; nếu khách hàng có rủi ro kiểm toán cao thì tỷ lệ là 50%. Đối với Công ty Cổ phần ABC, vì rủi ro kiểm toán đã được đánh giá là thấp, nên có mức trọng yếu thực hiện là 80% so với mức trọng yếu tổng thể.

MỨC TRỌNG YẾU THỰC HIỆN	CÁO / THẤP
Rủi ro tổng thể được đánh giá ở GLV 302	Thấp
Giá trị mức trọng yếu thực hiện	VND 450,000,000

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Sau khi thực hiện đánh giá rủi ro Kiểm toán là Thấp ở GLV <302>, KTV sẽ xác định mức trọng yếu thực hiện bằng công thức trên. Ta thấy Mức trọng yếu thực hiện ở đây là 450.000.000 VND là kết quả của 600.000.000 x 75%.

- Ngưỡng sai sót không đáng kể:

Đây là mức giá trị cụ thể mà sai sót dưới mức đó được coi là sai sót không đáng kể và không cần tổng hợp lại vì KTV cho rằng tổng hợp các sai sót đó không ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC.

Trong đó, cách tính của ngưỡng sai sót không đáng kể như sau:

$$\text{Ngưỡng sai sót không đáng kể} = \text{Mức trọng yếu tổng thể} \times 3\%$$

NGƯỠNG SAI SÓT KHÔNG ĐÁNG KỂ	
Giá trị ngưỡng sai sót không đáng kể	18,000,000

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

2.2.3.3. Trao đổi với khách hàng về kế hoạch kiểm toán

Qua đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, mức độ rủi ro, mức trọng yếu... Ban giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam tiến hành bố trí nhân sự tham gia kiểm toán tại Công ty Cổ phần ABC là 4 người, 2 kiểm toán viên và 2 trợ lý kiểm toán viên với thời gian kiểm toán là 4 ngày.

Sau khi đã xác định được mục tiêu đối với việc kiểm toán nợ phải thu khách hàng, KTV tiến hành hoạch định chi tiết về những công việc cần thực hiện. Việc hoạch định này được xem là trọng tâm trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán. Thông thường, hầu hết các kiểm toán viên sẽ tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán dựa trên một chương trình mẫu được xây dựng sẵn. Chương trình kiểm toán này có thể được xem như là một tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ tốt nhất cho các trợ lý kiểm toán cũng như các kiểm toán viên. Chương trình kiểm toán còn giúp cho người xem xét hồ sơ kiểm toán có thể hiểu được những bước công việc mà kiểm toán viên thực hiện trong quá trình kiểm toán. Điều đó làm tăng cao mức độ tin cậy vào kết quả kiểm toán góp phần vào sự thành công của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính. Chương trình kiểm toán được thể hiện qua GLV <5330-Pro> (Audit program).

Đây là biểu mẫu được thiết kế sẵn cho KTV. Ở đây KTV sẽ biết được các thủ tục cơ bản (Basic Procedures) cần làm được thực hiện trên GLV nào và các CSDL kèm theo, trong đó C (Completeness) là tính đầy đủ, A (Accuracy) là tính chính xác, V (Valuation) là đánh giá và phân bổ, E (Existence) là tính hiện hữu và P (Presentation) là trình bày và công bố. Ngoài ra sẽ có một phần liên quan đến Kết luận kiểm toán (Audit Conclusion), KTV sẽ đánh Y (Yes) vào những kết luận đúng và N (No) vào những kết luận chưa phù hợp đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng.

CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TOÁN						5330
Client name	Công ty CP ABC					Ngày tháng
Period end:	12/31/2020			Chuẩn bị bởi	HN	18/01/2021
Subject:	Chương trình kiểm toán - nợ phải thu khách hàng			Kiểm tra bởi	NTL	19/01/2021
		Cơ sở dẫn liệu				Tham chiếu
		C	A	V	E	P
	A. Thủ tục cơ bản					
1)	Thủ tục xác nhận số dư và các bên liên quan Thủ tục break - down	C	A			P 5340 <5340-1>
2)	Thủ tục kiểm toán số dư đầu kì	C	A	V	E	5341
3)	Thủ tục phân tích	C	A			5342
4)	Thủ tục phân loại khách hàng theo tuổi nợ	C	A			5350
5)	Thủ tục cho các khoản dự phòng phải thu khó đòi			V		5351-5353
6)	Chu trình bán hàng thu tiền		A		E	5360
7)	Thủ tục nợ phải thu phát sinh ngoại tệ			V		5370
8)	Các giao dịch với các bên liên quan	C	A		E	P 5380

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Cụ thể ta thấy, KTV sẽ thực hiện các thủ tục cơ bản như tổng hợp phải thu khách hàng (Summary of trade receivables) được thực hiện ở GLV <5340>, tổng hợp khách hàng ở GLV <5340-1>, kỹ thuật phân tích (Analytical review) được thực hiện ở GLV <5342>, ...

2.2.4. Giai đoạn 4: Thực hiện kiểm toán

Các thủ tục liên quan đến kiểm toán các khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam được trình bày trên mẫu GLV <5300> (Trade receivables) [Phụ lục 05].

2.4.2.1. Thử nghiệm kiểm soát

Về cơ bản, Công ty thực hiện thử nghiệm kiểm soát 3 năm một lần đối với các khách hàng cũ, do đó khách hàng ABC tại năm kiểm toán 2020 sẽ không được thực hiện thử nghiệm kiểm soát và không thực hiện lại GLV liên quan đến thử nghiệm kiểm soát. Tuy nhiên, KTV vẫn tìm hiểu hệ thống KSNB, phỏng vấn BGD tại GLV <302> [Phụ lục 01]. Ngoài ra, các KTV của Công ty Ecovis AFA Việt Nam thường xuyên quan sát và thực hiện kiểm tra, đối chiếu các tài liệu liên quan. Đây xem như là cách nhanh gọn để đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống KSNB.

2.4.2.2. Thực hiện các thủ tục cơ bản

a) Lập biểu tổng hợp

c) Thủ tục phân tích

Mục tiêu: Đạt được giải trình hợp lý về các chỉ tiêu phân tích các khoản phải thu khách hàng.

Nguồn gốc số liệu: Sổ chi tiết tài khoản 131, 2293 và bảng lập dự phòng.

Thủ tục phân tích (Analysis procedure) được thực hiện trên GLV <5342-Analysis>. Thủ tục gồm 4 thủ tục nhỏ:

- Thủ tục 1: Thủ tục so sánh

Tên KH	Công ty CP ABC					Ngày tháng
Giai đoạn	12/31/2020			Chuẩn bị bởi	HN	18/01/2021
Tên GLV	Nợ phải thu khách hàng - thủ tục phân tích			Kiểm tra bởi	NTL	19/01/2021
Thủ tục 1						
So sánh số dư nợ phải thu khách hàng năm nay với các năm trước						
Mong đợi						
		2020	2019	2018	Change	% Change
Nợ phải thu khách hàng		31.978.735.750	15.421.980.941	10.844.022.581	16.556.754.809	107%
Phân tích						
Kết luận						

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Nhìn chung, khoản phải thu khách hàng hằng năm tăng mạnh. So với năm 2019 thì khoản nợ phải thu khách hàng tăng 107% từ 15,421,980,841 đồng lên 31,978,735,750 đồng tương đương với tăng 16,556,754,809 đồng (hơn 2 lần).

- Thủ tục 2: So sánh số vòng quay khoản phải thu và số ngày một vòng quay năm kiểm toán so với năm trước.

Thủ tục 2						
Các chỉ số quan trọng						
Mong đợi						
		2020	2019	Change	% Change	
Nợ phải thu khách hàng bình quân		23.700.358.346	13.133.001.761	10.567.356.585	80%	
Doanh thu thuần		167.019.429.567	195.310.624.870	(28.291.195.303)	-14%	
Số vòng quay nợ phải thu		7	15	(8)		
Số ngày một vòng quay		52	25	27		
Phân tích						
Kết luận						

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Trước hết KTV sẽ thu thập số liệu doanh thu thuần (Net Sales) từ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị. Ta thấy doanh thu thuần năm 2020 giảm 28,297,195,303 đồng tương đương với giảm 14% so với năm 2019 từ 195,310,624,870 đồng xuống 167,019,429,567 đồng. Trong khi đó phải thu khách hàng bình quân năm 2020 so với năm 2019 tăng mạnh (80%) từ 13,133,001,761 đồng lên 23,700,358,346 đồng. Điều này làm cho số vòng quay khoản phải thu năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019, cụ thể giảm 8 vòng. Số ngày một vòng quay vì thế mà tăng lên từ 25 ngày ở năm 2019 lên 52 ngày. Đây thực sự là một dấu hiệu không tốt đối với công ty khách hàng khi mà khoản phải thu đang ngày càng khó thu hơn.

- Thủ tục 3: So sánh tỉ lệ dự phòng phải thu khó đòi trên tổng nợ phải thu khách hàng năm kiểm toán so với năm trước.

Thủ tục 3					
Tỉ lệ dự phòng phải thu khó đòi qua các năm					
Mong đợi					
		2020	2019	Chênh lệch	Chênh lệch %
Dự phòng phải thu khó đòi		651.239.545	754.934.619	(103.695.074)	-14%
Nợ phải thu khó đòi		31.978.735.750	15.421.980.941	16.556.754.809	107%
Tỉ lệ		2%	5%	-3%	
Phân tích	Một số khoản công nợ khó đòi trong năm đã thu được tiền				
Kết luận					

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi trên tổng nợ phải thu khách hàng năm 2020 so với năm 2019 đã giảm đáng kể, giảm 3% từ 5% xuống còn 2%. Nguyên nhân là trong năm, công ty khách hàng đã thu được tiền một số công nợ khó đòi làm cho khoản nợ khó đòi giảm từ 754,934,619 đồng xuống còn 651,239,515 đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 14%. Mặt khác, nợ phải thu khách hàng trong năm kiểm toán đã tăng mạnh làm cho tỷ lệ này cũng giảm mạnh như đã nói.

- Thủ tục 4: So sánh số dư Có của khoản mục nợ phải thu khách hàng (khoản ứng trước của khách hàng) so năm kiểm toán so với năm trước.

Thủ tục 4					
So sánh các khoản khách hàng ứng trước năm nay so với năm trước					
Mong đợi					
		2020	2019	Difference	% Change
Tổng số dư có		3.933.914.393	218.395.420	3.715.518.973	1701%
Phân tích					
Kết luận					

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Trong năm, Công ty Cổ phần ABC đã được khách hàng ứng trước một khoản 3,933,914,393 đồng, tăng đột biến hơn 17 lần so với năm trước. Đây là biến động có thể giải thích được khi khách hàng Huỳnh Quang Huy đã ứng trước một số tiền lớn trong năm là 2,902,187,943 đồng, tạo ra biến động lớn trong năm 2020. [Phụ lục 06].

d) Xem xét dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi

Công ty Kiểm toán AFA có thiết kế các GLV liên quan đến khoản nợ phải thu khó đòi (Doubtful Debts). KTV bắt đầu với GLV <5351-Provision> [Phụ lục 05], đây là GLV thể hiện mục tiêu kiểm toán (Objective), nguồn gốc số liệu (Source) và quy trình thực hiện kiểm toán (Work steps).

Cụ thể, mục tiêu kiểm toán của dự phòng nợ phải thu khó đòi là xem xét tính đầy đủ của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Số liệu được lấy tại cột số dư Nợ của sổ tổng hợp công nợ tài khoản 131 tại ngày 31/12/2020. Để cụ thể công việc, KTV cần liên đới làm việc tại GLV <5352>.

GLV tiếp theo thể hiện rõ công việc của KTV đối với khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi là <5352>.

Tên KH	Công ty CP ABC					Ngày tháng
Giai đoạn	12/31/2020			Chuẩn bị bởi	HN	18/01/2021
Tên GLV	Nợ phải thu khách hàng - Thủ tục về dự phòng phải thu khó đòi			Kiểm tra bởi	NTL	19/01/2021
Khoản dự phòng phải thu khó đòi						
		12/31/2020	12/31/2019			
	Số dư đầu kì	754.934.619	326.095.045			
	Dự phòng tăng	167.908.766	438.839.574			
	Hoàn nhập	(271.603.840)	(10.000.000)			
	Số dư cuối kì	651.239.545	754.934.619			
		<5310>				

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

KTV sẽ áp dụng thủ tục chi tiết để kiểm toán từng phần khoản mục dự phòng phải thu khó đòi. Số dư đầu kì (Beginning balance) và số dư cuối kì (Ending balance) được tham chiếu từ GLV <5310>. Trong năm có những thay đổi làm số dư cuối kì thay đổi như khoản dự phòng phải thu (Allowance), khoản xử lý nợ xấu (Write-off) và hoàn nhập (Reversal). Ta thấy trong năm 2020 Công ty Cổ phần ABC đã thực hiện trích lập dự phòng ít hơn năm 2019 nhiều lần nhưng cũng xử lý nợ xấu khá nhiều. Kết quả là số dư cuối đã giảm từ 754,934,619 đồng xuống 651,239,545 đồng.

Đoạn sau của GLV này ta thấy KTV đã chi tiết ra nợ phải thu khách hàng và nợ phải thu khác, trong đó nợ phải thu khác của Công ty Cổ phần ABC không phát sinh. Từ đó mà KTV không đánh số và không tham chiếu lên GLV <5390>.

Ở GLV <5353>, KTV sẽ phải liệt kê danh sách khách hàng mua hàng khó đòi, thực hiện phân loại tuổi nợ và đánh giá trích lập dự phòng.



THỦ TỤC VỀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

5353

Tên khách hàng	Công ty CP ABC	Sign-off:	Initials	Date
Giai đoạn	12/31/2020	Prepared:	HN	18/01/2021
Tên GLV	Nợ phải thu khách hàng - Thủ tục về dự phòng phải thu khó đòi	Reviewed:	NTL	19/01/2021

STT	Tên khách hàng	A Số dư cuối kì	BS Bổ sung Hóa đơn		Số dư cuối kì (kiểm toán)	Phân tích tuổi nợ					Kiểm toán			Kết luận	
			NT	GT		> 3 năm	2 - 3 năm	1 - 2 năm	6 tháng - 1 năm	< 6 tháng	KTV	Khách hàng	Chênh lệch		
						100%	70%	50%	30%						
1	Nhà phân phối Việt Cường	63.558.864			63.558.864	63.558.864						63.558.864	63.558.864	-	-
2	Công ty TNHH MTV Yên Thịnh Phát Gia Lai	793.331.693			793.331.693		793.331.693					555.332.185	555.332.185	-	
3	Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Lộc	27.945.046			27.945.046		27.945.046					19.561.532	19.561.532	-	
4	Nhà phân phối Lê Đình Hợi	18.267.090			18.267.090		18.267.090					12.786.963	12.786.963	-	
5	Phạm Thị Thuý	33.927.196			33.927.196			33.927.196				16.963.598		16.963.598	16.963.598
6	Tòa án Thị xã An Nhơn	18.500.020			18.500.020			10.499.940	4.000.040	4.000.040		6.449.982		6.449.982	6.449.982
					-							-		-	
	Tổng cộng	955.529.909			955.529.909	63.558.864	839.543.829	44.427.136	4.000.040	4.000.040		674.653.124	651.239.544	23.413.580	23.413.580

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Ta thấy KTV sẽ phải tính toán lại tuổi nợ của từng khách hàng và thực hiện trích lập dự phòng theo quy định. Cụ thể, số nợ của khách hàng Phạm Thị Thủy là 33,927,916 đồng phải được trích lập 50% tương ứng với số dự phòng là 16,963,598 đồng. Đồng thời 50% khoản nợ trong khoản 1 đến 2 năm của Tòa án Thị xã An Nhơn là 10,499,940 đồng và 30% khoản nợ từ 6 tháng đến 1 năm là 4,000,040 đồng cần được trích tổng cộng 6,449,982 đồng. Tóm lại, KTV đã phát hiện Công ty Cổ phần ABC trích thiếu số dự phòng tổng cộng là 23,413,580 đồng (Difference).

So sánh với Ngưỡng sai sót không đáng kể đã tính được ở giai đoạn 3: Lập kế hoạch kiểm toán là 18,000,000 đồng, thì giá trị của khoản sai sót trên (23,413,580 đồng) đã vượt qua ngưỡng sai sót cho phép bỏ qua. Do đó, KTV yêu cầu công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

<u>Điều chỉnh</u>			
	Adjust the allowance for foubful debts		<5320>
	Dr G&A Expenses		23.413.580
	Cr Allowance for doubtful debts		23.413.580

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

e) Thủ tục Breakdown

Thủ tục Breakdown là thủ tục quan trọng nhất đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng. KTV thực hiện thủ tục này trên GLV <5340-1> [Phụ lục 05]. Về cơ bản, thủ tục này chi tiết hóa nợ phải thu theo từng khách hàng, số dư đầu kì bên Nợ, bên Có; số phát sinh bên Nợ, bên Có; số dư cuối kì bên Nợ, bên Có. Từ đó, KTV có thể dễ dàng thực hiện các thủ tục khác nhờ thủ tục này. Thủ tục này được tổng hợp từ Sổ chi tiết khách hàng và bảng tổng hợp khách hàng nếu có.

Qua GLV <5340-1> [Phụ lục 05], ta thấy Công ty Cổ phần ABC có tổng cộng 1,272 khách hàng có số dư, trong đó có 52 khách hàng có số dư Có, 1175 có số dư Nợ và được sắp xếp theo số tiền giảm dần.

f) Thủ tục chọn mẫu

KTV sẽ phải thực hiện phương pháp chọn mẫu và thực hiện trên GLV <5360-Audit Sampling> [Phụ lục 07]. Có hai hình thức chọn mẫu là Scoping (chọn mẫu xét đoán) và Sampling (Chọn mẫu theo tổng thể). Đối với phương pháp Sampling, KTV sẽ thực hiện GLV <MUS> [Phụ lục 07] và GLV <AUDIT SAMPLING (Section A-B)> [Phụ lục 07]. Đối với phương pháp Scoping, KTV chỉ thực hiện GLV <Scoping> [Phụ lục 07] để biết được giá trị của mẫu được chọn.

Bảng 2.5. Tỷ lệ chọn mẫu theo phương pháp Scoping

	TOC	SARP	Coverage
HRM	No	No	55%
		Yes	50%
	Yes	No	40%
		Yes	25%
LRM	No	No	35%
		Yes	15%
	Yes	No	15%
		Yes	NA

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

Cụ thể, KTV sẽ mô tả về những đặc tính của lượng mẫu được chọn, đưa ra các câu trả lời về mẫu. Trên file Excel, tỷ lệ chọn mẫu (Scoping Coverage) sẽ được công thức hóa và đưa ra kết quả ngay khi KTV điền vào các mô tả.

Theo đó, Rủi ro được đánh giá là Low, không tin cậy vào Kiểm soát của Công ty (Reliance on Controls là No), không tin cậy vào thủ tục phân tích (Reliance on Analytical Procedures là No) thì tỷ lệ chọn mẫu là 35% như bảng 2.3 ở trên. Sau khi ta có tỷ lệ chọn mẫu, KTV sẽ tính giá trị mẫu cần lấy bằng công thức: **Giá trị mẫu cần lấy mẫu = tỷ lệ chọn mẫu x tổng thể** ($11,192,557,513 = 35\% \times 31,918,735,750$). Sau đó, KTV sẽ lọc dữ liệu giá trị nợ phải thu của khách hàng miễn sao vượt qua được giá trị của mẫu cần lấy, tuy nhiên, KTV phải lọc và lựa chọn đối tượng, cụ thể là những đối tượng nghi ngờ rủi ro đồng thời thực hiện phân bổ đối tượng.

f) Thủ tục gửi Thư xác nhận

Thủ tục gửi TXN là một thủ tục bắt buộc đối với KTV cho khoản mục nợ phải thu khách hàng. Tuy nhiên, cách thức gửi TXN của mỗi công ty kiểm toán là khác nhau. Đối với AFA, KTV không trực tiếp gửi TXN [Phụ lục 08]. Để tiết kiệm thời gian, KTV sẽ nhờ kế toán trưởng hoặc đại diện của phòng kế toán nhận thư và gửi đến các khách hàng, tất nhiên TXN phải được lập bởi KTV bằng thư giấy hoặc thư điện tử (e-mails).

Sau khi chọn mẫu, KTV thực hiện GLV <5360-Confirm> [Phụ lục 05].

Tương tự GLV <5351-Provision>, GLV <5360-Confirm> cũng đưa ra mục tiêu kiểm toán, nguồn gốc số liệu và quy trình thực hiện, cụ thể như sau:


- Mục tiêu kiểm toán: Xác định tính hiện hữu và tính chính xác của các khoản phải thu khách hàng bằng cách gửi TXN.

- Nguồn gốc số liệu: Danh mục các khoản nợ phải thu khách hàng vào cuối kỳ KTV sẽ điền số liệu và mục Kết quả (Findings), cụ thể như sau:

Theo đó, giá trị gửi TXN (Amount Sent) của khoản mục phải thu khách hàng là 50% của số dư cuối kì tương ứng với 15,969,241,136 đồng, của khoản ứng trước của khách hàng là 94% tương ứng với 3,933,914,393 đồng. Không có thủ tục thay thế. Đi vào chi tiết, KTV sẽ tham chiếu đến GLV <5361> đối với những khách hàng còn phải thu được gửi TXN [Phụ lục 08], và GLV <5362> đối với những khách hàng ứng trước:

g) Tổng hợp những sai phạm cần chú ý của khoản mục nợ phải thu khách hàng

Đây là GLV cuối cùng mà KTV sẽ phải làm. Theo đó, KTV sẽ tổng hợp tất cả những sai phạm liên quan đến khoản mục nợ phải thu khách hàng, sau đó KTV đưa ra ý kiến kiểm toán trên GLV <5320-System Notes>. Tất nhiên, KTV sẽ phải cân nhắc việc nên hay không nên đưa ra ý kiến, ngoại trừ những sai phạm rõ ràng và trọng yếu.

		TỔNG HỢP SAI SÓT			5320	
Tên KH	Công ty CP ABC					Ngày tháng
Giai đoạn	12/31/2020		Chuẩn bị bởi	HN		HN
Tên GLV	Nợ phải thu khách hàng - Tổng hợp sai sót		Kiểm tra bởi	NTL		NTL
A. Điều chỉnh						
1	Công nợ đối tượng Phạm Thị Thủy và Tòa án Thị xã An Nhơn đã lâu không thanh toán, đề nghị doanh nghiệp trích lập dự phòng					
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	<5353>			23.413.580	
2293	Dự phòng nợ phải thu khó đòi			23.413.580		

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

2.2.5. Giai đoạn 5: Kết thúc kiểm toán

Sau kết thúc giai đoạn thực hiện kiểm toán, nhóm trưởng sẽ tập hợp tất cả các giấy tờ làm việc của các thành viên và lập bảng đánh giá tổng hợp ảnh hưởng của các sai sót. Nếu sai sót vượt trên mức trọng yếu hoặc xấp xỉ mức trọng yếu, kiểm toán viên yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại các sai sót. Đồng thời, kiểm toán viên cũng xem xét các sự kiện xảy ra say ngày kết thúc niên độ bằng cách kiểm tra các chứng từ phát sinh, lập bảng và phỏng vấn các nhân viên của khách hàng nhằm đảm bảo các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ đều được ghi nhận.

Ở giai đoạn này, KTV cần đánh giá lại kết quả kiểm toán và xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có liên quan tới các khoản mục nợ phải thu khách hàng, tập hợp và đánh giá các bằng chứng thu thập được trong quá trình kiểm toán để đưa ra ý kiến về khoản mục này trên báo cáo kiểm toán. Khi xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC, KTV cần xem xét các sự kiện có thể dẫn đến việc yêu cầu đơn vị khách hàng phải điều chỉnh hay phải thuyết minh trong BCTC vào thời điểm gần ngày ký BCKT và thiết kế những thủ tục kiểm toán bổ sung nhằm hạn chế tối đa rủi ro kiểm toán. Cụ thể đối với các khoản nợ phải thu khách hàng, KTV cần xem xét những vấn đề như sau:

+ Xem xét lại các thủ tục được đơn vị áp dụng đối với các khoản nợ phải thu khách hàng nhằm xác định mọi sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ.

+ Xem xét các biên bản họp Đại hội cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp BGD, biên bản thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng sau ngày khoá sổ để tìm kiếm những sự kiện có thể ảnh hưởng đến các khoản phải thu khách hàng.

+ Trao đổi với BGD của khách hàng để xác định những sự kiện sau ngày khoá sổ có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC liên quan đến các khoản nợ phải thu khách hàng.

Trong giai đoạn này, nhóm trưởng sẽ tổng hợp những bằng chứng thu thập được từ cuộc kiểm toán cùng với sự xét đoán nghề nghiệp của mình để hình thành nên ý kiến kiểm toán và lập Báo cáo dự thảo trình Giám đốc, đồng thời gửi cho khách hàng để xem xét có đồng ý với Báo cáo hay không. Nếu không đồng ý, hai bên sẽ bàn bạc để thống nhất ý kiến.

Để hình thành ý kiến trên Báo cáo kiểm toán, KTV phải hoàn chỉnh bộ hồ sơ kiểm toán. Cuối giai đoạn này, KTV phải hoàn tất khá nhiều mẫu hồ sơ kiểm toán. Trong đó có các mẫu sau:

– Bảng tổng hợp các sai sót phát hiện: Hồ sơ này tập hợp tất cả các khoản chênh lệch quan trọng được phát hiện trong giai đoạn thực hiện kiểm toán.

– Giấy làm việc về kiểm tra phân tích cuối cùng: Kiểm toán viên sẽ phải dùng những kỹ năng phân tích tài chính để so sánh số liệu kiểm toán năm nay so với số liệu kiểm toán năm trước.

– Bảng ghi nhớ về các quyết định, các vấn đề quan trọng: Trong đó tổng hợp các vấn đề quan trọng về kế toán đòi hỏi phải điều chỉnh Báo cáo tài chính, phải giải trình và công bố trong phần thuyết minh, phải nêu trong thư quản lý hay phải tiếp tục theo dõi trong niên độ sau.

– Báo cáo kiểm soát cuộc kiểm toán: Mẫu báo cáo này được lưu trên cùng hồ sơ kiểm toán năm hiện hành. Mẫu này tổng hợp công việc soát xét bao gồm cả năm giai đoạn đánh giá và chấp nhận khách hàng, tiền kế hoạch, lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán. Mẫu này có tính chất quan trọng nhất vì đây là bằng chứng soát xét và phê chuẩn hồ sơ kiểm toán trước khi ký Báo cáo kiểm toán.

Ngoài ra, Công ty còn lập thư quản lý gửi cho khách hàng để lưu ý những điều cần thay đổi, bổ sung cho phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Đây là một ưu điểm của Công ty tạo cho khách hàng cảm giác được quan tâm, tránh khỏi những sai sót trong thực hành kế toán. Bên cạnh đó, thư quản lý còn là một bằng chứng khẳng định Công ty đã bàn bạc và nhắc nhở những sai sót mà khách hàng phạm phải trong công tác kế toán cũng như trong hoạt động kinh doanh.

Giám đốc sẽ phê duyệt toàn bộ dự thảo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, thư giải trình và chuyển lại cho phòng kiểm toán để hoàn chỉnh. Bản thảo đã được Giám đốc phê duyệt sẽ được gửi đến khách hàng để lấy ý kiến. Sau khi khách hàng đồng ý với bản dự thảo, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán sẽ được in ra và trình lên Giám đốc để ký duyệt, đồng thời phát hành báo cáo kiểm toán gửi tới khách hàng để ký trước. Sau đó báo cáo kiểm toán được in thành nhiều bản, trong đó công ty sẽ lưu lại một bản.

Sau đây là trích BCKT của BCKT Công ty Cổ phần ABC do Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam phát hành:

CÔNG TY CỔ PHẦN ABC

TRÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	31,978,735,750	15,421,980,941
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3,933,914,393	218,395,420
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	-	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		674,653,125	754,934,619
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200			

(Nguồn: Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam)

2.3. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

2.3.1. Ưu điểm

Qua tìm hiểu công tác kiểm toán các khoản nợ phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần ABC do Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam thực hiện, có thể thấy những ưu điểm trong quy trình kiểm toán như sau:

Giai đoạn 1: Đánh giá và chấp nhận khách hàng

Dù đây đã là năm thứ hai AFA thực hiện kiểm toán BCTC đối với khách hàng Công ty Cổ phần ABC, nhưng Công ty vẫn thực hiện đầy đủ thủ tục đánh giá lại rủi ro hợp đồng kiểm toán và sự phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức với khách hàng. Công việc này được thực hiện hàng năm cho tất cả các khách hàng hiện tại nhằm phát hiện những vấn đề về khả năng tiếp tục thực hiện kiểm toán cho khách hàng đó. Tùy vào quy mô, tính phức tạp của công ty khách hàng cũ, AFA thường bố trí sẽ có ít nhất 1 thành viên trong đoàn đã từng tham gia kiểm toán năm trước để giảm thiểu khối lượng công việc về tìm hiểu khách hàng, tập trung thực hiện thủ tục khác. Tuy vậy, công ty vẫn theo dõi và luân chuyển kịp thời các thành viên chủ chốt của nhóm kiểm toán theo nguyên tắc 3 năm thay đổi thành viên nhóm kiểm toán một lần để đảm bảo đảm bảo tính độc lập với khách hàng theo yêu cầu của chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Giai đoạn này (bao gồm cả giai đoạn 2 và 3) thường sẽ được Trưởng đoàn kiểm toán thực hiện trên một Hồ sơ kiểm toán, được KTV gọi là file FOF [Phụ lục 01].

Giai đoạn 2: Tiền kế hoạch

Các hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện đầy đủ, cụ thể và rõ ràng, giúp KTV kịp thời phát hiện được các rủi ro có sai sót trọng yếu ở cả cấp độ BCTC và CSDL từ đó có chiến lược kiểm toán phù hợp với rủi ro đã được phát hiện. Đây là giai đoạn thể hiện rõ định hướng kiểm toán BCTC theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro của công ty, một xu hướng tất yếu trong hoạt động kiểm toán hiện nay. Một mặt, phương pháp này thể hiện đúng bản chất nghiệp vụ kiểm toán, phù hợp với hệ thống các chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Mặt khác, phương pháp kiểm toán này giúp khắc phục được những hạn chế của phương pháp kiểm toán truyền thống và nâng cao chất

lượng kiểm toán BCTC, thông qua việc tập trung nguồn lực vào những bộ phận, nội dung trọng yếu.

Giai đoạn 3: Lập kế hoạch

Trong giai đoạn này, trưởng nhóm kiểm toán sẽ phân công công việc và trách nhiệm cụ thể hợp lý gắn với mức độ quan trọng của từng khoản mục và trình độ của KTV, trợ lý KTV. Đối với khoản nợ phải thu khách hàng, đây là khoản mục ảnh hưởng lớn đến BCTC được kiểm toán, do đó phần hành này thường được giao cho trưởng nhóm hoặc trợ lý kiểm toán năm 3 đảm nhiệm vì họ là những người giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Đồng thời, trưởng nhóm kiểm toán sẽ kiểm tra, rà soát lại bảng kế hoạch kiểm toán để tránh sai sót, rủi ro, nhằm điều chỉnh nhanh chóng góp phần tăng hiệu quả của công việc.

Giai đoạn 4: Thực hiện kiểm toán

Nhìn chung, công tác kiểm toán ở giai đoạn này được thực hiện tương đối đầy đủ, phù hợp với chương trình kiểm toán mẫu VACPA, và xuyên suốt cuộc kiểm toán KTV luôn đi theo quy trình và thực hiện đầy đủ những thủ tục trong quy trình này.

Công ty đã thiết kế sẵn các mẫu GLV với đầy đủ các thủ tục, mỗi thủ tục đều được trình bày chi tiết, rõ ràng trên mỗi sheet làm việc, nhờ vậy mà KTV có thể tiết kiệm được thời gian thực hiện cũng như nâng cao chất lượng của công tác kiểm toán.

Công tác thu thập bằng chứng cũng được công ty thực hiện khá tốt, khi KTV đã chủ động liên hệ trước với khách hàng để gửi mẫu TXN của công ty đến các đối tượng cần được xác nhận, cũng như yêu cầu cung cấp các hồ sơ, chứng từ gốc liên quan đến các khoản nợ phải thu khách hàng để KTV thực hiện các thủ tục kiểm tra. Đồng thời, bằng chứng kiểm toán cũng được thu thập nhanh chóng và đầy đủ giúp KTV tiết kiệm được thời gian thực hiện các thủ tục thay thế nếu không nhận được TXN và có thể gia tăng các thủ tục quan trọng khác.

Đơn vị thực hiện cuộc kiểm toán theo phương pháp tiếp cận từng khoản mục riêng biệt, tuy nhiên đơn vị vẫn có sự gắn kết giữa các khoản mục với nhau thông qua việc các KTV đối chiếu số liệu giữa các khoản mục nợ phải thu khách hàng và các khoản mục khác. Nhờ vậy mà cuộc kiểm toán có thể giảm được áp lực về thời gian và từ đó nâng cao chất lượng kiểm toán.

Giai đoạn 5: Hoàn thành kiểm toán

Cuối cuộc kiểm toán, trưởng nhóm luôn luôn rà soát toàn bộ GLV của các thành viên trong nhóm, tập hợp các ý kiến, trao đổi các vấn đề chưa rõ với khách hàng để tăng tính hiệu quả của thông tin, thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán.

Quá trình xét duyệt trước khi phát hành báo cáo kiểm toán cho khách hàng chặt chẽ, cẩn thận qua 3 khâu: Đầu tiên trưởng nhóm kiểm toán sẽ kiểm tra toàn bộ hồ sơ kiểm toán, dự thảo báo cáo kiểm toán sau đó trình Ban kiểm soát xét duyệt, cuối cùng là có sự thông qua của BGD, có chữ kí đầy đủ và đóng dấu giáp lai thì báo cáo mới được phát hành.

2.3.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trong quy trình kiểm toán được nêu ở trên, trong giai đoạn thực hiện kiểm toán các khoản nợ phải thu khách hàng tại Công ty AFA vẫn có một số nhược điểm đáng chú ý sau đây:

- **Về việc thực hiện thử nghiệm kiểm soát:** Công ty rất ít khi thực hiện thử nghiệm kiểm soát mà thực hiện ngay các thử nghiệm cơ bản ở mức độ phù hợp. Lý do là vì tốn kém về thời gian và chi phí nên việc kiểm tra hệ thống KSNB thường bị bỏ qua. Nhưng các thử nghiệm kiểm soát sẽ giúp KTV đánh giá lại hệ thống KSNB, từ đó KTV điều chỉnh tăng hoặc giảm các thử nghiệm cơ bản cũng như giúp KTV đưa ra những giải pháp để hoàn thiện thủ tục kiểm soát cho đơn vị khách hàng. Ngoài ra, Công ty không thiết kế riêng các GLV cho thử nghiệm kiểm soát mà chỉ thông qua các GLV khác.

- **Về quy trình đánh giá mức trọng yếu:** Công ty thực hiện đánh giá mức trọng yếu tổng thể chung toàn công ty sau đó lấy kết quả đánh giá mức trọng yếu tổng thể đó áp vào từng khoản mục, đồng nghĩa là không tồn tại hoạt động đánh giá mức trọng yếu cho từng khoản mục. Điều này có thể gây ra sự sai lệch về giá trị chọn mẫu cho từng khoản mục riêng biệt, cụ thể ở đây là khoản mục nợ phải thu khách hàng.

- **Về việc gửi thư xác nhận:** Như đã nói ở phần trước, TXN được KTV nhờ Công ty khách hàng gửi cho các khách hàng của họ. Điều đó nghĩa là TXN không được tự tay KTV gửi đến khách hàng của công ty được kiểm toán. Điều này phát sinh nhiều rủi ro:

- Thứ nhất, Công ty khách hàng có thể không gửi thư vì mục đích nào đó, vì thế KTV sẽ không nhận được hồi đáp và bắt buộc phải sử dụng các thủ tục thay thế.

- Thứ hai, thời gian KTV chờ đợi công ty khách hàng gửi TXN cho khách hàng của họ thực sự lâu hơn nhiều so với thời gian KTV tự tay gửi thư. Điều này liên quan đến nguy cơ từ sự quen thuộc mà khách hàng có thể phản hồi rất chậm hoặc không phản hồi.

Tóm lại, việc gửi TXN bằng cách này thực sự không hiệu quả. KTV nên xem xét các cách gửi TXN trực tiếp nhưng vẫn tiết kiệm được thời gian và có được hiệu quả hơn.

- **Về giấy tờ làm việc của Công ty:** Các KTV thực hiện một số giấy làm việc rất sơ sài, ví dụ như GLV <To do list – 5300>, <Audit program – 5300>. Thường thì để tiết kiệm thời gian, KTV sẽ bỏ qua những GLV như trên. Đây có thể là sự chú quan đến từ các KTV bởi vì các GLV trên không mất quá nhiều thời gian để hoàn thành. Một số GLV của các khoản mục về đánh giá hệ thống KSNB là có như khoản mục hàng tồn kho hay doanh thu, tuy nhiên đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng thì Công ty chưa thiết kế GLV riêng để đánh giá hệ thống KSNB của khoản mục này.

Riêng GLV <5362>, GLV này không được KTV hoàn thành đầy đủ và tham chiếu số tiền, khách hàng từ TXN vào GLV này. Điều này xuất phát từ nhược điểm gửi TXN thông qua công ty khách hàng, do đó KTV chưa thể cập nhật được GLV đúng hạn vì TXN chưa có trong tay. Đồng thời KTV cũng không thực hiện các thủ tục thay thế cho những TXN có khả năng không phản hồi hoặc không chất lượng.

- **Về tình hình nhân sự:** Công ty dường như đang thiếu hụt nhân sự trong những ngày trọng tâm của mùa Kiểm toán, khối lượng công việc quá lớn và thời gian Kiểm toán quá ngắn ngày cộng với việc các Đoàn kiểm toán phải di chuyển rất nhiều đã làm vắt kiệt sức lực của các thành viên trong Đoàn kiểm toán. Điều đó ảnh hưởng lớn đến chất lượng kiểm toán mà Công ty cam kết mang lại.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM

3.1. Quan điểm hoàn thiện của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

- *Về hoạt động kinh doanh:* Hoạt động kiểm toán độc lập đã hình thành, phát triển và đã trở thành nhu cầu tất yếu đối với hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng quản lí của doanh nghiệp. Đối với bất kỳ một công ty kiểm toán nào khi tham gia vào thị trường đều mong muốn đứng vững trên thị trường và trở thành một công ty kiểm toán hàng đầu. Không nằm ngoài quy luật chung ấy, Công ty AFA cũng luôn không ngừng cố gắng để nâng cao chất lượng kiểm toán của mình.

- *Về công tác đào tạo:* Ban Giám đốc AFA hằng năm luôn tuyển dụng và đào tạo nhân viên mới. Công ty có soạn và giảng dạy những tài liệu để đào tạo nội bộ nhân viên theo cách riêng của AFA mang lại hiệu quả cao và nhanh chóng. Đối với sinh viên thực tập, công ty sẽ có 1 tuần đào tạo các thực tập sinh nhằm tổng quan hóa những vấn đề kiểm toán và hệ thống lại kiến thức về kiểm toán các khoản mục, làm tiền đề để thực tập sinh trang bị vững kiến thức trước khi bước vào mùa thực tập thực tế.

- *Về quy trình và chất lượng dịch vụ:* Chương trình kiểm toán của công ty được thiết kế chặt chẽ nhằm đảm bảo tất cả các cuộc kiểm toán được tiến hành phù hợp với chuẩn mực và đạt hiệu quả cao nhất. Để đảm bảo những vấn đề phát sinh được giải quyết kịp thời, cuộc kiểm toán luôn được đặt dưới sự hướng dẫn chu đáo và giám sát kỹ lưỡng từ các cấp.

Để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã xây dựng một kế hoạch kiểm toán từ tổng thể đến chi tiết, cùng với sự phân công phù hợp và liên kết chặt chẽ giữa các KTV.

Ngoài ra, giấy tờ làm việc được thiết kế và soát xét kỹ lưỡng qua nhiều cấp, hồ sơ kiểm toán được sắp xếp hợp lý, khoa học thuận tiện cho KTV trong quá trình làm việc cũng như tra cứu và phát hiện các sai sót trọng yếu.

- *Về công tác tổ chức, quản lý:* Đối với BGD, Công ty đã không ngừng nâng cao năng lực quản lý, khả năng lãnh đạo để kiến toàn bộ máy tổ chức điều hành công ty. Tăng cường chỉ đạo hoạt động của Công ty thông qua việc phân công công việc cụ thể nhằm giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong từng bộ phận.

3.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam

- *Về công tác đánh giá hệ thống KSNB của khách hàng:* Có thể nói đánh giá hệ thống KSNB tại công ty khách hàng là công việc quan trọng khi thực hiện kiểm toán. Vì thế Công ty cần tăng việc tìm hiểu hệ thống KSNB để có thể đánh giá rủi ro chính xác hơn. Việc hiểu rõ về hệ thống KSNB giúp các KTV có thể thiết kế chương trình kiểm toán phù hợp. Khi hệ thống KSNB của công ty khách hàng được đánh giá là hiệu quả thì các thử nghiệm sẽ được thực hiện ngay với số lượng lớn nhằm thu thập được các bằng chứng về thiết kế và về hoạt động của hệ thống KSNB. Ngược lại, khi hệ thống KSNB của khách hàng được đánh giá là không hiệu quả thì những Bảng câu hỏi về độ tin cậy phải được bổ sung. Do đó, Công ty nên chú trọng vào thực hiện kiểm tra về hệ thống KSNB đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng của công ty khách hàng. Ngoài ra, Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam nên thiết kế các GLV liên quan đến thử nghiệm kiểm soát để thể hiện rõ ràng và đầy đủ các thử nghiệm KSNB liên quan đến khoản mục.

- *Về quy trình đánh giá mức trọng yếu:* Công ty nên đánh giá mức trọng yếu tổng thể cho từng khoản mục để đảm bảo sự chính xác về mức trọng yếu đối với từng khoản mục. Theo đó, Công ty nên lập một bảng tỉ lệ trọng yếu tính riêng cho từng khoản mục với công thức như sau:

$$\text{Mức trọng yếu tổng thể của khoản mục} = \text{Chỉ tiêu} * \text{Tỉ lệ theo từng khoản mục}$$

- *Về việc gửi TXN:* TXN cần phải được gửi bởi KTV nếu KTV muốn đảm bảo chất lượng cũng như thời gian của kết quả TXN nhận được. TXN cần được đảm bảo đúng thời gian nhận thư để KTV có thể dùng các thủ tục thay thế trong trường hợp TXN không cho được kết quả kiểm toán mong muốn.

- *Về giấy tờ làm việc của khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty:*

+ GLV <5362> nên được KTV đánh tham chiếu với TXN, đồng thời KTV nên hoàn thành GLV một cách hoàn chỉnh.

+ Để hoàn thành tốt cuộc kiểm toán và kế hoạch hóa các công việc cần làm, KTV nên bổ sung đầy đủ vào GLV <To do list – 5300>, cụ thể bao gồm: Những sổ sách cần xin của Công ty khách hàng, các GLV của thủ tục liên quan, các công việc phát sinh khác...

+ KTV cần chú trọng hơn với thủ tục phân tích so sánh các thông tin tài chính với kỳ trước, dự toán kế hoạch và với các thông số của ngành. Điều này giúp KTV

thấy rõ sự chênh lệch của các chỉ số của công ty khách hàng với các công ty trong ngành, từ đó phân tích đánh giá.

+ Tại Công ty, GVL <To do list – 5300> gồm 3 mục chính là: WP (Work paper), Question và Answer, tuy nhiên, để cụ thể hóa công việc cần làm, KTV nên bổ sung thêm mục Time và Note. Minh họa như sau:

Bảng 3.1. Bảng minh họa GLV <To Do List> được đề xuất

GLV 5300 <TO DO LIST>				
Tên GLV	Vấn đề cần giải quyết	Hướng giải quyết	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Biểu tổng hợp	Số dư đầu kì và số dư cuối kì của khoản mục có thể không chính xác.	So sánh, đối chiếu với BCTC đã được kiểm toán năm trước để lấy số dư đầu kì, số dư cuối kì được lấy từ BCTC do khách hàng cung cấp.	Trước hạn Trưởng nhóm thông báo	
GLV thủ tục phân tích	Đảm bảo số liệu để tính các chỉ số tài chính - Số vòng quay nợ phải thu khách hàng năm nay/năm trước - Số nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/Tổng số nợ phải thu khách hàng năm nay so với năm trước	- Sau khi thực hiện kí hợp đồng kiểm toán: lấy được BCTC từ khách hàng để có thời gian đánh giá sơ bộ các chỉ tiêu tài chính đó. - Khi đến Công ty khách hàng: xin thêm Hợp đồng mua bán nợ, xin bảng phân tích tuổi nợ...	Trước hạn Trưởng nhóm thông báo	
GLV thủ tục gửi thư xác nhận	TXN không đảm bảo chất lượng (TXN không hồi âm, TXN không đáng tin cậy, không đạt mức trọng yếu)	Trước khi đến công ty khách hàng phải nhận được TXN để xác minh và đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết nợ phải thu khách hàng. Nếu như TXN không có đảm bảo chất lượng, KTV phải thực hiện thủ tục thay thế: (Thứ nhất, KTV kiểm tra việc thu tiền	Trước hạn Trưởng nhóm thông báo	Quan trọng

		sau ngày kết thúc niên độ, thứ hai KTV kiểm tra các chứng từ liên quan như: Hóa đơn, hợp đồng, phiếu xuất kho, biên bản bàn giao...		
...

(Nguồn: GLV <5300> [Phụ lục 05] và đề xuất của tác giả)

- **Về tình hình tuyển dụng nhân sự:** Trong các mùa kiểm toán, tình trạng nhân viên đối mặt với việc phải làm quá sức và không đảm bảo thực hiện kịp thời hợp đồng kiểm toán rất dễ xảy ra. Điều đó có thể làm cho uy tín của công ty Kiểm toán phần nào bị giảm sút. Chính vì vậy, với quy mô ngày càng phát triển như vậy thì Công ty cần phải tuyển dụng thêm nhân sự, đào tạo về chuyên môn, về kỹ năng nghiệp vụ,... để có thể đảm bảo đủ nhân sự cũng như chất lượng cho mùa kiểm toán.

3.3. Kiến nghị đến cơ quan Nhà nước (Bộ Tài chính, Hiệp hội nghề nghiệp...)

3.3.1. Kiến nghị đến với Bộ Tài chính

- Nhằm nâng cao chất lượng ngành kiểm toán, các cơ quan Nhà nước nên tổ chức các lớp tập huấn nhằm giúp cho các doanh nghiệp kiểm toán áp dụng các chuẩn mực, văn bản pháp lý này một cách dễ dàng, hạn chế những sai sót do hiểu nhầm hoặc không hiểu rõ quy định. Cụ thể là việc cập nhật các Nghị định, Thông tư do BTC ban hành và trong tương lai có thể phổ biến Chuẩn mực BCTC Quốc tế (IFRS) cho các Công ty Kiểm toán tại Việt Nam.

- Đồng thời, nên tăng cường kiểm soát hoạt động của các công ty kiểm toán và xử lý kịp thời các sai phạm phát sinh. Bên cạnh đó, các quy định cũng chưa có nhiều điểm phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Vì vậy, mong rằng trong tương lai gần Nhà nước và BTC hoàn thiện hơn cơ sở pháp lý chung cho hoạt động kiểm toán, thường xuyên cập nhật chuẩn mực quốc tế và soạn thảo lại phù hợp với tình hình thực tế ở nước ta.

3.3.2. Kiến nghị đến Hiệp hội nghề nghiệp

Các tổ chức kế toán, kiểm toán ra đời như Hội Kế toán - Kiểm toán Việt Nam (VAA), Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của nghề kế toán, kiểm toán tại Việt Nam. Các hiệp hội này vừa kiểm soát chặt chẽ công tác kiểm toán vừa tham gia việc hướng dẫn nghiệp vụ cho các công ty kiểm toán. Để hoàn thiện quy trình kiểm toán BCTC và

kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng, bài viết xin đưa ra một số kiến nghị với Hiệp hội như sau:

Tăng cường các hoạt động trao đổi bồi dưỡng những kiến thức chuẩn mực mới cho các kiểm toán viên trong nước. Khi có điều kiện và thấy cần thiết, cần cập nhật những chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc tế với những thay đổi quan trọng nhằm giúp lĩnh vực kiểm toán ở Việt Nam luôn bắt kịp với thế giới trên con đường hội nhập.

Đánh giá và xếp hạng các công ty kiểm toán hàng năm. Việc này vừa tạo nên sự thi đua nâng cao chất lượng kiểm toán giữa các công ty kiểm toán độc lập, là căn cứ chắc chắn để các đơn vị khách hàng an tâm, tìm kiếm một công ty kiểm toán thích hợp.

Đẩy mạnh công tác khuyến khích thi đua, bầu chọn công ty kiểm toán điển hình, cá nhân xuất sắc, tạo động lực thúc đẩy ngành kiểm toán phát triển cả về chất và lượng.

Tổ chức thường xuyên hơn các Hội thảo giải quyết các vấn đề nảy sinh trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực kiểm toán nói riêng.

Hiện nay, VACPA đã xây dựng chương trình kiểm toán mẫu tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro. Đây là một hoạt động thiết thực và mang lại nhiều thuận lợi cho các công ty kiểm toán, trợ giúp đắc lực cho các kiểm toán viên khi làm việc. Vậy nên Hiệp hội cần có nhiều chương trình như vậy để tăng cường hiệu quả và chất lượng cuộc kiểm toán.

Đối với khoản mục nợ phải thu khách hàng, Hiệp hội nên có thêm những quy định về việc áp dụng kết hợp các phương pháp trong kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ như điều tra, phỏng vấn, thực hiện lại, kiểm tra từ đầu đến cuối, kiểm tra ngược lại theo quy trình thời gian.

Việc làm này tuy mất thời gian và chi phí nhưng nếu sau khi thực hiện, kiểm toán viên đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng là đáng tin cậy và xác định rủi ro kiểm soát ở mức thấp hơn, khi đó quy mô số mẫu được lựa chọn để thực hiện các thử nghiệm cơ bản sẽ giảm, điều này đồng nghĩa với việc giảm chi phí kiểm toán.

Kiểm toán viên có thể sử dụng một trong 3 phương pháp trên hoặc kết hợp cả 3 phương pháp mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ tùy theo đặc điểm của khách thể kiểm toán, quy mô và điều kiện cuộc kiểm toán. Đó là, bảng tường thuật, bảng câu hỏi và lưu đồ. Việc sử dụng lưu đồ sẽ giúp kiểm toán viên thấy được mối quan hệ giữa các bộ phận, dễ dàng phát hiện được hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá khả năng xảy ra gian lận do có thông đồng giữa các bộ phận.

Tuy nhiên, việc xây dựng lưu đồ thường tốn kém nhiều chi phí và mất nhiều thời gian hơn so với bảng tường thuật hay bảng hỏi. Đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của một số khoản mục trọng yếu như khoản mục nợ phải thu khách thì các công ty kiểm toán nên xem xét xây dựng mô tả bằng lưu đồ để thuận tiện trong việc phân tích, đánh giá.

KẾT LUẬN

Kiểm toán khoản mục phải thu khách hàng là một khoản mục quan trọng, ảnh hưởng liên đới liên BCTC. Vì vậy việc xác nhận tính chính xác, trung thực và hợp lý của thông tin tài chính luôn là một đòi hỏi tất yếu từ phía những người có nhu cầu quan tâm đến BCTC của đơn vị.

Qua hơn hai tháng thực tập tại Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam, em đã được tham gia vào thực tế công tác kiểm toán một số phần hành tại công ty, đồng thời được các anh chị trong công ty tạo điều kiện nghiên cứu, tìm hiểu thực tiễn về việc kiểm toán BCTC. Trong bài viết, em đã cố gắng liên hệ những kiến thức bản thân được học tại nhà trường và thực tế công việc của KTV để rút ra một số nhận xét về công tác kiểm toán khoản mục phải thu khách hàng. Trên cơ sở lý luận và thực trạng thực hiện quy trình kiểm toán khoản Nợ phải thu khách hàng tại Công ty Cổ phần ABC, đánh giá ưu điểm, những hạn chế của công tác khoản mục này qua từng giai đoạn, từ đó đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán.

Tuy nhiên vì những hạn chế về thời gian, địa lý, kiến thức về chuyên ngành kiểm toán cũng như số lượng khách hàng được tiếp cận trực tiếp không nhiều nên việc tìm hiểu quá trình vẫn chưa được kỹ lưỡng, những ý kiến nhận xét còn mang tính chất chủ quan. Vậy nên, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp và chia sẻ của quý Thầy cô để em có thể hoàn thiện hơn nữa đề tài và mở rộng thêm kiến thức.

Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam cùng các anh chị KTV tại Công ty đã tạo nhiều cơ hội để em được trải nghiệm thực tế, tích lũy thêm nhiều kiến thức và kinh nghiệm. Ngoài ra, em xin gửi lời cảm ơn đến ThS. Phạm Thị Lai đã giúp đỡ em rất nhiều trong việc hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp một cách tốt nhất.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
- [2] Bộ Tài chính (2019), *Thông tư số 48/2019/TT-BTC – Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp*.
- [3] Chuẩn mực kiểm toán số 200: Mục tiêu tổng thể của KIỂM TOÁN VIÊN và doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (*Ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính*).
- [4] Hồ sơ kiểm toán (2020) – Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.
- [5] Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, *Kiểm toán (xuất bản lần thứ tám)*, Nhà xuất bản kinh tế, Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019.
- [6] Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, *Kiểm toán soát nội bộ (xuất bản lần thứ ba)*, Nhà xuất bản kinh tế, Thành Phố Hồ Chí Minh, 2018.
- [7] Khoa Kinh tế & kế toán, Trường đại học Quy Nhơn; *Giáo trình Kiểm toán BCTC I*; Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2020).
- [8] Khoa Kinh tế & kế toán, Trường đại học Quy Nhơn; *Giáo trình Kiểm toán căn bản của trường Đại học Quy Nhơn*; Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2018).
- [9] Tài liệu nội bộ của Tập đoàn Ecovis và Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.
- [10] Tài liệu, sổ sách từ Công ty Cổ phần ABC.
- [11] Trang web Công ty Cổ phần ABC.
- [12] VACPA (2019), Chương trình kiểm toán mẫu áp dụng cho kiểm toán báo cáo tài chính, Ban hành theo Quyết định số 496-2019/QĐ-VACPA ngày 01 tháng 11 năm 2019 của chủ tịch VACPA.
- [13] Website của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá AFA và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam, tại địa chỉ <https://www.afac.com.vn/> [Truy cập ngày 04/03/2021].

[14] Website của tập đoàn Ecovis tại địa chỉ: <https://www.ecovis.com/global/profile/>
[Truy cập ngày 04/03/2021].

DANH MỤC PHỤ LỤC

Tên Phụ lục
Phụ lục 01: Hồ sơ kiểm toán
Phụ lục 02: Thuyết minh BCTC Công ty Cổ phần ABC
Phụ lục 03: Bảng cân đối số phát sinh
Phụ lục 04: Bảng cân đối kế toán
Phụ lục 05: Giấy làm việc khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty
Phụ lục 06: Bảng tổng hợp TK 131 số dư có
Phụ lục 07: GLV chọn mẫu kiểm toán
Phụ lục 08: TXN nợ phải thu khách hàng
Phụ lục 09: BCKQHĐKD Công ty Cổ phần ABC

PHỤ LỤC 01:
HỒ SƠ KIỂM TOÁN
KHÁCH HÀNG CÔNG TY CỔ PHẦN ABC

Acceptance

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
Period end:	12/31/2020	Reviewed:	NTL	11/20/2020
		Partner:	PQT	11/20/2020
		EQCR:		

Audit Stage Pre Plan Plan Fieldwork Completion

Sign-off:	Initials	Date	Date	Date	Date
Prepared:	VTNP	12/17/2020	12/19/2020	1/18/2021	2/18/2021
Reviewed:	NTL	12/17/2020	12/19/2020	1/18/2021	2/18/2021
Partner:	PQT	12/17/2020	12/19/2020	1/18/2021	2/18/2021
EQCR:					

Đã thực hiện

Partner reviewed

note

CLIENT ACCEPTANCE OR CONTINUANCE

201	Global	201
211	Client Acceptance and Independence Questionnaire	211
212	Client Re-evaluation and Independence Questionnaire	212
224	Auditor rotation evaluation	224
225	Independence Confirmation Sign-Off	225

UNDERSTAND THE ENTITY AND ASSESS RISKS

301	Knowledge of Business – General information	301
380	Information System Assessment and Computer Classification	380

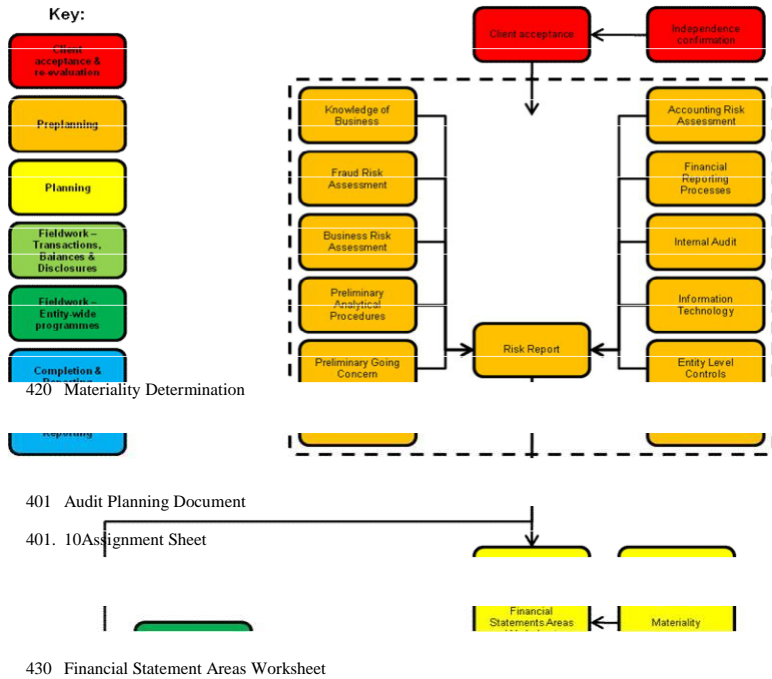
SUMMARY OF RISK ASSESSMENT

302	Risk Assessment	302
302.10	Z-Score	302.10

DETERMINE PLANNING AND FINAL MATERIALITY

SUMMARY OF AUDIT STRATEGY

416	Budget Template
-----	-----------------

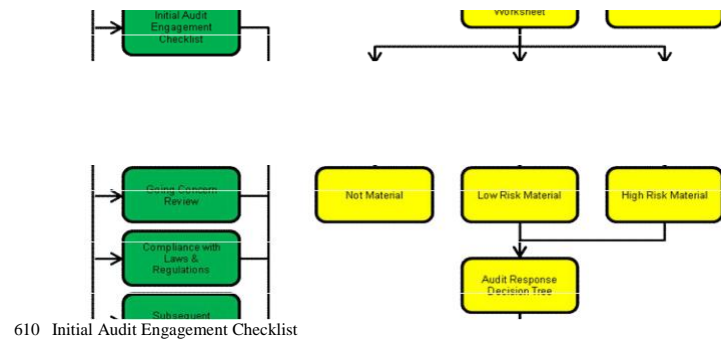


420 Materiality Determination

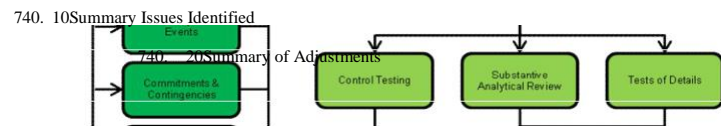
401 Audit Planning Document

401.10 Assignment Sheet

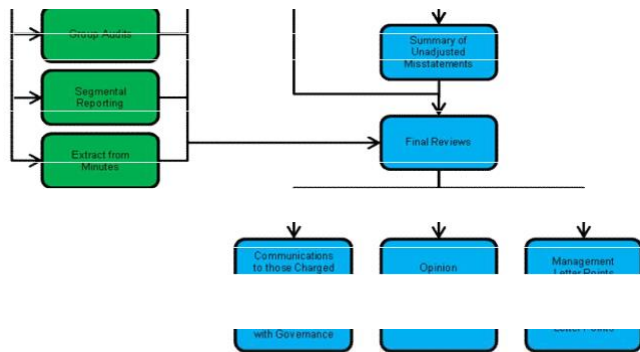
430 Financial Statement Areas Worksheet



610 Initial Audit Engagement Checklist



740. 10 Summary Issues Identified



EDURE – SINGLE AUDIT

601	Entity-Wide Programmes	420
601.10	Going Concern Assessment Checklist	401
601.10II	Going Concern Review	401.10
601.20	Post Balance Sheet Events Review	
601.30	Compliance with Laws and Regulations	416
601.40	Review of Journal Vouchers	430

REPORTING

		601
		601.10
		601.10II

AUDIT CONCLUSION

		601.20
701	Completion Checklist	601.30
710.10	Summary of Unadjusted Differences	
710.20	Evaluation of Unadjusted Differences	601.40
710.30	Summary of Uncorrected Misstatements	610
720	Final Analytical Procedures	
745	Record of Consultation	740.10
765	Engagement Quality Control Review	740.20
772	Tax Checklist	
773	VAS Disclosure Checklist	701
773.20	VAS Disclosure Checklist - non-going concern	710.10
774	Corporations Act checklist	710.20

710.20

710.30

720

745

765

772

CURRENT AUDIT FILE

GENERAL INFORMATION

Name of client : **Công ty Cổ phần ABC**
 Period ended : **12/31/2020**
 Type of Maps: **Basic**
 Lockdown date **[D/M/Y]** Partner sign-off

AUDIT ENGAGEMENT TEAM

	<u>Full name</u>	<u>Initials</u>
Engagement Partner	Phạm Quang Trung	PQT
Engagement Quality Control Reviewer		
Audit Manager	Nguyễn Mạnh Cường	NMC
Audit Senior	Nguyễn Thanh Lam	NTL
Team member 1	Đặng Huỳnh Long	ĐHL
Team member 2	Võ Thị Nguyễn Phương	VTNP

AUDIT FILE INDEX

A FRONT OF FILE

Form Ref.	Form Name	Prepared	Tick	Notes
200	I. CLIENT ACCEPTANCE & RE-VALUATION			
201	Global independence assessment question		x	
211	Client Acceptance and Independence Questionnaire		x	
212	Client Re-evaluation and Independence Questionnaire			
224	Auditor rotation evaluation		x	
225	Independence Confirmation Sign-Off		x	
240	Consider depending on customer auditing			
300	II. PRE-PLANNING			
301	Knowledge of Business – General information		x	
302	Risk Assessment		x	
321	Fraud Risk Assessment - Client's enquiry		x	
322	Fraud Risk Assessment - Journal Entry Testing		x	
351.100	Revenue Control Documentation		x	
351.200	Revenue Segregation of Duties Assessment		x	

351.300.1	Revenue Risk Control Matrix	
351.300.2	Revenue Test of Control	x
351.400	Revenue Walkthroughs	
352.100	Inventory Control Documentation	
352.200	Inventory Segregation of Duties Assessment	
352.300.1	Inventory Risk Control Matrix	
352.300.2	Inventory Test of Control	
352.400	Inventory Walkthroughs	
353.100	Purchases Control Documentation	
353.200	Purchase Segregation of Duties Assessment	
353.300.1	Purchase Risk Control Matrix	
353.300.2	Purchase Test of Control	
353.400	Purchase Walkthroughs	
380	Information System Assessment and Computer Classification	
400	III. PLANNING	
401	Audit Planning Document	x
401.10	Assignment Sheet	x

AUDIT FILE INDEX

A FRONT OF FILE

416	Budget and actual timecost	x
420	Materiality Determination	x
430	Financial Statement Areas Worksheet	x
450	Reporting to those Having Oversight - Planning	x
452	Audit Planning Client Meeting	x

500-600 IV. FIELDWORK

510.10	Statistical Sampling	
520.20	MUS Sampling	
530	Scoping	
601	Entity-Wide Programmes	x
601.10	Going Concern Assessment Checklist	
601.10II	Going Concern Review	x
601.20	Subsequent events	x
601.30	Compliance with Laws and Regulations	
601.40	Commitment and Contingencies	x
610	Initial Audit Engagement Checklist	x
686	Extract from Minutes	x

700 V. COMPLETION & REPORTING

701	Completion Checklist	x
710.10	Summary of Unadjusted Differences	
710.20	Evaluation of Unadjusted Differences	x
710.30	Summary of Uncorrected Misstatements	
720	Final Analytical Procedures	x
740.10	Summary Issues Identified	
740.20	Summary of Adjustments	x
745	Record of Consultation	x
765	Engagement Quality Control Review	
772	Tax Checklist	x
773	VAS Disclosure Checklist	x
773.20	VAS Disclosure Checklist - non-going concern	x
774	Corporations Act checklist	x

800 VI. OTHER CONFIRMATIONS

x

801	The Representation Letter	<input checked="" type="checkbox"/>
802	Related Party Confirmation	<input checked="" type="checkbox"/>
803	Compliance with Laws and Regulations Confirmation	<input checked="" type="checkbox"/>
804	Subsequence Events	<input checked="" type="checkbox"/>
805	Audit contract	<input checked="" type="checkbox"/>
	Other	<input checked="" type="checkbox"/>
900	VII. REPORTING WP	
901	Trial Balance	<input checked="" type="checkbox"/>
902	Draft Auditors' Report	<input checked="" type="checkbox"/>
903	Draft Management Letter	<input checked="" type="checkbox"/>
904	Cashflow Working Paper	<input checked="" type="checkbox"/>

CURRENT AUDIT FILE

AUDIT FILE INDEX

B BACK OF FILE

Form Ref.	Form Name	Prepared	Tick	Notes
5000	ASSETS			
5100	Cash & Bank	<input checked="" type="checkbox"/>		
5200	Investments	<input checked="" type="checkbox"/>		
5300	Account Receivables	<input checked="" type="checkbox"/>		
5400	Inventory	<input checked="" type="checkbox"/>		
5500	Other assets	<input checked="" type="checkbox"/>		
5600	Tangibles FA & Investment property	<input checked="" type="checkbox"/>		
5700	Intangible FA & Finance Lease FA	<input checked="" type="checkbox"/>		
6000	LIABILITIES			
6100	Borrowings	<input checked="" type="checkbox"/>		
6200	Payables to suppliers	<input checked="" type="checkbox"/>		
6300	Taxation	<input checked="" type="checkbox"/>		
6400	Payroll	<input checked="" type="checkbox"/>		
6500	Other payables and accruals	<input checked="" type="checkbox"/>		
7000	OWNER'S EQUITY			
7100	Owner's equity	<input checked="" type="checkbox"/>		
8000	PROFIT & LOSS			
8100	Revenue	<input checked="" type="checkbox"/>		
8300	Selling Expenses	<input checked="" type="checkbox"/>		
8400	Administration Expenses	<input checked="" type="checkbox"/>		
8500	Financial Incomes and Expenses	<input checked="" type="checkbox"/>		
8600	Other Incomes and Expenses	<input checked="" type="checkbox"/>		
9000	OTHERS			
9000	Related parties	<input checked="" type="checkbox"/>		

PERMANENT FILE

AUDIT FILE INDEX

A. DOCUMENTS PROVIDED BY CLIENT

Form Ref.	Form Name	Prepared	Tick	Notes
1001	Financial Statements and Trial Balance		<input type="checkbox"/>	
1002	Appointment decision for members of BOD and BOM in current year		<input type="checkbox"/>	
1003	Meeting Minutes/Resolution/Reports of BOD and BOM in current year		<input type="checkbox"/>	
1004	Others		<input type="checkbox"/>	
1005	...		<input type="checkbox"/>	

B. FINAL AUDIT REPORT

1201 For the financial year ended 31 December 2020_Vietnamese	<input type="checkbox"/>
1202 For the financial year ended 31 December 2020_English	<input type="checkbox"/>
1203 ...	<input type="checkbox"/>

C. INTERNAL CONTROLS

1301
1302

**GLOBAL
INDEPENDENCE**

201

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

A. Global Relationship Tracker

No.	Audit Procedure	Y or N or N/a	Comment and/or Ref.
	Using the Global Relationship Tracker (see AFA Connect) and, if deemed necessary other sources of information, determine whether another member firm serves an affiliate of the client (see AFA Ethics and Independence Policies for definition of Affiliate).	N/a	Công ty không có Công ty mẹ
1.	<i>Tip – When using the GRT search, use the name or ticker code of the ultimate parent company of the client. When using ultimate parent company names, it is best to search the GRT using only one key name in the first instance to conduct a broad search of the database to identify a match or close match to that name.</i>		
	If a match or matches are identified on the GRT search report, discuss the potential impairment of		

2.	<p>independence with the other member firm's International Contact Partner and Partner Responsible for Independence and document the responses received from all of the other member firms identified on the GRT search report.</p>	N/a	
	<p>Based on discussions with other member firms, document the safeguards that have been used to reduce independence risk to an acceptable level. Documentation should include the reasons for determining that safeguards in place are appropriate in reducing threats to independence to an acceptable level.</p>	N/a	
3.	<p><i>Note – If acceptable safeguards are not agreed the member firms should comply with the requirements of the AFA Ethics and Independence Policies – Conflict of Interest Resolution and Conflict of Interest Assessment Criteria.</i></p>		

B. Member firm listing

No.	Audit Procedure	Y or N or N/a	Comment and/or Ref.
1.	<p>By inquires of the audit client (or prospective audit client), document the locations by country where the audit client has affiliates or conducts operations.</p>	N/a	

	<p>In the event that an audit client or prospective audit client has foreign affiliates or operations outside of the local country the audit engagement partner should provide the audit client (or prospective audit client) with a list of AFA member firms and their related entities in those countries where the audit client (or prospective audit client) has affiliates or operations. The engagement partner shall obtain written acknowledgement from the audit client (or prospective audit client) as to whether they are aware of any services being provided to them (or to affiliated entities) by AFA member firms or their related entities in those countries.</p> <p><i>Note – AFA maintains and distributes a list of member firms and their related entities by country that is available via AFA Connect.</i></p>	N/a	
2.	<p>If as a result of the above procedures it is determined that other AFA member firms or related entities are providing services to the audit client, confirm that the procedures described in AFA Ethics & Independence Policies have</p>		

3. been performed and document the results on the engagement file.

N/a

GRT TESTING PROCEDURE CHECK

201-1

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	#####
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

This form is used to identify if the GRT Testing Procedure is required for accepting a new client.

No.	Audit Procedure	Y or N or N/a	Comment
1	Consider criteria below: <i>Xem xét các điều kiện bên dưới:</i>		
	a) Is the client a Public Interest Entity, including Listed Entity? <i>Khách hàng có phải là công ty niêm yết hoặc công ty có lợi ích công chúng?</i>	N	Khách hàng không phải là công ty niêm yết
	b) Is the client a Private Equity Group or Fund? <i>Khách hàng có phải là công ty quản lý quỹ?</i>	N	Khách hàng không phải là
	c) Is the client a Private Entity with ownership or Affiliates located in another jurisdiction or country, including ultimate parent companies, intermediate parent companies, sister companies, subsidiaries or Affiliates? <i>Khách hàng có phải là thành viên của Tập đoàn mà thành viên của Tập đoàn này hoạt động tại nhiều quốc gia hoặc vùng lãnh thổ trong đó có Việt Nam?</i>	N	

2 Is the GRT Testing Procedure required for this client?

If the response is "Yes" to any criteria in Question 1, the GRT Testing Procedure is required for this client.

Khách hàng có thuộc đối tượng thực hiện thủ tục kiểm tra GRT không?

N

Nếu trả lời "Yes" bất kỳ mục nào ở câu số 1, khách hàng thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện thủ tục kiểm tra GRT

3 If Yes to Question 2 then, document the name of the ultimate parent of the client.

Công ty không có
Công ty mẹ

N/a

Nếu trả lời là " Yes " ở câu số 2, hãy nêu tên Công ty mẹ sau cùng của khách hàng.

CLIENT RE-EVALUATION AND INDEPENDENCE	212
QUESTIONNAIRE	

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
		Reviewed:	NTL	11/20/2020
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

This form shall be completed annually to document client re-evaluation.

A. General

A. Tổng quan

No.	Audit Procedure		
1	Prospective Client (Name)	Y	Công ty CP
	Year End		31.12.2020
	Add:		Số 249 đường Bạch Đằng, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
2	Số năm DNKT đã cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC cho KH này	Y	2 năm
3	Briefly describe the nature of business (e.g. industry, products or services, major customers, major suppliers)	Y	- Ngành nghề: Sản xuất đồ uống không cồn (nước ngọt, nước giải khát bổ dưỡng), nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai khác - Sản phẩm/dịch vụ: Đồ uống không cồn, nước khoáng thiên nhiên - Khách hàng chính: Công ty không có khách hàng nào chiếm trên 10% tổng doanh thu; - Nhà cung cấp chính: CN Cty TNHH ASIA Packaging Industries VN tại M Bắc, Công ty TNHH công nghiệp KCP Việt Nam, Công ty TNHH SX TM DV Minh Thông, Công ty TNHH SX TM XNK Thành Duyệt Thuận
	Mô tả ngắn gọn về bản chất kinh doanh của khách hàng (ngành nghề, sản phẩm, dịch vụ, khách hàng chính, nhà cung cấp chính...)		
4	Các thay đổi chính so với năm trước	N/A	
-	Giấy CNĐKDN/Giấy CNĐT		
-	Ngành nghề kinh doanh		
-	Cơ cấu tổ chức, điều hành		

-	Khách hàng, nhà cung cấp, các khoản đầu tư, bên liên quan		
-	Chính sách kế toán		
-	Các thay đổi khác		
5	Các vấn đề lưu ý từ cuộc kiểm toán năm trước	Y	+ Hàng tồn kho tồn đọng + Chính sách khuyến mại bán hàng: Xem xét việc đăng ký với sở công thương.

B. Criteria for using the AFA Basic MAPs

No.	Audit Procedure	Result	Ref.
6	Is there a concentration of ownership and management with a small number of individuals (e.g. a single owner or a small number of shareholders with an active owner/manager)?	Yes	Khách hàng là một công ty CP thuộc loại hình DN vừa và nhỏ nên quyền kiểm soát thuộc về một số ít các cổ đông của Công ty

CLIENT RE-EVALUATION AND INDEPENDENCE

212

QUESTIONNAIRE

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
		Reviewed:	NTL	11/20/2020
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

7	Does the entity have simple and few types of revenue transactions?	Yes	Hoạt động của Công ty là sản xuất và bán buôn đồ uống không cồn, nước khoáng và nước giải khát khác cho nên Công ty các giao dịch và nghiệp vụ doanh thu đơn giản và tương đối tương đồng với nhau
8	Does the entity have unsophisticated record keeping?	Yes	Công ty chỉ nối mạng nội bộ trong Cty, với phần mềm tiêu chuẩn và chỉ có bộ phận kế toán chịu trách nhiệm ghi sổ cho nên hệ thống sổ sách của Công ty đơn giản
9	Does the entity expect normal growth or is it an early-stage growth company?	Yes	Với đặc thù ngành nghề của Công ty, được cổ phần hóa từ năm 2009 từ Công ty TNHH MTV Nước khoáng Quy Nhơn, nên Công ty đang trong giai đoạn phát triển ổn định Qua trao đổi với Mr Thịnh - GD được biết công ty đang kỳ vọng 1 sự tăng trưởng bình thường
10	Does the entity have no internal audit function?	Yes	Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên có cơ cấu quy trình và thủ tục đơn giản. Do đó, Công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ
11	Is the entity not listed and is it not in an AFA high-risk industry?	Yes	Công ty không phải là công ty niêm yết và ngành nghề của Công ty như đã nêu trên thì không nằm trong những ngành nghề có rủi ro cao theo quy định của EAV (ref AFA Audit Manual)
12	Does the entity operate in a stable external business environment?	Yes	Công ty đang kinh doanh trong môi trường ổn định, lãi suất cho vay đang giảm dần trong năm 2020. Các hoạt động liên quan đến sản phẩm của Công ty không có nhiều biến động.
	Is the entity not regulated or does it operate		Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản

13	in a non-complex regulated industry?	Yes	xuất nước giải khát nên ngành nghề này thì không phức tạp và các quy định pháp luật cũng không quá phức tạp đối với hoạt động của Công ty.
14	Do we not expect to use an auditor expert in the conduct of our procedures?	Yes	Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước giải khát nên ngành nghề này thì không phức tạp nên không cần sử dụng chuyên gia trong việc thực hiện kiểm toán
15	Do we not expect to place any reliance on internal controls in our audit approach?	Yes	Hoạt động của công ty đơn giản và rủi ro được đánh giá là thấp; Quy mô công ty nhỏ; Do đó nhà quản lý có thể kiểm soát hiệu quả. Hơn nữa, các bằng chứng về các thủ tục kiểm soát không có sẵn ở dạng tài liệu và hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được hệ thống hóa nên chúng tôi quyết định không dựa vào hệ thống kiểm soát nội bộ khi thực hiện kiểm toán.

If **No** to any of the questions above, the use of the Basic MAPs may not be appropriate. If nevertheless the Basic MAPs are to be used, the engagement partner with the concurrence of the Head of Audit shall document the reasons for this decision.

CLIENT RE-EVALUATION AND INDEPENDENCE QUESTIONNAIRE	212
--	------------

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
		Reviewed:	NTL	11/20/2020
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

C. Re - acceptance

No.	Audit Procedure	Result	Ref.
16	Describe any new information that would lead you to conclude that the client's owners, management or Those Charged with Governance lack integrity.	Thông qua các thông tin mới thu thập được từ phỏng vấn/tìm hiểu thông tin trên website..KTV không thấy bất kỳ thông tin nào cho thấy rằng chủ sở hữu của khách hàng, ban giám đốc hoặc những người chịu trách nhiệm quản trị thiếu tính chính trực. HĐQT và BGD hoạt động trên tinh thần tuân thủ pháp luật.	
17	Describe the new service needs of the client and whether the necessary capabilities are available to perform the work required by the client.	Khách hàng không yêu cầu cung cấp thêm dịch vụ mới.	
18	Describe whether there are any circumstances under which consultation is required with:		
	a) Head of Audit if:	Không cần ý kiến tư vấn của Head of Audit đối với các trường hợp sau do:	
	• The client is the subject of a non-routine regulatory investigation	Qua trao đổi với BGD ngày 20/11/2020 và các trang web truyền thông, xét thấy khách hàng không phải là đối tượng bị điều tra của cơ quan quản lý	
	• Withdrawal from the engagement is being considered after acceptance	N/a	
	• The client is unwilling to accept responsibility for the fair presentation of the financial statements or other financial presentations or assertions covered by the engagement report; or	Đã trao đổi BGD khách hàng đồng ý ký thu giải trình và cũng như những giải trình khác về trách nhiệm lập và trình bày BCTC	
	• There is evidence that the client has deliberately misrepresented or concealed	Không có bằng chứng cho thấy khách hàng tiềm năng có ý định trình bày sai hoặc giấu	

	material and relevant facts.	các thông tin trọng yếu	
	b) Second Partner if:	Không cần ý kiến tư vấn của Second Partner đối với các trường hợp sau do:	
	<ul style="list-style-type: none"> • A change in the majority ownership of the client or significant changes in its top management or directors is likely to result in a significant increase in the assessment of risk on the engagement 	Không có sự thay đổi quan trọng trong bộ máy quản lý của Công ty dẫn đến gia tăng rủi ro đánh giá hợp đồng	
	<ul style="list-style-type: none"> • The client is unable or unwilling to pay fees for professional services rendered in prior years 	KH đã thanh toán phí kiểm toán năm trước	
	<ul style="list-style-type: none"> • Another partner in the office or the member firm requests that a re-evaluation of the relationship with the client should be performed. 	Không có partner hoặc Công ty kiểm toán thành viên yêu cầu đánh giá lại mối quan hệ giữa EAV và khách hàng	
19	Have terms of engagement been updated as necessary?	Không có điều khoản hợp đồng cần được cập nhật	
20	Describe any new concerns relating to required preconditions for an audit, including:	Các quan ngại dưới đây được đánh giá là có ảnh hưởng thấp	
	<ul style="list-style-type: none"> • Financial reporting framework 	Tuân thủ theo VAS	

CLIENT RE-EVALUATION AND INDEPENDENCE	212
QUESTIONNAIRE	

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
		Reviewed:	NTL	11/20/2020
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

• Management acknowledgement and understanding of it responsibilities	BGD hiểu và chịu trách nhiệm về lập và trình bày báo cáo	
• Limitation of scope	Không có bất kỳ giới hạn nào	
• Conflicts between financial reporting standards and local legal or regulatory requirements	Không có sự mâu thuẫn nào trong việc lập và trình bày báo cáo	
• Prescribed financial reporting framework, layout or wording in the Auditor's Report.	Tuân thủ theo VAS	

D. Engagement Risk Assessment

No.	Audit Procedure	Result	Ref.
21	Does the client operate in a designated high risk industry?	No	Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là sản xuất nước giải khát, lĩnh vực này không nằm trong những ngành có rủi ro cao theo EAV
22	Describe any new risk factors associated with the business operations.		Không có rủi ro nào mới phát sinh có liên quan đến hoạt động kinh doanh
23	Describe any new risk factors associated with cash flow, debt or liquidity.		không có rủi ro nào mới phát sinh có liên quan đến dòng tiền và thanh khoản
24	Describe any other new risk factors associated with the client.		Không có rủi ro nào khác mới phát sinh có liên quan đến khách hàng
25	Describe any areas where specialised knowledge is necessary to conduct the audit.		Hoạt động kinh doanh đơn giản không cần thiết phải có đánh giá của chuyên gia
26	After considering item B1 and items C1 to C5, what is your Engagement Risk Assessment(High or Low)?	Low	Từ các câu trả lời ở trên, rủi ro chấp nhận khách hàng được đánh giá là Low

CLIENT RE-EVALUATION AND INDEPENDENCE	212
QUESTIONNAIRE	

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
		Reviewed:	NTL	11/20/2020
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

E. Independence (Use MAP 220.MPQ if the client has publicly traded debt or equity)

No.	Audit Procedure	Result	Ref.
27	Describe any potential conflicts of interest that have been identified arising from procedures that include:		
	<ul style="list-style-type: none"> Identification of non-audit services and assessment of fees thereon 	Chỉ cung cấp dịch vụ kiểm toán	
	<ul style="list-style-type: none"> Inspection of Global Relationship Tracker 	EAV không có quan hệ nào với Công ty	
	<ul style="list-style-type: none"> Inspection of Member Firm client list 	EAV không có bất kỳ mối quan hệ nào với các công ty thành viên làm ảnh hưởng đến tính độc lập	
	<ul style="list-style-type: none"> Other precautions that are considered necessary in the circumstances 	không các điều kiện tiền quyết nào khác ảnh hưởng trọng yếu đến tính độc lập	
28	Describe the nature and extent of safeguards applied to non-audit services, where a threat to independence has been identified, including threats relating to self-review, self-interest, advocating, familiarity and intimidation.	Không tồn tại các yếu tố trọng yếu ảnh hưởng đến tính độc lập của nhóm kiểm toán cũng như EAV	

F. Re - acceptance

No.	Audit Procedure	Result	Ref.
29	Do you accept or reject this client?	Accept	Căn cứ vào kết quả các đánh giá ở trên

Conclusion

1. We have obtained sufficient information necessary to properly evaluate the re - acceptance of this client.
2. We have consulted on the re-evaluation process as considered necessary.
3. We are satisfied that there are no prohibitions that would prevent the firm or any member of the engagement team from performing this engagement.
4. Where threats to independence have been identified, appropriate safeguards are in place to eliminate

or reduce such independence treats to an acceptable level.

We are not aware of any other factors that would impair our independence or appearance of independence.

AUDITOR ROTATION EVALUATION

224

Client name: Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
	Prepared:	VTNP	11/20/2020
	Reviewed:		
Period end: 12/31/2020	Partner:		
	EQCR:		

Form này phải được lập hàng năm cho khách hàng hiện hành, dùng làm tài liệu đánh giá sự phù hợp của việc lựa chọn kiểm toán viên hành nghề và người chịu trách nhiệm ký báo cáo kiểm toán theo hướng dẫn của Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 hướng dẫn một số điều của Luật Kiểm toán độc lập và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán được Ban hành theo Thông tư số 70/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ tài chính

No.	Audit Procedure	Result	Ref.
1	a) Có phải AFA đã cung cấp dịch vụ kiểm toán cho khách hàng hiện hành trên 3 năm liên tục?	Y	EAV đã cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Công ty 2 năm
	b) Khách hàng có phải là đơn vị có lợi ích công chúng.	N	
2	Nếu trả lời là "Yes" ở câu số 1a, hãy mô tả thông tin của Partner và KTV chịu trách nhiệm phụ trách hợp đồng kiểm toán cho khách hàng ở các năm đó: <i>Nếu trả lời là "No" hãy đi đến phần kết luận chung tại phần cuối của form này.</i>		
	a)	Partner và KTV chịu trách nhiệm hợp đồng năm 2019 Partner 1: Partner 2: KTV	Phạm Quang Trung Nguyễn Thanh Lam
	b)	Partner và KTV chịu trách nhiệm hợp đồng năm	

	2018 Partner 1: Partner 2: KTV		
c)	Partner và KTV chịu trách nhiệm hợp đồng năm 2017 Partner 1: Partner 2: KTV		
d)	Partner và KTV chịu trách nhiệm hợp đồng năm 2016 Partner 1: Partner 2: KTV		
3	Có Partner và/ hoặc KTV nào phụ trách hợp đồng kiểm toán cho khách hàng này liên tục trên 3 năm liên tiếp như kết quả mô tả ở câu số 2 không?	N	
4	Nếu trả lời là "Yes" ở câu số 3, AFA cần xem xét phân công lại Partner và/hoặc KTV phụ trách hợp đồng cho phù hợp với quy định?	N/A	
5	Nếu trả lời là "No" ở câu số 3, Partner và KTV phụ trách hợp đồng đã đủ điều kiện ký tên trên báo cáo kiểm toán và các hồ sơ có liên quan cho khách hàng hiện hành.	Y	

6	<p>Nếu trả lời là "Yes" ở câu số 1b, đã kiểm tra và có kiểm toán viên hành nghề đã tham gia kiểm toán cho một đơn vị có lợi ích công chúng trong 3 năm tài chính liên tục là thành viên nhóm kiểm toán không?:</p> <p><i>Nếu trả lời là "No" hãy đi đến phần kết luận chung tại phần cuối của form này.</i></p>	N/A	
7	<p>Nếu trả lời là "Yes" ở câu số 6, AFA cần xem xét phân công lại KTV hành nghề tham gia kiểm toán cho phù hợp với quy định?</p>	N/A	

Kết luận

Dựa trên kết quả trả lời các câu hỏi ở trên, việc phân công Partner và KTV phụ trách hợp đồng kiểm toán cho khách hàng hiện hành phù hợp với Nghị Định 17/2012/NĐ-CP ngày

13/3/2012 hướng dẫn một số điều của Luật kiểm toán độc lập và chuẩn mực đạo đức **Yes** nghề nghiệp kế toán, kiểm toán được Ban hành theo Thông tư số 70/2015/TT-BTC ngày

08/05/2015 của Bộ tài chính.

INDEPENDENCE CONFIRMATION SIGN-OFF	225
---	------------

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

This form should be signed-off annually by the engagement team to signify independence.

Each person must sign-off this document before they commence work on the audit engagement.

I confirm that:

- i) Neither I nor my spouse nor any minor child of mine have any beneficial financial interest in this client (nor its parent, subsidiary or associated undertakings); and
- ii) My independence in relation to this client has not been impaired by way of personal relationships, conflicts of interest or otherwise.

No.	Engagement Team Member	Date of Confirmation	Signature
1	Phạm Quang Trung	11/20/2020	
2	Nguyễn Mạnh Cường	11/20/2020	
3	Nguyễn Thanh Lam	11/20/2020	
4	Đặng Huỳnh Long	11/20/2020	
5	Võ Thị Nguyên Phương	11/20/2020	
6	0	11/20/2020	

THUỘC VÀO KHÁCH HÀNG KIỂM TOÁN

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	11/20/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

Form này dùng để Xem xét tổng mức phí dịch vụ từ khách hàng kiểm toán và các đơn vị có liên quan của khách hàng (nếu có) có chiếm một phần lớn (chiếm quá 15%) trong tổng doanh thu của DNKiT không, xác định nguy cơ phát sinh (nếu có).

Loại hình dịch vụ	Phí (VND)	Ghi rõ đối tượng cung cấp dịch vụ (khách hàng kiểm toán hay đơn vị có liên quan của khách hàng kiểm toán)	*Mỗi nguy cơ nào áp dụng cho dịch vụ này (đánh dấu "x" các nguy cơ có thể xảy ra)				
			Nguy cơ tư lợi	Nguy cơ tự kiểm tra	Nguy cơ bị đe dọa	Nguy cơ quen thuộc	Nguy cơ tư bào chữa
1. Dịch vụ kiểm toán	35,000,000	Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Quảng Nam	x	x	x	x	x
Tổng phí	35,000,000						
Doanh thu kế hoạch	11,500,000,000						
BCTC							
Doanh thu kế hoạch	10,000,000,000						
AFA							

Lưu ý: Trường hợp có thỏa thuận tính phí tiềm tàng cho một dịch vụ phi đảm bảo, DNKiT và nhóm kiểm toán phải đánh giá mức độ nghiêm trọng của bất kỳ nguy cơ nào phát sinh và áp dụng biện pháp bảo vệ cần thiết. Đồng thời, mức phí tính tại bảng này cần được cập nhật khi phí tiềm tàng thay đổi để xem xét việc phụ thuộc vào khách hàng kiểm toán.

KNOWLEDGE OF BUSINESS	301
GENERAL INFORMATION	

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/17/2020
Period end:	12/31/2020	Reviewed		

This Form should be completed in the first-year and carried forward for update in subsequent years

1 Primary Client Contacts

No.	Name	Position	Contact Information
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Giám đốc	
2	Ông Nguyễn Trung Tín	Kế toán trưởng	Mail: ntin75@gmail.com SDT: 0914.159.331

2 Primary Reporting Requirements

No.	Name	Reporting Deadline	Type of Report
1	Báo cáo kiểm toán	3/31/2021	VAS
2	Thư quản lý (nếu có)	N/a	

Taxation Services

No.	Name	Filing Deadline	To be Prepared
1	Tax review	N/a	

3 Nature and Type of Entity (including principal activities)

Nature of the Client's Business

- Bản chất của doanh thu: Hoạt động sản xuất và bán buôn nước giải khát -Thị trường chính trong nước - cụ thể tại khu vực Nam Trung Bộ
- Công ty kinh doanh trong các lĩnh vực chủ yếu là: Sản xuất và bán buôn đồ uống không cồn, nước khoáng, nước giải khát khác
- Trụ sở chính được đặt tại: số 249 đường Bạch Đằng, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Tình hình kinh doanh mới trong năm: không có nhiều biến động, duy trì hoạt động Sản xuất và bán buôn đồ uống không cồn, nước khoáng, nước giải khát khác và thu hồi công nợ

Type of Entity

4 Shareholders/owners (with over 10% holding)

No.	Name	% Owned	Active in Operation Y/N	Title
1	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	6.48%	N	
2	Nguyễn Văn Ninh	5.32%	Y	Thành viên HĐQT
3	Cổ đông khác	88.20%	N	

5 Entity's Management

No.	Name	Position	Years with the entity	Bonus Incentive Y/N	Comments
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Giám đốc	3	Y	
2	Ông Phan Anh Triết	PGĐ	3	Y	

6 Board of directors

No.	Name	Director since	Independent Y/N	Financial Expertise Y/N	Audit Committee Y/N
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh		N	Y	N

KNOWLEDGE OF BUSINESS	301
GENERAL INFORMATION	

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/17/2020
Period end:	12/31/2020	Reviewed		

2	Ông Nguyễn Văn Ninh		Y	N	N
3	Ông Phan Anh Triết		N	Y	N
4	Ông Nguyễn Trung Tín		N	Y	N
5	Ông Huỳnh Tấn Nghiêng		Y	N	N

7 Related parties (individuals/entities)

No.	Name	Relationship	Nature of
1	HDQT và BGD	Nhân sự quản lý chủ chốt	Thù lao, thu nhập

8 Key advisors to the entity (legal, banker, others)

No.	Name	Company	Type of Service
1	VCB Quy Nhon	Ngân hàng	Tiền gửi ngân hàng
2	BIDV Quy Nhon	Ngân hàng	Vay + Tiền gửi ngân hàng
3	Ngân hàng NN&PTNT Quy Nhon	Ngân hàng	Tiền gửi ngân hàng
4	Vietinbank Bình Định	Ngân hàng	Tiền gửi ngân hàng
5	Ngân hàng Quốc tế Vbank	Ngân hàng	Tiền gửi ngân hàng

9 Entity's financing

No.	Lender	Financing Available	Type

10 Key Competitors

No.	Name	Size in Relation to Client	Comments (i.e. threats, if any, to)
1	Công ty TNHH Thực phẩm PepsiCo Việt Nam	Quy mô lớn hơn	Cạnh tranh cao
2	Các công ty sản xuất nước các tỉnh lân cận	Quy mô bằng nhau	Khó cạnh tranh trong các vùng lân cận

3		
---	--	--

11 Key Customers (of interest to us and for which we may have to search for significant transactio

No.	Name	% of Total Sale	Comments (i.e. length of relationship or threat of loss)
1	Không có khách hàng nào giao dịch trên 10%	Phần lớn bán cho khác lẻ	

12 Key suppliers (of interest to us and for which we may have to search for significant transactions

No.	Name	% of Total Purchases	Comments (i.e. length of relationship, dependency)
1	CN Cty TNHH ASIA Packaging Industries VN tại M Bắc	10%	Mua nguyên liệu, CCDC và TSCĐ
2	Công ty TNHH công nghiệp KCP Việt Nam	12%	Mua nguyên liệu, CCDC và TSCĐ
	Công ty TNHH SX TM DV Minh Thông	14%	Mua nguyên liệu, CCDC và TSCĐ

KNOWLEDGE OF BUSINESS	301
GENERAL INFORMATION	

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/17/2020
Period end:	12/31/2020	Reviewed		

3	Công ty TNHH SX TM XNK Thành Duyệt Thuận	14%	Mua nguyên liệu, CCDC và TSCĐ
---	--	-----	-------------------------------

13 Information Systems Department Organization

No.	Name	Position	Responsibilities	Reports to:
1	Ms Hoài	Kế toán tổng hợp	Tổng hợp lập BCTC,	Kế toán trưởng
2	Mr Đồng	Kế toán công nợ kiêm Tài sản	Hạch toán theo dõi	Kế toán tổng hợp
3	Ms Phương	Kế toán thanh toán	Theo dõi các khoản thanh toán	Kế toán tổng hợp
2	Mr Nguyễn Trung Tín	Kế toán trưởng	Kiểm tra	Ban Giám đốc

14. Hardware and Operating Systems

List the application software currently in use, or used during the period. Also list host systems (servers) and operating systems in use, or used at some point during the period, at the main location and other facilities (if applicable) for applications identified.

Công ty Sử dụng phần mềm kế toán [Fast accounting] - phần mềm này không phức tạp chủ yếu áp dụng để xử lý các nghiệp vụ mua hàng, bán hàng, hàng tồn kho. Tất cả các các nghiệp vụ yêu cầu phải có sự xử lý của nhân viên

RISK ASSESSMENT

302

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

This Form should be completed in the first-year and carried forward for update in subsequent years.

Column "RMM": only Yes when assess High Risk

A. Risk of Fraud

No.	Risk Factors	RMM Y or N	Comment and/or Ref.
1	Assess Fraud Risks. Indicate how they influence management's actions and consider potential business and financial statement risks that may arise from them.	N	Qua trao đổi Giám đốc Công ty thấy rằng, Quỹ lương toàn công ty không phụ thuộc vào việc đạt kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận đề ra. KTV không nhận thấy GD phải chịu áp lực phải đạt được kế hoạch lợi nhuận cho nên GD ít có khả
2	Discuss with those charged with governance of the entity, including owners/managers and others within entity (eg accounting staff), any actual, suspected or alleged fraud and mitigating actions taken.	N	Qua trao đổi với Mr Thịnh ngày 17/12/2020 được biết rất khó xảy ra gian lận do các hoạt động kinh doanh đều được kiểm soát và xét duyệt của kế toán trưởng và BGD
3	Attach notes or minutes of inquiries with entity personnel, discussions within the engagement team and the impact on the audit approach.	N	Ref: Form 321 đính kèm ghi nhận kết quả phỏng vấn và Giấy làm việc về trao đổi trong nhóm kiểm toán

B. Business Risk

No.	Risk Factors	RMM Y or N	Comment and/or Ref.
1	Discuss with owners/managers their plans for the business and how these are to be implemented. Discuss how business risks are identified and addressed, the key indicators used to evaluate financial performance and actions taken where these do not meet expectations.	N	Phỏng vấn Giám đốc Ông Nguyễn Văn Thịnh - ngày 17/12/2020 Công ty kinh doanh trong ngành dịch vụ sản xuất nước giải khát, ngành nghề không có nhiều ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài và bên trong doanh nghiệp. Theo Chiến lược Kinh doanh trong giai đoạn này của ban giám đốc thì Công ty vẫn tiếp tục quan tâm đến thu hồi công nợ và mở rộng đối tượng khách hàng, thị trường và phát triển sản phẩm đồ uống mới. BGD vẫn sử dụng chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận để đánh giá tình hình thực hiện kinh doanh.
	Assess Business Risks impacting the entity. Consider: Industry Conditions	N	Ngành nghề kinh doanh ổn định qua các năm, trong năm sản phẩm chủ yếu của danh nghiệp là nước ngọt và được duy trì trong các năm gần đây

	The Regulatory Environment	N	Môi trường pháp lý không có nhiều thay đổi, chủ yếu liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp về thuế, môi trường, chất lượng sản phẩm.
2	Business Operations	N	Hoạt động kinh doanh không có nhiều biến động, ổn định và đẩy mạnh bán nước ngọt theo dây chuyền sản xuất mới.
	Products or Services and Markets	N	Sản phẩm và thị phần không có nhiều thay đổi. Sản phẩm của doanh nghiệp vẫn là nước chai và nước ngọt
	Plant and Equipment Facilities	N	Máy móc thiết bị được đầu tư và đang hoạt động tốt
	Financing Arrangements	N	Thực hiện theo kế hoạch của BGD theo tiến độ từng năm
	Objectives and Strategies.	N	Phát triển doanh thu

C. Preliminary Analytical Review

Bảng này và Zcore sẽ được làm chung với file báo cáo tài chính để có thể link công thức cho nhanh. Và nếu chỉ tiêu nào trọng yếu (>PM) hoặc biến động bất thường, hoặc biến động không theo mong đợi của KTV và xét thấy High Risk thì thêm vào mục other để phân tích và xem xét, và khi Y ở cột RMM thì phải đưa vào Risk Report.

		Current period		Prior period		Change	Change	RMM	Significant Variance Explanation
		2020	Prior period 2019	2018					
		VND	VND	VND	VND				
				PL Analysis					
Sales	#REF!	#REF!	27,372,874,005	#REF!	#REF!	Y	Doanh thu bán hàng hóa năm nay giảm nhẹ so với năm trước. Nguyên nhân là do ảnh hưởng bởi dịch Covid 2019 tuy nhiên khoản doanh thu là tài khoản lớn phát sinh nhiều nghiệp vụ. Lưu ý rủi ro ghi nhận không đầy đủ doanh thu năm 2019		

RISK ASSESSMENT

302

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

Deductions	#REF!	#REF!	3,710,423,265	#REF!	#REF!	N	Khoản giảm trừ doanh thu liên quan đến chiết khấu bán hàng, chiết khấu thương mại...
Net revenue	#REF!	#REF!	23,662,450,740	#REF!	#REF!	N	
Cost of good sold	#REF!	#REF!	9,485,114,156	#REF!	#REF!	N	Xem xét kết chuyển doanh thu giá vốn trong năm tài
Gross Margin	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Gross Margin (%)				-	#DIV/0!	N	
(Gross profit/sales)				-		N	
Financial income	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Doanh thu tài chính giảm nhẹ, KTV lưu ý việc giảm lãi tiền gửi có kỳ hạn trong năm. Xem xét việc ghi nhận lãi dự thu trong năm 2020
Financial expenses	#REF!	#REF!				N	
Selling expenses	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Chi phí bán hàng chủ yếu liên quan đến dịch vụ mua ngoài, chi phí vận chuyển... chi phí hoa hồng và các khoản chi phí lương cho nhân viên bán hàng. Lưu ý về ghi nhận đầy đủ chi phí bán hàng.
General and administration expenses	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Chi phí quản lý phát sinh giảm nhẹ, chủ yếu là tiền lương cán bộ quản lý và nhân viên văn phòng trong năm 2020. Ngoài ra phát sinh liên quan đến chi phí thuế tài nguyên và các khoản thuế liên quan đến hoạt động quản lý của Công ty. Lưu ý kiểm toán viên về việc ghi nhận đầy đủ chi phí quản lý năm 2020
Other income	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Other expense	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Net other income/(loss)	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Accounting profit/(loss) before tax	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current corporate income tax expense	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Xem xét việc ghi nhận và miễn thuế TNDN 30% theo quy

							định hiện hành.	
Deferred corporate income tax expense	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N		
Net profit/(loss) after tax	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N		
Basic earnings per share	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N		
Diluted earnings per share	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N		
Net income					- #DIV/0!	N		
				BS Analysis				
Cash	#REF!	#REF!			#REF!	#REF!	N	Tiền mặt chiếm phần lớn tỷ trọng tiền trong giai đoạn cuối năm tài chính do thu tiền bán hàng về giai đoạn cuối niên độ. Lưu ý KTV về sự hiện hữu của khoản tiền mặt này.
Trading securities	#REF!	#REF!			#REF!	#REF!	N	
Provision for trading securities	#REF!	#REF!			#REF!	#REF!	N	
Held to maturity investments	#REF!	#REF!			#REF!	#REF!	N	Khoản tiền gửi có kỳ hạn, lưu ý sự hiện hữu và ghi nhận đầy đủ lãi trong năm tài chính.
Current Trade receivables	#REF!	#REF!	20,093,311,559		#REF!	#REF!	N	Khoản phải thu người bán tồn lớn chủ yếu là tiền bán hàng giai đoạn tháng 11 và tháng 12/2020. KTV cần xem
Number of days in receivables (Average receivables/sales x 365 days)	#REF!	#REF!			#REF!	#REF!	N	xét thủ tục cut off và tính hiện hữu của khoản công nợ phải thu khách hàng trong năm nay.
Current Advances to suppliers	#REF!	#REF!			#REF!	#REF!	N	Khoản ứng trước tăng đột biến là do Công ty thực hiện ứng trước theo HĐ xây dựng văn phòng Công ty. Lưu ý KTV về tính hiện hữu của khoản Công nợ này tại 31/12/2020.

RISK ASSESSMENT

302

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

Current Intra-company receivables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current Receivables relating to construction contracts under percentage of completion method	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current loan receivables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Other current receivables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current Provision for doubtful debts	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Shortage of assets pending resolution	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Inventory	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí nguyên vật liệu và thành phẩm cuối năm tài chính. Các thành phẩm này được bán ra trong năm 2021. Hàng tồn kho của Công ty được luân chuyển khá tốt và luôn có một lượng hàng tồn để thực hiện bán hàng trong tháng tiếp theo.
Provision for decline in value of inventories	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Number of days sales in inventory (Average inventory/cost of sales x 365 days)	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current prepayments	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Value added tax deductible	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Tax and other receivables from the state budget	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Government bonds resale and purchase transactions	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Other current assets	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Capital assets (Including Non-current assets only)	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Tài sản dài hạn chủ yếu là TSCĐ là dây chuyền sản xuất và nhà máy của Công ty.
Working capital (Current assets - current liabilities)	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Tài sản ngắn hạn > nợ ngắn hạn tính hoạt động liên tục của Công ty được đảm bảo, Công ty luôn có tài sản để

							thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn đến hạn trả.
Non-current account receivables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Non-current advances to suppliers	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Operating capital in dependent units	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Intra-company non-current receivables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Non-current loan receivables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Other non-current receivables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Provision for doubtful non-current receivables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Tangible fixed assets	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Finance lease assets	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Intangible fixed assets	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Investment property	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Non-current work in process	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Construction in progress	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Non-current financial investments	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Investments in associates, joint-ventures	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Investment in other entities	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Provision for non-current investments	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	

RISK ASSESSMENT

302

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

Held to maturity investments	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là tiền thuê đất khu công nghiệp làm nhà xưởng, khoản chi phí này được phân bổ dần theo thời gian hoạt động của doanh nghiệp
Non-current prepayments							
Deferred income tax assets	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Non-current reserved spare parts	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Other non-current assets	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current Accounts payable	#REF!	#REF!	127,259,499	#REF!	#REF!	N	Phải trả người bán cuối năm tăng cao, lưu ý thủ tục xác
Number of days purchases in trade payables (Average trade payables/purchases x 365 days)	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	nhận số dư, thanh toán sau niên độ.
Current Advances from customers	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current Taxes and amounts payable to the state budget	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	Lưu ý thuế TNDN phải nộp trong năm tài chính.
Current Payables to employees	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current Accrued expenses	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current Intra-company payables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current Payables relating to construction contracts under percentage of completion method	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current unearned revenue	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Other current payables	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current loans and obligations under finance leases	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current provisions	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Current Bonus and welfare fund	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	

Current Price stabilisation fund	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Current Government bonds resale and purchase transactions	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Non-current trade payables	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Non-current Advances from customers	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Non-current Accrued expenses	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Intra-company payables relating to operating capital	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Non-current intra-company payables	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Non-current unearned revenue	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Other non-current payables	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Non-current loans and obligations under finance leases	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Covertible bonds	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	
Preference shares	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	N	

RISK ASSESSMENT

302

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

Deferred income tax liabilities	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Non-current provisions	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Scientific and technological development fund	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Debt	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Equity	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Debt: Equity (Debt/equity)		#REF!		#REF!	#REF!	N	
Owner's contributed capital	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Share premiums	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Convertible bond option	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Other contributed capital	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Treasury shares	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Asset revaluation reserve	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Exchange difference reserve	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Investment and development fund	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Enterprise reorganisation support fund	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Other reserves	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Retained earnings	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Construction investment fund	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Subsidised funds	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
	#REF!	#REF!					
Subsidised funds for fixed asset acquisition							
Ratio Analysis							
Current Ratio (Current assets / Current liabilities)	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
Quick ratio [(Current assets - Inventories/	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	

Current liabilities]							
Long-term liabilities to Equity Ratio	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
(Long-term liabilities / Owner's equity)	#REF!	#REF!		#REF!		N	
Long-term liabilities to Total assets Ratio	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
(Long-term liabilities / Total assets)	#REF!	#REF!		#REF!		N	
Debt to Assets Ratio (D/A)	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	N	
(Total liabilities / Total assets)	#REF!	#REF!		#REF!		N	
Other:				-	#DIV/0!	N	
Other:				-	#DIV/0!	N	
Other:				-	#DIV/0!	N	
Other:				-	#DIV/0!	N	

D. Preliminary Going Concern

No.	Risk Factors	RMM Y or N	Comment and/or Ref.
1	<p>Make a preliminary determination as to whether events or conditions exist that, individually or collectively, may cast significant doubt on the entity's ability to continue as a going concern and if so, management's plans to address them.</p> <p>INSPECT and/or make INQUIRIES with respect to management's preliminary assessment of the entity's ability to continue as a going concern and management's intended use of the going concern assumption.</p>	N	Dựa trên các thủ tục phân tích ban đầu và qua cuộc kiểm toán năm trước cho thấy không tồn tại yếu tố nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục.
		N	Qua phỏng vấn Ông Nguyễn Văn Thịnh - Giám đốc Công ty tại 17/12/2020 được biết công ty đang hoạt động kinh doanh có lãi, tình hình tài chính tốt và Công ty vẫn có ý định tiếp tục hoạt động trong tương lai

RISK ASSESSMENT

302

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

	INQUIRE of management as to its knowledge of events or conditions beyond the period of management's assessment that may cast significant doubt on the entity's ability to continue as a going concern.	N	Qua Phòng vấn Ông Nguyễn Văn Thịnh - Giám đốc Công ty tại 17/12/2020 được biết chưa có những sự kiện cũng như hoạt động nằm ngoài đánh giá của Ban giám đốc liên quan đến những nghi ngờ trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục
2	Based upon your knowledge of the business and the business risks identified above, determine whether there are any factors which cast doubt over the entity's ability to continue as a going concern. If YES, consider whether this creates a RMM, add to the risk report and: Describe events or conditions that, individually or collectively, may cast significant doubt on the entity's ability to continue as a going concern and determine their effect on the planned audit approach for specific account balances, classes of transaction or disclosures INQUIRE of management what plans it has made to address them. Determine whether additional management assessments or plans are required. Describe your preliminary conclusions.	N N/a N/a	Dựa trên những hiểu biết về tình hình kinh doanh và những rủi ro kinh doanh đã được xác định ở trên, không nhận thấy có bất kỳ yếu tố nào dẫn đến những nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của DN

E. Entity Level and Internal Controls

No.	Risk Factors	RMM Y or N	Comment and/or Ref.
1	Attach a concise description of your understanding of the Accounting System, Owner/Manager Controls and Major Transaction Cycles.	N	Refer WP 351-Revenue cycles
2	Perform and document walk-through tests to confirm your understanding of the accounting system, control environment and major transaction cycles.	N	Refer WP 351-Revenue cycles
3	If any weaknesses in accounting records, control environment and major transaction cycles have been identified, ensure these are communicated to the owners/managers and consider the implications for the audit approach.	N	Yếu kém của môi trường kiểm soát đã được trao đổi với GD của khách hàng vào ngày 17/12/2020 và sẽ thực hiện thủ tục kiểm toán cuối năm do ảnh hưởng của yếu kém này - tham khảo Form 430
4	Determine whether proper accounting records have been maintained that provide an adequate basis for the preparation of the financial statements.	N	Sổ kế toán đã được mở và cung cấp đủ cơ sở cho việc soạn thảo BCTC.

5	Determine whether the owner/manager controls are appropriate to the size and nature of the business and adequate to ensure the completeness and accuracy of the financial information.	N	Tuy các bằng chứng về các thủ tục kiểm soát không có sẵn ở dạng tài liệu và hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được hệ thống hóa nhưng quy mô công ty thuộc vừa và nhỏ, do đó, nhà quản lý có thể kiểm soát hiệu quả để bảo đảm tính đầy đủ
---	--	---	---

F. Financial Reporting Process and Accounting Risk

No.	Risk Factors	RMM Y or N	Comment and/or Ref.
1	Review the client's accounting policies and practices. Assess whether they are appropriate to the business and consistent with the reporting framework and the accounting policies generally used in the entity's industry (note any RMM, for example, in controversial or emerging areas).	N	Các chính sách kế toán nhất quán với năm trước phù hợp với các khuôn khổ báo cáo tài chính của VN
2	Discuss any changes in accounting policies during the year with the client, including the impact of new accounting standards and ensure they are in compliance with the reporting framework.	N	Không có sự thay đổi chính sách kế toán trong năm cũng như không có các chuẩn mực kế toán mới ảnh hưởng đến BCTC của khách hàng.
3	If there are any areas where the client will use expert/specialist knowledge to compute amounts for inclusion in the financial statements (eg actuarial advice), complete the procedures on Full MAP 440.OO.	N	Do bản chất kinh doanh không phức tạp nên không yêu cầu sử dụng kiến thức chuyên môn để tính toán số liệu trên báo cáo tài chính
4	If there are any significant related party transactions outside the normal course of business, treat these as significant risks and:		
	Inspect relevant documentation to evaluate the business rationale of the transactions	N	Lý do kinh doanh của các giao dịch với bên có liên quan không có gì bất thường
	Confirm that they have been appropriately authorised and approved	N	Các nghiệp vụ với các bên liên quan được phê duyệt đầy đủ và đúng thẩm quyền
	Consider whether the terms are consistent with management's explanations.	N	Các điều khoản kinh doanh thì nhất quán với những giải thích của BGD

RISK ASSESSMENT

302

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

5	Document the financial statement areas where accounting judgments and estimates are used (including fair value estimates) and management's processes and controls for preparing them. Describe RMM for each applicable estimate.	N	Các ước tính kế toán tại doanh nghiệp (lưu thành tài liệu cơ sở của các ước tính kế toán): - Khấu hao tài sản cố định dựa theo thông tư 45 - Dự phòng phải thu khó đòi, và dự phòng hàng tồn kho theo TT48
6	Review prior period estimates and document any material differences between those estimates and the actual amounts.	N	So sánh với ước tính và thực tế phát sinh của niên độ trước không phát hiện các chênh lệch trọng yếu
7	Identify and list non-routine or unusual transactions.	N	Không phát hiện có giao dịch nào bất thường
8	Document the process for the preparation of the financial statements and related disclosures, including financial reporting adjustments.	N	Báo cáo tài chính được lập dựa trên phần mềm kế toán và được Giám đốc xem xét kiểm tra trước khi phát hành.

G. Information Systems

No.	Risk Factors	RMM Y or N	Comment and/or Ref.
1	Identify whether the general IS controls in place that address potential risks are designed effectively, by describing the following policies, procedures or practices:		
	Those that ensure effective IS management and IS staff supervision	N	Hệ thống thông tin thì đơn giản -ref MAP 380.MO, chỉ phòng kế toán và nhà quản lý tham gia vào phần mềm: + Nên nhà quản lý và nhân viên giám sát có hiệu quả
	Those that ensure access to programmes, data and IS assets or services are authorised	N	+ Mỗi nhân viên có 1 tài khoản và chỉ có thể đăng nhập và nhập liệu các phần hành được quyền truy cập
	Those that prevent destruction of data, improper changes, unauthorised transactions or inaccurate recording of transactions	N	+ Các định khoản không phù hợp với quy tắc sẽ không thực hiện được + Các thay đổi đều phải được phê duyệt của GD, KTT và chỉ có bộ phận IT mới được điều chỉnh các thay đổi này.
	Those that prevent reliance on systems/programmes that inaccurately process data or process inaccurate data	N	Các dữ liệu trước khi nhập vào hệ thống đều được kiểm tra bởi KTT để bảo đảm tính chính xác và hạch toán chính xác

H. Service Organisations

No.	Risk Factors	RMM Y or N	Comment and/or Ref.
1	If the entity uses and places reliance on a service organisation to process accounting information, describe the following: The nature of the services provided The significance of the services, including the effect on the entity’s system of internal controls The magnitude of the transactions processed The degree of interaction between the activities of the service organisation and those of the user entity.	NA	
2	Obtain an understanding of the entity's controls over the processing performed by the service organisation. If those controls are not sufficiently designed (irrespective of the controls in operation at the service organisation), complete Full MAP 390.MO.		

I. Risk Report

This Risk report is to summarise the various risks accumulated up to this stage of our work (HRM and significant risk).

Risk reports summarise the various risks accumulated through the audit.

This Table is to be completed annually and it may be a “NIL” form if no risk is identified – it summarises the HRM and significant risks accumulated up to this stage of our work. For #B in Table A cross refer to the risk in Table B in Guidance (add other risks in Table B if not already identified in the form) and amplify further. For #F the audit approach need to be designed with the MIC and or PIC if the risk is a significant risk (and a separate sheet may be used) – also see Table C in Guidance. For #D the standard procedures will not suffice as SSA 330.21 requires procedures that are specifically responsive to that risk.

RISK ASSESSMENT

302

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		

No. #A.	Risk Description #B.	Describe what can go wrong #C	Impact (H/L)	Probability (H/L)	Significant Risk? #D (Y or N)	Assign to Assertio	Summary of audit approach #F	Ref. #G
1	A1, C Doanh thu năm nay giảm so với cùng kỳ, hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng nhưng không quá nặng nề từ dịch Covid 2019.	Doanh thu có thể bị ghi thiếu	H	L N		Doanh thu: Ghi nhận chưa đầy đủ.	Xem xét các bằng chứng kiểm toán cần thiết đã được thu thập đầy đủ liên quan đến test cut off mở rộng dựa trên: 1/Liệu có số lượng lớn Hàng hóa đang chờ giao cho khách hàng được lưu ý trong quá trình KK HTK 2/ Có HTK đang chuyển trọng yếu tại ngày 31/12/2020. 3/Có sự gia tăng doanh thu bất thường trước ngày kết thúc niên độ và có doanh thu thấp sau ngày kết thúc niên độ 4/ Công ty có nhiều địa điểm vận chuyển	MAP 430
2	A1, C Hàng tồn kho lớn, tồn vào giai đoạn cuối năm tài chính. Rủi ro về tính hiện hữu của HTK.	Hàng tồn kho lớn vào cuối niên độ, hàng tồn kho không có thật tại 31/12/2020.	H	L N		Hàng tồn kho không có thật.	Xem xét các thủ tục sau: 1/Kiểm kê hàng tồn kho vào thời điểm 31/12/2020. 2/ Có HTK đang chuyển trọng yếu tại ngày 31/12/2020. 3/Xem xét hàng tồn kho có được bán và di chuyển sau giai đoạn kết thúc tài chính 4/ Xem xét hàng tồn kho có tồn tại ở nhiều địa điểm kinh doanh không?	MAP 430

J. Overall Audit Risk

Assess and determine the Overall level of Audit Risk at the financial statement level by considering all RMM identified above. Overall audit risk is to be assessed as High or Low.	Low
Confirm that appropriate arrangements have been put in place to deal with the implications of a high overall financial statement risk and high engagement risk client. This includes appointment of an engagement quality control reviewer, use of more experienced team, use of more detailed testing procedures and an impact on the timing and extent of the procedures performed.	No

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

As management is responsible for the entity's internal control and for the preparation of the financial statements, it is appropriate for the auditor to make enquiries of management regarding management's own assessment of the risk of fraud and the controls in place to prevent and detect it. The nature, extent and frequency of management's assessment of such risk and controls vary from entity to entity. In some public entities, management may make detailed assessments on an annual basis or as part of continuous monitoring, and disclose to the auditor and the audit committee or equivalent any fraud, whether or not material, that involves management or other employees who have a significant role in the entity's internal control. In other entities, management's assessment may be less formal and less frequent. In some entities, particularly smaller entities, the focus of the assessment may be on the risk of employee fraud or misappropriation of assets.

BGD chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát của doanh nghiệp và việc soạn thảo báo cáo tài chính, điều này thì phù hợp cho kiểm toán viên khi đưa ra những yêu cầu cho BGD liên quan đến việc đánh giá của BGD về rủi ro gian lận và thực hiện các thủ tục kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện rủi ro gian lận. Tính chất, mức độ và tần suất những đánh giá của BGD về rủi ro và các thủ tục kiểm soát là khác nhau giữa các Doanh nghiệp. Trong những doanh nghiệp niêm yết, BGD có thể đánh giá chi tiết trên cơ sở hằng năm hoặc như là một phần của sự giám sát liên tục và giải trình cho Kiểm toán viên và Ủy ban kế toán hoặc cơ quan tương đương về bất kỳ gian lận nào, cho dù nó có trọng yếu hay không, điều này liên quan đến BGD hoặc những nhân viên mà những người này có nhiệm vụ quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Doanh nghiệp. Trong các Doanh nghiệp khác, sự đánh giá của BGD có thể ít chính thức hơn và không thường xuyên. Trong một vài doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp nhỏ, sự đánh giá có thể tập trung vào rủi ro đối với sự gian lận ở cấp nhân viên hoặc biển thủ tài sản.

I. To be completed by the CEO and CFO (or persons in equivalent positions)

I. Hoàn thành bởi CEO và CFO (hoặc nhân sự có chức vụ tương đương)

	Name	Title	Date
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Giám đốc	12/17/2020
2	Ông Nguyễn Trung Tín	Kế toán trưởng	12/17/2020
3			

No.	Questions	Comments
a)	Describe your assessment regarding the risk of fraud in the entity (high or low). <i>Trình bày những đánh giá của Anh/Chị về rủi ro gian lận trong doanh nghiệp (Cao hay thấp)</i>	Rủi ro gian lận là thấp. BGD luôn kiểm tra và Đánh giá các hoạt động của doanh nghiệp.

<p>Describe your understanding of fraud risks within the entity including any specific fraud risks the entity has identified or any account balance or class of transactions for which a risk of fraud may be likely to exist.</p>	<p>Ban giám đốc chưa phát hiện có gian lận hoặc rủi ro xảy ra gian lận tại công ty</p>
<p>b) <i>Trình bày những hiểu biết của Anh/Chị về rủi ro gian lận trong Công ty bao gồm những rủi ro gian lận đặc biệt mà Công ty đã xác định hoặc bất kỳ số dư tài khoản hoặc phân loại các giao dịch mà rủi ro gian lận có khả năng tồn tại</i></p>	
<p>Describe your understanding of fraud risks within other components of the entity and the process for identifying and responding to those risks.</p>	<p>N/a</p>

<p>c) <i>Trình bày những hiểu biết của Anh/Chị về những rủi ro gian lận trong nội bộ các công ty con khác của doanh nghiệp và quá trình xác định và biện pháp để xử lý những rủi ro này</i></p>	
<p>Describe internal controls that have been put in place to reduce the risk of misstatement due to fraud.</p>	<p>Công ty đã có các quy chế quản trị để giám sát hoạt động của BGD, trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm. Các số liệu, giao dịch đều</p>
<p>d) <i>Mô tả Hệ thống Kiểm soát nội bộ đã được đưa vào vận hành nhằm làm giảm rủi ro sai sót do gian lận</i></p>	<p>được kiểm soát của nhiều bên theo một quy trình thống nhất, mọi giao dịch đều phải được thông qua bởi các cấp có thẩm quyền.</p>
<p>Describe your understanding of error risks within the entity including any specific error risks the entity has identified or any account balance or class of transactions for which a risk of error may be likely to exist.</p>	<p>Công ty có sai sót trong các nghiệp vụ kế toán. Tuy nhiên các sai sót thường không lớn, bình thường không có sự gian lận hoặc cố tình vi phạm.</p>
<p>e) <i>Mô tả hiểu biết của Anh/Chị về những rủi ro sai sót trong doanh nghiệp bao gồm những rủi ro sai sót đặc biệt mà doanh nghiệp đã xác định hoặc bất kỳ số dư tài khoản hay phân loại các giao dịch mà rủi ro sai sót có khả năng tồn tại</i></p>	
<p>Describe internal controls that have been put in place to reduce the risk of misstatement due to error.</p>	<p>Việc kiểm tra và phê duyệt luôn được thực hiện trong các nghiệp vụ kế toán nhằm đảm bảo sai sót được hạn chế. Các bút toán được ghi thành tài liệu và được xem xét lại bởi cấp có thẩm quyền trước khi nhập vào phần mềm kế toán.</p>
<p>f) <i>Mô tả Hệ thống Kiểm soát nội bộ đã được đưa vào vận hành nhằm làm giảm lỗi do sai sót</i></p>	<p>Cụ thể phụ trách kế toán chịu trách nhiệm kiểm tra và ghi nhận. KTT có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt. GD có trách nhiệm phê duyệt sau sự kiểm tra của KTT.</p>
<p>Has there been communication to the Audit Committee or equivalent regarding management's processes for identifying and responding to the risks of fraud and error in the entity.</p>	<p>N/a</p>
<p>g) <i>Đã trao đổi với Ủy Ban kiểm toán hoặc cấp tương đương về quá trình Ban Giám đốc xác định và xử lý những rủi ro</i></p>	

	<i>về gian lận và sai sót trong Doanh nghiệp chưa?</i>	
h)	Describe communication, if any, to employees regarding its views on business practices and ethical behavior <i>Trình bày những thông tin trao đổi, nếu có, với những nhân viên liên quan về quan điểm kinh doanh của doanh nghiệp và hành vi đạo đức</i>	Có thông tin đến nhân viên về đạo đức và phong cách kinh doanh được thể hiện ở các bảng biểu và các khẩu hiệu tại Công ty.
i)	Do you have knowledge of any actual, suspected or alleged fraud affecting the entity? <i>Anh/Chị có hiểu biết về những rủi ro đã có thể xảy ra hoặc dẫn đến nghi ngờ gian lận ảnh hưởng đến doanh nghiệp không?</i>	Chưa phát hiện gian lận nào trong Công ty từ lúc thành lập
j)	Did you discover any material errors? <i>Anh/Chị có phát hiện ra sai sót trọng yếu nào không?</i>	Chưa có sai sót đáng kể nào trong Công ty từ lúc thành lập
k)	Describe, if applicable, the nature and extent of monitoring of operating locations. <i>Mô tả, nếu có, bản chất và mức độ của việc giám sát địa điểm hoạt động</i>	Công ty không có địa điểm kinh doanh khác
l)	Describe, if any, particular operating locations where risk of fraud may be more likely to exist.	Không có khu vực kinh doanh dễ xảy ra gian lận

	<i>Trình bày, nếu có, nơi hoạt động kinh doanh cụ thể, nơi mà rủi ro gian lận có thể xảy ra nhiều nhất</i>	
m)	Describe how the Audit Committee and/or Board of Directors are involved in the oversight of how management is discharging its responsibilities , if applicable.	Dựa trên các báo cáo của GD về tình hình hoạt động kinh doanh để giám sát
	<i>Trình bày cách thức mà ủy ban kiểm toán và HĐQT tham dự vào việc giám sát cách thức mà BGD thực thi trách nhiệm của họ (nếu phù hợp)</i>	

II. This section should be completed by the Audit Committee and/or Board of Directors, if applicable

II. Phần này được hoàn thành bởi Ủy ban kiểm toán và/hoặc Hội đồng quản trị (nếu có)

	Name	Title	Date
1	N/a		

No.	Questions	Comments
a)	Describe your assessment regarding the risk of fraud in the entity (high or low).	
	<i>Trình bày đánh giá của Anh/Chị về rủi ro gian lận trong doanh nghiệp (cao hay thấp)</i>	
b)	Do you have knowledge of any actual, suspected or alleged fraud affecting the entity?	
	<i>Anh/Chị có hiểu biết về những rủi ro đã có thể xảy ra hoặc dẫn đến nghi ngờ gian lận ảnh hưởng đến doanh nghiệp không?</i>	
c)	Describe the extent of your involvement in the oversight of fraud risk assessment and programs and controls established to mitigate fraud risk.	
	<i>Trình bày những mức độ mối liên quan của Anh/Chị trong việc giám sát đánh giá rủi ro gian lận và chương trình, thủ tục kiểm soát được thiết lập nhằm loại bỏ rủi ro gian lận</i>	

III. To be completed by the internal audit department, if applicable

III. Hoàn thành bởi bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có).

No.	Name	Title	Date
1	N/a Công ty không có kiểm toán nội bộ		

No.	Question	Comments
a)	Describe your views about the risks of fraud.	
	<i>Mô tả quan điểm của Anh/Chị về rủi ro gian lận</i>	
b)	Did the internal audit department perform any procedures to identify or detect fraud during the year?	
	<i>Bộ phận kiểm soát nội bộ đã thực hiện thủ tục nhằm xác định hoặc ngăn chặn rủi ro gian lận trong năm qua</i>	
c)	Did management respond satisfactorily to any findings resulting from these procedures?	
	<i>Ban quản trị đã có xử lý thỏa đáng với bất kỳ phát hiện từ việc thực hiện những thủ tục trên</i>	
d)	Do you have knowledge of any fraud or suspected fraud?	
	<i>Anh/Chị có nhận biết về bất kỳ gian lận, hoặc nghi ngờ có gian lận không</i>	

FRAUD RISK ASSESSMENT - JOURNAL ENTRY TESTING

322

Client name: Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
	Prepared:	VTNP	12/17/2020
Period end: 12/31/2020	Reviewed:		

This form must be completed annually to address possible fraud arising from management override of controls.

Mẫu này phải được hoàn thành hàng năm để xử lý những gian lận có thể phát sinh từ sự vượt quyền của BGD

Conclusion	Y or N	Comment and/or Ref.
Through enquiry with the entity's accounting and data entry personnel, are there any unusual or unsupported entries? If Yes then, Document audit procedures performed.	Y	Các bút toán bất thường trong các Wps
<i>Thông qua việc phỏng vấn nhân sự nhập liệu và nhân sự kế toán của doanh nghiệp, ở đây có bất kỳ bút toán nào bất thường và không có chứng từ gốc không? Nếu có, lưu thành tài liệu những thủ tục đã thực hiện</i>		

Select journal entries and other adjustments for testing:

Chọn các bút toán nhật ký và những điều chỉnh để kiểm tra:

Test (Number of:)

#1,2,3,5,6 standard journal entries

#1,2,3,5,6 *Bút toán ghi sổ nhật ký tiêu chuẩn*

7 non-routine/unusual journal entries

7 *Bút toán ghi sổ bất thường/không thường xuyên*

4, 10 standard journal entries around period end

4, 10 *Bút toán ghi sổ nhật ký tiêu chuẩn cuối niên độ*

8,9 non-routine/unusual journal entries around period end

8,9 *Bút toán ghi số bất thường và không thường xuyên cuối niên độ*

Journal Entry Testing

No.	Journal Entry #	Description of Entry	Classification Standard or Non-Routine or Unusual	Does the evidence support the recorded amount and description? Y or N	Was it properly initiated and authorized? Y or N	business rationale behind the entry indicative of fraud? Y or N	Is the entry recorded in the proper period? Y or N	Is the entry recorded in accordance with the reporting framework? Y or N	Is the entry properly classified? Y or N
1		<i>Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tỉnh Bình Định chuyển tiền</i>	<i>Standard</i>	Y	Y	Y	Y	Y	Y
2		<i>UBMT Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Bình Định chuyển tiền</i>	<i>Standard</i>	Y	Y	Y	Y	Y	Y

3	Nhập khuôn thổi chai theo hợp đồng số 42/HĐKT-2020	Standard	Y	Y	Y	Y	Y	Y
4	Hạch toán thuế TNDN Quý IV/2020	standard journal entries around period end	Y	Y	Y	Y	Y	Y
5	Nhập khuôn thổi HOTFIL 2CVATY 500ml(Hợp s9o62ng số 39/HĐKT-2020)	Standard	Y	Y	Y	Y	Y	Y
6	Nhập khung màng Coolingpad theo hợp đồng số 01/06-2020/HĐMB/VIVA -QN ngày 12/06/20	Standard	Y	Y	Y	Y	Y	Y
7	Hạch toán trích dự phòng phải thu khó đòi năm 2020 (NPP Nguyễn Thị Thanh Yên - TT Gia Lai)	Non-Routine around period end	Y	Y	Y	Y	Y	Y
8	Nhập trạm xử lý nước thải công suất 70m3/ngày đêm theo hợp đồng số 53/HĐMT/HN -2020 ngày 27/04/2020	Unusual around period end	Y	Y	Y	Y	Y	Y
9	Nguyễn thị Thu Thảo nộp tiền mua thanh lý xe ô tô nâng hàng (HD 4701)	Non-Routine	Y	Y	Y	Y	Y	Y
10	Nộp tiền phạt nộp chậm thuế GTGT (Khoảng BS thuế tháng 09/2020)	standard journal entries around period end	Y	Y	Y	Y	Y	Y

Comments

Conclusion	Y or N	Comment and/or Ref.
<p>Is there any evidence of management override?</p> <p><i>Có bất kỳ bằng chứng nào về việc Ban Giám đốc sẽ lạm quyền kiểm soát</i></p>	Y	<p>Các nghiệp vụ ghi nhận đều được GD phê duyệt và không có rủi ro nào về management override</p>
<p>If so, consider whether this results in a Risk of Material Misstatement and add to the Risk Report.</p> <p><i>Nếu có, xem xét xem điều này có thể đưa đến những rủi ro sai sót trọng yếu không và đưa những rủi ro này vào báo cáo rủi ro?</i></p>	N	

**INFORMATION SYSTEM ASSESSMENT
AND COMPUTER CLASSIFICATION**

380

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/17/2020
Period end:	12/31/2020	Reviewed		

What is this test schedule for?

This test schedule is to be completed for ALL audits. IT defines two fundamental drivers for the audit approach. These are:

1. Complexity and dominance of the IS environment
2. The amount of audit risk imposed by the IS environment

We must also evidence an understanding of the basic IS environment, so we need to collect some background about IS systems and people.

How does this affect the HRM audit approach?

Please note that form 381 Information Systems Risk Control Matrix and 382 Other IS Considerations are not required for systems classified as Minor (see below). Form 381 can be completed by the auditor unless its non-use is justified and concurred by the manager or partner. For form 382 the use of a computer specialist is required unless its non-use is justified and concurred by the manager or partner.

To form a better understanding on the completion of the forms 380, 381, 382, 383 please refer to 384 operating guidelines for the provision of IT audit services in support of financial audit.

Document your justifications for non-use of 381 and 382.

1. If the IS environment is not complex, reliance on management controls is possible and no additional testing of the IS control environment should be necessary
2. If the IS environment is complex and use of computers is dominant, further testing of the IS control environment is needed on form 381. An IS audit specialist should be contacted to review IS operational and business risk (also for form 382).
3. If the IS environment is well controlled, we have lower audit risk, and the numbers of transactions to be substantively tested can be reduced

4. If the IS environment is not well controlled, we have higher audit risk, we may not be able to follow the controls approach to the audit or we may need to increase the level of substantive testing. At the extreme, if controls are so poor, we may not be issue an unqualified audit opinion.

Who should complete this form?

D Audit staff should initially complete the forms 380 and 381 (if required).

The questions asked in this form are not technical and should not need and IT background to complete them (though judgement is required). Please refer to 384 Operating Guidelines on scoring guidelines that should be used in assessing the complexity of the IT environment in completing 380.MO. If you need assistance, contact our IS audit specialist who can talk you through the process.

When should this form be completed?

During the pre-planning phase. The process should feed into the development of 395.MPQ and 430.MPQ.

1. UNDERSTANDING THE CLIENT’S IS / IT ENVIRONMENT – GAINING BACKGROUND INFORMATION

Please refer to 304.MO Knowledge of Client’s Business Section 14 Hardware & Operating System.

2. ASSESSING THE COMPLEXITY OF THE IS ENVIRONMENT

Question	Non-Complex -1	Complex -4	Score 1 - 4
A. <u>IT department:</u>			

**INFORMATION SYSTEM ASSESSMENT
AND COMPUTER CLASSIFICATION**

380

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/17/2020
Period end:	12/31/2020	Reviewed		

<p>Are there many IT people performing technical duties that may potentially affect the integrity of the financial applications or the data?</p> <p><i>Note. In this instance, 'support' encompasses basic administration duties such as adding and deleting users, but does not include technical tasks such as performing data changes to a database.</i></p>	<p>The IT department consists of under 4 people, who support 3rd party applications and PCs</p>	<p>The IT department is large (or there is a Facilities Management (FM) contract in place) and includes development capability to support an in-house developed application</p>	2
<p>B. Systems integration:</p> <p>Are the financial applications integrated and centralised?</p> <p><i>Note. Separate systems in a business process may, for example, be a purchase order database linked into a separate purchase order processing system linked</i></p>	<p>A simple integrated finance application covers all material financial cycles (eg purchasing, sales, stock and payroll)</p>	<p>Financial information is obtained from more than 5 separate business systems (possibly over multiple locations or including end-user</p>	1

<p>into company A's purchase ledger then consolidated using an end-user developed spreadsheet (4 systems). <i>Note. Integrated systems are usually off-the-shelf packages, such as CFACS or Sun accounts. ERP systems (eg SAP and Oracle) are highly configurable, and count as complex.</i></p>		<p>developed databases and spreadsheets)</p>	
<p>C. Transaction processing:</p> <p>To what extent do the financial applications initiate and authorise transactions? <i>Note. An example of automatic initiation and authorisation may be rent calculation.</i></p>	<p>All transactions require human authorisation</p>	<p>Transactions are initiated without human authorisation</p>	<p>3 (các bút toán kết chuyển được thực hiện tự động)</p>
<p>D. System access:</p> <p>Access (or potential access) to the financial applications increases the risk of unauthorised access. How many PCs/terminals can potentially access the computer system running the financial application(s)?</p>	<p>The finance system is on its own segregated network, or the entire network has no remote access and less than 50 PCs connected.</p>	<p>The system is on the main business network, with connections to remote users over a wide area, such as via the Internet</p>	<p>1</p>

Note. 'Potential' encompasses, for example, non-finance users who may be able to use windows explorer to browse the network and see the finance server, or remote users with access over the Internet.

E. Events:

**INFORMATION SYSTEM ASSESSMENT
AND COMPUTER CLASSIFICATION**

380

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/17/2020
Period end:	12/31/2020	Reviewed		

There have been IS/IT ‘events during the year, such as: <ul style="list-style-type: none"> · Changes to systems or key IT people; · Systems have failed and recovery was not immediate · Fraud or hacking was detected 	Events have occurred that No serious events have occurred during the year may have a significant impact on the integrity of systems	1
---	---	---

Total

8

For the purposes of this section, *financial applications* include ALL business applications that are used to derive financial information (i.e. not just the ledger)

3. JUSTIFYING THE CLASSIFICATION ON THE USE OF COMPUTERS

The form defines “complex” as scoring over 10. A “complex” IT system that is not extensively used for or important to financial reporting may not need the use of an auditor’s expert.

Table 3.1	Non-complex		Complex
#A. Complexity of the computer	x		
	Limited	Moderate	Pervasive
#B. Extent of use in the business:	x		
	Limited	Moderate	Very important
#C. Importance to the client’s business	x		

Refer to 384 operating guidelines for the provision of IT audit services in support of financial audit.

4. CONCLUSIONS – CLASSIFICATION ON THE USE OF COMPUTERS Based on

the above criteria, the client’s use of computers has been assessed as:

Classification of IT system	Yes / No	Response	Use of expert Yes / No/ NA
Minor	Yes	The use of an auditor’s expert is NOT required and it is not necessary complete forms 381 or 382.	No
Significant		The use of an auditor’s expert will dependent on the determination made by the auditor.If so, refer to 0383.	
Dominant		<p>1. The use of an auditor’s expert is required. Where this is required it is necessary to</p> <p>2. refer to form 0384 operating guidelines for the provision of IT Audit Services in support of Financial Audit. Form 0383 - Instructions from the auditor</p> <p>3. to the IT Specialist – must be completed. Form 440 using an auditor’s expert Must</p> <p>4. be completed</p>	

Guidance Table: Guidance - Systems Classification for Complex IT Systems:

Table A - Complex IT Systems (More than 10)		Extent of Use (classification criteria) relevant to the audit		
		Limited	Moderate	Pervasive
Importance to client's business activities	Limited	Minor	Minor	Minor
	Moderate	Significant	Significant	Dominant
	Pervasive	Significant	Dominant	Dominant

AUDIT PLANNING DOCUMENT	401
--------------------------------	------------

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/19/2020
		Reviewed:	NTL	12/19/2020
Period end:	12/31/2020	Partner:	PQT	12/19/2020

This document is to be completed for all audit engagements.

1. Audit Scope

No.	Audit Procedure	Comment and/or Ref.
1.1	Audit Scope: Describe the scope of the audit	Kiểm toán báo cáo tài chính theo VAS

2. Planning Meeting

No.	Audit Procedure	Comment and/or Ref.
2.1	<p>Documentation of planning meeting:</p> <p>Date & Location</p> <p>Team members present (including Engagement)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Audit partner(s): • Audit manager(s): • Audit Staff <p style="padding-left: 40px;">Nguyễn Thanh Lam</p> <p style="padding-left: 40px;">Đặng Huỳnh Long</p> <p style="padding-left: 40px;">Võ Thị Nguyễn Phương</p> <p style="padding-left: 40px;">0</p> <ul style="list-style-type: none"> • Other: <p>Audit scope</p> <p>Fraud risk discussion</p> <p>Risk assessment and audit approach discussion,</p> <ul style="list-style-type: none"> • Internal controls, including accounting systems • Significant risks <p>Prior year matters</p>	<p>Ngày: 19/12/2020</p> <p>tại VP ECOVIS AFA VIỆT NAM; 142 X6</p> <p>Viết Nghệ Tĩnh, P Hòa Cường Nam, Q</p> <p>Hải Châu, Đà Nẵng</p> <p>Phạm Quang Trung</p> <p>Nguyễn Mạnh Cường</p> <p>Ký tên</p> <p>Kiểm toán theo VAS</p> <p>Refer 302.MPQ</p> <p>Refer 430.MPQ</p> <p>+ Hàng tồn kho tồn đọng</p> <p>+ Chính sách khuyến mại bán hàng: Xem xét việc đăng ký với sở công thương</p>

	<p>Unusual items</p> <p>Related parties</p> <p>Matters to discuss with management at start of fieldwork</p>	<p>+ Doanh thu: Đây là khoản mục trọng yếu thể hiện năng suất làm việc năm nay của doanh nghiệp;</p> <p>+ Hàng tồn kho: Hàng tồn kho tồn đọng chậm luân chuyển, lỗi thời hoặc bị hỏng vì lý do sinh hóa cần trích lập dự phòng tổn thất phù hợp theo quy định hiện hành</p> <p>HĐQT và Ban Giám đốc: Các khoản liên quan đến thu nhập và tiền lương</p> <p>+ Kết quả kinh doanh năm 2020;</p> <p>+ Việc trích lập dự phòng giảm giá HTK đối với hàng tồn kho tồn đọng</p>
--	---	---

3. Planning Materiality

No.	Audit Procedure	Comment and/or Ref.
-----	-----------------	---------------------

AUDIT PLANNING DOCUMENT	401
--------------------------------	------------

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/19/2020
		Reviewed:	NTL	12/19/2020
Period end:	12/31/2020	Partner:	PQT	12/19/2020

3.1	Planning materiality is used to guide the extent of audit procedures performed. Complete 420.MPQ.	Refer to 420.MPQ
-----	---	-------------------------

4. Risk Materiality Analysis

Each account balance should be considered in either the Financial Statement Areas Worksheet, the Alternative Audit Strategy for Low Risk Material Income & Expenditure Accounts or the Small Uncomplicated Balances areas below.

4.1 Financial Statement Areas Worksheet

[Refer to form 430.MPQ Financial Statement Areas Worksheet (RMA)]

4.2 Alternative Audit Strategy for Low Risk Material Income & Expenditure accounts

In order to use the Alternative Audit Strategy for Low Risk Material Income & Expenditure accounts the following criteria below must be applied:

- An assessment of the internal control environment has been completed (MAP 302.MPQ)
- Adequate audit work performed on all material balance sheet balances
- There is a documented linkage between audit procedures performed on balance sheet account balances and associated income and expenditure classes of transactions (such as, the sales, debtors and cash receipts cycle)
- Sufficient cut-off tests are performed
- An assessment is made of the design of controls related to the classes of transactions; and
- Preliminary analytical review procedures are performed on the classes of transactions (MAP 340.MO)

In order to use the Alternative Audit Strategy for Low Risk Material Income & Expenditure accounts on revenue accounts the presumed fraud risk regarding revenue recognition must have been rebutted.

[Refer to form 430.MPQ Financial Statement Areas Worksheet (RMA)]

4.3 Small Uncomplicated Balances

The Financial Statement Areas Worksheet may be bypassed if the monetary amount of the population subject to the sample is less than or equal to three times Overall Materiality; and no errors are expected [Sample Size = Population \times 4 \div Overall Materiality (Rounded-up to the nearest whole number)].

[Refer to form 430.MPQ Financial Statement Areas Worksheet (RMA)]

5. Budget and Fees

No.	Audit Procedure	Comment and/or Ref.
5.1	Attach a copy of the engagement budget and fee details.	Refer to Audit contract No: 167/2020/HĐKT-AFA ngày 01/12/2020

6. Communicating the audit plan to those charged with governance

No.	Audit Procedure	Yes or No or N/A	Date sent	Comment and/or Ref.
6.1	Have those charged with governance of the entity received and signed an engagement letter, including a description of the respective responsibilities of the auditor and management?	Y		Refer to Audit contract No: 167/2020/HĐKT-AFA ngày 01/12/2020
6.2	Have those charged with governance of the entity received an overview of the planned scope and timing of the audit?	Y	12/22/2020	Tham khảo Thư yêu cầu tài liệu được lưu tại trong hồ sơ kiểm toán

- Làm chính
- Hỗ trợ

BUDGETED AND ACTUAL TIMECOST	416
-------------------------------------	------------

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/17/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		


	Budget						Actual						Variances						
	CLIENT ACCEPTA NCE & RE- VALUATIO N	PLANNI PRE- PLANNI NG	PLANNI NG PLANNI NG	FIELDWO RK REPORTIN G	REPORTIN G REPORTIN G	Total hours (hour)	Total timecost (VND)	CLIENT ACCEPTA NCE & RE- VALUATI ON	PLANNIN PRE- PLANNIN G	PLANNIN G PLANNIN G	FIELDWO RK REPORTIN G	REPORTIN G REPORTIN G	Total hours (hour)	Total timecost (VND)	Hours (hour)	%	Timecost (VND)	%	
Partner	2,975,000	0.25				0.25	743,750	0.25				0.25	743,750	-	0%	-	0%		
Manager	1,785,000	1.00	0.50	1.00	4.00	1.00	7.50	13,387,500	1.00	0.50	1.00	4.00	1.00	7.5	13,387,500	-	0%	-	0%
Senior	1,587,000		1.00	1.00	4.00	1.00	7.00	11,109,000	-	1.00	1.00	4.00	1.00	7	11,109,000	-	0%	-	0%
Associate	793,000		1.00	1.00	4.00		6.00	4,758,000	-	1.00	1.00	4.00		6	4,758,000	-	0%	-	0%
Total		1.25	2.50	3.00	12.00	2.00	21	29,998,250	1.25	2.50	3.00	12.00	2.00	20.75	29,998,250	-	0%	-	0%

Audit fee	30,000,000
Recover	100%

Audit fee	30,000,000
Recovery	100%

MATERIALITY DETERMINATION

420

Client name:	 Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	NTL	12/19/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

This form completed annually is to document the calculation of initial planning materiality (calculated at planning stage) which will be used to guide the overall scope (nature, extent and timing) of the audit procedures to be performed.

The adequacy of planning materiality is reassessed throughout the audit to ensure that sufficient audit procedures are being performed.

Revised materiality 710.MPQ should be done at the end of the audit.

Part 1 Overall Materiality (See guidance)

1. Selecting a Type of Entity and Principal users of the financial statements

No.	Audit Procedure	Comment and/or Ref.
1	Identify the principal users of the financial statements.	Các cổ đông là người quan tâm đến BCTC hàng đầu tại doanh nghiệp; Các cơ quan nhà nước: Thuế, ...
2	Describe the nature and impact of qualitative considerations (i.e., profitability trends, regulations, particular sensitivities, compliance with loan covenants, users expectations, etc.)	Chỉ tiêu doanh thu là chỉ tiêu thể hiện hoạt động trong năm của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này ổn định và thường không thay đổi nếu không có biến động lớn về mở rộng hoạt động của doanh nghiệp trong năm.

2. Selecting a Numerical Threshold (See guidance)

Benchmark	Selection made	Amount (VND)	Overall Materiality
Revenues (extrapolated from x months to 12 months)	Yes	30,000,000,000	600,000,000
Total assets	No		
Owner's Equity	No		
Normalised income from continuing operations before taxes (if applicable show workings as in the Guidance Notes). Có thể sử dụng lợi nhuận sau thuế, vui lòng xem hướng dẫn bên dưới	No		
Other			
Reason for selecting an alternative benchmark and percentage applied:		Nếu sử dụng những tiêu chí khác những	

tiêu chí trên để tính toán OM thì phải nêu lý do

3. Determine quantitative materiality

Normalized Income from continuing operations	This period anticipated	Last Period
Estimated income pre tax		
Adjustments for non-recurring items, discontinued operations and misstatements brought forward:		
a)		
b)		
c)		
Total Normalized Income from continuing operations (pre tax):		

4. Based on the above considerations, the planning materiality is:

OVERALL MATERIALITY LIMIT - QUALITATIVE FACTORS	Comment and/or Ref.
Document qualitative factors, if any, which, in the auditor's judgment, indicate that a smaller overall materiality limit that might be otherwise appropriate. (The figure in this section cannot be higher than the materiality based on quantitative factors).	
The overall materiality with consideration of qualitative factors for the engagement is (= Benchmark × Percentage):	
Prior year materiality was:	
The Overall Materiality for the engagement is:	600,000,000
Rounded down to nearest "000 (optional)	600,000,000

Part 2 Performance Materiality

Performance Materiality - Quantitative Factors (See guidance)	High or Low
The overall audit risk as assessed in 302.MPQ	Low
Based on the overall audit risk as assessed in 302.MPQ, the performance materiality is:	
<i>(If Overall Audit Risk is LOW, then 75% of Overall Materiality / If Overall audit Risk is HIGH, then 50% of Overall Materiality)</i>	VND 450,000,000

Performance Materiality – Qualitative Factors	Yes or No	Comment or Ref
Are there qualitative factors that, in your judgement, would		
If Yes then, the Performance Materiality with consideration		

Adjusted Performance Materiality Levels	Yes or No	Comment or Ref
Where considered necessary to address particular risks of misstatement in a class of transactions, account balance or F/S disclosure.		
If Yes then, List Areas below and determine Specific Performance Materiality:		

Materiality for specific circumstances	Yes or No	Comment or Ref
For Financial Statement areas requiring a lower level of materiality. Specific user expectations that require a materiality level less than overall materiality for certain areas. Refer to ISA 320.10. What specific expectations, sensitivities and legal/regulatory requirements would		Yes/No

influence the economic decisions of a user?		
If Yes then, List Areas below and determine Specific Performance Materiality:		
	VND	
	VND	
	VND	

Part 3 Summary Of Unadjusted Differences

Amount below which misstatements are not carried to 710 Summary Of Unadjusted Differences (SUD) (before tax) <i>(3% of Overall Materiality - a lower percentage)</i>	18,000,000

**REPORTING TO THOSE
HAVING OVERSIGHT – PLANNING**

450

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/19/2020
		Reviewed:		
Period end:	12/31/2020	Partner:		
		EQCR:		

This form is used to document initial required communications to those having oversight responsibility in relation to the audit engagement during the planning stage.

Mẫu này được sử dụng để ghi lại những thông tin ban đầu cần thiết đối với những người có trách nhiệm giám sát cuộc kiểm toán có liên quan đến giai đoạn lập kế hoạch.

No.	Audit Procedure	Y or N or N/a	Comment and/or Ref.
1.	Is the entity a publicly listed entity?	N	Công ty không phải công ty niêm yết
	<i>DN có phải là một cty niêm yết không?</i>		
	<p>If Yes to Question 1 then have we communicated the following with those charged with governance: If No, explain:</p> <p><i>Nếu trả lời Yes ở câu 1, chúng ta liên hệ với BQL công ty, nếu No thì giải thích:</i></p> <p>a) A statement that the engagement team and others in the firm as appropriate, the firm and, when applicable, network firms have complied with relevant ethical requirements regarding independence?</p>	Y	(Refer to 225.MPQ)

a) Một tuyên bố rằng nhóm kiểm toán và những người có liên quan trong công ty đã tuân thủ yêu cầu của pháp luật về tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp

b) All relationships and other matters between the firm, and the entity that, in the auditor's professional judgment, may reasonably be thought to bear on independence. This shall include total fees charged during the period covered by the financial statements for audit and non-audit services provided by the firm and network firms to the entity and components controlled by the entity. These fees shall be allocated to categories that are appropriate to assist those charged with governance in assessing the effect of services on the independence of the auditor?

Không có mối quan hệ nào giữa EAV với thành viên BQL làm ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên.

b) Tất cả những mối quan hệ và những vấn đề khác giữa cty Kiểm toán và khách hàng, theo xét đoán nghề nghiệp của KTV thì những vấn đề này có thể là nguyên nhân được cho là có liên quan đến tính độc lập. Điều này có thể bao gồm tổng số phí tính trong giai đoạn mà BCTC được soạn thảo để phục vụ cho dịch vụ kiểm toán và dịch vụ phi kiểm toán mà Công ty kiểm toán và thành viên của tập đoàn cung cấp cho Khách hàng và các công ty con mà khách hàng kiểm soát .Những khoản phí này được phân bổ thành các bộ phận một cách phù hợp để trợ giúp cho những người chịu trách nhiệm quản lý trong việc đánh giá ảnh hưởng của vụ này đến tính độc lập của Kiểm toán viên

Y

c) The related safeguards that have been applied to eliminate identified threats to independence or reduce them to an acceptable level.

c) Có một biện pháp bảo vệ liên quan

Không cần thiết áp dụng vì không có mối đe dọa nào ảnh hưởng đến tính độc lập.

N

<p><i>nào được</i></p> <p><i>áp dụng để loại bỏ những đe dọa đến tính độc</i></p> <p><i>lập hoặc giảm bớt chúng đến mức chấp nhận</i></p> <p><i>được</i></p>		
<p>Have we discussed the engagement letter with the audit committee or board of directors, including the responsibilities of the auditor and management? If No, explain:</p> <p>3. <i>Chúng ta có thảo luận Hợp đồng kiểm toán với ủy ban kiểm toán hoặc Hội đồng quản trị, bao gồm trách nhiệm của kiểm toán viên và BGD chưa? Nếu trả lời No, giải thích</i></p>	<p>Y</p>	<p>Đã thảo luận về hợp đồng kiểm toán bao gồm trách nhiệm của KTV và Ban GD với Ban GD của khách hàng vào ngày 20/11/2020 qua điện thoại/gặp mặt/ email trước khi ký hợp đồng kiểm toán</p>
<p>Have we communicated to the audit committee or board of directors relevant audit planning information? Consider using 451 or 452. If No, explain:</p> <p>4. <i>Chúng ta có thông báo đến ủy ban kiểm toán hoặc Hội đồng quản trị đến những thông tin về kế hoạch kiểm toán có liên quan hay chưa? Xem xét sử dụng mẫu 451 hay 452? Nếu trả lời No, hãy giải thích</i></p>	<p>Y</p>	<p>Thông tin về kế hoạch cuộc kiểm toán đã được thông báo đến khách hàng trong Thư chuẩn bị tài liệu gửi vào ngày 22/12/2020</p>

<p>Have we discussed with the audit committee or board of directors their views on the following matters where appropriate? If No, explain:</p>		
<p><i>Chúng ta có thảo luận với ủy ban kiểm toán hoặc Hội đồng quản trị về quan điểm của họ đối với những vấn đề sau nếu phù hợp? Nếu không thì giải thích</i></p>	N/a	

<p>a) The nature and extent of operational, financial, compliance and other risks facing the entity including their likelihood of occurrence and how they are managed.</p>		
<p><i>a) Bản chất và mức độ của việc tuân thủ về tài chính và hoạt động, những rủi ro khác mà DN đang gặp phải, bao gồm khả năng xảy ra rủi ro và cách thức mà rủi ro này sẽ được kiểm soát</i></p>	<p>Y</p>	<p>Nhân viên kế toán tuân thủ tốt quy định về công tác kế toán tại công ty.</p>
<p>b) The control environment and whether the audit committee or board of directors have a process for monitoring the effectiveness of the system of internal controls. Where a review of the effectiveness of internal controls has been carried out, the result of that review.</p>	<p>Y</p>	<p>Công ty ghi sổ kế toán bằng phần mềm, từng nhân viên kế toán đảm trách vài phần hành được cập nhật liên tục lên máy chủ, kế trưởng và Ban GD dễ dàng theo dõi tình hình tài chính của công ty.</p>
<p><i>b) Môi trường kiểm soát và Ủy ban kiểm toán hoặc HĐQT có qui trình để kiểm soát tính hiệu quả của hệ thống KS nội bộ. Kiểm tra về tính hiệu quả của hệ thống KSNB, và kết quả của những kiểm tra đó...</i></p>		
<p>c) Actions taken in response to changes</p>		

<p>in law, accounting standards, corporate governance reporting, Listing Rules and other developments relevant to the financial statements and annual report.</p>		
<p><i>c) Những hành động nào đáp lại những thay đổi về luật, kế toán, báo cáo quản lý doanh nghiệp, quy định niêm yết, những quy định phát sinh gần đây liên quan đến BCTC và báo cáo thường niên</i></p>	Y	<p>Kế toán công ty luôn có những cập nhật thay đổi về kế toán thuế và những quy định có liên quan.</p>
<p>d) Actions taken by the audit committee, board of directors and management in response to our previous communications.</p>	Y	<p>Chưa có những điều chỉnh nào cần được cập nhật.</p>
<p><i>d) Những hành động đã được thực hiện bởi UBKT, HĐQT và BGD đối với những thông báo của chúng ta trước đây</i></p>		

Client name:	Công ty Cổ phần ABC	Sign-off:	Initials	Date
		Prepared:	VTNP	12/19/2020
Period end:	12/31/2020	Reviewed:		

Form này được sử dụng để KTV trình bày lại những thông tin cụ thể từ cuộc họp với khách hàng sau khi đã ghi chép sơ bộ ở file word 452

1. General information

No.	Content	Comment and/or Ref./or N/A
1.1	Date, Location and Member	Văn phòng công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn , bắt đầu lúc 16 giờ ngày 19/12/2020 và kết thúc vào lúc 17 giờ cùng ngày
	Team members present (including Engagement Partner)	
	• Audit partner(s):	Phạm Quang Trung
	• Audit manager(s):	Nguyễn Thanh Lam
	• Audit Staff	Đặng Huỳnh Long Võ Thị Nguyễn Phương
	• Tax partner and manager:	N/a
	• Industry specialist:	N/a
	• IS auditor	N/a
	• Information system	N/a
	• Other:	N/a
	Participants of the Client	
	• (General) Director:	Ông Nguyễn Văn Thịnh
	• Chief accountant:	Ông Nguyễn Trung Tín
	• Other (If any)	

2. Content of the meeting

No.	Content	Comment of senior/manager/partner	Comment of client
2.1	Financial analysis		
a.	Phân tích và phỏng vấn khách hàng về những	Doanh thu biến động	Dịch Covid ảnh hưởng đến

	<p>biến động về doanh thu</p>	<p>giảm nhẹ so với cùng kỳ - xem xét có ảnh hưởng do dịch Covid 2019</p>	<p>doanh thu của doanh nghiệp trong năm nay, chủ yếu việc cách ly xã hội ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động của Doanh nghiệp. Tuy nhiên BĐĐ đã có sự điều chỉnh kịp thời và vẫn duy trì được lượng hàng hóa bán ra trong năm 2020</p>
<p>b.</p>	<p>Việc trích lập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho tồn đọng</p>	<p>Một số mặt hàng tồn kho tồn đọng, không có phát sinh trong năm. Xác định giá trị HTK có thể thực hiện được và trích lập dự phòng giảm giá HTK phù hợp theo quy định hiện hành</p>	<p>Công ty sẽ thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng theo quy định tại thông tư 48/2019/TT- BTC</p>

d.	Các khoản công nợ phải thu khách hàng và phải thu tạm ứng tồn đọng	Đánh giá khả năng thu hồi, tiến độ thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi phù hợp theo quy định hiện hành	Tùy vào khả năng thu hồi công nợ và tình hình kết quả HĐKD trong năm mà Công ty sẽ có hướng xử lý phù hợp
e.	Phân tích các chỉ số thanh toán , thanh toán nhanh, tỷ số nợ phải trả vốn chủ sở hữu	Chỉ số thanh toán hiện hành tốt nên công ty đảm bảo khả năng tài chính và hoạt động liên tục	Hiện tại dòng tiền đảm bảo hoạt động của đơn vị; Công ty còn có các hạn mức vay ngắn hạn đảm bảo dòng tiền hoạt động của đơn vị và Công ty sẽ không bị ảnh hưởng về tài chính trong năm này và các năm tiếp theo
2.2	Entity level controls (Refer to 601)	Đã trao đổi với khách hàng	và ghi chép cụ thể trong form 601
a.			
b.			
2.3	Going concern (refer to 601.10)	Đã trao đổi với khách hàng	và ghi chép cụ thể trong form 601.10
a.			
b.			
2.4	Contingent liabilities and Commitments (Refer to 601. 40)	Đã trao đổi với khách hàng	và ghi chép cụ thể trong form 601.40
a.			
b.			
2.5	Subsequent events (Refer to 601. 20)	Đã trao đổi với khách hàng	và ghi chép cụ thể trong form 601.20
a.			
b.			
2.6	Compliance with laws and regulations (Refer to 601. 30)	Đã trao đổi với khách hàng	và ghi chép cụ thể trong form 601.30
a.			

b.			
2.7	The tax issues discovered in the pre-planning stage	N/a	
a.			
b.			
2.8	The accounting issues discovered in the pre-planning stage		
a.			
b.			
2.9	The control issues discovered in the pre-planning stage		
a.			
b.			
2.10	Previous year's matters		
a.	Hàng tồn kho tồn đọng, không phát sinh	Lưu ý giá trị có thể thực hiện được và thực hiện trích lập dự phòng theo quy định hiện hành	

b.	Chính sách khuyến mãi	Lưu ý đăng ký với sở công thương	
2.11	Temporary adjustment and error		
a.			
b.			

PHỤ LỤC 02:
BẢN THUYẾT MINH BCTC
Công ty Cổ Phần ABC - Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ABC (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV ABC theo Quyết định số 2040/QĐ-CTUBND ngày 18/07/2009 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty được chuyển đổi sang hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100587491 ngày 01/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 21/08/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.450.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 249 đường Bạch Đằng, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là xxx người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 319 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước ngọt, nước giải khát bổ dưỡng. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai khác. Sản xuất đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn. Sản xuất nước ngọt. Sản xuất bột hoặc nước ngọt không cồn: nước chanh, nước cam, côla, xá xị, nước hoa quả, nước bổ dưỡng, nước uống dùng cho thể thao, nước trà xanh, sữa đậu nành, trà sữa...;

- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán nước khoáng, nước ngọt, nước giải khát bổ dưỡng;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;

- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất nước hoa quả;

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Chi tiết: Sản xuất đồ uống từ sữa, Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất cà phê, chè.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

PHỤ LỤC 03:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Công ty Cổ phần ABC

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.433.235.288	54.642.179.827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.090.825.613	2.886.926.241
1. Tiền	111		6.090.825.613	2.886.926.241
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	21.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	10.000.000.000	21.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.694.004.618	15.360.918.755
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	20.334.918.656	15.421.980.941
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.638.759.500	104.048.501
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	371.566.007	589.823.932
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(651.239.545)	(754.934.619)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	14.305.427.240	15.072.876.223
1. Hàng tồn kho	141		14.305.427.240	15.072.876.223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		342.977.817	321.458.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	342.977.817	321.458.608
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.049.838.223	35.097.296.643
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.321.168	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	20.321.168	-
II. Tài sản cố định	220		32.434.299.608	31.897.648.668
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	32.266.217.989	31.669.357.049
Nguyên giá	222		82.091.327.356	75.209.498.550
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.825.109.367)	(43.540.141.501)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	168.081.619	228.291.619
Nguyên giá	228		394.030.974	394.030.974

Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225.949.355)	(165.739.355)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		331.818.182	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		331.818.182	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.263.399.265	3.199.647.975
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	3.263.399.265	3.199.647.975
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		92.483.073.511	89.739.476.470


NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày	Tại ngày
			31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.382.439.090	22.334.294.321
I. Nợ ngắn hạn	310		21.382.439.090	22.334.294.321
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	9.927.078.330	9.037.170.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	3.958.924	218.395.420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	811.929.571	1.497.605.652
4. Phải trả người lao động	314		2.423.172.486	4.281.801.428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	35.000.000	35.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	2.040.580.892	1.974.722.037
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.140.718.887	5.289.598.802
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.100.634.421	67.405.182.149
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	71.100.634.421	67.405.182.149
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.450.000.000	30.450.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.450.000.000	30.450.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.725.000.000	4.725.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.350.612.333	11.909.399.727
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.575.022.088	20.320.782.422
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		20.320.782.422	17.512.247.971
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.254.239.666	2.808.534.451
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		92.483.073.511	89.739.476.470

PHỤ LỤC 04:
GIẤY LÀM VIỆC
KHOẢN MỤC NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Client:	Công ty CP ABC	Sign off:	Initials	Date
Period:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
		Reviewed:	NTL	1/19/2021

LEAD SCHEDULE

5310

Client name:	 Công ty CP ABC	Sign-off	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Trade receivables - Lead Schedule	Reviewed:	NTL	1/19/2021

	Ref	As per management	Adjustment		Audited	
			Dr	Cr	2020	2019
		GL				LY
Current:						
Trade receivables	<5340>	31,978,735,750			31,978,735,750	15,421,980,941
Advances from customers		3,933,914,393			3,933,914,393	218,395,420
Receivables from related parties					-	
Construction contractor receivables					-	
based on agreed progress billings						
Other receivables	<5390>	300,364,302			300,364,302	589,823,932
Less: Provision for doubtful debts	<5352>	651,239,545			651,239,545	754,934,619


Workdone:

GL- Agreed to general ledger

LY- Agreed to last audited amount

LEAD SCHEDULE

5310

Client name:	 Công ty CP ABC	Sign-off	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Trade receivables - Disclose	Reviewed:	NTL	1/19/2021

I. TRADE RECEIVABLES AND ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Ref	As per	Adjustment		Audited	
		management	Dr	Cr	2020	2019
		GL				LY
Current:						
Trade receivables:						
Đại lý Nguyễn Xuân Thì		1,123,172,693			1,123,172,693	218,932,060
Đại lý Trần Ngọc Tiến		1,281,469,117			1,281,469,117	274,650,179
Công ty TNHH Yên Thịnh Phát Gia Lai		793,331,693			793,331,693	793,331,693
Võ Đình Sang		403,303,766			403,303,766	729,686,440
Other (remaining balances)		28,377,458,481			28,377,458,481	13,405,380,569
Total	<5310>	31,978,735,750			31,978,735,750	15,421,980,941
Trade receivables from related parties – Refer to Note [xxx]		Ø			Ø	Ø
Advances from customers:						
Phạm Văn Cứ		-			-	113,943,640
Huỳnh Quang Huy		1,460,294,048			1,460,294,048	-
Nguyễn Kiều Vy		407,225,297			407,225,297	-
Nguyễn Phước Hải		423,043,329			423,043,329	-
Thị trường Trạm Ngô Mây		519,156,605			519,156,605	-
Châu Thị Hồng Loan		352,293,700			352,293,700	-
Other (remaining)		771,901,414			771,901,414	104,451,780
Total	<5310>	3,933,914,393			3,933,914,393	218,395,420

Advances from related parties – Refer to Note [xxx]



Client name:	Công ty CP ABC	Sign-off	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Trade Receivables - Audit Program	Reviewed:	NTL	1/19/2021

		Assertions					W/P Ref
		C	A	V	E	P	
	A. BASIC PROCEDURES						
1)	Agreed to General Ledger and Disclosure items	C	A			P	5340
	Summary of trade receivables						<5340-1>
2)	Initial Audit procedures	C	A	V	E		5341
3)	Analytical Review	C	A				5342
4)	Ageing test	C	A				5350
5)	Provision for doubtful debts			V			5351-5353
6)	Trade receivables circularisation		A		E		5360
7)	Computation of unrealised gain/(loss) on foreign exchange			V			5370
9)	Related Parties balances and transactions	C	A		E	P	5380
	B. SPECIFIC SIGNIFICANT RISK AND HRM						
1)	SIGNIFICANT RISK [describe specific other audit procedures to respond to risk]						
2)	HRM ACCOUNTS [describe specific other audit procedures to respond to risk]						
3)	SPECIFIC PERFORMANCE MATERIALITY as identified in 0430.MPQ. Yes or NA Amount \$ _____. For assertion _____ for audit procedure # _____ below.						
	CONCLUSION						

Additional procedures for significant risk and HRM accounts were customized to respond to the assessed risks of material misstatement at the financial statement and assertion level.									

[Partner's signature]

C. AUDIT CONCLUSION

No.	Audit Conclusion	Y or N	Comment and/or Ref/Initials
1.	These procedures were customised (as necessary) to respond to the assessed risks of material misstatement at the financial statement and assertion level. If modification were necessary from the planned procedures or adjustments to the program were necessary they were discussed with the Manager in charge or Partner in charge and then agreed and documented on the attached schedule ref_____		
2.	The risk of material misstatement in the Accounts Receivable has been reduced to an acceptable level.		
3.	All relevant assertions have been addressed.		
4.	If No to #2 and #3 then, additional procedures have been performed in order to give a standard audit opinion. See attached schedule ref_____		

Note on Assertions:
C - Completeness
A - Accuracy
V - Valuation
E - Existence / Ownership
P - Presentation

Trade receivables - Agreed to GL

5340

Client name:	Công ty CP ABC	Sign-off	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Trade receivables - Agreed to GL	Reviewed:	NTL	1/19/2021

	Ref	2020	2019
<u>CURRENT:</u>		GL	LY
Trade receivables	<5360>,<5310>,<5340	31,978,735,750	15,421,980,941
Less: Allowanve for doubtful debts	<5352>	651,239,545	754,934,619
Total		32,629,975,295	16,176,915,560
Advances from customers	<5360>	3,933,914,393	218,395,420
		Ø	Ø

Summary of Trade Receivables

Outsiders

Provision for doubtful debts

Related parties <5380>

Provision for Related parties <5380>

-	-
32,629,975,295	16,176,915,560

Summary of Advance from customers

Outsiders

Related parties <5380>

-	-
3,933,914,393	218,395,420

Workdone:

GL- Agreed to general ledger

LY- Agreed to last audited amount

Ø - Casting checked

Trade receivables - Agreed to GL

5340-1

Client name:	Công ty CP ABC	Sign-off	Initials
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL
Subject:	Trade receivables - Summary of trade receivables	Reviewed:	NTL

Mã	Tên khách hàng	Dư đầu		Phát sinh		Dư cuối	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8
HNHOAI003	Huỳnh Quang Huy	713,412,462		728,481,433	2,902,187,943		1,460,294,048
HUEN0007	Thị trường Trạm Ngô Mây				519,156,605		519,156,605
HAHAI001	Nguyễn Phước Hải	360,170,614		69,402,951	852,616,894		423,043,329
ANVY008	Nguyễn Kiều Vy	584,621,599		641,816,894	1,633,663,790		407,225,297
TUTV0005	Châu Thị Hồng Loan			270,500,000	622,793,700		352,293,700
TUTV0004	Nguyễn Tiểu Đồng				199,062,161		199,062,161
PMDUNG001	Nguyễn Tấn Dũng	92,030,353		96,687,566	384,361,315		195,643,396
PMTY001	Nguyễn Công Ty	23,875,855		60,781,395	216,065,648		131,408,398
CHANH001	Đỗ Thị Lan Anh	99,964,726		1,472,529,339	1,632,576,904		60,082,839
TRNHAN001	Huỳnh Lê Phi Nhân	142,216,297		170,128,078	350,784,205		38,439,830
CHNAM001	Nguyễn Văn Nam		1,433,963	250,790,449	284,447,879		35,091,393
CHBANG001	Trần Lu Bang			427,058,740	452,991,571		25,932,831
TRDUONG109	Văn Phòng Tỉnh Ủy Bình Định			569,993	10,917,071		10,347,078
CHTUAN001	Trần Anh Tuấn	8,173,634		252,200,884	270,511,170		10,136,652
CHTHINH001	Lê Xuân Thịnh			326,305,478	335,226,734		8,921,256
TRNHAN007	Công Ty Cổ Phần Greenfeed Việt Nam - Chi Nhánh Bình Định				7,864,969		7,864,969

PCTIEN024	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phù Cát				6,000,060		6,000,060
TRNHAN004	Công Ty TNHH Trung Tâm Quốc Tế Khoa Học Và Giáo Dục Liên Ngành			13,197,593	18,137,529		4,939,936
TRNGOC014	Chi Nhánh Bình Định-Công ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải	9,541,300			14,161,274		4,619,974
TRSANH026	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Bình Định			36,229,750	40,529,769		4,300,019
TRNGOC023	Cục dự trữ Nhà Nước khu vực Nghĩa Bình				3,207,126		3,207,126
CHANH051	Chi Cục Thống Kê			11,604,761	14,729,769		3,125,008
TRNGOC003	Mobifone Tỉnh Bình Định				2,469,968		2,469,968
TRNHUNG080	Trung tâm Giáo Dục thường xuyên Bình Định			14,272,481	16,513,425		2,240,944
TRNHUNG102	Chi Nhánh Bình Định-Công ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải			10,394,941	12,599,928		2,204,987
PMTY007	Văn Phòng Huyện Ủy Huyện Phù Mỹ			38,359,066	40,383,356		2,024,290
PMTY012	Tòa Án Nhân Dân Huyện Phù Mỹ			5,100,018	7,078,002		1,977,984
TRNHUNG049	Ngân hàng TMCP Bảo Việt Chi nhánh Bình Định			13,789,901	15,579,847		1,789,946

TRDUONG079	Công Ty Bảo Hiểm PVI Bình Định			5,126,906	6,722,885		1,595,979
DNAN0010	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Lê Quân			125,013,066	126,507,344		1,494,278
TRNGOC017	Đội kiểm lâm cơ động & PCCC Rừng				1,151,948		1,151,948
CHANH022	Tòa Án Nhân Dân TP Quy Nhơn	1,205,998		13,014,954	14,980,964		760,012
TRHUNG008	Chi Cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn				759,990		759,990
TTPT107	CÔNG TY TNHH GARDENLINE VN			4,711,939	5,471,929		759,990
CHANH019	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Quy Nhơn			4,104,065	4,788,076		684,011
CHDINH063	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn			2,905,014	3,559,014		654,000
CHNAM045	Ban Tôn Giáo Tỉnh Bình Định			4,075,040	4,683,050		608,010
AKHE0007	Hộ Kinh Doanh Đình Công Kết			117,391,487	117,769,530		378,043
CHBANG031	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Định			6,081,029	6,397,021		315,992
PMTY037	Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ Bình Định			6,400,064	6,643,731		243,667
CHVAN053	UBND Xã Nhơn Lý			15,749,052	15,969,043		219,991
TRNHUNG081	Công ty TNHH đầu tư BOT Bình Định			20,379,783	20,549,469		169,686
TRHUNG067	UBND Phường Lý Thường Kiệt			569,993	683,991		113,998
THOA0012	Phạm Thị Lên			288,377,034	288,460,672		83,638
PRAN0004	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Hưng Phú Ninh Th	597,460		400,312,960	400,934,495		24,075
GLAI0008	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Toàn Thịnh Gia Lai		3,438	3,176,401,855	3,176,414,039		15,622
TRNHUNG069	Công ty TNHH Du Lịch Bãi Dài			17,065,634	17,079,634		14,000
CHTHUY073	Trường mẫu giáo Ngô Mây			26,039,851	26,053,772		13,921
QNAM0012	Phạm Phú Hữu			324,284,211	324,288,587		4,376
TSNHAN017	Phòng giáo dục và đào tạo			4,374,976	4,378,474		3,498
DLAK0001	Công ty TNHH Ô Tô - Xe máy Tây Nguyên	22,548,209		235,206,348	257,755,829		1,272
CHMINH001	Nguyễn Quang Minh		372				372
HNHOAI018	Đại lý Trần Ngọc Tiến	274,650,179		1,018,183,018	11,364,080	1,281,469,117	
HNHOAI009	Đại lý Nguyễn Xuân Thì	218,932,060		914,421,454	10,180,821	1,123,172,693	

ANMAN001	Nguyễn Văn Mẫn	608,309,487	555,640,741	179,308,416	984,641,812
ANVY002	Nguyễn Cao Linh	269,290,304	1,065,918,800	413,914,648	921,294,456
ANMAN002	Nguyễn Thị Chu	177,371,853	963,943,130	295,561,412	845,753,571
HNHOAI005	Đại lý Kim Anh	187,341,540	664,715,521	9,160,168	842,896,893
TTPT081	Trần Thị Ngọc Ly	109,987,291	2,213,298,381	1,506,806,753	816,478,919
GLAI0002	CTy TNHH MTV Yên Thịnh Phát Gia Lai	793,331,693			793,331,693
KTUM0004	Tap hóa Xuân Loan		9,236,831,420	8,500,519,517	736,311,903
HNHOAI008	Đại lý Nguyễn Văn Bón	174,102,031	557,146,467	6,172,954	725,075,544
PCSANG002	Lê Thị Quý	338,854,883	1,222,931,290	836,881,600	724,904,573
ANHAI002	Tạ Văn Trúc		970,597,337	261,117,000	709,480,337
PCSANG003	Nguyễn Văn Cường	324,588,757	984,262,796	663,300,004	645,551,549
DLAK0008	Hộ Kinh Doanh Ngân Tùng	690,893,271	1,375,503,778	1,432,620,401	633,776,648
PCSANG004	Huỳnh Văn Châu	378,721,558	810,001,182	570,000,000	618,722,740
PCTIEN003	Huỳnh Thị Lễ	95,991,364	864,991,193	441,697,044	519,285,513

HNHOAI014	Đại lý Hữu Phúc	92,032,095	425,803,164	7,035,946	510,799,313
TPTOAN005	Trần Văn Đước	454,059,778	448,265,108	403,101,670	499,223,216
PCTIEN002	Nguyễn Thị Huệ	94,829,555	1,046,574,406	651,252,729	490,151,232
TTPT022	Công ty TNHH Tuấn Trúc	25,000,000	1,336,270,773	885,050,805	476,219,968
TSNHAN005	Nguyễn Danh		1,330,082,949	857,217,559	472,865,390
HNHOAI010	Đại lý Nguyễn Thị Thủy		435,557,761	6,916,523	428,641,238
ANHAI001	Võ Minh Hải	182,806,583	349,043,809	114,965,892	416,884,500
PCSANG001	Võ Đình Sang	729,686,440	453,509,297	779,891,971	403,303,766
HAHAI015	Lê Trung Tĩnh	90,515,006	992,143,728	683,590,859	399,067,875
PMDUNG004	Lê Thị Trâm	55,971,571	727,485,999	384,675,773	398,781,797
THOA0007	Nguyễn Văn Trọng	277,004,859	1,282,360,951	1,175,806,024	383,559,786
CHDINH001	Nguyễn Thị Thanh Định	244,538,826	1,874,025,768	1,739,938,478	378,626,116
PCTIEN004	Trần Đình Dũng	67,818,224	741,163,852	438,458,272	370,523,804
HAHAI003	Lê Thị Hoa	61,417,190	759,942,585	454,410,431	366,949,344
AKHE0001	Huỳnh Văn Chánh	369,426,661	1,829,949,783	1,839,270,070	360,106,374
TPDIEU013	Nhà phân phối Tuấn Trâm	53,459,934	843,702,433	543,641,197	353,521,170
HNHOAI007	Đại lý Phạm Văn Tân		358,091,939	5,288,614	352,803,325
HNHOAI006	Đại Lý Đặng Văn Tài		347,786,061	5,404,404	342,381,657
TTPT027	Tap Hóa Thịnh Phát	20,000,000	818,970,917	506,940,443	332,030,474
TSTHIEN001	Nguyễn Hồng Thiện	170,769,042	741,092,204	587,881,259	323,979,987
HAHAI002	Trần Thị Hộ		532,580,482	212,196,792	320,383,690
ANTHU005	Nguyễn Thị Thạch		418,614,706	117,894,464	300,720,242
CHTHUY001	Trần Thị Thủy	333,749,385	2,009,056,092	2,053,002,240	289,803,237
PMDUNG014	Lại Thị Mỹ Lệ		415,496,023	128,643,344	286,852,679
TSNHAN010	Đại lý Diệp Xuân		1,030,662,368	745,252,540	285,409,828
TTPT001	Trần Văn Thành	499,812,565	138,538,950	369,045,071	269,306,444
THHO0001	Nhà Phân Phối Quỳnh Loan	305,091,994	5,875,445,066	5,929,020,862	251,516,198

KTUM0008	NPP Lê Phạm Thị Như Quỳnh			1,942,076,024	1,711,186,924	230,889,100
PMDUNG013	Hà Thị Minh Nguyệt			409,858,475	187,352,669	222,505,806
TRNGOC001	Lý Thị Minh Ngọc	187,648,509		45,408,792	12,390,367	220,666,934
HASI002	Nguyễn Thị Yến			498,726,415	294,778,746	203,947,669
TOTTHUNG001	Trần Vũ Minh Hùng			546,179,762	346,366,200	199,813,562
PMTY002	Trương Công Định			433,320,241	242,224,953	191,095,288
HASI003	Trần Thị Mỹ Lệ			598,610,098	408,351,925	190,258,173
TSNHAN001	Nguyễn Hữu Nhân	288,279,331		519,999,414	636,260,418	172,018,327
TPDIEU001	Trần Công Diệu	426,021,307		767,485,019	1,027,648,430	165,857,896
DNAN0004	Trần Văn Duy	178,518,163			15,233,107	163,285,056
PCTIEN001	Trần Tiến	427,975,832		647,020,473	914,926,750	160,069,555
TRSANH001	Nguyễn Thị Sanh	101,774,512		2,801,522,725	2,747,061,057	156,236,180
HASI001	Dương Trường Sĩ	211,345,923		149,761,117	205,443,105	155,663,935

TOTTDUNG001	Nguyễn Hoàng Dũng	113,790,000		72,610,098	34,345,294	152,054,804
TPTOAN006	Đại lý Khánh	20,000,000		498,926,603	376,336,418	142,590,185
TRNHUNG001	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	949,188		2,299,352,871	2,158,574,912	141,727,147
TPTOAN009	Đại Lý Vũ Lý	13,896,000		526,566,790	401,850,445	138,612,345
TOTTTRUC001	Lê Thị Ngọc Trúc	206,845,646		946,865,604	1,017,139,154	136,572,096
QNAM0001	Nguyễn Xuân Trung			8,235,555,297	8,105,854,094	129,701,203
THOA0004	Huỳnh Thị Kim Hân	66,923,523		233,382,575	189,475,043	110,831,055
TSTHIEN005	Đại lý Hiếu Thành			594,994,889	484,942,515	110,052,374
PMTY018	Phan Thị Thái Phương Nga			343,659,453	236,757,876	106,901,577
TPDIEU064	Công ty TNHH dịch vụ nhà hàng Hoàng Long			271,512,979	164,978,533	106,534,446
TPDIEU016	Tạp hóa Bảo Linh	72,573,060		345,066,964	312,770,360	104,869,664
ANVY003	Lê Đức Vinh	162,812,169			58,586,000	104,226,169
PMDUNG002	Đặng Văn Út			197,563,252	95,302,119	102,261,133
TPDIEU020	Đại Lý Kiến			302,672,291	200,551,843	102,120,448
TPDIEU018	Công ty Cổ Phần Hà Thanh			291,339,196	191,785,404	99,553,792
PMDUNG005	Cao Văn Thắng	80,318,085		249,076,182	231,056,358	98,337,909
AKHE0002	Lê Trần Tường Vân	94,368,644		64,767,010	64,744,498	94,391,156
TRNHAN013	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Trung Toàn Thắng			107,939,383	16,099,908	91,839,475
TOTTLUONG001	Nguyễn Đình Lượng	44,933,858		1,453,083,681	1,409,369,200	88,648,339
QNGA0001	Công ty TNHH Lan Mùi		26,894,403	3,567,781,285	3,453,236,531	87,650,351
HAHAI013	Nguyễn Văn Cang			128,894,696	41,800,568	87,094,128
ANTHU001	Lê Kim Anh Thư	121,679,331		104,964,025	141,728,550	84,914,806
ANKING007	Công ty TNHH dịch vụ Hoa Tân An			83,737,738		83,737,738
HAHAI006	Vũ Thị Tình			218,394,495	137,243,040	81,151,455
HUEE0002	Trương Văn Đức	82,654,942			4,040,397	78,614,545
TPTOAN030	Tạp hóa Liên			404,611,481	326,478,612	78,132,869

CHHOA001	Dương Thị Lệ Hòa	136,581,295		1,432,994,553	1,501,301,401	68,274,447
PRAN0003	Trạm Ninh Thuận	77,606,309			11,892,990	65,713,319
TPDIEU056	Nhà Hàng Bảy Sen			151,698,202	87,490,498	64,207,704
QNAM0008	Phạm Văn Cứ		#####	3,881,632,331	3,704,031,167	63,657,524
THHO0002	NPP Nguyễn Viết Cường	63,558,864				63,558,864
TTPT064	Phan Minh Hoàng (Đại lý Anh Thư)			411,327,416	348,913,746	62,413,670
TOTTDUNG017	Công ty TNHH Kim Ngọc - Quy Nhơn			250,701,792	188,651,016	62,050,776
TSTHIEN002	Đại lý Dược Thảo			531,843,403	470,102,109	61,741,294
PMTY004	Hồ Ngọc Thanh	1,050,000		537,723,566	477,842,116	60,931,450
GLAI0017	Hộ Kinh Doanh Phạm Hồng Sơn	2,080,000		382,926,167	328,041,899	56,964,268
DLAK0010	Hộ Kinh doanh Lê Thanh			56,768,976		56,768,976
TRHUNG001	Võ Đình Hưng	857,587		928,441,981	873,091,208	56,208,360
TSTHIEN008	Võ Dẫn			161,436,061	105,786,934	55,649,127
TRNHAN005	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Ba Miền			56,832,335	2,579,175	54,253,160

ANVY020	Chi nhánh Công ty Cổ phần Phú Tài - Nhà máy chế biến gỗ Phù Cát			53,810,565		53,810,565
TRDUONG001	Trình Văn Dương		394,183	959,664,211	905,771,063	53,498,965
CHANH086	Công ty Cổ Phần Thương Mại và Dịch vụ Đức Tín Thành Bình Định			92,017,264	45,508,401	46,508,863
CHVAN039	Phan Thị Thanh Thảo	101,498,392		1,789,004,579	1,846,332,847	44,170,124
KTUM0005	Bùi Thị Thúy Vi			3,926,170,232	3,882,246,126	43,924,106
TRSANH013	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Khôi Nguyên Phát	2,000,000		141,294,193	101,399,432	41,894,761
QNGA0007	Hiệu Buôn Hoàng Khương			6,992,717,396	6,950,967,210	41,750,186
PMDUNG010	Công Ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Tổng Hợp Thảo Trinh			98,969,145	57,777,984	41,191,161
PMDUNG007	Doanh Nghiệp Tư Nhân 304 Phù Mỹ			107,300,490	67,497,408	39,803,082
TPTOAN001	Võ Văn Toàn	50,675,354			11,000,000	39,675,354
ANVY007	Huỳnh Thị Chúc	11,461,369		74,159,976	46,474,000	39,147,345
ANMAN004	Ủy ban nhân dân Thị xã An Nhơn	34,243,209		34,438,131	29,764,398	38,916,942
TSNHAN050	Công ty TNHH Thanh Thanh Tây Sơn			57,186,287	20,001,366	37,184,921
TPDIEU055	Tap Hoá Nga			102,901,029	66,300,663	36,600,366
PCTIEN045	Doanh nghiệp tư nhân An Kiều			34,055,705		34,055,705
TOTTDUNG024	Công ty TNHH thương mại và phát triển du lịch Gia Nguyễn			144,403,327	110,458,372	33,944,955
PCSANG005	Phạm Thị Thủy	33,927,196				33,927,196
ANVY033	Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ Tiến Thành			31,298,520		31,298,520
QNGA0012	Nguyễn Văn Lạc	30,000,000		7,043,936,251	7,043,936,251	30,000,000
ANMAN006	Chi nhánh Công ty TNHH De Heus tại Bình Định	8,424,034		42,267,177	21,544,103	29,147,108
NGAN0004	Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Lộc	27,945,046				27,945,046
HNHOAI029	Công ty TNHH Thương Mại Mườì Vàng			26,728,416		26,728,416
GLAI0015	Tap Hoá Soạn Nhã	22,870,851		827,393,287	823,710,339	26,553,799
CTLT0053	Lưu Ngọc Dung			137,100,040	111,150,000	25,950,040
CHVAN011	Nhà Khách Thanh Bình	7,008,883		66,638,623	49,322,660	24,324,846
GLAI0010	Huỳnh Văn Định	24,261,854		2,586,037,377	2,586,032,270	24,266,961
HUEN0008	Thị trường Cửa hàng GTSP	37,973,946			14,777,105	23,196,841

HNHAI001	Nguyễn Thị Thanh Hải	45,752,397	2,221,591,625	2,244,568,477	22,775,545
ANMAN007	Thị ủy Thị xã An Nhơn	17,885,938	32,774,038	28,300,773	22,359,203
CHHOA058	Công ty Cổ Phần Du Lịch Sài Gòn - Qui Nhơn	16,776,155	143,385,578	138,078,833	22,082,900
TRSANH045	Công Ty Cổ Phần Tổng Hợp Tuấn Minh Anh		67,124,482	45,275,472	21,849,010
HASI008	Nguyễn Thị Phương		70,250,888	48,472,406	21,778,482
PMTY062	Nguyễn Thị Thanh Thảo		55,743,507	34,017,984	21,725,523
CHANH096	Công ty TNHH TMDV Nhà Hàng Cây Sộp		36,992,967	15,804,129	21,188,838
NGAN0001	Nhà Phân Phối Hoàng Mến	20,102,474	348,168,480	348,180,000	20,090,954
ANVY009	Công ty TNHH TM và SX Kim Hoa		19,685,160		19,685,160
CHTHUY058	Công ty cổ phần công nghệ gỗ Đại Thành	24,210,233	75,299,648	80,367,682	19,142,199
DNAN0009	Phan Thị Thanh Thúy	21,403,776	3,850,572	6,507,338	18,747,010
ANMAN013	Tòa án Thị xã An Nhơn	10,499,940	8,000,080		18,500,020
NGAN0003	Nhà phân phối LÊ ĐÌNH HỢI	18,267,090			18,267,090

TSTHIEN003	Công Ty Thủy Điện An Khê - Kanak			60,698,208	43,456,315	17,241,893
TPDIEU004	Công ty Cổ phần Xây lắp điện Tuy Phước Bình Định			44,835,499	27,735,723	17,099,776
TPDIEU052	Công ty trách nhiệm hữu hạn đồ gỗ Nghĩa Phát			26,776,880	10,129,023	16,647,857
ANMAN011	Công ty TNHH KTCT Thủy Lợi Bình Định			16,488,490		16,488,490
ANVY014	Agribank Thị xã An Nhơn			26,065,120	9,760,098	16,305,022
TPDIEU067	Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Khôi Nguyên Phát			53,444,417	37,239,510	16,204,907
CHHOA018	Vietravel - Chi nhánh Quy Nhơn			101,099,988	84,944,990	16,154,998
TTPT114	Công ty TNHH Tổng Hợp Nguyên Khang			16,064,908		16,064,908
TRSAM001	Đỗ Văn Sâm		963,324	340,735,194	324,187,353	15,584,517
CTLT0050	Hộ Kinh Doanh Minh Hà			609,416,423	594,087,000	15,329,423
TRNHUNG098	Trường THPT Hùng Vương			18,434,110	3,888,713	14,545,397
CHANH064	Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung			74,845,658	60,436,261	14,409,397
PCTIEN010	Công ty TNHH Delta Galil Việt Nam		3,099,750	20,080,608	8,833,979	14,346,379
CHVAN015	Công ty cổ phần Thủy sản Bình Định			68,019,682	53,802,291	14,217,391
TRSANH068	Công ty cổ phần Khách Sạn Hoàng Yến			13,860,000		13,860,000
CHHOA071	Chi nhánh DNTN Thương Mại Thành Trung-Nhà hàng Sáu Cao-TTHN Tiệc C			110,931,896	97,180,466	13,751,430
TPDIEU044	Công ty Cổ phần BACHCHAMBARD Đà Nẵng			13,579,922		13,579,922
TRDUNG001	Võ Tấn Dũng		57,903	350,157,436	336,673,042	13,426,491
CHNAM003	Viettel Bình Định - Chi Nhánh Tập Đoàn Công nghiệp-Viễn Thông Quân Đội			132,849,887	119,589,662	13,260,225
TRNHUNG026	Công ty Cổ Phần Fresenius Kabi Việt Nam		10,225,931	176,265,237	173,261,244	13,229,924
TPDIEU066	Công ty TNHH Giống Gia cầm Minh Dư			33,439,560	20,519,730	12,919,830
CHHOA022	Công ty TNHH một thành viên Hoa sen Nhơn Hội-Bình Định		8,082,180	124,130,758	119,594,658	12,618,280
TPDIEU040	Công ty TNHH Xây dựng Huỳnh Gia			50,763,472	38,413,634	12,349,838
TRSANH004	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Sáu Cao			43,547,856	31,198,464	12,349,392
ANKING002	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á			11,767,261		11,767,261
DNAN0005	Hộ kinh doanh Lê Chiêu Quân		4,842,175	691,271,891	684,733,240	11,380,826

CTLT0052	Hộ kinh doanh Phan Nguyễn			88,264,913	76,904,400	11,360,513
PCTIEN005	Công ty điện lực Bình Định - Điện Lực Phù Cát			19,850,155	9,050,047	10,800,108
TRNHUNG085	Trung Tâm Đào Tạo Nghiệp Vụ Giao Thông Vận Tải Bình Định			21,074,830	10,537,415	10,537,415
TPDIEU045	Công Ty TNHH Xây Dựng Tấn Thành			45,637,400	35,111,538	10,525,862
PMTY014	Ủy Ban Nhân Dân Thị Trấn Phù Mỹ			29,930,290	19,485,383	10,444,907
PCTIEN008	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Phú Tài - NMCB Đá ỏ lát Bình Định			17,640,066	7,212,579	10,427,487
CHTHUY022	Công Ty Xăng Dầu Bình Định			84,661,135	74,654,572	10,006,563
QNGA0011	Phạm Thị Ngọc Diễm	10,000,000		5,251,760,816	5,251,760,860	9,999,956
THOA0009	Công ty TNHH Sinh Hiền			59,545,345	49,644,157	9,901,188
ANMAN023	Công ty TNHH Dịch vụ Tuấn Ngọc			9,719,424		9,719,424
CHTUAN012	Ngân Hàng TMCP Quân Đội			52,969,801	43,413,683	9,556,118
QTRI0005	Nhà Phân phối Thanh úy			990,609,913	981,118,176	9,491,737
CHTHUY074	Trường mẫu giáo Quang Trung			42,316,209	33,129,891	9,186,318
CHANH002	Công ty Cổ Phần Du Lịch Công Đoàn Bình Định			32,427,501	23,282,651	9,144,850

ANMAN005	BIDV Phú Tài			9,000,090		9,000,090
HNHOAI033	Ngân hàng TMCP Á Châu			8,923,855		8,923,855
TPDIEU059	Công ty Cổ Phần Giao Hàng Tiết Kiệm			32,159,671	23,289,748	8,869,923
HNHOAI022	Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Định			8,854,952		8,854,952
CTLT0051	Nhà phân phối Hồng Phương - Hữu Trí			79,420,044	70,812,012	8,608,032
TTPT047	Công ty TNHH Hoàng Hưng			18,996,790	10,484,902	8,511,888
CHVAN072	Công ty Cổ phần địa ốc Nam Việt			9,455,052	1,330,021	8,125,031
TRNHUNG034	Công Ty TNHH MTV Bình Hà Quy Nhơn			64,918,920	56,819,400	8,099,520
CHHOA099	Công ty TNHH Đầu tư V.O.H			36,931,884	28,848,534	8,083,350
TPDIEU071	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Điện Mặt Trời Việt			8,014,954		8,014,954
ANMAN029	Lê Kim Thành			7,937,094		7,937,094
CHTUAN038	BIDV Quy Nhơn			25,317,204	17,407,126	7,910,078
CHANH095	Công ty TNHH Tổng Hợp Minh Khôi			20,122,199	12,422,243	7,699,956
CHTHUY038	Ngân Hàng Chính Sách			64,565,015	56,900,059	7,664,956
TOTTTRUC017	Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Hoàng Nam			17,467,626	9,817,632	7,649,994
TRSANH055	Công ty TNHH Quy Nhơn Food			26,922,931	19,283,352	7,639,579
ANVY012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Bình Định			7,614,603		7,614,603
TRSANH020	Trung Tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao Bình Định			10,739,580	3,137,165	7,602,415
TTPT028	Xí nghiệp 380 - Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài			104,543,840	96,991,762	7,552,078
ANKING004	Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự - Thị Xã An Nhơn			7,533,987		7,533,987
ANVY006	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn			7,520,076		7,520,076
CHHOA055	Công ty TNHH Chín Mắn			48,079,284	40,659,630	7,419,654
TTPT002	Agribank Chi nhánh KCN Phú Tài - Bình Định	594,997		16,320,698	9,619,790	7,295,905
CHTHUY060	Sở Nội Vụ tỉnh Bình Định	2,097,995		9,560,393	4,378,031	7,280,357
HNHOAI032	Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp Hoài Hương			7,235,712		7,235,712
ANVY024	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Thương Mại BIDIPHAR			7,216,955		7,216,955
HASI010	Trường Mầm Non An Hòa			24,454,771	17,254,699	7,200,072

TRNHUNG097	Công Ty Cổ Phần Greenfeed Việt Nam - Chi Nhánh Bình Định			13,764,947	6,611,972	7,152,975
TOTTTRUC030	Công ty TNHH VT TM & ĐT Quốc Bảo			78,796,080	71,646,432	7,149,648
ANVY010	Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Định			7,122,055		7,122,055
ANKING005	Kho bạc nhà nước An Nhơn			7,111,928		7,111,928
TPDIEU070	Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy phước			7,067,908		7,067,908
TRNHUNG105	Phân Viện Học Viện Hành Chính Quốc Gia tại Thành phố Huế			7,066,864		7,066,864
DNAN0003	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	54,791,419	1,109,623,083	1,047,786,685		7,044,979
CHANH044	Công ty TNHH Tân phước			23,719,344	16,719,384	6,999,960
CHTHUY150	Công ty TNHH Tổng Hợp Thương Mại và Dịch vụ Minh Thanh			39,689,773	32,864,812	6,824,961
TTPT088	Công ty điện lực Bình Định			34,249,620	27,492,192	6,757,428
CHHOA056	Công ty TNHH Nhà Sàn			28,495,606	21,885,904	6,609,702
ANVY017	Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Thị xã An Nhơn			6,602,055		6,602,055
CHVAN040	LAKE VIEW HOTEL-Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Khang Thái			35,640,000	29,040,000	6,600,000

PMTY052	Nguyễn Thị Thạch			136,808,881	130,270,636	6,538,245
CHANH081	Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh Bình Định	1,759,996		46,504,914	41,744,941	6,519,969
CHDINH091	Công ty TNHH Trọng Tín			17,053,586	10,619,224	6,434,362
CHTHUY152	Công ty TNHH Dịch vụ và du lịch Hương Việt			37,229,109	30,839,464	6,389,645
CHDINH006	Chi nhánh Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Bình Định	3,540,035		46,520,465	43,680,436	6,380,064
TSNHAN037	Công ty TNHH Thương Mại Hữu Đức			26,678,190	20,338,791	6,339,399
TPHIEU021	Kiot Ga Điều Trì			26,340,263	20,040,200	6,300,063
CHDINH026	Công ty TNHH Lâm Nghiệp Quy Nhơn			41,719,688	35,515,800	6,203,888
CHNAM029	Công ty Cổ Phần Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh			22,154,278	15,998,181	6,156,097
CHDINH002	Ngân Hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bình Định	5,504,968		70,851,575	70,202,496	6,154,047
CHTUAN036	Trường mẫu giáo Đồng Đa			24,814,392	18,696,296	6,118,096
TRDUONG084	Văn phòng công chứng Trần Minh Thiện			15,244,020	9,164,100	6,079,920
PCTIEN046	Công ty TNHH Dịch vụ Trung Thiện			6,071,835		6,071,835
CHTHUY140	Công Ty TNHH Quảng Cáo Thảo Thiện			21,859,702	15,839,736	6,019,966
ANMAN014	Trung tâm Y tế An Nhơn			6,000,060		6,000,060
HUEE0005	Hộ kinh doanh Ngô Thị Ánh			215,466,759	209,467,008	5,999,751
ANTHU010	Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam - Chi nhánh Bình Định			36,784,440	30,785,040	5,999,400
TTPT013	Công ty TNHH Đức Hải			32,755,570	26,827,648	5,927,922
PMTY055	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định			11,676,491	5,851,936	5,824,555
TTPT112	Công ty TNHH Wesbrook Việt Nam			5,743,865		5,743,865
CHVAN018	Công ty cổ phần du lịch Eden			7,687,799	2,039,400	5,648,399
HNHOAI034	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thị			5,529,969		5,529,969
CHANH082	Trung tâm phát triển Quỹ đất TP Quy Nhơn			13,759,726	8,369,757	5,389,969
CHHOA054	Công ty Bảo Việt Bình Định			19,353,908	13,971,892	5,382,016
HNHOAI027	Văn Phòng Công Chứng Hoài Nhơn			5,249,970		5,249,970
TRNHUNG012	Khách sạn Bình Dương-Chi nhánh Công ty TNHH Một Thành Viên.Tổng Côn			50,687,598	45,508,578	5,179,020
TRSANH065	Nhà Khách T102			5,099,882		5,099,882

TTPT005	Công ty Cổ Phần Bicem			26,349,671	21,317,722	5,031,949
CHVAN041	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Bảo Cường			51,684,870	46,659,887	5,024,983
CHVAN073	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ công nghệ Ô tô Toàn Thắng			15,014,913	10,009,942	5,004,971
TTPT115	Công ty TNHH Tiền Nam Phát			5,004,971		5,004,971
CHANH050	Ban giải phóng Mặt Bằng tỉnh Bình Định			11,447,964	6,445,953	5,002,011
PMTUAN001	Trương Minh Tuấn	15,693,454			10,693,454	5,000,000
TTPT100	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại và Dịch Vụ Như Ý			17,036,514	12,098,394	4,938,120
CHBANG030	Công ty Cổ Phần Hawee Cơ Điện			24,639,859	19,739,887	4,899,972
CHTHUY075	Trường mẫu giáo Thị Nại			31,226,367	26,362,290	4,864,077
CHDINH118	Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp Hoài Hương			14,579,136	9,719,424	4,859,712
TTPT116	Công ty TNHH Đức Minh			4,859,712		4,859,712
CHDINH039	Trường PTTH Số 1 Tuy Phước	2,880,009		11,794,934	9,879,969	4,794,974
TOTTDUNG030	Công ty TNHH Tân Nam Hải Group			46,863,168	42,102,720	4,760,448

ANVY029	Công ty CP đầu tư và phát triển Đông Bắc			4,677,834		4,677,834
CHANH042	VOSA Quy Nhơn			9,320,912	4,690,858	4,630,054
CHBANG022	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Bình Định			8,819,950	4,304,976	4,514,974
GLAI0014	NPP Nguyễn Vui			704,278,446	699,796,300	4,482,146
CHVAN014	Văn phòng tỉnh ủy Bình Định			15,547,947	11,071,245	4,476,702
CHTHUY083	Công ty Điện lực Bình Định - Điện lực Quy Nhơn			30,396,357	25,979,298	4,417,059
CHHOA012	Trường mẫu giáo Đống Đa			4,409,975		4,409,975
CHHOA101	Công ty TNHH Bảo An Phát Bình Định			19,514,979	15,144,987	4,369,992
TRNHUNG108	Công ty TNHH THE QUY NHƠN SPORTS BAR			4,367,088		4,367,088
CHANH101	Công ty TNHH Hùng Mạnh			4,344,780		4,344,780
CHTHUY067	Công ty TNHH Thương Mại-Dịch vụ Ý Linh			23,098,680	18,798,912	4,299,768
TPDIEU029	Viện Kiểm sát Huyện Tuy Phước			11,163,869	6,869,925	4,293,944
CHHOA052	Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	3,096,069		53,281,185	52,129,160	4,248,094
ANMAN019	Công ty Điện lực Bình Định			4,211,905		4,211,905
TTPT017	Công Ty TNHH Kỹ Nghệ ECO			14,749,020	10,660,056	4,088,964
TOTTTRUC014	Công Ty TNHH Hương Bình			64,950,072	60,869,688	4,080,384
TOTTDUNG025	Công ty TNHH Tân Xuân Lộc			38,001,942	33,921,558	4,080,384
CHVAN019	Công ty cổ phần xây dựng FLC Faros			7,908,047	3,844,009	4,064,038
TRNHUNG094	Công ty cổ phần in và Bao Bì Bình Định			4,049,912		4,049,912
GLAI0012	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Phượng	2,078,868		587,336,172	585,395,262	4,019,778
PMTY064	Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng LICOGI 16			6,000,060	2,000,020	4,000,040
ANTHU009	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bellis Việt Nam			3,968,963		3,968,963
CHVAN060	Công ty Cổ Phần Hưng Thịnh Incons	324,007		19,761,996	16,179,936	3,906,067
CHTHUY049	Văn phòng tỉnh ủy Bình Định			16,447,077	12,548,076	3,899,001
CHANH093	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Quốc tế			8,294,948	4,409,972	3,884,976
TRHUNG054	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thịnh Phát Quy Nhơn			12,539,835	8,739,885	3,799,950
CHDINH079	Công ty TNHH Marubeni Lumber Việt Nam	2,414,986		39,334,530	37,950,461	3,799,055

CHANH012	Xí nghiệp xe Buýt Quy Nhơn			18,087,755	14,297,863	3,789,892
TRDUNG007	Công ty TNHH MTV bất động sản Phú Tài			7,219,906	3,457,955	3,761,951
TTPT049	Công ty cổ phần xây dựng 47			34,357,854	30,633,902	3,723,952
TRNHUNG023	Công Ty Thủy Điện An Khê KANAK			38,894,942	35,218,115	3,676,827
CHNAM072	Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ xử lý số FPT tại Quy Nhơn			51,262,671	47,614,613	3,648,058
TTPT103	Chi nhánh Quy Nhơn - Công ty Cổ phần sản xuất thương mại đồ mộc Việt			13,446,082	9,800,143	3,645,939
ANMAN022	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài			3,600,036		3,600,036
CHDINH074	FLC BISCOB BINH DINH			16,938,378	13,356,298	3,582,080
THOA0010	Công Ty TNHH Hân Tiên	81,927,744		1,990,306,693	2,068,674,909	3,559,528
CHANH037	Công ty Cổ Phần Giấy Bình Định			24,270,060	20,731,043	3,539,017
TRSANH071	Sở Du Lịch Bình Định			3,515,932		3,515,932
TSNHAN036	Ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM- Chi nhánh Bình Định			13,649,923	10,149,943	3,499,980
PMTY013	Agribank Chi nhánh Huyện Phù Mỹ			18,980,422	15,507,755	3,472,667

CHTHUY139	Ban quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tỉnh Bình Định			7,842,083	4,389,048	3,453,035
TRSANH067	Công ty Cổ phần Phân bón & hóa chất Dầu khí Miền Trung			3,432,397		3,432,397
CHTHUY117	Công Ty Điện Lực Bình Định - Điện Lực Tuy Phước			19,952,045	16,592,065	3,359,980
CHANH047	UBND Phường Hải Cảng			18,296,664	14,951,706	3,344,958
CHANH038	Ngân Hàng TMCP Việt Á-CN Quy Nhơn			18,836,132	15,511,109	3,325,023
TRNHUNG021	Công Ty TNHH Một Thành Viên TOYOTA Bình Định			37,821,775	34,531,794	3,289,981
TRNHUNG106	Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại và Xây dựng Hưng Mỹ			3,259,938		3,259,938
CHTHUY008	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn- Chi nhánh Bình Định			28,992,414	25,792,367	3,200,047
TTPT003	BIDV Phú Tài			39,291,486	36,137,527	3,153,959
TRNHUNG092	Chi nhánh Công ty TNHH MM MEGA MARKET (VIỆT NAM) tại Tỉnh Bình Đ			6,964,960	3,814,978	3,149,982
CHBANG003	Chi nhánh Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận-CN PNJ Bình Định			19,684,260	16,568,211	3,116,049
CHANH089	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ An Phú Hưng			28,730,922	25,630,504	3,100,418
TOTTRUC008	Công ty TNHH dịch vụ du lịch Nhật Tân			48,890,127	45,819,840	3,070,287
TRSANH057	Công Ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi - thủy điện Bình Định			5,279,492	2,216,544	3,062,948
CHBANG040	Công ty TNHH Chuyển Đổi số Toàn Cầu			8,644,951	5,599,968	3,044,983
CHHOA114	Trường mẫu giáo Hải Cảng			3,040,048		3,040,048
TRDUONG116	Văn Phòng Công Chứng Lê Văn Thông			3,039,960		3,039,960
TPDIEU069	Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh Bình Định			10,259,865	7,219,905	3,039,960
CHTHUY093	Công ty TNHH Một thành viên An Phúc			19,054,881	16,028,000	3,026,881
PMTY063	Công ty cổ phần LICOGI 16			9,026,887	6,018,435	3,008,452
TRHUNG024	Công an tỉnh Bình Định			7,257,905	4,255,944	3,001,961
TTPT072	Công ty TNHH sản xuất thương mại Phước Nguyên			6,041,921	3,039,960	3,001,961
CHHOA030	Công ty TNHH Một Thành Viên Hong Yeung Việt Nam	4,914,891		32,057,513	33,970,493	3,001,911
TTPT051	Công Ty TNHH Hoàng Trang			3,001,495		3,001,495
HNHOAI031	Nhà hàng Trung Phú 2			3,000,360		3,000,360
CHANH075	Ban quản lý bảo trì đường bộ	3,976,621		12,918,576	13,895,279	2,999,918

PCTIEN014	Phòng Tài Nguyên Và Môi Trường Huyện Phù Cát			6,997,916	4,000,010	2,997,906
TTPT066	Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu Pisico- CN Pisico			9,322,654	6,352,753	2,969,901
TTPT104	Công ty TNHH Furniture Đặng Gia			12,870,140	9,913,250	2,956,890
CHTHUY045	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng			5,316,056	2,396,022	2,920,034
TSNHAN002	Viettel Bình Định - Chi nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Viễn Thông Quân Đội			10,254,942	7,349,958	2,904,984
CHDINH051	Công Ty TNHH MTV Nhật Nam Hưng			36,898,153	34,006,139	2,892,014
ANVY005	Cảng Vụ hàng không Miền Trung			2,880,028		2,880,028
TTPT089	Chi nhánh Công ty Cổ phần Phú Tài - Nhà máy chế biến đá Long Mỹ	2,070,710		15,666,405	14,900,303	2,836,812
ANVY015	Phòng giao dịch Ngân Hàng Chính Sách Thị xã An Nhơn			2,771,984		2,771,984
TSNHAN038	Bảo hiểm xã hội huyện Tây Sơn			4,689,974	1,959,989	2,729,985
PCTIEN020	Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách Xã Hội huyện Phù Cát			4,086,006	1,362,002	2,724,004
TTPT034	Công ty TNHH Đức Toàn			13,433,531	10,711,641	2,721,890
CHHOA117	Công ty cổ phần Dược- Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)			2,694,985		2,694,985
CHANH102	Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Nghệ Xanh			5,669,968	2,974,983	2,694,985

CHANH040	Trường Đại Học Quang Trung			19,837,238	17,169,199	2,668,039
TTPT012	Công ty TNHH Bình Phú			17,842,973	15,176,960	2,666,013
TTPT048	Công ty TNHH Long Việt			15,199,804	12,539,838	2,659,966
TRDUONG021	Công ty cổ phần Tư Vấn T27 chi nhánh Bình Định			30,019,605	27,359,640	2,659,965
TRDUONG081	Công ty TNHH thương mại - dịch vụ Phước Thành			9,879,870	7,219,905	2,659,965
CHHOA079	Công ty TNHH CJ VINA AGRI - CN Bình Định	2,106,047		36,882,820	36,342,808	2,646,059
ANVY004	Công ty quản lý bay Miền Trung			2,640,026		2,640,026
TTPT015	Công ty TNHH Hoàng Phát			12,717,463	10,166,330	2,551,133
CHTHUY021	VP Tỉnh Ủy-Ban Nội Chính Tỉnh Bình Định	1,894,992		6,540,072	5,925,040	2,510,024
CHANH008	Trung tâm kinh doanh VNPT-Bình Định-Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn			22,056,257	19,548,217	2,508,040
CHANH031	Ban Quản Lý Dự Án Đầu tư Xây Dựng			16,283,740	13,783,905	2,499,835
CHTHUY146	Công ty TNHH Thương Mại - Dịch vụ Tổng Hợp Khánh Ngọc			2,499,790		2,499,790
TRNHUNG100	Mobifone Tỉnh Bình Định			2,469,968		2,469,968
TRNHAN016	Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp Hoàng Hiếu			2,454,408		2,454,408
TRNHUNG024	Công ty cổ phần Dược- Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)			269,316,004	266,866,019	2,449,985
TOTTDUNG026	Công ty TNHH Salah Hotel			18,421,711	15,991,855	2,429,856
TOTTDUNG006	Công ty TNHH viễn thông Q.V.T.C			22,022,616	19,592,760	2,429,856
TPDIEU005	Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường Sơn			12,269,433	9,839,577	2,429,856
TOTTDUNG028	DNTN Thương Mại Thanh Thanh			14,174,160	11,744,304	2,429,856
TRDUONG009	Trường THCS Ngô Văn Sở			2,393,969		2,393,969
ANTHU002	PROCONCO BÌNH ĐỊNH	2,379,949		31,625,322	31,625,322	2,379,949
CHTHUY031	Bưu điện tỉnh Bình Định			16,883,208	14,527,171	2,356,037
TRNHUNG088	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn			3,792,631	1,439,209	2,353,422
CHTHUY028	Văn phòng Tỉnh Ủy - Ủy Ban kiểm tra tỉnh Ủy Bình Định			8,820,932	6,478,904	2,342,028
CHTHUY122	Chi nhánh Công ty Cổ Phần SPACE BUSINESS Huế tại Bình Định	4,770,106		32,310,718	34,740,772	2,340,052
TRNHUNG077	Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Bình Định			25,344,860	23,041,282	2,303,578
TRDUONG108	Công ty cổ phần công nghệ môi trường miền trung			7,599,900	5,319,930	2,279,970

TRSAM007	Công Ty Cổ Phần Thiên Phúc			27,359,640	25,079,670	2,279,970
TRSAM026	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Sao Mai			11,399,850	9,119,880	2,279,970
TRDUONG097	Công Ty TNHH NINJA Q			25,459,665	23,179,695	2,279,970
PMTY035	BIDV Phú Tài			9,164,987	6,890,000	2,274,987
TOTTDUNG037	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Du lịch Trung Anh			6,317,626	4,049,760	2,267,866
CHTHUY062	Trung tâm giáo dục thường xuyên-Hướng nghiệp Quy Nhơn	699,996		8,286,883	6,745,935	2,240,944
CHDINH047	Ngân hàng TMCP Á Châu			33,790,413	31,586,378	2,204,035
CHNAM025	Phòng Cảnh Sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Định			2,204,035		2,204,035
TRHUNG021	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Quy Nhơn			5,674,368	3,470,397	2,203,971
TRSANH043	Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex- Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ P			8,566,225	6,419,591	2,146,634
CHANH004	Công ty Cổ Phần Môi Trường Bình Định			18,625,828	16,480,808	2,145,020
TTPT019	Công Ty TNHH Thiên Bắc			14,025,763	11,885,366	2,140,397
CHDINH111	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi Nhánh khu công nghiệp Phú			10,894,851	8,789,906	2,104,945

CHHOA038	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Định			15,276,241	13,186,208	2,090,033
CHNAM044	UBND Phường Trần Hưng Đạo			10,363,123	8,273,090	2,090,033
TTPT007	Công Ty Cổ Phần Khai Vy Quy Nhơn			8,230,200	6,172,650	2,057,550
TOTTTRUC006	Công Ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Thuận An			44,642,939	42,587,952	2,054,987
CHANH007	Chi Nhánh TCT Cà phê VN-Công ty KDTH VINACAFE Quy Nhơn			7,607,049	5,553,033	2,054,016
TTPT068	Công ty cổ phần Phước Hưng			18,783,241	16,745,293	2,037,948
TTPT041	Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Tuấn Đạt			15,099,849	13,065,850	2,033,999
CHDINH037	Công ty TNHH Sản Xuất thương Mại Minh Đạt			22,329,870	20,299,882	2,029,988
CHDINH075	Công ty TNHH Thiên Nam			21,279,876	19,249,888	2,029,988
TTPT109	Công ty TNHH Winter Sun			5,639,924	3,609,936	2,029,988
CHDINH123	Công ty Cổ Phần Lương Thực Bình Định			3,101,974	1,084,994	2,016,980
CHHOA016	Trường Cao đẳng y tế Bình Định			18,838,039	16,824,005	2,014,034
ANVY027	Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn			2,000,020		2,000,020
TRNHUNG084	Công Ty Cổ Phần Mỹ Nghệ Bình Định			4,012,899	2,019,923	1,992,976
CHHOA013	Trường mẫu giáo Trần Phú			11,818,167	9,842,136	1,976,031
CHTHUY023	Viễn Thông Bình Định - Tập đoàn bưu chính Viễn thông Việt Nam			13,197,032	11,221,001	1,976,031
TRSAM023	Chi nhánh Bình Định- Công ty cổ phần viễn thông FPT			12,463,837	10,487,863	1,975,974
TOTTTRUC007	Nhà Văn Hoá Lao Động Tỉnh Bình Định			6,648,702	4,680,278	1,968,424
CHDINH082	Quỹ Đầu tư Phát Triển tỉnh Bình Định			10,902,543	8,939,542	1,963,001
ANVY030	Trường THPT Số 1 An Nhơn			1,960,020		1,960,020
CHHOA005	Thanh tra tỉnh Bình Định			10,327,988	8,384,103	1,943,885
CHDINH113	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông - Chi Nhánh Bình Định			12,584,152	10,660,131	1,924,021
TRDUONG111	Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hội quy hoạch Bình Định			4,179,945	2,279,970	1,899,975
TRDUONG106	Công ty TNHH cấp thoát nước miền trung			4,179,945	2,279,970	1,899,975
TRHUNG043	Công ty TNHH thương mại tổng hợp Phú Vinh			10,259,865	8,359,890	1,899,975
TRHUNG026	Viện đào tạo và khoa học ứng dụng Miền Trung			18,999,750	17,099,775	1,899,975
CHHOA110	CN Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty CP Tại Bình Định			4,742,025	2,852,003	1,890,022

CHDINH101	Công ty TNHH Du Lịch Minh Sang			1,878,778		1,878,778
CHHOA017	Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản Bình Định			14,549,418	12,689,472	1,859,946
CHVAN027	Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn			8,672,066	6,816,049	1,856,017
CHVAN059	Công ty Cổ phần tập đoàn Hưng Thịnh	320,003		8,560,012	7,048,046	1,831,969
TRDUONG115	Đảng uỷ Phường Lê Hồng Phong			1,830,197		1,830,197
TRDUNG010	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ FAST			1,823,976		1,823,976
TRSAM017	Hợp tác xã TATACO			1,823,976		1,823,976
CHHOA098	Công ty cổ phần Kỹ Thuật Dược Bình Định			12,187,906	10,366,511	1,821,395
TTPT106	Công ty TNHH Nông Trại Xanh			8,074,623	6,269,918	1,804,705
CHANH032	Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Bình Định			22,763,949	20,963,997	1,799,952
TRSANH029	Công Ty cổ phần Đầu Tư Vận Tải Cứu Long			6,779,918	4,993,941	1,785,977
CHTHUY172	UBND Phường Lý Thường Kiệt			1,784,990		1,784,990
TTPT113	Công ty TNHH Javin Furniture			1,749,990		1,749,990

CHANH029	Trường Chuyên Biệt Hy Vọng Quy Nhơn			4,859,864	3,109,874	1,749,990
CHDINH042	Agribank Bình Định			1,748,028		1,748,028
PCTIEN009	Chi cục thuế Phù Cát			9,716,575	7,969,878	1,746,697
CHBANG044	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Bình Đ			3,744,978	2,029,988	1,714,990
CHVAN075	VNVC Quy Nhơn - Công ty Cổ Phần vacxin Việt Nam - Chi Nhánh TP. Hồ Ch			3,921,958	2,219,976	1,701,982
GLAI0009	Nhà Phân Phối Phạm Thị Liên			54,878,208	53,198,000	1,680,208
ANTUAN006	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã An Nhơn			2,800,028	1,120,011	1,680,017
CHHOA073	Công ty Bảo Hiểm BIDV Bình Định			11,549,933	9,869,943	1,679,990
CHANH103	Công ty Cổ Phần May Bình Định			17,171,011	15,496,008	1,675,003
TRSANH018	Công Ty Cổ Phần Giao Thông Thủy Bộ Bình Định	566,000		7,848,105	6,750,132	1,663,973
ANVY032	Công ty TNHH Tân An Land			1,644,991		1,644,991
ANTHU003	Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu			9,120,089	7,480,073	1,640,016
PCTIEN044	Công ty TNHH Trio (Việt Nam)			1,639,143		1,639,143
TRSANH069	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thành Tín			1,636,272		1,636,272
CHVAN054	Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Trung- Chi nhánh Tổng công ty Điện Lực mi			13,642,124	12,014,117	1,628,007
HNHOAI035	Công Ty TNHH Dịch Vụ Hoài Hương			1,619,904		1,619,904
ANMAN030	UBND xã Phước Hưng			1,600,016		1,600,016
CHNAM012	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng			25,460,334	23,864,309	1,596,025
TPDIEU054	Bưu Điện Huyện Tuy Phước			2,355,969	759,990	1,595,979
TRSANH047	Trung Tâm Giống Nông Nghiệp			4,053,561	2,458,592	1,594,969
CHDINH018	Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO - Chi nhánh PISICO			12,318,871	10,744,892	1,573,979
TRNHUNG045	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển Sài Gòn Tại Thành Phố Quy Nhơn			1,572,978		1,572,978
PMTY025	Trung tâm y tế Huyện Phù Mỹ			7,044,913	5,480,055	1,564,858
CHVAN066	Bưu điện TP Quy Nhơn - Bưu điện Tỉnh Bình Định			6,753,085	5,195,060	1,558,025
CHTHUY163	Công ty Cổ phần ALPHANAM E&C			7,448,118	5,890,093	1,558,025

CHDINH048	Agribank Chi nhánh TP. Quy Nhơn - Bình Định			19,043,208	17,523,184	1,520,024
CHTHUY064	Công ty cổ phần thương mại Hoàn Cầu			8,892,124	7,372,100	1,520,024
CHNAM095	Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới Bình Định.			1,520,024		1,520,024
ANMAN028	Công ty bảo hiểm Pjico Bình Định			1,520,015		1,520,015
TRNHUNG099	Công An TP Quy Nhơn			2,659,965	1,139,985	1,519,980
PMTY024	Ban tổ chức Huyện ủy Huyện Phù Mỹ			6,750,558	5,237,018	1,513,540
TSNHAN029	Văn phòng Huyện ủy			5,641,225	4,127,799	1,513,426
HNHOAI024	Kho Bạc Nhà Nước Hoài Nhơn			1,504,992		1,504,992
TSNHAN049	Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Tây Sơn			6,649,961	5,144,970	1,504,991
CHBANG027	CÔNG TY TNHH OJI FOREST PRODUCTS VIỆT NAM			1,504,991		1,504,991
TTPT018	Công Ty TNHH SHAIYO TRIPLE A Bình Định			1,482,019		1,482,019
CHTHUY057	Văn phòng Tỉnh ủy-Ban tuyên giáo tỉnh ủy Bình Định	1,049,994		7,532,116	7,130,090	1,452,020
CHTHUY026	Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng Bình Định			9,011,049	7,566,034	1,445,015
TRSAM016	Văn phòng điều phối về biến đổi khí hậu Tỉnh Bình Định			1,443,981		1,443,981
TRNHUNG039	Trường Tiểu Học Nguyễn Văn Cừ			1,434,992		1,434,992

CHNAM071	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước			4,674,074	3,268,052	1,406,022
CHNAM024	CTY CP TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI - CN BVTV AN GIANG TẠI BÌNH ĐỊNH			3,686,058	2,280,036	1,406,022
TPDIEU022	Phòng lao động thương binh và xã hội huyện Tuy Phước			1,861,976	455,994	1,405,982
TSNHAN048	Chi bộ Kho Bạc nhà nước Tây Sơn			2,869,984	1,469,992	1,399,992
CHDINH124	Công ty Cổ Phần Yến Ngọc Bình Định			2,169,988	769,996	1,399,992
TPTOAN050	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tuy Phước			7,699,956	6,299,964	1,399,992
CHTHUY010	Công ty cổ phần CONTAINER Quy Nhơn			4,759,973	3,394,981	1,364,992
CHANH059	Trường THPT Trần Cao Vân			5,113,845	3,748,853	1,364,992
TRNHUNG016	Trường Đại Học Quy Nhơn			95,239,895	93,887,519	1,352,376
CHVAN048	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn			13,704,203	12,374,182	1,330,021
CHTHUY082	Công ty TNHH Mỹ Thuật Quảng Cáo Việt Trân			5,282,083	3,952,062	1,330,021
CHTHUY132	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Định			1,329,992		1,329,992
TSNHAN007	Phòng Giao Dịch Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội Huyện Tây Sơn			4,129,976	2,799,984	1,329,992
CHVAN064	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Ricons			11,505,987	10,181,985	1,324,002
CHHOA105	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam-CN Bình Định			10,564,153	9,249,032	1,315,121
CHDINH054	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bưu Điện Liên Việt- Chi nhánh Bình Định			23,116,771	21,805,407	1,311,364
CHNAM018	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hậu cần Cảng Biển Quy Nhơn			1,292,020		1,292,020
TRDUONG007	Phòng Quản Lý Xuất Nhập Cảnh Công An Tỉnh Bình Định			12,767,835	11,475,851	1,291,984
TRHUNG013	Tổng Công Ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần			4,635,940	3,343,956	1,291,984
PMTY054	Công ty truyền tải điện 3, Truyền tải điện Bình Định			6,520,452	5,239,445	1,281,007
ANVY021	Công ty TNHH thu phí tự động VETC			1,280,012		1,280,012
TRHUNG002	UBND phường Nguyễn Văn Cừ	804,995		12,480,757	12,015,766	1,269,986
TRNHUNG101	Công ty cổ phần Ô Tô Quy Nhơn			3,123,417	1,859,207	1,264,210
CHDINH029	Công ty cổ phần VRG Đá Bình Định			17,417,754	16,175,773	1,241,981
TSNHAN046	Công ty TNHH MTV Thương mại BIDIPHAR			6,719,962	5,494,969	1,224,993
CHTHUY0136	Đảng ủy Phường Ngô Mây			1,224,993		1,224,993

TRDUONG016	Công Ty Bảo Hiểm Toàn Cầu Bình Định			4,957,623	3,732,795	1,224,828
TRSAM003	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi Nhánh khu công nghiệp Phú			5,395,929	4,179,945	1,215,984
ANTUAN003	Công Ty TNHH Vĩnh Phong			4,400,044	3,200,032	1,200,012
TRSANH066	Công ty TNHH Kerry Express (Việt Nam) - Chi nhánh Đà Nẵng			1,189,993		1,189,993
CHVAN013	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam			8,326,102	7,155,088	1,171,014
TRNHUNG103	Đội kiểm lâm cơ động & PCCC Rừng			1,151,948		1,151,948
CHTHINH011	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi tại Bình Định			4,332,069	3,192,051	1,140,018
CHNAM086	Công ty TNHH Thương Mại Khatoco			4,560,072	3,420,054	1,140,018
CHNAM062	Công ty TNHH Xây dựng - cơ khí Minh Phú			1,140,018		1,140,018
TRSAM014	Công ty Cổ phần Khí Công Nghiệp Thiên Phúc			4,825,937	3,685,952	1,139,985
TSNHAN014	Bảo tàng Quang Trung			3,759,295	2,645,980	1,113,315
CHHOA063	Công Ty TNHH Nhiên Liệu Và Năng Lượng Tái Tạo Thuận Phát			9,360,208	8,280,184	1,080,024
CHBANG028	Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu vực VII			5,484,091	4,410,073	1,074,018
CHDINH098	Công ty TNHH Khách Sạn Năm Thu			4,368,050	3,304,033	1,064,017

TRDUONG067	Công ty cổ phần TRAPHACO			6,383,916	5,319,930	1,063,986
TRNHUNG061	Công ty cổ phần Green CeRamic Việt Nam			7,591,340	6,532,911	1,058,429
TSNHAN042	Hạt kiểm lâm huyện Tây Sơn			7,078,704	6,025,766	1,052,938
CHBANG037	Chi nhánh Công ty Cổ Phần PYMEPHARCO tại Bình Định			3,429,980	2,379,986	1,049,994
CHHOA074	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Hòa Bình			9,344,947	8,294,953	1,049,994
TSNHAN027	Đội Quản lý thị trường số 5			1,784,990	734,996	1,049,994
PMTY065	Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Dương			2,249,707	1,200,012	1,049,695
TRNHUNG011	Công ty Cổ Phần Bến Xe Bình Định			8,123,075	7,078,394	1,044,681
TRNHUNG090	Trung Tâm Đăng Kiểm Phương Tiện Thủy Bộ Bình Định			1,879,664	835,989	1,043,675
PMTY032	Thanh tra Huyện Phù Mỹ			5,044,857	4,004,847	1,040,010
CHNAM046	Ban An Toàn Giao Thông Tỉnh Bình Định			4,446,070	3,420,054	1,026,016
CHTHINH022	Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Xuân Lộc Holdings			1,026,016		1,026,016
CHTHUY171	Tỉnh Đoàn Bình Định			1,014,994		1,014,994
TRNHUNG033	Trung Tâm Công Nghệ Thông Tin Và Truyền Thông			3,949,664	2,934,670	1,014,994
ANTHU008	Công ty TNHH Japfa comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận			2,700,016	1,700,006	1,000,010
PMTY011	Phòng Giáo Dục và Đào Tạo Huyện Phù Mỹ			8,309,136	7,309,126	1,000,010
CHHOA108	Công ty TNHH Phúc Thịnh Bình Định			4,719,917	3,720,906	999,011
CHTHUY091	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-Chi nhánh Bình Định			8,908,016	7,918,016	990,000
CHTHUY061	Ban thi đua-khen thưởng,sở Nội vụ			4,036,061	3,048,045	988,016
TSNHAN016	Kho Bạc Nhà Nước Tây Sơn			6,649,962	5,669,968	979,994
CHTHUY037	Trung tâm xúc tiến Đầu tư Bình Định			3,459,048	2,486,034	973,014
CHBANG004	Công ty Bảo Hiểm Míc Bình Định			5,074,951	4,104,962	969,989
TRSANH010	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Hưng Phát	855,000		4,530,176	4,422,747	962,429
CHHOA043	Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng			12,226,158	11,276,143	950,015
CHHOA008	Kho Bạc nhà nước tỉnh Bình Định			3,268,052	2,318,037	950,015
CHDINH024	Nhà khách Ngân hàng Nông Nghiệp			2,774,044	1,824,029	950,015
TSNHAN003	Ngân Hàng NN&PT Nông Thôn Việt Nam - Chi Nhánh Tây Sơn			13,963,917	13,018,922	944,995

TRNHUNG107	Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế & Kế toán			924,429		924,429
TRSAM009	Công ty TNHH Sản xuất Dăm Gỗ Bình Định			12,233,904	11,313,910	919,994
CHTHUY032	Công ty bảo hiểm PJICO Bình Định			4,584,062	3,672,048	912,014
CHTHUY047	Trung Tâm trợ giúp pháp lý	799,531		5,427,080	5,314,597	912,014
TRNHUNG073	Công ty cổ phần PROPERTY X			17,814,900	16,904,905	909,995
CHDINH121	Chi nhánh công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Bình Định			1,799,952	899,976	899,976
PMTY044	Phòng Tài Nguyên Và Môi Trường Huyện Phù Mỹ			1,521,010	641,001	880,009
TSNHAN033	BIDV Phú Tài			3,464,980	2,589,985	874,995
CHTHUY155	Chi nhánh tại Tỉnh Bình Định- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại VVM			2,274,987	1,399,992	874,995
CHBANG038	Công ty Tài Chính TNHH MTV Mirae Asset Việt Nam			3,884,979	3,009,984	874,995
TSNHAN039	Ủy ban kiểm tra Đảng			4,094,977	3,219,982	874,995
HASI004	Công ty cổ phần May Hoài Ân			3,240,660	2,366,074	874,586
TRHUNG060	Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận tại Bình Định			1,253,984	379,995	873,989

TTPT076	Công ty TNHH đầu tư xây dựng An Viên An Lộc Phát			4,521,942	3,647,953	873,989
TRDUONG012	Trường THCS Quang Trung			873,989		873,989
CHVAN045	Đội quản lý thị trường số 3-Cục quản lý thị trường Bình Định			3,394,980	2,524,990	869,990
TRNHUNG078	Công ty cổ phần HD Furniture Group			5,440,578	4,592,148	848,430
TRSANH006	Viện Thực Hành Kế Toán - Tài Chính			1,951,389	1,102,959	848,430
TRNHUNG095	Xí nghiệp chế biến lâm sản Bông Hồng- CN Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp 19			1,696,860	848,430	848,430
CHBANG045	Chi Cục Thủy sản Bình Định			839,995		839,995
CHNAM094	Sở giáo dục và đào tạo Bình Định			2,007,020	1,171,007	836,013
TRDUONG063	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Bình Định			1,224,828	388,839	835,989
TTPT026	NHNo & PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Huyện Tuy Phước Bình Định			5,209,951	4,373,962	835,989
TRHUNG009	Văn phòng Đại Diện CARREFOUR GLOBAL SOURCING ASIA LTD			3,343,956	2,507,967	835,989
CHDINH064	Công Ty Cổ Phần Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Bình Định			12,079,175	11,249,984	829,191
TTPT037	Công ty TNHH Năng lượng sinh học Tín Nhân			4,378,790	3,555,770	823,020
TOTTDUNG004	Công ty TNHH dịch vụ ăn uống và du lịch Lee Nieu			19,487,952	18,678,000	809,952
TOTTDUNG033	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hương Biển Xanh			4,049,760	3,239,808	809,952
TOTTDUNG034	Công Ty TNHH Trần Gia Quý Nhơn			9,719,424	8,909,472	809,952
CHTHUY030	Nhà khách tỉnh ủy Bình Định			44,256,960	43,447,008	809,952
CHTHUY088	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bình Định			10,846,896	10,041,901	804,995
TRDUONG086	Công ty TNHH vận tải Nguyệt Anh			1,750,350	949,988	800,362
TRDUONG091	Công Ty Cổ phần Bất Động Sản Thành Châu			1,595,980	797,990	797,990
HNHOAI036	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bưu Điện Liên Việt- Chi nhánh Bình Định			794,369		794,369
TPTOAN047	Ban quản lý nước sạch và vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước			3,880,951	3,088,964	791,987
CHHOA047	Sở Văn Hóa Và Thể Thao Tỉnh Bình Định			9,806,128	9,046,092	760,036
CHNAM089	CÔNG TY CỔ PHẦN CHG HOMES			2,508,040	1,748,028	760,012
TRDUNG003	Công Ty Cổ Phần Fujinet Systems			9,423,877	8,663,887	759,990
TRDUONG051	Công Ty Cổ Phần Giao Hàng Tiết Kiệm			28,119,631	27,359,641	759,990

TRDUONG002	Công ty Cổ Phần Quản lý và Xây dựng đường bộ Bình Định			12,961,437	12,201,447	759,990
TRHUNG034	Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Thiên Phú			11,399,850	10,639,860	759,990
TRHUNG064	Công ty TNHH Thiết kế kiến trúc A & B			1,519,980	759,990	759,990
TTPT021	Công Ty Truyền Tải Điện 3 - Truyền Tải Điện Bình Định			4,635,939	3,875,949	759,990
TPDIEU061	Phòng kinh tế hạ tầng huyện Tuy Phước			1,519,980	759,990	759,990
TRSANH019	CÔNG TY TNHH Đá VIET-EURO-STONE			1,108,991	349,998	758,993
CHHOA037	Văn phòng thành Ủy Quy Nhơn			12,656,067	11,906,063	750,004
PMTY036	Ngân hàng chính sách Huyện Phù Mỹ			18,191,367	17,446,841	744,526
ANVY031	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Định			1,720,017	990,000	730,017
CHANH033	Sở Tư Pháp Tỉnh Bình Định			10,190,107	9,468,059	722,048
CHDINH060	Ban quản lý dự án Jica 2 Bình Định			722,011		722,011
ANMAN024	Ban chỉ huy quân sự Thị xã An Nhơn			706,013		706,013
CHDINH084	Công ty Cổ Phần thương mại dịch vụ số FLC			1,926,044	1,224,044	702,000
CHBANG011	Công Ty Cổ Phần Đào Tạo Ames - Chi nhánh Bình Định			6,563,007	5,863,011	699,996

CHANH090	Công ty TNHH Lê Nguyễn			4,199,976	3,499,980	699,996
CHDINH083	Công ty Cổ Phần Tân Cảng Quy Nhơn			2,056,481	1,357,488	698,993
CHDINH087	Xí nghiệp thoát nước - Chi nhánh Công ty cổ phần Môi trường Bình Định			4,356,000	3,663,000	693,000
CHVAN038	UBND Phường Nhơn Bình			8,179,059	7,494,056	685,003
CHVAN065	Công ty Cổ phần ASIA NEW TIME			3,116,049	2,432,038	684,011
TRSAM010	Sở Tài Nguyên Và Môi Trường			7,409,905	6,725,914	683,991
TRNHAN010	Khách sạn Hải Âu - Chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng 47			51,326,588	50,642,834	683,754
PMTY028	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Phú Tài			4,120,041	3,440,035	680,006
CHVAN069	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định			3,476,040	2,816,033	660,007
CHNAM027	Chi nhánh Bảo hiểm AAA Bình Định			2,242,035	1,596,025	646,010
CHTHUY157	Công ty Cổ phần FOODINCO Quy Nhơn	349,998		4,864,076	4,568,064	646,010
CHTHINH006	Công Ty Cổ Phần VANTAGE LOGISTICS			6,460,082	5,814,072	646,010
TTPT014	Công Ty TNHH GOLD COIN FEEDMILL Đồng Nai			3,875,950	3,229,958	645,992
TRDUONG037	Tổng công ty Hàng không Việt Nam- CT CP - Vietnam Airlines Quy Nhơn			2,431,970	1,785,978	645,992
CHVAN003	Công ty TNHH Một thành viên thí nghiệm Điện Miền Trung			7,164,112	6,534,102	630,010
TSNHAN047	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Định			7,069,960	6,439,968	629,992
CHTHUY085	Báo Bình Định	1,933,120		8,126,110	9,451,220	608,010
TRDUONG017	Cty TNHH dược phẩm Khương Duy			2,203,971	1,595,979	607,992
PMTY042	Ban Dân Vận Huyện Phù Mỹ			999,209	399,203	600,006
CHDINH120	VNPT.Net3			943,998	349,998	594,000
TTPT098	Công ty Cổ phần Phước Hưng - Chi nhánh 1			3,102,960	2,518,367	584,593
CHNAM026	Chi Cục Chăn Nuôi và Thú Y Bình Định			8,246,112	7,676,103	570,009
CHDINH094	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt			3,731,046	3,161,037	570,009
CHHOA009	UB Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam-TP Quy Nhơn			1,414,019	844,010	570,009
CHHOA033	Ủy ban Kiểm Tra Thành Ủy Thành phố Quy Nhơn			3,420,054	2,850,045	570,009
TRNHUNG104	Công Ty Cổ phần Bảo Hiểm Nhân Thọ Phú Hưng			569,993		569,993
TRNHUNG089	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn			1,329,983	759,990	569,993

TRSANH073	Công An Phường Ghềnh Ráng			566,997		566,997
CHVAN081	Đảng ủy phường Nhơn Bình			548,002		548,002
CHTHUY015	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn			534,505		534,505
TTPT111	Công ty TNHH Phước Hưng Furniture			532,290		532,290
CHVAN029	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex			1,133,933	607,464	526,469
CHHOA094	Công ty Cổ Phần Dịch vụ và Kỹ Thuật Cơ điện Lạnh R.E.E			9,652,962	9,127,965	524,997
PMTY039	Bưu điện Huyện Phù Mỹ - Bưu điện Tỉnh Bình Định			4,084,944	3,572,956	511,988
CHDINH097	Công ty TNHH Hotel Tulip			3,213,569	2,716,054	497,515
CHDINH045	Công ty cổ phần chế biến gỗ Nội thất PISICO			8,712,000	8,217,000	495,000
PMTY058	Hội chữ thập đỏ Huyện Phù Mỹ			2,080,021	1,600,016	480,005
TRSAM015	Trung Tâm Tin Học Trường Đại Học Quy Nhơn			2,999,644	2,525,962	473,682
CHHOA111	Chi Nhánh Công ty Liên Doanh PIL Việt Nam tại Thành phố Quy Nhơn			2,896,019	2,426,015	470,004
CHTHUY020	Công ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam			4,068,090	3,600,080	468,010

CHDINH112	Công ty TNHH Giao nhận vận chuyển Đại Bàng Xanh			2,223,047	1,755,037	468,010
TRSANH070	Công ty TNHH Thực phẩm Thành Thái			462,215		462,215
CHBANG023	Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ lữ hành Saigontourist tại Quy Nhơn			3,154,036	2,698,029	456,007
CHBANG020	Chi nhánh Công ty TNHH YAKULT Việt Nam tại Tỉnh Bình Định			3,686,058	3,230,051	456,007
CHDINH008	Công ty cổ phần đầu tư phát triển máy Việt Nam-Chi nhánh Bình Định			10,146,147	9,690,140	456,007
CHDINH102	Công Ty Cổ Phần Thị Nại ECO BAY			10,075,107	9,619,100	456,007
TRHUNG055	Chi nhánh công ty cổ phần văn hóa giáo dục Gia Lai tại Bình Định			4,711,939	4,255,945	455,994
TRSANH058	Công ty cổ phần phát triển bất động sản Phát Đạt			1,405,983	949,989	455,994
TRSANH022	Công Ty TNHH TRIO (Việt Nam)			7,654,964	7,198,970	455,994
TRNHUNG017	Công ty TNHH Vi Na			5,004,967	4,549,970	454,997
CHHOA118	Chi nhánh Công ty TNHH ARYSTA-LIFESCIENCE Việt Nam tại Bình Định			3,415,917	2,965,929	449,988
CHVAN026	Công ty TNHH Một Thành Viên In Nhân dân Bình Định	1,493,976		449,988	1,493,976	449,988
TRSANH064	Công Ty TNHH Thương Mại Quốc Tú			449,988		449,988
CHVAN050	Chi nhánh Bình Định. Công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT			2,029,990	1,609,992	419,998
CHTHUY170	Công ty TNHH Đóng tàu Yanmar Việt Nam			419,998		419,998
CHVAN079	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dịch Vụ Và Đầu Tư Nhuận Tín			418,007		418,007
CHHOA109	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn TMS Chi nhánh Bình Định			2,576,251	2,158,266	417,985
CHANH041	Liên Minh HTX tỉnh Bình Định			8,312,009	7,906,036	405,973
TRSANH062	Công ty cổ phần thể thao Hưng Thịnh Bình Định			404,976		404,976
CHDINH122	Hội cựu chiến binh phường Trần Hưng Đạo			404,976		404,976
PMTY019	Phòng Tài Chính Huyện Phù Mỹ			6,460,392	6,055,541	404,851
ANVY028	Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT			400,004		400,004
PMTY043	Đội Quản Lý Thị Trường Số 02			400,004		400,004
PMTY051	Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Thị Trấn Phù Mỹ			6,636,278	6,236,274	400,004
TRNHUNG022	Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Định			4,233,881	3,834,040	399,841

ANTHU007	Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE	265,994	2,883,941	2,757,943	391,992
CHDINH114	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA		608,010	228,004	380,006
CHTHUY167	Công ty TNHH HITACOM VIỆT NAM		2,432,039	2,052,033	380,006
CHTHUY165	Công ty TNHH Tấn Phát		760,012	380,006	380,006
CHNAM070	Phòng Công chứng số 3 tỉnh Bình Định		3,192,041	2,812,035	380,006
CHTHUY041	Trung Tâm giám định y khoa		2,052,032	1,672,026	380,006
TRSAM004	Chi Cục Quản Lý Đất Đai		6,193,920	5,813,925	379,995
TTPT090	Công ty Cổ Phần Nội Thất Kiểu Việt		3,780,861	3,400,866	379,995
TRSAM008	Công Ty TNHH Thương Mại Và Kỹ Thuật Tân Lộc		1,519,980	1,139,985	379,995
CHHOA092	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản DKRD		9,154,761	8,795,072	359,689
TRNHUNG019	BTC Thành ủy Quy Nhơn		2,694,984	2,344,986	349,998
CHTHUY059	Công ty cổ phần du lịch Bình Định		5,494,970	5,144,972	349,998
CHVAN051	Công Ty Bảo Minh Bình Định		4,982,034	4,640,029	342,005
TRSANH016	Công ty cổ phần chứng khoán Tân Việt		691,994	349,998	341,996
TRDUONG107	Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định		3,150,230	2,810,858	339,372

TRDUONG058	UBND Phường Lê Hồng Phong			5,215,749	4,876,377	339,372
PMTY022	Công ty Cổ Phần Giao Hàng Tiết Kiệm			1,705,011	1,385,008	320,003
ANTHU011	Quỹ tín dụng Đồng Tâm			307,993		307,993
CHVAN080	Công ty cổ phần y tế Đức Minh			304,005		304,005
CHTHINH021	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng.			304,005		304,005
CHDINH028	Công ty TNHH May mặc ABLE Việt Nam			4,522,060	4,218,055	304,005
HNHOAI023	Công ty TNHH thu phí tự động VETC			279,998		279,998
CHVAN070	CÔNG TY CP KHU DU LỊCH BIÊN MAIA QUY NHƠN			3,294,074	3,024,068	270,006
TRHUNG066	Công ty TNHH thiết bị nội thất Thiên Phát			531,994	265,997	265,997
TRSANH021	Chi nhánh Công ty Cổ phần thực phẩm Miền Bắc tại Quy Nhơn			1,652,640	1,406,955	245,685
TRNHUNG027	Công ty Cổ phần Cao su BIDIPHAR			406,989	220,994	185,995
TRSANH005	Trung Tâm Võ Thuật Cổ Truyền Bình Định			11,078,859	10,979,087	99,772
CHNAM028	Chi nhánh công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Bình Định			66,044,938	65,968,937	76,001
TRSANH024	Trung Tâm Hoạt Động Thanh Thiếu Nhi Tỉnh Bình Định	1,265,000		3,445,933	4,673,059	37,874
PMTY008	Phòng Lao Động Thương Binh Xã Hội Huyện Phù Mỹ			5,767,617	5,742,609	25,008
HUEE0010	Hộ kinh doanh Trần Quốc Trí			800,178,879	800,160,202	18,677
TTPT024	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn			50,550,126	50,542,938	7,188
CHANH080	Sở Giao Thông Vận Tải Bình Định			34,206,224	34,201,991	4,233
ANVY025	Ủy Ban Nhân Dân Xã Nhơn Thọ			4,130,755	4,130,000	755
CHANH024	Phòng Kinh Tế TP Quy Nhơn			3,230,051	3,230,015	36
CHANH048	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	699,996		23,755,136	24,455,096	36
PCTIEN039	Trung tâm văn hoá thông tin - thể thao huyện Phù Cát			3,562,024	3,562,000	24
CHNAM036	Sở Giao thông Vận tải Bình Định			5,070,075	5,070,052	23
CHTHUY055	Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn			5,739,049	5,739,029	20
PCTIEN040	Phòng kinh tế hạ tầng huyện Phù Cát			1,400,014	1,400,000	14
ANVY026	Trường Tiểu Học Nhơn An			920,009	920,000	9
PMTY066	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả huyện Phù Mỹ			720,007	720,000	7

ANMAN031	Hội Nông Dân Phường Bình Định			600,006	600,000	6
CHANH036	Sở Công Thương Bình Định			9,026,091	9,026,085	6
PMDUNG016	Trường THPT Nguyễn Trung Trực			400,004	400,000	4
CHDINH066	Ban Quản Lý DA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	1,386,000		12,347,041	13,733,039	2
CHNAM069	Agribank Bình Định			29,450,399	29,450,399	
CHTHUY141	Ban Chỉ huy Quân Sự thành phố Quy Nhơn			2,784,962	2,784,962	
CHANH046	Ban Đại Diện Hội người cao tuổi tỉnh Bình Định			1,092,993	1,092,993	
CHTHUY048	Ban dân tộc tỉnh Bình Định			6,225,092	6,225,092	
TSNHAN041	Ban dân vận huyện ủy			1,259,993	1,259,993	
CHHOA002	Ban dân vận thành ủy Quy Nhơn			798,013	798,013	
PMTY029	Ban quản lý các cụm công nghiệp làng nghề Phù Mỹ			2,120,021	2,120,021	
TSNHAN030	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng			1,749,990	1,749,990	
CHVAN008	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT			489,997	489,997	

CHNAM006	Ban Quản Lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghi			418,007	418,007
PCTIEN047	Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Cát			4,200,042	4,200,042
PMTY061	Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Mỹ			3,903,940	3,903,940
HNHAI030	Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Thị xã Hoài Nhơn	979,994		12,023,883	13,003,877
TRSANH072	Ban Quản Lý Dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp tỉnh Bình Định			942,982	942,982
HNHAI040	Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn		4	3,393,343	3,393,339
PMTY010	Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Phù Mỹ			8,029,322	8,029,322
PMTY059	Ban tiếp công dân huyện Phù Mỹ			559,997	559,997
TSNHAN043	Ban tổ chức huyện ủy huyện Tây Sơn			1,469,992	1,469,992
TSNHAN040	Ban tuyên giáo huyện uỷ			2,309,988	2,309,988
HNHAI056	Bảo hiểm xã hội Hoài Nhơn			1,499,669	1,499,669
CHHOA112	Bảo tàng Tỉnh Bình Định			1,308,740	1,308,740
HNHAI032	BIDV Phú Tài			6,839,916	6,839,916
PCTIEN007	BIDV Phú Tài			5,000,050	5,000,050
TRDUONG112	Bộ Chỉ Huy Quân sự tỉnh Bình Định			1,063,986	1,063,986
HNHAI035	Bưu Điện Thị xã Hoài Nhơn - Bưu Điện Tỉnh Bình Định			8,207,893	8,207,893
CHANH100	Chi bộ HTX Vận tải Ô tô Bình Minh			1,078,955	1,078,955
CHBANG042	Chi bộ Văn phòng Cục quản lý thị trường Tỉnh Bình Định			1,313,998	1,313,998
CHDINH068	Chi cục Bảo vệ Môi trường			1,254,020	1,254,020
CHNAM050	Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường			6,346,101	6,346,101
TRDUONG023	Chi Cục Kiểm Lâm Bình Định			3,352,962	3,352,962
HNHAI049	Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự Thị xã Hoài Nhơn			6,787,821	6,787,821
HNHAI045	Chi Cục Thống Kê Hoài Nhơn			1,063,986	1,063,986
PCTIEN033	Chi cục thống kê huyện Phù Cát			3,404,876	3,404,876
CHVAN078	Chi Cục Thủy sản Bình Định			5,434,070	5,434,070
TPHIEU002	Chi nhánh Bidiphar Huyện Tuy Phước			5,004,971	5,004,971
TRHUNG062	Chi nhánh Bình Định 1 - Công ty TNHH SRISAWAR Việt Nam			341,996	341,996

CHVAN062	Chi nhánh Công ty Cổ Phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT tại Đà Nẵng			3,114,984	3,114,984		
TRDUONG065	Chi nhánh Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Tây Bình - Tây Sơn tại Quy Nhơn			6,839,910	6,839,910		
TPDIEU049	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược và Vật Tư Thú Y			2,279,970	2,279,970		
TRHUNG033	Chi nhánh công ty cổ phần Gia Lai CTC tại Bình Định			1,215,984	1,215,984		
CHTHUY134	Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalinh tại Quy Nhơn			314,998	314,998		
TRDUONG031	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Thông Tin Và Thảm Định Giá Miền Trung Tại B			1,519,980	1,519,980		
CHBANG005	Chi nhánh Công ty TNHH Giám Định Hàng Hóa Sao Biển tại Bình Định			3,499,980	3,499,980		
TRSANH060	Chi nhánh công ty TNHH MiWon Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng			379,995	379,995		
TRNGOC012	Chi nhánh Công ty TNHH MM MEGA MARKET (VIỆT NAM) tại Tỉnh Bình Đ	8,000,025			8,000,025		
TRDUONG018	Chi Nhánh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn thương mại & Dịch vụ Xích Đạo			569,993	569,993		
CHDINH106	Chi nhánh kỹ thuật Viettel Bình Định - Tổng Công ty cổ phần Công trình Vie			607,464	607,464		
CHDINH050	Chi Nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bình Định			17,919,897	17,919,897		
DLAK0006	CN Công ty cổ phần Dược trang thiết bị Y tế Bình Định(BiDiphar tại Đắ Lắ			3,611,397	3,611,397		

TRDUONG038	CN Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại TP Đà Nẵng			3,039,960	3,039,960
CHDINH013	CN Xăng dầu quân đội khu vực TâyNguyên-Côngty TNHH MTV tổng côngty			7,909,955	7,909,955
TRNHUNG040	Công An Phường Trần Phú			1,700,900	1,700,900
HNHAI018	Công An Thị xã Hoài Nhơn			4,210,076	4,210,076
CHDINH072	Công an Tỉnh Bình Định			3,809,817	3,809,817
TRNGOC013	Công An TP Quy Nhơn	1,924,989			1,924,989
CTLT0002	Công Đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam			76,050,117	76,050,117
TOTTTRUC028	Công đoàn Sở tài chính Bình Định			5,599,968	5,599,968
TRNHUNG093	Công Ty Bảo Hiểm Bưu Điện Bình Định			1,081,674	1,081,674
TRNGOC030	Công Ty Bảo Hiểm Bưu Điện Bình Định	2,347,640			2,347,640
TRDUONG074	Công ty Bảo hiểm BSH Trung Trung Bộ			2,279,970	2,279,970
CHHOA116	Công ty cổ phần ASIATRANS VIETNAM			760,012	760,012
CHBANG025	Công ty Cổ Phần Becamex Bình Định			4,716,057	4,716,057
CHVAN074	Công ty Cổ Phần Bóng Đá Phố Hiến			3,324,981	3,324,981
CHVAN068	Công ty Cổ phần Bóng Đá Tây Ninh			2,029,988	2,029,988
CHVAN002	Công ty cổ phần cảng Quy Nhơn-Xí nghiệp kinh doanh và DV tổng hợp cảng			17,451,461	17,451,461
TTPT062	Công ty cổ phần chuyển phát nhanh VietStar - Chi nhánh Đà Nẵng			2,013,974	2,013,974
CHTUAN028	Công Ty Cổ Phần CMA CGM Việt Nam			1,064,017	1,064,017
CHHOA107	Công ty Cổ phần Công nghệ mới Thiên Phúc			798,013	798,013
CHBANG041	Công ty Cổ phần Công nghệ Sơn Thanh			524,997	524,997
CHNAM064	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Thương Mại Lidovit			874,003	874,003
CHVAN030	Công Ty Cổ Phần Công Viên Cây Xanh Và Chiếu Sáng Đô Thị Quy Nhơn			1,469,992	1,469,992
CHDINH107	Công ty Cổ phần Đầu tư Danh Khôi Holdings			1,520,024	1,520,024
TRDUONG048	Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Xuân Lộc Holdings			4,939,935	4,939,935
CHTHINH016	Công ty Cổ phần Đầu tư Khương Thịnh Miền Trung			324,007	324,007
CHBANG039	Công ty Cổ Phần Đầu tư Kinh doanh Bất Động Sản BNG			1,049,994	1,049,994

TRNHUNG035	Công ty cổ phần đầu tư Kỹ Thuật Bình Định			454,997	454,997	
CHNAM085	Công ty Cổ phần Đầu tư nhà An Bình			10,526,167	10,526,167	
TRHUNG065	Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Nguyên Việt Nam			607,992	607,992	
CHHOA027	Công ty Cổ phần đầu tư thương mại phát triển Nhất Tín-Chi nhánh Đà Nẵng			1,154,993	1,154,993	
CHTHUY147	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Xuân Diệu			244,999	244,999	
CHVAN055	Công ty Cổ phần di sản MeKong			1,784,990	1,784,990	
TTPT031	Công ty cổ phần dịch vụ công nghiệp Hàng Hải			4,331,945	4,331,945	
CHANH097	Công ty Cổ phần dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C			3,024,971	3,024,971	
TOTTDUNG023	Công ty Cổ phần Diên Hồng Gia Lai			7,289,568	7,289,568	
CHHOA113	Công ty Cổ Phần DKRA Việt Nam			780,991	780,991	
TSTHIEN004	Công ty cổ phần du lịch Hầm Hồ Rosa Alba			2,880,020	2,880,020	
CTLT0001	Công Ty cổ phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định(Bidiphar)	35,379,300		698,368,630	733,747,930	
CHDINH070	Công ty Cổ phần FLC Quy Nhơn Golf & Resort	17,442,388			17,442,388	
CHANH055	Công ty Cổ Phần Gia Lai CTC			942,691	942,691	

CHTHINH010	Công ty Cổ Phần Giao hàng Tiết Kiệm			6,422,082	6,422,082
TTPT110	Công ty Cổ Phần Giao Hàng Tiết Kiệm			560,006	560,006
TTPT058	Công ty Cổ Phần GREEN CERAMIC Việt Nam			823,020	823,020
TTPT101	Công ty cổ phần HD Furniture Group			289,009	289,009
TRNGOC019	Công ty cổ phần in và Bao Bì Bình Định	1,994,989			1,994,989
TRNGOC011	Công ty cổ phần Khách Sạn Hoàng Yến	41,226,000			41,226,000
TRNHUNG091	Công ty Cổ phần Khoáng sản BIOTAN			1,232,332	1,232,332
PMTY041	Công ty Cổ phần Khoáng sản BIOTAN			2,880,030	2,880,030
CHTHUY125	Công ty cổ phần Khu Công Nghiệp Sài Gòn -Nhơn Hội			1,866,546	1,866,546
CHHOA062	Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Nam- CN Miền Trung	1,294,993		25,903,332	27,198,325
TRDUONG095	Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (SEAREFICO)			3,951,949	3,951,949
CHHOA042	Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật & Khoa Học Vinh Khang			3,149,982	3,149,982
CHVAN067	Công ty Cổ phần kỹ thuật công trình Việt Nam			6,859,960	6,859,960
TRDUONG114	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng SEAREFICO			1,367,982	1,367,982
CHDINH032	Công ty cổ phần Lâm Nghiệp 19			559,997	559,997
TRDUONG056	Công ty cổ phần Nguyệt Anh			1,956,560	1,956,560
TRNGOC029	Công ty cổ phần Ô Tô Quy Nhơn	1,224,218			1,224,218
CHDINH077	Công ty Cổ Phần Petec Bình Định			18,899,892	18,899,892
TRNGOC010	Công ty Cổ phần Phân bón & hóa chất Dầu khí Miền Trung	2,248,422			2,248,422
TRDUNG009	Công ty cổ phần phát hành sách TP HCM -Fahasa			1,633,979	1,633,979
CHVAN056	Công ty Cổ Phần Phát triển bóng đá Long An			1,084,994	1,084,994
CHTUAN002	Công ty Cổ phần phát triển đầu tư xây dựng và du lịch An Phú Thịnh			3,580,053	3,580,053
CHDINH115	Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung			495,000	495,000
CHHOA103	Công ty Cổ Phần Phong điện Miền Trung			495,000	495,000
TPTOAN049	Công ty Cổ Phần Phong Điện Miền Trung			477,961	477,961
PCSANG009	Công ty cổ phần Phong điện Phương Mai			699,996	699,996
CHDINH117	Công ty cổ phần Phong Điện Phương Mai			2,546,040	2,546,040

TTPT092	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vĩnh Phúc			1,785,053	1,785,053		
CHBANG015	Công ty cổ phần Tập Đoàn du lịch An Tín - Chi nhánh Bình Định			9,136,301	9,136,301		
CHTHUY169	Công ty Cổ Phần tập đoàn Lộc Trời			734,996	734,996		
CHHOA068	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn TMS			2,553,890	2,553,890		
CHHOA106	CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH QUÂN			1,482,023	1,482,023		
TTPT008	Công ty Cổ Phần Thương Mại Sản Xuất Duyên Hải			823,020	823,020		
CHTUAN029	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ Tín Thanh			1,900,008	1,900,008		
TRNHUNG087	Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Định Bình			3,578,962	3,578,962		
CHDINH062	Công Ty Cổ Phần Thủy Điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh			23,472,286	23,472,286		
TRDUNG008	Công ty cổ phần TMĐT ngôi nhà thế kỷ			607,992	607,992		
CHTHINH020	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á			380,006	380,006		
CHHOA014	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế giao thông Bình Định			1,634,026	1,634,026		
TRDUNG005	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Mỹ Quang			3,039,960	3,039,960		

TRDUONG103	Công ty cổ phần Vinacapital Việt Nam			1,367,982	1,367,982
CHHOA081	Công ty Cổ Phần VINACONEX 25			1,049,994	1,049,994
CHTHUY159	Công ty Cổ Phần VIREX	524,997			524,997
CHHOA086	Công ty Cổ phần VNA			780,010	780,010
TRDUONG113	Công ty Cổ Phần xây dựng 47			265,997	265,997
TRSANH053	Công ty Cổ phần xây dựng công nghệ xanh			4,619,974	4,619,974
TRDUONG062	Công ty cổ phần xây dựng TC Bình Định			8,339,579	8,339,579
ANTUAN004	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Thái Dương			2,200,022	2,200,022
TTPT102	Công ty cổ phần xi măng Đồng Lâm			607,992	607,992
CHVAN020	Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bình Định			524,997	524,997
CHTUAN030	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Tiến Phước			2,926,019	2,926,019
CHBANG032	Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú			1,994,989	1,994,989
CHVAN025	Công ty Điện lực Bình Định			128,845,817	128,845,817
HNHAI014	Công Ty Điện Lực Bình Định			13,096,813	13,096,813
TSNHAN008	Công ty điện lực Bình Định - Điện lực Phú Phong			26,479,029	26,479,029
CHTHUY034	Công ty Du Lịch Miền Trung			6,553,070	6,553,070
TRDUONG101	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei			1,139,985	1,139,985
ANHAI005	Công ty TNHH A Lớn			5,148,000	5,148,000
TRHUNG010	Công Ty TNHH Bao Bì Lạc Việt			9,233,879	9,233,879
CHNAM009	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ CHUBB Việt Nam			2,280,022	2,280,022
CHHOA048	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam			2,280,036	2,280,036
CHHOA097	Công ty TNHH Bidiphar công nghệ cao			4,225,723	4,225,723
TRSANH059	Công ty TNHH Cao Bảo			2,947,296	2,947,296
ANTUAN005	Công ty TNHH đầu tư Bình Định			2,968,014	2,968,014
TRHUNG023	Công ty TNHH Đầu tư BMT FiCo			683,991	683,991
CHVAN009	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Phú Hòa			3,053,418	3,053,418
TRDUONG099	Công Ty TNHH Đầu tư phát triển Tân Thuận Phát			2,279,970	2,279,970

TRDUONG080	Công Ty TNHH Đầu Tư Tân Đại Minh			13,100,308	13,100,308		
TRDUONG046	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Kim Cúc			2,659,965	2,659,965		
CHANH065	Công ty TNHH Dịch Vụ Du Lịch Bình Định			34,873,740	34,873,740		
CHANH030	Công ty TNHH Dịch Vụ Du Lịch Đất Võ			41,059,920	41,059,920		
CHHOA082	Công ty TNHH dịch vụ du lịch viễn đông Travel			4,036,002	4,036,002		
TRDUONG104	Công ty TNHH dịch vụ khách sạn Nhân Anh			4,521,941	4,521,941		
HNHAI060	Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Đạt Liên			330,394,353	330,394,353		
TRHUNG029	Công ty TNHH điện lạnh Toàn Tài phát			5,813,924	5,813,924		
TRDUONG055	Công ty TNHH DV bán đấu giá tài sản Bình Định			1,937,975	1,937,975		
TOTTTRUC020	Công Ty TNHH DV-TM Hoa Viên			9,719,424	9,719,424		
TRSAM027	Công ty TNHH Gia Bảo Bình Định			3,759,327	3,759,327		
TTPT033	Công ty TNHH Giấy KRAFT VINA			3,685,954	3,685,954		
TOTTDUNG005	Công ty TNHH Hà Min			5,835,852	5,835,852		

TRDUONG098	Công Ty TNHH Hai thành viên FESTINA LENTE			1,785,977	1,785,977
CHNAM087	Công ty TNHH Hana Events			11,172,176	11,172,176
CHDINH043	Công Ty TNHH Hoàn Cầu Granite			7,920,000	7,920,000
CHTHUY080	Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn	1,600,005			1,600,005
CHTHINH019	Công ty TNHH Hospitality PHẠM GIA			380,006	380,006
CHTHUY092	Công ty TNHH Hương Giang			27,139,728	27,139,728
CHVAN063	Công ty TNHH in & bao bì Thành Công Bình Định			4,117,971	4,117,971
CHTHUY145	Công ty TNHH in SX-TM và DV Hưng Phát			2,099,988	2,099,988
CHHOA091	Công ty TNHH Khách Sạn Hồng Thịnh			1,320,000	1,320,000
TRNHUNG086	Công Ty TNHH Khai Thác Nguyên Tường			10,429,452	10,429,452
CHVAN052	Công Ty TNHH Khởi Nghiệp Bình Định			13,802,072	13,802,072
TRNHUNG067	Công ty TNHH Kiến Tạo			6,869,874	6,869,874
TRNHUNG079	Công ty TNHH Kiểu Việt			20,299,884	20,299,884
PMTY027	Công ty TNHH Kinh doanh Bến xe Bình Dương - Phù Mỹ			720,008	720,008
CHVAN057	Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch Vụ Đông Dương			9,900,000	9,900,000
CHANH068	Công ty TNHH Liên Quyên			4,199,976	4,199,976
CHHOA015	Công ty TNHH Maersk Việt Nam			1,064,017	1,064,017
CHDINH104	Công ty TNHH Mãi Tín Bình Định			10,183,207	10,183,207
CHTHINH015	Công ty TNHH MANULIFE (VIỆT NAM)			1,026,016	1,026,016
DNAN0007	Công ty TNHH Một Thành Viên Ái Nhi			375,961,892	375,961,892
TRDUONG020	Công Ty TNHH Một Thành viên Dịch Vụ Hoàng Gia			3,951,949	3,951,949
TRDUONG110	Công Ty TNHH Một Thành Viên Phú Tài Lộc			1,899,975	1,899,975
TRSANH011	Công Ty TNHH Một Thành Viên Sài Gòn Co.Op Bình Định			7,991,479	7,991,479
TRSANH056	Công ty TNHH MTV DV Thiện Mỹ			4,908,816	4,908,816
TTPT077	Công ty TNHH MTV PENTA Việt Nam			3,039,960	3,039,960
TPDIEU060	Công ty TNHH MTV Thương mại BIDIPHAR			20,754,881	20,754,881
QTRI0007	Công ty TNHH MTV Thương mại tổng hợp và Dịch vụ Hồng Nhung	1,010,306		687,408,493	688,418,799

DLAK0005	Công ty TNHH MTV Vận tải Minh Hiếu Phát			628,629,616	628,629,616		
TOTTDUNG009	Công Ty TNHH Nam Phương			8,908,515	8,908,515		
QBIN0009	Công Ty TNHH Nguyệt Phúc			54,389,737	54,389,737		
TOTTTRUC002	Công Ty TNHH Nhà Hàng Tiệc Cưới Quốc Bảo			11,421,168	11,421,168		
TTPT054	Công ty TNHH Nhật Gia Linh			3,799,950	3,799,950		
TRDUONG008	Công ty TNHH Nông Dược Hai Quy Nhơn			6,487,011	6,487,011		
CHTHUY135	Công ty TNHH phát triển giáo dục Ngọc Thanh			5,249,970	5,249,970		
CHANH099	Công ty TNHH Phi Khang			2,204,987	2,204,987		
TRHUNG058	Công ty TNHH Phúc Thịnh Bình Định			5,015,934	5,015,934		
TRNHUNG082	Công ty TNHH quảng cáo Minh Đạt			2,545,290	2,545,290		
TPDIEU057	Công ty TNHH Quang Thiên Phúc			3,153,959	3,153,959		
TRHUNG032	Công ty TNHH sản xuất thương mại Trường Phước			5,015,934	5,015,934		
CHVAN043	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hoàng Dung			7,069,656	7,069,656		

TTPT091	Công ty TNHH sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu VIVA			7,010,586	7,010,586
CHDINH119	Công ty TNHH SX & TM Việt Mỹ Bình Định			899,976	899,976
TTPT105	Công ty TNHH SX & TM Việt Mỹ Bình Định			1,619,904	1,619,904
TRDUONG102	Công ty TNHH T.M.G			1,367,982	1,367,982
TRHUNG051	Công ty TNHH Tây Phú Lợi			3,609,953	3,609,953
TRHUNG052	Công Ty TNHH T-B-N			3,495,954	3,495,954
CHDINH025	Công ty TNHH Thanh Thủy			7,094,051	7,094,051
TTPT063	Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Kyodo Sojitz			645,992	645,992
TOTTDUNG011	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Tổng hợp Hoàng Bảo			4,196,709	4,196,709
CHVAN031	Công ty TNHH thương mại - dịch vụ Liên Phát			13,104,491	13,104,491
PMTY057	Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Thành Lộc			624,217	624,217
CHTHUY068	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Bá Đạt			16,321,800	16,321,800
TRDUONG105	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đề Gi			2,659,965	2,659,965
CHTHUY128	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Minh Nam			1,399,992	1,399,992
TOTTDUNG032	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Rom			4,049,760	4,049,760
TOTTTRUC029	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sao Việt			5,039,969	5,039,969
PRAN0002	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thành Đạt Ninh Thuận			4,021,329,328	4,021,329,328
CHDINH053	Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp sinh thái			48,695,328	48,695,328
QBIN0003	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vị Vân	310		43,526,604	43,526,294
CTLT0054	Công ty TNHH Thương mại Tân Nhất Hương			140,000,300	140,000,300
CHVAN071	Công ty TNHH Thương Mại Thiết kế Quảng Cáo Nguyễn Gia			950,015	950,015
TRDUONG090	Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Phúc Thịnh			2,279,970	2,279,970
TOTTDUNG027	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Công Nghệ Ô Tô Toàn Thắng			1,619,904	1,619,904
CHTHUY004	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hải Sỹ 2			11,599,500	11,599,500
TRHUNG053	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thanh Thanh			2,887,962	2,887,962
CHHOA070	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tổng Hợp Hải Lâm			6,488,394	6,488,394
TOTTDUNG029	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Trần Đăng			1,619,904	1,619,904

TSNHAN044	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Trọng Thi			699,996	699,996		
CTLT0009	Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thế Hiền	4,058,576		274,744,536	278,803,112		
TOTTTRUC021	Công ty TNHH TM DV NEW TRAVEL			2,454,408	2,454,408		
TRHUNG057	Công Ty TNHH TM DV quảng cáo Thuận Nghĩa			6,155,919	6,155,919		
TRHUNG056	Công ty TNHH TM và DV Thanh Thanh Bình			3,799,950	3,799,950		
CHHOA102	Công ty TNHH TMDV Sao Việt			1,272,645	1,272,645		
TRDUONG064	Công ty TNHH TMDV Sao Việt			9,879,870	9,879,870		
TTPT094	Công ty TNHH Toàn Gia Đạt			341,996	341,996		
TRHUNG049	Công ty TNHH tổng hợp đá Tiến Thành			13,641,821	13,641,821		
TRHUNG061	Công ty TNHH Tổng hợp Hữu Lộc			3,495,954	3,495,954		
TTPT099	Công ty TNHH trực vớt Bảo Trân			1,224,993	1,224,993		
TRDUONG026	Công Ty TNHH Trung Thành			4,559,940	4,559,940		
CHNAM061	Công ty TNHH tư vấn Hội Cầu Đường			2,964,047	2,964,047		

TPDIEU065	Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Bảo Phú			35,979,794	35,979,794
TRDUONG089	Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Và Xây Dựng Huy Hoàng			18,239,760	18,239,760
TPDIEU063	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Phú Mỹ			18,999,750	18,999,750
TRHUNG003	Công Ty TNHH Tư Vinh			3,495,954	3,495,954
TRNHUNG083	Công ty TNHH TV thiết kế xây dựng Anh Kiệt			20,061,466	20,061,466
CHNAM081	Công Ty TNHH Viễn Thông Sao Đỏ			5,548,088	5,548,088
CHHOA083	Công ty TNHH Vĩnh Thủy			323,981	323,981
CHTUAN020	Công ty TNHH WANHAI Việt Nam			418,007	418,007
TRDUNG006	Công ty TNHH xây dựng dịch vụ nghĩa trang An Lộc Phát			3,039,960	3,039,960
CHTHUY111	Công Ty TNHH Xây Dựng Đồng Lợi			2,029,988	2,029,988
TRHUNG059	Công ty TNHH xây dựng Quang Thắng			3,001,961	3,001,961
TOTTRUC031	Công ty TNHH xây dựng thương mại Phát Đạt Lợi			3,077,818	3,077,818
THOA0008	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Kim Ngọc Khánh			8,227,296	8,227,296
TOTTDUNG031	Công ty TNHH Xuân Hiếu			4,859,712	4,859,712
CHTHUY153	Công ty TNHH Xuất Khẩu An Phú			836,013	836,013
TOTTDUNG013	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Và Dịch Vụ VUNU			4,620,000	4,620,000
TOTTDUNG021	Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ vận tải - thương mại Phú Lộc			1,214,928	1,214,928
TRHUNG035	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Gia Vũ			5,167,932	5,167,932
TPDIEU048	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hợp Thành			2,659,965	2,659,965
TOTTDUNG020	Công ty trách nhiệm hữu hạn khách sạn Thiên Vân			4,049,760	4,049,760
QTRI0009	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên QT Hiền Hoa	9,005,055		618,035,103	609,030,048
CTLT0044	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Trần Văn			98,768,802	98,768,802
TOTTDUNG036	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Hải			2,429,856	2,429,856
TRDUONG094	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dược phẩm Sinh Phúc			2,659,965	2,659,965
HUEE0009	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Tấn Thành	422,802		175,255,996	174,833,194
TRSANH008	Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng Và môi trường Nam Phươn			1,749,990	1,749,990
CHTHINH013	Công ty Tư vấn EXP International Services Inc			950,015	950,015

TOTTTRUC016	Công ty xăng dầu Bình Định			2,863,476	2,863,476		
TRHUNG063	Công Ty Xăng Dầu Bình Định			4,027,947	4,027,947		
CHNAM083	CTCP Thương Mại Dịch Vụ Hiệp Hòa			5,016,079	5,016,079		
TRDUONG019	Cty TNHH Thành Phát			2,659,965	2,659,965		
PCTIEN012	Cục Thi Hành Án Dân Sự Huyện Phù Cát			4,401,039	4,401,039		
CHTUAN024	Cục Thống Kê Bình Định			11,028,100	11,028,100		
CHANH052	Cục Thuế Bình Định			1,341,987	1,341,987		
CHTHUY040	Đài phát thanh và truyền hình Bình Định			38,339,906	38,339,906		
HASI006	Đăng Thị Công			52,426,572	52,426,572		
CHBANG043	Đảng ủy Phường Lê Lợi			3,009,983	3,009,983		
CHVAN037	Đảng ủy Xã Nhơn Hội			2,559,942	2,559,942		
GLAI0004	Đặng Văn Tài	34,047,199			34,047,199		
HAHAI010	Đào Thị Trao			14,851,386	14,851,386		

ANMAN027	Đào Tiến Vinh	17,403,588			17,403,588
NHTR0005	DNTN Hiếu Phát			2,772,353,952	2,772,353,952
TTPT108	DNTN Sản Xuất và Xây Dựng Văn Minh			3,499,980	3,499,980
TSNHAN009	DNTN Thương Mại Kiều Oanh			30,322,116	30,322,116
QNGA0010	Đỗ Thị Bạch Tuyết	6,370,000			6,370,000
CTLT0003	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoa Hoa		10,475,195	17,487,835	7,012,640
TTPT050	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoàng Long			4,864,649	4,864,649
TRSANH038	Doanh Nghiệp Tư Nhân Khánh Hương			6,925,512	6,925,512
NDINH001	Doanh Nghiệp Tư Nhân Lưu Dung	1,086			1,086
CHTUAN039	Doanh nghiệp tư nhân Thanh Danh			2,014,032	2,014,032
HNHAI037	Đội CSGT - TTCĐ Công an Thị xã Hoài Nhơn			2,089,973	2,089,973
HNHAI026	Đội Quản Lý Trật Tự Đô Thị Thị xã Hoài Nhơn			2,887,963	2,887,963
CHTHUY164	Đội trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn			10,010,180	10,010,180
CHDINH086	Đồn công an khu kinh tế Nhơn Hội			2,700,056	2,700,056
NDINH002	Hộ Kinh Doanh Đặng Thị Thanh Hương	71,001			71,001
DLAK0014	Hộ kinh doanh Diễm Hằng			28,987,352	28,987,352
QBIN0012	Hộ kinh doanh Hoàng Văn Xuân			160,221,672	160,221,672
GLAI0018	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Bích Hồng		4	57,671,856	57,671,852
NHTR0011	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thùy Hương			466,924,971	466,924,971
GLAI0019	Hộ kinh doanh tạp hóa Như Mỹ			113,370,610	113,370,610
NHTR0010	Hộ kinh doanh Võ Thị Mỹ Lệ			255,634,141	255,634,141
QNGA0008	Hồ Thị ái Thùy		7,211	12,223,838,677	12,223,831,466
HNHAI053	Hội chữ thập đỏ Thị xã Hoài Nhơn			2,625,563	2,625,563
HNHAI020	Hội Cựu chiến binh Thị xã Hoài Nhơn			303,996	303,996
TOTTTRUC024	Hội liên hiệp phụ nữ phường Đống Đa			2,352,134	2,352,134
HNHAI015	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Thị xã Hoài Nhơn			2,127,972	2,127,972
CHTHUY035	Hội Liên hiệp Phụ Nữ tỉnh Bình Định	594,000			594,000

HNHAI067	Hội Luật gia thị xã Hoài Nhơn			987,987	987,987		
CHDINH081	Hội Luật Gia Tỉnh Bình Định			1,875,954	1,875,954		
CHNAM032	Hội nạn nhân Chất độc da cam Dioxin BĐịnh			380,006	380,006		
CHTHUY033	Hội nhà Báo Bình Định			10,891,755	10,891,755		
HNHAI033	Hội Nông dân Thị xã Hoài Nhơn			835,990	835,990		
PCTIEN022	Huyện ủy Phù Cát			19,827,333	19,827,333		
AKHE0004	Huyện Thị Châu			24,922,656	24,922,656		
AKHE0003	Huyện Thị Niên			29,076,432	29,076,432		
TPDIEU047	Kho Bạc Nhà Nước Tuy Phước			721,991	721,991		
GLAI0011	Lê Kim Toàn			352,505,520	352,505,520		
PMDUNG003	Lê Thị Kim Hoa			15,512,882	15,512,882		
HNHAI029	Liên đoàn lao động Thị xã Hoài Nhơn			2,013,974	2,013,974		
CHNAM017	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tỉnh Bình Định			5,383,057	5,383,057		

CHNAM082	Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh			1,710,027	1,710,027
QNAM0011	Lương Thị Kim Định			907,123,214	907,123,214
HNHAI059	Ngân hàng Agribank Hoài Nhơn - PGD Hoài Hương			2,887,962	2,887,962
HNHAI025	Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Hoài Nhơn			14,548,565	14,548,565
CHHOA049	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á			8,930,141	8,930,141
HNHAI024	Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á			4,293,944	4,293,944
CHHOA115	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín - Chi Nhánh Bình Đ			1,850,554	1,850,554
HNHAI017	Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi Nhánh Khu Công Nghiệp Phú Tài			873,989	873,989
TTPT023	Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Bình Định - PGD Phú Tài			3,457,955	3,457,955
CHNAM047	Ngân Hàng TMCP Đông Á - CN Bình Định			15,382,193	15,382,193
CHHOA029	Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Bình Định-PGD Chợ Khu Sáu			3,990,063	3,990,063
HNHAI002	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định			11,399,850	11,399,850
CHDINH044	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định			59,000,700	59,000,700
HNHAI013	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Định			9,316,923	9,316,923
CHNAM091	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-Chi nhánh Bình Định			646,010	646,010
NHTR0003	Nguyễn Ngọc ản			126,713,130	126,713,130
NHTR0008	Nguyễn Thanh Quang			2,243,475,916	2,243,475,916
PMTY017	Nguyễn Thị Giới			280,925,753	280,925,753
DLAK0013	Nguyễn Thị Thanh Trang			124,281,383	124,281,383
HASI009	Nguyễn Thị Xá			9,814,200	9,814,200
QNGA0004	Nguyễn Trung Tuyển	271,603,840			271,603,840
NGAN0006	Nguyễn Xuân Huy			102,099,360	102,099,360
TPDIEU012	Nhà Hàng Hoàng Nguyên			144,054,323	144,054,323
QBIN0001	Nhà PP Nguyễn Thành Tuất		2,194	3,052,517,663	3,052,515,469
QTRI0006	NPP Đoàn Thị Mơ			66,252,939	66,252,939
HBINH001	Phạm Thị Hương	245,710		2,677,707,978	2,677,953,688

CHDINH110	Phan Thị Bích Hoa			1,626,577	1,626,577	
CHANH026	Phòng Y Tế Thành Phố Quy Nhơn			1,224,993	1,224,993	
CHTHUY054	Phòng công chứng số 1 Bình Định			5,428,066	5,428,066	
HNHAI003	Phòng Giao Dịch Ngân Hàng CSXH Thị xã Hoài Nhơn			7,480,655	7,480,655	
HNHAI004	Phòng giáo dục - Đào tạo Thị xã Hoài Nhơn			7,143,908	7,143,908	
TSNHAN018	Phòng kinh tế hạ tầng	493,812			493,812	
HNHAI005	Phòng kinh tế Thị xã Hoài Nhơn			2,487,656	2,487,656	
PCTIEN042	Phòng lao động - thương binh và xã hội huyện Phù Cát			1,360,014	1,360,014	
TTPT069	Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện Vân Canh	6,904,757			6,904,757	
HNHAI006	Phòng Lao Động Thương Binh & Xã Hội Thị xã Hoài Nhơn	1,078,022		6,231,147	7,309,169	
CHANH025	Phòng Lao động Thương Binh Xã Hội TP Quy Nhơn			3,284,045	3,284,045	
PMTY009	Phòng Nội Vụ Huyện Phù Mỹ			6,894,448	6,894,448	
TSNHAN023	Phòng nội vụ huyện Tây Sơn			349,998	349,998	
HNHAI007	Phòng nội vụ Thị xã Hoài Nhơn			2,659,965	2,659,965	

CHANH027	Phòng nội vụ TP Quy Nhơn			4,814,799	4,814,799	
HNHAI055	Phòng Quản Lý Đô Thị Thị xã Hoài Nhơn			1,063,987	1,063,987	
TRNHUNG015	Phòng Quản lý Đô Thị TP Quy Nhơn			3,359,981	3,359,981	
CHHOA006	Phòng tài chính - Kế hoạch Quy Nhơn			3,990,063	3,990,063	
HNHAI008	Phòng Tài chính - Kế hoạch Thị xã Hoài Nhơn			2,051,973	2,051,973	
TSNHAN024	Phòng tài chính kế hoạch			1,504,991	1,504,991	
CHANH023	Phòng Tài Nguyên Môi trường TP Quy Nhơn			1,900,030	1,900,030	
HNHAI009	Phòng Tài Nguyên và Môi Trường Hoài Nhơn			2,887,963	2,887,963	
TPDIEU023	Phòng Tài Nguyên Và Môi Trường Huyện Tuy Phước			1,519,980	1,519,980	
TPDIEU021	Phòng Tư Pháp Huyện Tuy Phước			1,139,985	1,139,985	
HNHAI010	Phòng Tư Pháp Thị xã Hoài Nhơn			1,139,986	1,139,986	
CHANH028	Phòng Tư Pháp TP Quy Nhơn			2,052,032	2,052,032	
HNHAI047	Phòng văn hóa và thông tin Thị xã Hoài Nhơn			1,405,982	1,405,982	
PCTIEN025	Phòng Y Tế Huyện Phù Cát			1,440,014	1,440,014	
HNHAI063	Phòng y tế Thị xã Hoài Nhơn			797,990	797,990	
TSNHAN025	Quỹ tín dụng nhân dân Quang Trung			2,498,733	2,498,733	
CHDINH073	Quỹ Bảo Vệ Môi Trường Tỉnh Bình Định			1,855,025	1,855,025	
CHNAM034	Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Định			950,015	950,015	
CHNAM090	Quỹ Bảo vệ và phát triển Rừng tỉnh Bình Định			532,008	532,008	
CHTHUY102	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Bình Định			909,995	909,995	
TTPT030	Quỹ tín dụng nhân dân Thị trấn Diêu Trì			2,621,967	2,621,967	
CHANH034	Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Định			10,549,092	10,549,092	
CHTHUY065	Sở Ngoại Vụ tỉnh Bình Định			11,122,900	11,122,900	
CHANH039	Sở Thông Tin và Truyền Thông Bình Định			11,634,130	11,634,130	
CHANH043	Sở Y Tế Bình Định			8,889,949	8,889,949	
GLAI0003	Sui Ngọc Lan	29,866,320			29,866,320	
TPHIEU003	Tạp hóa Xuyên			78,380,597	78,380,597	

TSNHAN021	Thanh tra Huyện Tây Sơn	640,002	11,514,934	12,154,936
CHNAM055	Thanh Tra Thành Phố Quy Nhơn		1,330,021	1,330,021
HNHAI011	Thanh Tra Thị xã Hoài Nhơn		1,519,980	1,519,980
HNHAI062	Thị Đoàn Hoài Nhơn		759,990	759,990
HNHAI016	Thị ủy Hoài Nhơn	1,103,018	9,701,788	10,804,806
TSNHAN015	Tòa án nhân dân		2,694,984	2,694,984
HNHAI012	Tòa án nhân dân Thị xã Hoài Nhơn	2,840,706	8,469,615	11,310,321
HNHAI043	Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ		18,251,604	18,251,604
TSNHAN032	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ		349,998	349,998
ANTUAN001	Trần Thanh Tuấn	74,532,417	221,009,645	295,542,062
LDONG005	Trần Thị Tuyết Nhung	27,740,071		27,740,071
TOTTDUOC001	Trần Văn Đước	21,492,866		21,492,866
TRNGOC021	Trung Tâm Đăng Kiểm Phương Tiện Thủy Bộ Bình Định	140,000		140,000

CHDINH105	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 77-04D Bình Định-Chi nhánh Công ty Cổ phần			15,679,910	15,679,910
TRNGOC018	Trung Tâm Đào Tạo Nghiệp Vụ Giao Thông Vận Tải Bình Định	7,210,084			7,210,084
PMTY053	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Phù Mỹ			6,936,631	6,936,631
HNHOAI026	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp Thị xã Hoài Nhơn			3,219,982	3,219,982
TPDIEU008	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp Tuy Phước			23,255,695	23,255,695
CHANH013	Trung Tâm Điều Hành Thông tin-Viễn Thông Bình Định			769,996	769,996
TPDIEU006	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-GDTX huyện Tuy Phước			3,566,163	3,566,163
PMTY056	Trung tâm giống Nông Nghiệp			800,008	800,008
CHANH016	Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển Công Nghiệp			3,082,926	3,082,926
CHTHUY043	Trung tâm khuyến nông khuyến ngư Bình Định	497,996		3,580,999	4,078,995
CHTHUY168	Trung tâm kinh doanh VNPT - Bắc Giang			323,981	323,981
CHTHUY096	Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng			1,186,016	1,186,016
CHTHUY166	Trung tâm Lưu trữ Lịch Sử Tỉnh Bình Định			2,550,009	2,550,009
TRNGOC005	Trung Tâm Mạng Lưới Mobifone Miền Trung	2,945,290			2,945,290
TRNHUNG014	Trung Tâm Ngoại Ngữ Úc Châu			1,658,382	1,658,382
CHTHINH018	Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản-Trường Đại Học Quy Nhơn			722,011	722,011
CHTUAN016	Trung Tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			7,978,082	7,978,082
CHHOA011	Trung tâm phân tích và Đo lường Chất Lượng Bình Định			5,929,057	5,929,057
CHTHUY116	Trung Tâm Pháp Y Tỉnh Bình Định			2,736,043	2,736,043
TRNHUNG062	Trung tâm phát triển nhà và tư vấn xây dựng			559,997	559,997
CHANH021	Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Bình Định			8,269,047	8,269,047
PMTY038	Trung tâm phát triển Quỹ Đất Huyện Phù Mỹ			2,173,829	2,173,829
TSNHAN031	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn			1,679,990	1,679,990
CHVAN012	Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường Bình Định	969,989		2,420,000	3,389,989
CHNAM042	Trung Tâm Thông Tin Xúc Tiến Du Lịch Bình Định			760,012	760,012
TRSANH063	Trung Tâm Thông Tin Xúc Tiến Du Lịch Bình Định			759,990	759,990
TRNHUNG096	Trung Tâm Tin Học Trường Đại Học Quy Nhơn			485,971	485,971

CHTHUY142	Trung tâm Văn hóa-Thông tin-Thể thao thành phố Quy Nhơn			9,250,922	9,250,922		
HNHAI050	Trung tâm văn hóa-thông tin-thể thao Thị xã Hoài Nhơn			3,077,961	3,077,961		
CHHOA104	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn			629,996	629,996		
TRNHUNG007	Trường Cao Đẳng Bình Định			2,329,417	2,329,417		
TRNHUNG029	Trường Chính Trị Tỉnh Bình Định	3,382,557		4,049,351	7,431,908		
CHVAN023	Trường mẫu giáo công lập Nhơn Hội			2,519,986	2,519,986		
CHTHUY071	Trường năng khiếu thể thao Bình Định			1,679,990	1,679,990		
TRNHUNG070	Trường THCS Nguyễn Huệ			485,971	485,971		
TPDIEU039	Trường THCS Phước Lộc			759,990	759,990		
CHNAM039	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn			2,546,040	2,546,040		
ANTUAN002	Trường THPT Số 1 An Nhơn	2,274,987		5,093,315	7,368,302		
TRSANH061	Trường THPT số 1 Tuy Phước			5,183,693	5,183,693		
HNHAI058	Trường THPT Tăng Bạt Hổ			1,365,359	1,365,359		

CHDINH116	Trường THPT Trung Vương			8,942,069	8,942,069
TRNHUNG009	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Mây			769,996	769,996
HNHAI044	Trường trung học phổ thông chuyên Chu Văn An			1,595,980	1,595,980
TPDIEU007	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Diêu			16,907,667	16,907,667
TSTHIEN009	UBMT Tổ quốc Việt Nam - Huyện Vĩnh Thạnh - Tỉnh Bình Định			1,052,938	1,052,938
CHANH049	UBMT Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Bình Định			17,069,995	17,069,995
HNHAI036	UBMTTQ Thị xã Hoài Nhơn			3,594,955	3,594,955
HNHAI064	UBND Phường Hoài Thanh Tây			763,587	763,587
ANTUAN008	UBND Phường Nhơn Hưng			880,009	880,009
HNHAI065	UBND Xã Ân Nghĩa			2,969,505	2,969,505
PMTY060	UBND Xã Mỹ Cát			3,239,808	3,239,808
CHANH098	UBND xã Nhơn Châu			1,231,963	1,231,963
CHVAN024	UBND Xã Nhơn Hội			8,684,907	8,684,907
TSNHAN045	Ủy Ban Nhân Dân Thị Trấn Phú Phong			449,684	449,684
TPDIEU068	Ủy Ban Nhân Dân Xã Phước Nghĩa			16,035,790	16,035,790
TPDIEU053	Ủy Ban Nhân Dân Xã Phước Thuận			11,401,726	11,401,726
TSNHAN034	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định			1,539,992	1,539,992
HNHAI019	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định			13,602,171	13,602,171
PCTIEN006	Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Tỉnh Bình Định			9,699,017	9,699,017
CHTHUY097	Văn Phòng Đoàn Đại Biểu Quốc Hội Tỉnh Bình Định			2,138,015	2,138,015
TSNHAN028	Văn Phòng HĐND và UBND huyện Tây Sơn			6,093,661	6,093,661
TTPT067	Văn phòng HĐND và UBND huyện Vân Canh	7,514,806		7,257,542	14,772,348
CHTHUY123	Văn phòng HĐND và UBND Thành phố Quy Nhơn			11,667,585	11,667,585
HNHAI066	Văn phòng HĐND và UBND Thị xã Hoài Nhơn			873,989	873,989
CHTHUY044	Văn phòng hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định			6,752,002	6,752,002
TOTTDUNG035	Văn phòng Tổng cục thể dục thể thao			19,033,872	19,033,872
CHTHUY029	Văn Phòng UBND tỉnh Bình Định			45,600,720	45,600,720

QTRI0004	Vận tải tư nhân Quang Hưng			1,550,306,909	1,550,306,909		
TRDUONG005	Viện KHKTNN Duyên Hải Nam Trung Bộ			1,823,976	1,823,976		
ANTHU012	Viện kiểm sát nhân dân Thị xã An Nhơn			777,977	777,977		
HNHAI039	Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thị xã Hoài Nhơn			2,051,973	2,051,973		
CHHOA036	Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Bình Định	1,719,993		20,035,213	21,755,206		
CHDINH108	Viện thực hành Kế toán - Tài chính			495,000	495,000		
CHNAM065	Vietravel - Chi Nhánh Quy Nhơn			455,994	455,994		
CHDINH023	Viettel Bình Định - Chi Nhánh Tập Đoàn Công nghiệp-Viễn Thông Quân Đội			11,339,830	11,339,830		
CHTHUY053	VP Đảng ủy khối Doanh nghiệp Bình Định			1,782,000	1,782,000		
TRNGOC015	Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO-Chi Nhánh PISICO	3,329,198			3,329,198		
TRHUNG006	Xí Nghiệp Kinh doanh & Phát Triển Hạ Tầng PISICO-Chi Nhánh PISICO			1,367,982	1,367,982		
CHDINH003	XN chế biến lâm sản XK Mỹ Nguyên -CN công ty CP sản xuất và XNK Lâm sản			3,779,902	3,779,902		
Tổng cộng:		#####	#####	189,056,379,412	176,215,143,576	31,978,735,750	3,933,914,393

Mã	Tên khách hàng	Dư đầu		Phát sinh		Dư cuối	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8
HNHOAI003	Huỳnh Quang Huy	713,412,462		728,481,433	2,902,187,943		1,460,294,048
HUEN0007	Thị trường Trạm Ngô Mây				519,156,605		519,156,605
HAHAI001	Nguyễn Phước Hải	360,170,614		69,402,951	852,616,894		423,043,329
ANVY008	Nguyễn Kiều Vy	584,621,599		641,816,894	1,633,663,790		407,225,297
TUTV0005	Châu Thị Hồng Loan			270,500,000	622,793,700		352,293,700
TUTV0004	Nguyễn Tiểu Đồng				199,062,161		199,062,161
PMDUNG001	Nguyễn Tấn Dũng	92,030,353		96,687,566	384,361,315		195,643,396
PMTY001	Nguyễn Công Ty	23,875,855		60,781,395	216,065,648		131,408,398
CHANH001	Đỗ Thị Lan Anh	99,964,726		1,472,529,339	1,632,576,904		60,082,839
TRNHAN001	Huỳnh Lê Phi Nhân	142,216,297		170,128,078	350,784,205		38,439,830
CHNAM001	Nguyễn Văn Nam		1,433,963	250,790,449	284,447,879		35,091,393
CHBANG001	Trần Lu Bang			427,058,740	452,991,571		25,932,831
TRDUONG10	Văn Phòng Tinh Ủy Bình Định			569,993	10,917,071		10,347,078
CHTUAN001	Trần Anh Tuấn	8,173,634		252,200,884	270,511,170		10,136,652
CHTHINH001	Lê Xuân Thịnh			326,305,478	335,226,734		8,921,256
TRNHAN007	Công Ty Cổ Phần Greenfeed Việt Nam - Chi Nhánh Bình Định				7,864,969		7,864,969
PCTIEN024	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phù Cát				6,000,060		6,000,060
TRNHAN004	Công Ty TNHH Trung Tâm Quốc Tế Khoa Học Và Giáo Dục L			13,197,593	18,137,529		4,939,936
TRNGOC014	Chi Nhánh Bình Định-Công ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải	9,541,300			14,161,274		4,619,974
TRSANH026	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Bình Định			36,229,750	40,529,769		4,300,019
TRNGOC023	Cục dự trữ Nhà Nước khu vực Nghĩa Bình				3,207,126		3,207,126
CHANH051	Chi Cục Thống Kê			11,604,761	14,729,769		3,125,008
TRNGOC003	Mobifone Tỉnh Bình Định				2,469,968		2,469,968
TRNHUNG08	Trung tâm Giáo Dục thường xuyên Bình Định			14,272,481	16,513,425		2,240,944

TRNHUNG10	Chi Nhánh Bình Định-Công ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải			10,394,941	12,599,928	2,204,987
PMTY007	Văn Phòng Huyện Ủy Huyện Phù Mỹ			38,359,066	40,383,356	2,024,290
PMTY012	Tòa Án Nhân Dân Huyện Phù Mỹ			5,100,018	7,078,002	1,977,984
TRNHUNG04	Ngân hàng TMCP Bảo Việt Chi nhánh Bình Định			13,789,901	15,579,847	1,789,946
TRDUONG07	Công Ty Bảo Hiểm PVI Bình Định			5,126,906	6,722,885	1,595,979
DNAN0010	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Lê Quân			125,013,066	126,507,344	1,494,278
TRNGOC017	Đội kiểm lâm cơ động & PCCC Rừng				1,151,948	1,151,948
CHANH022	Tòa Án Nhân Dân TP Quy Nhơn	1,205,998		13,014,954	14,980,964	760,012
TRHUNG008	Chi Cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn				759,990	759,990
TTPT107	CÔNG TY TNHH GARDENLINE VN			4,711,939	5,471,929	759,990
CHANH019	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Quy Nhơn			4,104,065	4,788,076	684,011
CHDINH063	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn			2,905,014	3,559,014	654,000
CHNAM045	Ban Tôn Giáo Tỉnh Bình Định			4,075,040	4,683,050	608,010

AKHE0007	Hộ Kinh Doanh Đình Công Kết			117,391,487	117,769,530		378,043
CHBANG031	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Định			6,081,029	6,397,021		315,992
PMTY037	Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ Bình Định			6,400,064	6,643,731		243,667
CHVAN053	UBND Xã Nhơn Lý			15,749,052	15,969,043		219,991
TRNHUNG08	Công ty TNHH đầu tư BOT Bình Định			20,379,783	20,549,469		169,686
TRHUNG067	UBND Phường Lý Thường Kiệt			569,993	683,991		113,998
THOA0012	Phạm Thị Lên			288,377,034	288,460,672		83,638
PRAN0004	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Hun	597,460		400,312,960	400,934,495		24,075
GLAI0008	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Toàn		3,438	3,176,401,855	3,176,414,039		15,622
TRNHUNG06	Công ty TNHH Du Lịch Bãi Dài			17,065,634	17,079,634		14,000
CHTHUY073	Trường mẫu giáo Ngô Mây			26,039,851	26,053,772		13,921
QNAM0012	Phạm Phú Hữu			324,284,211	324,288,587		4,376
TSNHAN017	Phòng giáo dục và đào tạo			4,374,976	4,378,474		3,498
DLAK0001	Công ty TNHH Ô Tô - Xe máy Tây Nguyên	22,548,209		235,206,348	257,755,829		1,272
CHMINH001	Nguyễn Quang Minh		372				372

Client name:	Công ty CP ABC	Sign-off:	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Trade receivables - Provision for doubtful debts	Reviewed:	NTL	1/19/2021

Objective: Review the adequacy of provision for doubtful debts.

Source: Trade receivables ageing report as at 31/12/2020

Basis of selection:

Work steps: Check that allowance for doubtful accounts is adequate by performing the following:

- (a) Discuss with management key assumptions used in preparing the allowance
- (b) Document procedures followed by management to determine allowance for doubtful accounts
- (c) Trade receivables - Ageing test

Select account balances with past due balances which have not been paid at the date subsequent receipts were verified, discuss account status
- (d) with the credit manager and determine if an allowance should be made on each of these account balances.

Agree bad debt expenses and related bad debt write-offs to supporting documentation (e.g., letter from trustees in bankruptcy) and ensure
- (e) proper approval of write-offs (e.g., board of directors' minutes)
- (f) Examine credit noted issued after period end and determine the necessity for an allowance for trade discounts or other returns and allowances.
- (g) Examine bad debt write-offs subsequent to period end and check if they should be reflected in the current period

Finding:

Discussed with: [Mr/Ms] () (job designation) on [] (date)

A Client's procedures for determining provision for doubtful debts:

A1 The client has determined provision for doubtful debts based on the following basis:

- Balances < 6 months
- Balances: 6 months - 1 years
- Balances: 1 years-2 years
- Balances: 2 years-3 years
- Balances > 3 years

A2 The client has determined provision for doubtful debts based on specific identification of the debtors as follows:

§
Debtor AAA

Debtor BBB

Debtor CCC

B Enquired as to whether there are any:

Amounts known to be uncollectable	Yes / No
Amounts in dispute/disagreement	Yes / No
Amounts under credit insurance	Yes / No


Please refer to <5352> for work done.

Conclusion:

Based on our audit work steps performed, we conclude that the risk of material misstatement is reduced to an acceptable low level.

Or,

(Please describe findings and alternative work performed where exceptions are noted.)

Client name:	 Công ty CP ABC	Sign-off:	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Trade receivables - Provision for doubtful debts	Reviewed:	NTL	1/19/2021

Accounts Provision for doubtful debts

	12/31/2020	12/31/2019
Beginning balance	754,934,619	326,095,045
Allowance	167,908,766	438,839,574
Write-off	(271,603,840)	(10,000,000)
Reversal		
Ending balance	<u>651,239,545</u>	<u>754,934,619</u>

<5310>

Breakdown:

	Trade receivable	Other receivable	Total
Beginning balance	754,934,619		754,934,619
Allowance	167,908,766		167,908,766
Write-off	(271,603,840)		(271,603,840)
Reversal			-
Ending balance	<u>651,239,545</u>	-	<u>651,239,545</u>

<5340>

<5390>

Provision for doubtful debts

5353

Client name:	Công ty CP ABC	Sign-off:	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Trade receivables - Provision for doubtful debts	Reviewed:	NTL	1/19/2021

No.	Names	A		BS		Ageing list					Provision			Remarks (to assess whether the net outstanding amount would warrant an provision to be made) If yes - to quantify the amount If no - please justify the reasons	
		Ending Balance	Subsequent receipt		Net outstanding amount (net of subsequent receipt)	> 3 years	2yrs - 3yrs	1yr - 2yrs	6mths - 1yr	< 6 mths	By EAV	By Client	Difference		Provision to be made
			Date	Amount											
			100%	70%											
1	Nhà phân phối Việt Cường	63,558,864			63,558,864	63,558,864					63,558,864	63,558,864	-	-	Yes
2	Công ty TNHH MTV Yên Thịnh Phát Gia Lai	793,331,693			793,331,693		793,331,693				555,332,185	555,332,185	-		Yes
3	Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Lộc	27,945,046			27,945,046		27,945,046				19,561,532	19,561,532	-		
4	Nhà phân phối Lê Đình Hội	18,267,090			18,267,090		18,267,090				12,786,963	12,786,963	-		
5	Phạm Thị Thuý	33,927,196			33,927,196			33,927,196			16,963,598		16,963,598	16,963,598	
6	Tòa án Thị xã An Nhơn	18,500,020			18,500,020			10,499,940	4,000,040	4,000,040	6,449,982		6,449,982	6,449,982	
					-						-		-		

Total	955,529,909	-	955,529,909	63,558,864	839,543,829	44,427,136	4,000,040	4,000,040	674,653,124	651,239,544	23,413,580	23,413,580
-------	-------------	---	-------------	------------	-------------	------------	-----------	-----------	-------------	-------------	------------	------------

Check 31,023,205,841

<5352>

Notes:

- (a) Enquire as to the reasons for the long outstanding balances;
- (b) Examine customers' correspondences for evidence of disputes;
- (c) Check whether there are any breaches of credit limits; and
- (d) Review credit reports and information or inspect latest audited financial statements if available.

Workdone:-

A - Agreed to detailed trade receivables aging as at year end

BS - Checked subsequent receipts to Bank Statement for clearance

Adjustments

Adjust the allowance for foubful debts	<5320>
Dr G&A Expenses	23,413,580
Cr Allowance for doubtful debts	23,413,580



Client name:	Công ty CP ABC	Sign-off:	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Trade receivables - Circularisation	Reviewed:	NTL	44215

Objective:

To ascertain the existence and accuracy of trade receivables by performing trade receivables circularisation (*Assertion: A and E of trade receivables*).

Source:

Accounts receivables listing as at the period's end

Basis of selection:**Work steps:** Confirm trade accounts receivable:

- (a) Obtain from client all necessary information in order to perform selection of accounts to be confirmed.
- (b) Select invoices or balances to be confirmed.
- (c) Review with a responsible official the list of invoices/customers we propose to confirm.

(d)

(j)

(e)

(k)

(f)

(g)

Findings:

(h)

(i)

Trần Văn Thành	269,306,444						
Trần Vũ Minh Hùng	199,813,562						
Nguyễn Thị Sanh	156,236,180						
Đại lý Hiếu Thành	110,052,374						
Nguyễn Văn Cang	87,094,128						
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Ba Miên	54,253,160						
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Tuy Phước Bìn	17,099,776						
Công ty TNHH Furniture Đặng Gia	2,956,890			-		-	
Total	#####	-		-		-	-
	<5360>			<5360>		<5360>	

Work steps:

C - Confirmations circularised

OR, BS - Vouched to Official Receipts for amount collected subsequent to year end and check clearance to bank statement

INV - If subsequent receipts are not applicable, vouched to sales invoices that are still outstanding as at year end



Client name:	Công ty CP ABC	Sign-off:	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Advance from customers - Circularisation and Alternative tests	Reviewed:	NTL	1/19/2021

Advance by customers	Foreign currency	Circularisation						Alternative test	Subsequent GRN			Vouching					
		Balance as at 31/12/2020		Date	Date	Amount confirmed			Difference		Invoice No.	Invoice date	Amount	Contract			
		Amount in functional currency	Amount in foreign currency	sent	received	Amount in functional currency	Amount in foreign currency		Amount in functional currency	Amount in foreign currency				Contract date	Amount		
	Code	unit															
Huỳnh Quang Huy			1,460,294,048														
Thị trường Trạm Ngô Mây			519,156,605														
Nguyễn Phước Hải			423,043,329														
Nguyễn Kiều Vy			407,225,297														
Châu Thị Hồng Loan			352,293,700														
Nguyễn Tiểu Đông			199,062,161														
Nguyễn Tấn Dũng			195,643,396														
Nguyễn Công Ty			131,408,398					131,408,398	-								
Total			3,688,126,934														
			<5360>														

Work steps:

C - Confirmations circularised

INV - Vouched to sales invoices after year

CT - Vouched to contract

Client name:	Công ty CP ABC	Sign-off:	Initials	Date
Period end:	12/31/2020	Prepared:	DHL	1/18/2021
Subject:	Accounts receivable - Audit program	Reviewed:	NTL	44215

<p>Financial Statement Assertions</p> <p>C. Completeness E. Existence A. Accuracy V. Valuation</p>

A. BASIC PROCEDURES

No.	Audit Procedure	Assert	Comment	Ref.
Accounts Receivable Listing				
1	<p>For manual listings: Obtain the client's detailed aged trade accounts receivable listing at the period end and:</p>	A		
	a) Agree to general ledger			
	b) Test mathematical accuracy			
	c) Select a sample of ___ - invoices from the AR listing and vouch to supporting documents. Ensure that aging of selected invoices is accurate.			
2	<p>For electronic listings: Obtain electronically the entity's detailed aged trade accounts receivable listing</p>	A		
	a) Agree control total to general ledger to ensure the listing was imported accurately and completely.			
	b) Using the IDEA Audit Automation Tool, re-age the client's AR listing and ensure that aging is accurate.			
	c) Select a sample of ___ - invoices from the AR listing and vouch to supporting documents to ensure integrity of listing.			
Credit				

Balances				
3	For manual listings: Investigate significant credit balances and consider their transfer to accounts payable.	A		
4	For electronic listings: Using the IDEA Audit Automation Tool, extract credit balances. Investigate significant credit balances and consider their transfer to accounts payable.	A		
Related Party Transactions				
5	Enquire of management whether all related party transactions were appropriately identified (e.g. major cancelable contract or transact a significant volume of business with a sole customer) and recorded.	C		
6	Document transactions and ending balances with related parties and ensure they are disclosed in the financial statements.	A		
7	For inter-entity accounts, assess and document collectibility by examining the other entity's financial statements and discussing with a responsible official.	V		
8	Verify that inter-entity accounts are in agreement if we are the auditors of both entities; if not, obtain written confirmation	CEA		
Translation				
9	Verify that trade receivables denominated in foreign currencies were translated at the appropriate exchange rate.	V		
Factored Accounts Receivable				
Allowance for Doubtful Accounts				
10	IDEA not used: Ensure allowance for doubtful accounts is adequate by performing the following	V		

a) Discuss with management key assumptions used in preparing the allowance.			
b) Document procedures followed by management to determine allowance for doubtful accounts.			
c) Verify subsequent receipts by selecting a sample of ___ - cash receipts and vouching to supporting documentation. (If possible, obtain an aged trial balance as at the period end date with subsequent collections posted on it).			
d) Select account balances with past due balances which have not been paid at the date subsequent receipts were verified, discuss account status with the credit manager and determine if an allowance should be taken on each of those account balances.			
e) Agree bad debt expenses and related bad debt write offs to supporting documentation, (e.g., letter from trustees in bankruptcy) and ensure proper approval of write offs.			

Bad Debt Write-Off

11	Examine bad debt write offs subsequent to the statement date and verify if they should have been reflected in the current period	V
----	--	---

B. NON-ASSURANCE ANALYTICAL REVIEW PROCEDURES

No.	Audit Procedure	Assert	Comment	Ref.
12	Compare accounts receivable to the current year's budget and/or to prior year's actual.	CEA		
13	Compare the current year accounts receivable as a percentage of net sales with prior year percentage.	CEA		
14	Compare the current year's accounts receivable turnover and number of day's sales with prior year.	CEA		
15	Compare the aging of accounts receivable totals with the prior year.	CEA		
16	Compare allowance for doubtful accounts as a percentage of accounts receivable with prior year percentage.	CEA		
17	Compare total of credit balances in accounts receivable with prior year.	CEA		

C. EXTENDED PROCEDURES



No.	Audit Procedure	Assert	Comment	Ref.
Accounts Receivable Confirmations Fraud Risk				
18	Where a risk of fraud exists,	E		
	a) Verify a sample of names, addresses, fax, and phone numbers of customers selected to telephone or business directories to ensure that they are valid businesses.			
	b) Consider calling some customers in addition to sending a confirmation to verify account details and sales terms/conditions. Ask about any side deals or special terms.			
	c) Consider accepting only original (signed) copies of confirmations or following up all faxed confirmations with a phone call.			
Bad Debt Write -Off				
19	Have a responsible official who is not involved with any phase of the receivables function, initial the schedule of bad debts write offs during the period.	V		
Material Accounts Receivable				
20	For material accounts receivable which have not been collected after the period end prior to the release of the financial statements, consider obtaining a credit report or equivalent to verify the customer's credit worthiness.	V		
Scanning of Journals				
21	For the period audited, scan the accounts receivable journal noting large or unusual entries in amount and nature and investigate any significant transactions and coordinate with substantive testing.	CA		

Allowance for Doubtful Accounts

	IDEA used:	V
22..	Ensure allowance for doubtful accounts is adequate as follows:	
	a) Discuss with management key assumptions used in preparing the allowance.	
	b) Document procedures followed by management to determine allowance for doubtful accounts and ensure allowance is reasonable.	
	c) Select a sample of ___ - cash receipts from the subsequent cash receipts listing/subsequent accounts receivable listing and vouch to supporting documents to ensure the integrity of the report.	
	d) Using the IDEA Audit Automation Tool, determine which receivables at year end have been subsequently paid.	
	e) Summarize by unpaid amounts by customer.	
	f) Include in the file account balances with past due balances over _____ and days in excess of _____ which have not been paid at the date subsequent receipts were verified, discuss account status with the credit manager and determine if an allowance should be taken on each of those account balances.	
23	Agree bad debt expenses and related bad debt write-offs to supporting documentation (example: letter from trustees in bankruptcy) and ensure proper approval of write-offs.	A
24	Using the IDEA Audit Automation Tool, identify all customers with _____ outstanding receivables in excess of credit limits. Discuss account status with credit manager.	V
Confirmation		
25	Confirm trade accounts receivable:	E
	a) Obtain from client all necessary information in order to perform selection of _____ accounts to be confirmed.	
	b) Select invoices or balances to be confirmed. (IDEA should be used if accounts receivable listing has been obtained electronically)	
	c) Review with a responsible official the list of invoices/customers we propose to	

	confirm.		
	d) If client prefers that we do not confirm certain invoices/customers, document reasons why and discuss with manager/partner.		
	e) Verify the customers' address with the client.		
	f) Mail confirmations with postage paid return envelope and retain control over mailing process. Confirmations must be mailed and received directly by AFA.		
	g) Send necessary second requests after a reasonable period has past since first mailing was done.		
	h) Perform alternative procedures for invoices/customers that client does not want us to confirm and on confirmations not returned or those that are unsatisfactory (e.g., agree subsequent payments to the account and to duplicate deposit slips; agree shipping records and sales invoices to the account; examine other supporting documentation).		
	i) Complete the circularization worksheet.		
	j) Forward copies of all confirmations indicating differences to client to clear. Obtain satisfactory explanations for these differences.		
	Confirmation - Other Than Period End		
26	If confirmation is carried out at a date other than period end:	CEA	
	a) Review the accounts receivable control account from confirmation date to period end date. Investigate and explain unusual items. Agree major entries to source documentation (i.e., sales and cash receipts journals).		
	b) Obtain period end accounts receivable listing and perform the following:		
	(i) Agree to general ledger.		
	(ii) Ensure mathematical accuracy.		
	(iii) Compare individual customers' account balances to balances at confirmation date and request positive confirmation of new, significant accounts.		

c) Test mathematical accuracy of the sales ledger in the intervening period. (Consider using CAATs)			
d) Review sales, credit notes, cash receipts and other entries for evidence of unusual high value entries (or their absence) and investigate unusual items.			

D. EVIDENCE OF IRREGULARITIES

No.	Audit Procedure	Assert	Comment	Ref.
27	a) Document the findings and the supporting evidence.			
	b) Perform additional procedures (if necessary) to either confirm or dispel the concerns identified.			
	c) Verify the facts with the entity personnel most directly involved.			
	d) Obtain and document management's explanations.			
	e) Discuss the implications of findings with the audit team. Address questions such as: - Management override of controls; - The reliability of other management representations; - Possibility of fraud; - Ability to obtain sufficient appropriate evidence to complete the audit; and - The wording of the audit opinion.			
	f) Report findings and planned course of action to the audit committee or equivalent.			

No.	Audit Conclusion	Y or N	Comment and/or Ref.
a)	These procedures were customized (as necessary) to respond to the assessed risks of material misstatement at the financial statement and assertion level.		
b)	The risk of material misstatement in the accounts receivable balance has been reduced to an acceptable level.		
c)	All relevant assertions have been addressed.		
	If No then, Additional procedures should be performed in order to give a standard audit opinion.	-	

PHỤ LỤC 05: TỔNG HỢP CÔNG NỢ SỐ DƯ CÓ

Mã	Tên khách hàng	Dư đầu		Phát sinh		Dư cuối	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8
HNHOAI003	Huỳnh Quang Huy	713,412,462		728,481,433	2,902,187,943		1,460,294,048
HUEN0007	Thị trường Trạm Ngõ Máy				519,156,605		519,156,605
HAHAI001	Nguyễn Phước Hải	360,170,614		69,402,951	852,616,894		423,043,329
ANVY008	Nguyễn Kiều Vy	584,621,599		641,816,894	1,633,663,790		407,225,297
TUTV0005	Châu Thị Hồng Loan			270,500,000	622,793,700		352,293,700
TUTV0004	Nguyễn Tiểu Đồng				199,062,161		199,062,161
PMDUNG001	Nguyễn Tấn Dũng	92,030,353		96,687,566	384,361,315		195,643,396
PMTY001	Nguyễn Công Ty	23,875,855		60,781,395	216,065,648		131,408,398
CHANH001	Đỗ Thị Lan Anh	99,964,726		1,472,529,339	1,632,576,904		60,082,839
TRNHAN001	Huỳnh Lê Phi Nhân	142,216,297		170,128,078	350,784,205		38,439,830
CHNAM001	Nguyễn Văn Nam		1,433,963	250,790,449	284,447,879		35,091,393
CHBANG001	Trần Lu Bang			427,058,740	452,991,571		25,932,831
TRDUONG109	Văn Phòng Tỉnh Ủy Bình Định			569,993	10,917,071		10,347,078
CHTUAN001	Trần Anh Tuấn	8,173,634		252,200,884	270,511,170		10,136,652
CHTHINH001	Lê Xuân Thịnh			326,305,478	335,226,734		8,921,256
TRNHAN007	Công Ty Cổ Phần Greenfeed Việt Nam - Chi Nhánh Bình Định				7,864,969		7,864,969
PCTIEN024	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phù Cát				6,000,060		6,000,060
TRNHAN004	CTy TNHH Trung Tâm QT Khoa Học Và Giáo Dục Liên Ngành			13,197,593	18,137,529		4,939,936
TRNGOC014	Chi Nhánh Bình Định-Công ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải	9,541,300			14,161,274		4,619,974
TRSANH026	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Bình Định			36,229,750	40,529,769		4,300,019
TRNGOC023	Cục dự trữ Nhà Nước khu vực Nghĩa Bình				3,207,126		3,207,126
CHANH051	Chi Cục Thống Kê			11,604,761	14,729,769		3,125,008
TRNGOC003	Mobifone Tỉnh Bình Định				2,469,968		2,469,968
TRNHUNG080	Trung tâm Giáo Dục thường xuyên Bình Định			14,272,481	16,513,425		2,240,944
TRNHUNG102	Chi Nhánh Bình Định-Công ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải			10,394,941	12,599,928		2,204,987
PMTY007	Văn Phòng Huyện Ủy Huyện Phù Mỹ			38,359,066	40,383,356		2,024,290
PMTY012	Tòa Án Nhân Dân Huyện Phù Mỹ			5,100,018	7,078,002		1,977,984
TRNHUNG049	Ngân hàng TMCP Bảo Việt Chi nhánh Bình Định			13,789,901	15,579,847		1,789,946
TRDUONG079	Công Ty Bảo Hiểm PVI Bình Định			5,126,906	6,722,885		1,595,979
DNAN0010	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Lê Quân			125,013,066	126,507,344		1,494,278
TRNGOC017	Đội kiểm lâm cơ động & PCCC Rừng				1,151,948		1,151,948
CHANH022	Tòa Án Nhân Dân TP Quy Nhơn	1,205,998		13,014,954	14,980,964		760,012
TRHUNG008	Chi Cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn				759,990		759,990
TTPT107	CÔNG TY TNHH GARDENLINE VN			4,711,939	5,471,929		759,990
CHANH019	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Quy Nhơn			4,104,065	4,788,076		684,011
CHDINH063	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn			2,905,014	3,559,014		654,000
CHNAM045	Ban Tôn Giáo Tỉnh Bình Định			4,075,040	4,683,050		608,010

AKHE0007	Hộ Kinh Doanh Đình Công Kết			117,391,487	117,769,530	378,043	
CHBANG031	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Định			6,081,029	6,397,021	315,992	
PMTY037	Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ Bình Định			6,400,064	6,643,731	243,667	
CHVAN053	UBND Xã Nhơn Lý			15,749,052	15,969,043	219,991	
TRNHUNG081	Công ty TNHH đầu tư BOT Bình Định			20,379,783	20,549,469	169,686	
TRHUNG067	UBND Phường Lý Thường Kiệt			569,993	683,991	113,998	
THOA0012	Phạm Thị Lên			288,377,034	288,460,672	83,638	
PRAN0004	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hưng Phú Ninh Thuận	597,460		400,312,960	400,934,495	24,075	
GLAI0008	C.Ty TNHH Một TV Thương Mại - Dịch Vụ Toàn Thịnh Gia Lai		3,438	3,176,401,855	3,176,414,039	15,622	
TRNHUNG069	Công ty TNHH Du Lịch Bãi Dài			17,065,634	17,079,634	14,000	
CHTHUY073	Trường mẫu giáo Ngô Mây			26,039,851	26,053,772	13,921	
QNAM0012	Phạm Phú Hữu			324,284,211	324,288,587	4,376	
TSNHAN017	Phòng giáo dục và đào tạo			4,374,976	4,378,474	3,498	
DLAK0001	Công ty TNHH Ô Tô - Xe máy Tây Nguyên	22,548,209		235,206,348	257,755,829	1,272	
CHMINH001	Nguyễn Quang Minh		372			372	
TỔNG CỘNG						0	3,933,914,393

PHỤ LỤC 06:
GIẤY LÀM VIỆC CHỌN MẪU KIỂM TOÁN

CÔNG TY CP ABC	TK131
PM áp dụng	2,550,000,000
Tổng thể	20,194,596,042
Phần kiểm tra	20,194,596,042
PM chọn mẫu	2,550,000,000
Đánh giá rủi ro kiểm toán	Low
Thực hiện TOC hiệu quả	No
Thủ tục phân tích đảm bảo	No

SCOPING				
Client name:		Sign-off	Initials	Date
CÔNG TY CỔ PHẦN [ABC]		Prepared:		
Period end:	12/31/2020	Reviewed:		
		Partner:		
		EQCR:		

A. Scoping Size Determination		
Description of factor or amount	Answer or Amount	Comment and/or Ref.
A. Risk Assessment – Low or High	Low	
B. Reliance on Controls – Yes or No	No	
C. Reliance on Analytical Procedures – Yes or No	No	
D. Scoping coverage (%)	35%	

E. Population (Tổng thể)	31,978,735,750	
F. Unusual items	-	Test 100%
G. Population of Scoping	31,978,735,750	
H. Total amount of Scoping	11,192,557,513	

(A1) Scoping

a) For Populations with a few large balances for testing overstatements For risk assessment of each assertions (except Completeness)

Scoping from book value not from true value so that's not satisfied C assertion

b) All unusual items have to be tested individually. Unusual items include:

- ~ Old/ overdue items
- ~ RPT balances/ transactions
- ~ Negative balances, etc.

c) Apply scoping coverage to the remaining population:

	TOC	SARP	Coverage
HRM	No	No	55%
		Yes	50%
	Yes	No	40%
		Yes	25%
LRM	No	No	35%
		Yes	15%
	Yes	No	15%
		Yes	NA

d) Perform analytical review on the residual population.

e) Where errors are noted, unadjusted errors > 3% of Overall materiality are to be summarised and evaluated during

f) For payables, use the total purchases in P & L to apply the scoping coverage.

g) Scoping is not a sampling technique. It is a strategy of performing TOD.

Client name:	Công ty CP ABC		Sign-off:	Initials	Date
			Prepared:	DHL	1/11/2021
Period end:	12/31/2020		Reviewed:	NTL	1/12/2021

Preparer Comments:

--	--	--	--	--	--

Section A: Objectives

The objective of the auditor, when using audit sampling, is to provide a reasonable basis for the auditor to draw conclusions about the population from which the sample is selected. Audit sampling is the application of an audit procedure to less than 100 percent of the items within an account balance or class of transactions for the purpose of evaluating some characteristic of the balance or class.

Sample items should be selected in such a way that the sample can be expected to be representative of the population. Therefore, all items in the population should have an opportunity to be selected. When designing an audit sample, the auditor should consider the purpose of the audit procedure and the characteristics of the population from which the sample will be drawn.

When planning a particular sample, the auditor should consider the specific audit objective to be achieved and should determine that the audit procedure, or combination of procedures, to be applied will achieve that objective. The auditor should determine that the population from which he draws the sample is appropriate for the specific audit objective.

Details

Account Name:	TK131			
Identify the relevant assertion(s) being tested:	Existence			
	Accuracy			
	Valuation			
	Completeness			
and the procedures to be performed				
Definition of error / misstatement:				
Excluded error conditions:				

Section B: Sample Design

Definition of Population

Describe the nature of the population:				
Describe basis for determining the completeness of the population:				

Definition of sampling unit

Primary sampling, unit:				
Subsampling unit, if any:				

Sampling Parameters

Will entire population be subject to sampling?	Yes			
Will performance materiality be used for tolerable misstatement? <i>(For audits subject to PCAOB standards , select "No" and enter the amount to Tolerable Misstatement)</i>	Yes			
Tolerable Misstatement (<i>Guidance 1</i>) Performance Materiality (Ref to 420.MPQ)/Tolerable Misstatement (ex: SPM...)	2,550,000,000	(PM)		
Entire population will be subject to sampling				
Population size (VND or dollar)	20,194,596,042			
<i>Note: If using VND (or dollar) unit sample within IDEA and absolute values are selected, use the absolute value of the population rather than the net amount</i>				
Entire population will be subject to sampling	20,194,596,042	20,194,596,042		N/A
Entire population will be subject to sampling	2,550,000,000		N/A	
Expected error	127,500,000			
What is the assessed risk for the items subject to sampling?	LOW			
Does the engagement team plan to rely on (i.e. test) the client's internal controls for the account and assertion subject to testing through this audit sample?	No			

Chuyển mã nhập lại

Is the expected level of assurance to be obtained through Substantive Analytical Review procedures in accordance with the RSM Audit Manual, section 52?	No
Is this engagement being performed in accordance with PCAOB standards?	No
Selection Method	Monetary Unit

Assurance Factors				
Risk Assessment	Reliance on Controls	Assurance from Analytical Procedures	Analytical Procedures Not Performed	Assurance Factors
		Yes	No	
HIGH	No	1.6	3.0	
LOW	No	1.0	1.9	1 1.9
HIGH	Yes	0.7	1.6	
LOW	Yes	0.0	1.0	

Sample Size Determination				
Assurance factor		1.90		
Test of details is required - Complete Section C-E		Yes		
Sample Interval / High Value Threshold		1,275,000,000	= (PM – Expected error) / Assurance factor	
Amount of High Value items (i.e., Aggregate dollar total of items greater than sample interval)		#REF!		
Remaining population subject to sampling		#REF!		
Required sample size – Excluding Items in HV table		#REF!	for Monetary Unit (MUS)	
Expected sample size – Excluding Items in HV table		N/A	for Random/Haphazard	
Sample size of JSSD testing		N/a	for JSSD	
Actual sample size selected – Excluding Items in HV table				
Link to IDEA documentation (If applicable)				

Guidance 1:

1. Tolerable misstatement - A monetary amount set by the auditor in respect of which the auditor seeks to obtain an appropriate level of assurance that the monetary amount set by the auditor is not exceeded by the actual misstatement in the population
2. Audit sampling enables the auditor to test the hypothesis that the actual overall misstatement within the overall population is less than tolerable misstatement, where tolerable misstatement equals 110% of Expected Error (Expected Error shall generally be set at 5% of Performance Materiality)
3. PCAOB: Public Company Accounting Oversight Board Ủy ban Giám sát hoạt động kiểm toán cho các công ty đại chúng - The PCAOB is directed by the Sarbanes-Oxley Act of 2002 to establish auditing and related professional practice standards for registered public accounting firms to follow in the preparation and issuance of audit reports.

4. Audit Response Table

RMA	Effective TOC?	Effective SARP?	JSSD	Assurance Factor	Expansion on Fact

					or
High	No	No	n/a	3.0	1.9
		Yes	n/a	2.5 1.6	1.6
	Yes	No	n/a	1.6	1.5
		Yes	5 to 15	1.0 0.2	1.3
Low	No	No	n/a	1.8 1.9	1.5
		Yes	0.2 to 10	n/a 0.5	
	Yes	No	4 to 10	n/a 0.5	
		Yes	n/a	n/a	

5. Sample size

Sample size = Remaining Population / Sample interval

Sample size = (Population being subject to sampling × Assurance Factor) ÷ (Performance Materiality – Expected Error)

JSSD: Judgmental Sample Size Determination

When using JSSD testing or audit sampling, the auditor shall select the items to be tested using haphazard, random or systematic selection techniques

PHỤ LỤC 07:
THƯ XÁC NHẬN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà Phân phối Phạm Văn Cứ
 Địa chỉ: Khối 7, Thị trấn Khâm Đức, Huyện Phước Sơn, Tỉnh Quảng Nam
 MST: 4000109237-4

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 63.657.524 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Phạm Văn Cứ

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Phạm Văn Cứ
 (Ký và đóng dấu)




Tên: Phạm Văn Cứ
 Chức vụ:
, ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:
 Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 215
Địa chỉ: 249 Bạch Đằng - P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 02563.822025-816584 - Fax: 02563.829417 - MST: 4100387491
Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Báo Bình Định
Địa chỉ: 84 Phạm Hùng - TP quy nhơn - Tỉnh Bình Định
MST: 4100388714

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý khách hàng.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 608.010 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng/.



Kiểm toán trưởng
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của **Báo Bình Định**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Báo Bình Định

Ký và đóng dấu

TỔNG BIÊN TẬP



Trần Thanh Hải

Số điện thoại:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829587 – MST: 4100587491
Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Trung Tâm Xuất Tiến Đầu Tư
Địa chỉ: 35 Lê Lợi phường lê lợi-TP Quy Nhơn-Tỉnh Bình Định
MST: 4100190155-001

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý khách hàng.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 973.014 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trần Trọng./.

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của **Trung Tâm Xuất Tiến Đầu Tư**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Xác nhận số dư phải thu điểm 31/12/2020 tiền là đúng và đã thanh toán

Trung Tâm Xuất Tiến Đầu Tư
(Ký và đóng dấu)



nk

Tên: *Nguyễn Thị Mỹ Lệ*
Chức vụ: *Kế toán*

Số điện thoại:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 5
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng - P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 - Fax: 02563.829487 - MST: 4100387491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Sở Nội Vụ

Địa chỉ: 180 Tầng Bạt Hồ phường Lê hồng phong - TP quy nhơn - Tỉnh Bình Định
MST: 4100858060

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý khách hàng.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 3.838.000 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./.



Kiểm toán trưởng
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của **Sở Nội Vụ**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Số nợ vụ xác nhận số nợ trên đến thời điểm 31/12/2020 là đúng. Đơn vị đã chuyển số tiền trên vào ngày 1/2021.
 Sở Nội Vụ

(Ký và đóng dấu) TL. GIÁM ĐỐC -
 CHANH VĂN PHONG
 SỞ NỘI VỤ
 Huỳnh Chi Kim Thủy

Tên: Huỳnh Chi Kim Thủy
 Chức vụ: KT. Phó VP

Số điện thoại:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4160337491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Văn Phòng Tỉnh Ủy- Ủy Ban Kiểm Tra Tỉnh Ủy
Địa chỉ: 2A Trần Phú-TP quy nhơn -Tỉnh Bình Định
MST: 4101023804

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý khách hàng.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 806.010 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trân trọng./.

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của **Văn Phòng Tỉnh Ủy - Ủy Ban KIỂM TRA Tỉnh Ủy**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (dính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Văn Phòng Tỉnh Ủy - Ủy Ban Kiểm Tra Tỉnh Ủy
 (Ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh
 Nguyễn Thị Minh

Tên:

Chức vụ: *chuyên viên tư vấn kiểm toán*
Kiểm tra Tỉnh ủy

Số điện thoại: 0937 570 308

Công ty TNHH Marubeni Lumber Việt Nam

Ngày 14 tháng 01 năm 2021

Người nhận: Công ty cổ phần nước khoáng Quy Nhơn
Địa chỉ: 249 Bạch Đằng-phường Trần Hưng Đạo-TP Quy Nhơn-tỉnh Bình Định
Fax:

Kính thưa Quý vị,

Về việc: Xác nhận số dư nợ cho mục đích kiểm toán

"Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC" đang thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty chúng tôi. Báo cáo tài chính của chúng tôi đã phản ánh số dư liên quan đến tài khoản của Quý vị tại ngày 31/12/2020 như sau:

Số tiền chúng tôi trả trước cho Quý vị : 0 VND

Số tiền chúng tôi phải trả Quý vị : 3,799,055 VND

Nhằm mục đích kiểm toán báo cáo tài chính của chúng tôi, rất mong Quý vị xác nhận tính đúng đắn của số dư nêu trên và gửi thư xác nhận này **trực tiếp đến kiểm toán viên của chúng tôi** theo địa chỉ sau:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ : Lô 78-80 đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Người nhận : **Lê Hoàng Tố Uyên**

Điện thoại : (84) 0236.3655886 – 414/ 0938 260 056

Fax : (84) 0236.3655887

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Lưu ý: Tất cả các xác nhận qua fax phải có bản chính/ hoặc xác nhận bản gốc được gửi bằng đường bưu điện theo sau.

Xin cảm ơn sự hợp tác của Quý vị.



UCHIDA HARUHISA

(Chữ ký, họ tên, chức danh, đóng dấu)

Xác nhận của nhà cung cấp Công ty cổ phần nước khoáng Quy Nhơn

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Đúng**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là **Không đúng**

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Chữ ký:

Đóng dấu (nếu có)

Tên:

Chức vụ:



Công ty CP Sữa Việt Nam
ĐƠN VỊ: Nhà Máy Sữa Bình Định

Ngày in: 07/01/2021 08:01:20
Tên biểu: AP_008
Người in: TTHVY

CHI TIẾT HÓA ĐƠN PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

Đến ngày: 31/12/2020

Nhà cung cấp: NK0001 - Cty CP Nước Khóang Quy Nhơn

Tài khoản từ: 245.ZZZZ.331110.0000

Tài khoản đến: 245.ZZZZ.331110.ZZZZ

Từ đơn vị: BDD:Nhà Máy Sữa Bình Định

Đến đơn vị: BDD:Nhà Máy Sữa Bình Định

STT	Ngày HĐ	Số HĐ	Loại Tiền	Diễn giải	Số Hợp đồng	Người lập PO	Tỷ giá	Số tiền hóa đơn còn lại	
								Nguyên tệ	VND
		Đơn vị		BDD - Nhà Máy Sữa Bình Định					6,380,064
		Total VND						0.00	6,380,064
1	28/11/2020	2020.00 03093	VND	Tien an giao ca T11/20_NMS Binh Dinh.	01/HĐMB/20 HC-E011	NTPHONG			3,400,034
2	28/12/2020	2020.00 03957	VND	Tien an giao ca T12/20_NMS Binh Dinh.	01/HĐMB/20 HC-E012	NTPHONG			2,980,030
Tổng cộng									6,380,064

Người lập biểu



Trương Thủy Hoàng Vy

Kế toán tổng hợp



Đào Thị Bảo Trân

Ngàythángnăm.....

Thủ trưởng đơn vị



TRƯỞNG BAN KẾ TOÁN

Châu Hoà

 VINAMILK	Chi nhánh Công ty CP Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Bình Định Số 87, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam ĐT : 0256.6253555 - FAX : 0256.3746065

Kính gửi : NK0001 - Cty CP Nước Khoáng Quy Nhơn

249 Bạch Đằng, Quy Nhơn, T. Bình Định

Ngày 07 tháng 01 năm 2021

XÁC NHẬN SỐ DƯ

Kính thưa : Quý Công ty

Hiện nay, báo cáo của chúng tôi phản ánh (các) số dư liên quan đến Tài khoản của Quý Công ty tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

Chi nhánh Công ty CP Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Bình Định đã tạm ứng trước	Chi nhánh Công ty CP Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Bình Định còn nợ Quý Công ty
0 VND	6,380,064 VND

Quý Công ty vui lòng xác nhận tính chính xác của số liệu nêu trên vào phần bên dưới và gửi về chúng tôi trước ngày 22/01/2021.

Trương Thụy Hoàng Vy. Email: tthvy@vinamilk.com.vn. ĐT (0256) 6 253 555 | Ext 228203

Nếu Quý Công ty không đồng ý (các) số dư của chúng tôi đã trình bày, xin vui lòng nêu rõ lý do.

Đây không phải là đề nghị thanh toán. Các khoản phát sinh sau ngày 31/12/2020 không được phản ánh trong (các) số dư đã trình bày.

Rất mong được sự hợp tác của Quý Công ty.



TRƯỞNG BAN KẾ TOÁN

Châu Hoà

PHẦN XÁC NHẬN

Tôi/Chúng tôi xin xác nhận rằng tài khoản của Tôi/Chúng tôi với Chi nhánh Công ty CP Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Bình Định tại thời điểm 31/12/2020 thể hiện như trên là:

Chính xác

Không chính xác, số dư thể hiện là:.....

Lý do chênh lệch:



Ngân

222

10

**FRESENIUS
KABI**



Công ty Cổ phần Nước Khoáng Quy Nhơn
Quy Nhơn Minh. Water Joint Stock
249 Bạch Đằng

Fresenius Kabi Vietnam JSC

HCMC Office: Harbour View Tower, Floor
19, 35 Nguyen Hue St., Dist.1, HCMC,
Vietnam

Tel: (84-28) 3914 2541
Fax: (84-28) 3914 2542

Plant: Area 8, Nhon Phu Ward,
Quy Nhon City, Binh Dinh Province

Tel: (84-256) 221 0641
Fax: (84-256) 394 6688

Ngày 08.01.2021

Số trang 2

Xác nhận số dư phải trả Quý Công ty tại ngày 31.12.2020 (payables)

Mã nhà cung cấp: 99054519

Kính gửi Quý công ty,

Nhằm mục đích đối chiếu công nợ định kỳ, chúng tôi kính đề nghị Quý công ty kiểm tra, đối chiếu số dư mà Công ty chúng tôi phải trả Quý Công ty tại ngày 31.12.2020 (bảng chi tiết đính kèm) với sổ sách của Quý Công ty. Vui lòng xác nhận số dư trước ngày 29.01.2021.

Chân thành cảm ơn.

Trân trọng kính chào

Kế toán trưởng

Mac Thi Gam
Accounting Manager

Số tiền đặt cọc cho Quý Công ty VND **2.250.000**

Số dư phải trả Quý Công ty VND **13.229.924**

Chúng tôi đồng ý và xác nhận số dư trên.

Chúng tôi không đồng ý với số dư trên, chi tiết của sự khác biệt như sau :

Nơi ký/Ngày ký



Chức vụ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ký tên và đóng dấu

Nguyễn Trung Tín



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Chi nhánh Công ty Liên Doanh PIL Việt Nam tại Thành phố Quy Nhơn
 Địa chỉ: 17 Tôn Đức Thắng, Phường Lý Thường Kiệt, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 MST: 0303449450-001

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Ông/ Bà vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Ông/ Bà.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 470.004 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./.



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của CN Công ty liên doanh PIL Việt Nam tại TP Quy Nhơn

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

CN Công ty liên doanh PIL Việt Nam tại TP Quy Nhơn



Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Phan Tấn Nghị

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thị trấn phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100787491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Á Châu-PGG chợ Khu sáu
 Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
 MST: 0301452948

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý khách hàng.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 570.009 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Ngân hàng TMCP Á Châu-PGG chợ Khu sáu

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Ngân hàng TMCP Á Châu-PGG chợ Khu sáu

(Ký và đóng dấu)

[Handwritten signature]



Tên: Phạm Hiền Trần
 Chức vụ: Hành chính

Số điện thoại: 0707 655008

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491

Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
Địa chỉ: Số 191, Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý khách hàng.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 1.171.014 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,

CỔ PHẦN

NƯỚC KHOÁNG

QUY NHƠN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung, Kiểm toán viên

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của : **Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam**

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Tên: *Trần Trọng J.*
 Chức vụ: *KẾ TOÁN TRƯỞNG*
 (đóng dấu)

Tên:

Chức vụ:



Trần Bùi Gia Khương

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty cổ phần thủy sản Bình Định
 Địa chỉ :02D Trần Hưng Đạo- TP.Quy Nhơn – T.Bình Định

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 4.967.046VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng /.



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Công ty cổ phần thủy sản Bình Định

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Công ty cổ phần thủy sản Bình Định

(Ký và đóng dấu)

Thư **CTY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH**

Tên: *Thư* Thư Châu

Chức vụ: *Nhân viên P. TC-HC*

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Quỳnh Loan
Địa chỉ: 364 Nguyễn Trãi, Thành phố Thanh Hoá
MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

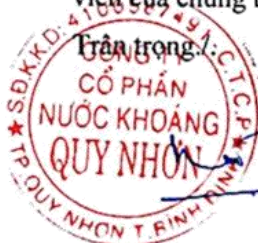
Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 251.516.198 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Quỳnh Loan

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Quỳnh Loan
(Ký và đóng dấu)

Quỳnh Loan
Nguyễn Thị Loan

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Hưng Phú Ninh Thuận
 Địa chỉ: 548 Thống Nhất, P. Đạo Long, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

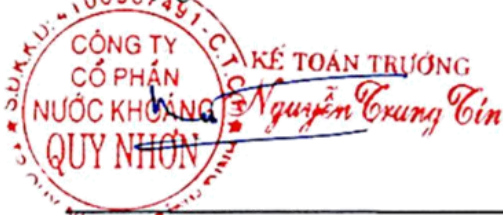
Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : 24.075 VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./



Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hưng Phú Ninh Thuận

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

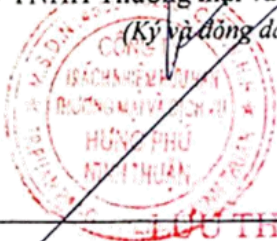
Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hưng Phú Ninh Thuận

(Ký và đóng dấu)



Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

GIÁM ĐỐC

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Lan Mùi
 Địa chỉ: Thôn Thạch Trụ Tây, Xã Đức Lâm, Huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi
 MST: 4300371651

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 87.650.351 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Công ty TNHH Lan Mùi

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Công ty TNHH Lan Mùi
 (Ký và đóng dấu)

Nguyễn Khắc Mùi

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Hiệu Buôn Hoàng Khương
Địa chỉ: Hẻm 18/6 Lê Kiệt, P. Nguyễn Nghiêm TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
MST: 4300151166

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 41.750.186 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng /



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Hiệu Buôn Hoàng Khương

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Hiệu Buôn Hoàng Khương

(Ký và đóng dấu)



Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 19
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Văn Lạc
 Địa chỉ: Thôn Nam Bình, Xã Bình Nguyên, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi
 MST: 4300539706

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 30.000.000 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng,


Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Văn Lạc

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

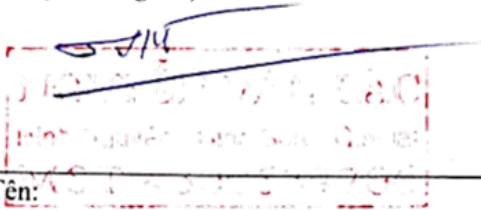
Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà PP Nguyễn Văn Lạc

(Ký và đóng dấu)



Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Hộ kinh doanh Lê Thanh
 Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Trãi, Phường Thành Công, Thành Phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
 MST: 4101091346

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 56.768.976 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Hộ kinh doanh Lê Thanh

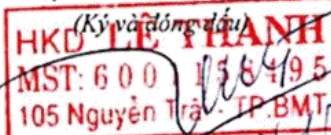
Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Hộ kinh doanh Lê Thanh



Tên:

Chức vụ:

....., ngày..... tháng năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 21
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Ô Tô – Xe máy Tây Nguyên
 Địa chỉ: 68 đường Giải Phóng, Thị trấn Ea Đrăng, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk
 MST: 6000948564

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Công ty vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý công ty.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : 1.272 VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Công ty TNHH Ô Tô – Xe máy Tây Nguyên

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):



Công ty TNHH Ô Tô – Xe máy Tây Nguyên
 (Ký và đóng dấu)

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Phụng

Tên:

Chức vụ:

....., ngày..... tháng năm 2021

Số điện thoại:
 Địa chỉ Email:

0901909100

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Hữu Nhân
 Địa chỉ: 56 Võ Văn Đồng, Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 416.276.515 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./



KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Hữu Nhân

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Hữu Nhân
 (Ký và đóng dấu)

(Handwritten signature)

Tên: NGUYỄN HỮU NHÂN

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Hồng Thiện
 Địa chỉ: Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 286.514.675 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng /.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Hồng Thiện

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Hồng Thiện
 (Ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Thiện

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Xuân Trung
 Địa chỉ: 127 Lê Lợi, KP9, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam
 MST: 8418813132

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 129.701.203 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trần Trọng /.

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Xuân Trung

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Xuân Trung

(Ký và đóng dấu)

Nguyễn Xuân Trung

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Hộ kinh doanh Lê Chiêu Quân
 Địa chỉ: 129 Trường Chinh, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
 MST:

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 8.206.548VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Hộ kinh doanh Lê Chiêu Quân

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Hộ kinh doanh Lê Chiêu Quân
 (Ký và đóng dấu)

Lê Chiêu Quân

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 26
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Trần Văn Được
 Địa chỉ: Thị trường Tuy Phước
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 632.166.813 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Trần Văn Được

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Trần Văn Được

(Ký và đóng dấu)

Trần Văn Được

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thị trấn phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Huỳnh Thị Lễ
 Địa chỉ: Hoà Đại, Xã Cát Hiệp, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 154.285.513 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Huỳnh Thị Lễ

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Huỳnh Thị Lễ

(Ký và đóng dấu)

Huỳnh Thị Lễ

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà Phân phối Võ Đình Sang
 Địa chỉ: Thị trấn Ngô Mây, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 809.230.962VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Võ Đình Sang

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Võ Đình Sang
 (Ký và đóng dấu)

Sg
 Võ Đình Sang

Tên:
 Chức vụ:
, ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:
 Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thủ phủ Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829187 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Thị Yên
 Địa chỉ: Xã An Tân, Huyện An Lão ,Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 56.300.809 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Thị Yên

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Thị Yên
 (Ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Yên

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 30
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối **Trần Thị Mỹ Lệ**
 Địa chỉ: **Xã Ân Tín, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định**
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 39.067.483 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Trần Thị Mỹ Lệ

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Trần Thị Mỹ Lệ
 (Ký và đóng dấu)

Trần Thị Mỹ Lệ

Trần Thị Mỹ Lệ

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Phước Hải
 Địa chỉ: Thị trấn Tăng Bạt Hổ, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 370.862.233 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Phước Hải

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Phước Hải
 (Ký và đóng dấu)

Nguyễn Phước Hải

Tên:
 Chức vụ:
, ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:
 Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 32
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Dương Trường Sĩ
 Địa chỉ: Xã Ân Thạnh, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 244.354.625 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Dương Trường Sĩ

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Dương Trường Sĩ
 (Ký và đóng dấu)

Su
Dương Trường Sĩ

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 33
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo – Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Lê Thị Hoa
 Địa chỉ: Thôn Phú Hữu, Ân Tường Tây, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 61.855.283 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Lê Thị Hoa

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không thì chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Lê Thị Hoa
 (Ký và đóng dấu)

Lê Thị Hoa

Tên:
 Chức vụ:
, ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:
 Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491

Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Lê Thị Quý
Địa chỉ: Tân Xuân, Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 389.904.573VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Lê Thị Quý

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Lê Thị Quý.

(Ký và đóng dấu)

Lê Thị Quý

Lê Thị Quý

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 247
Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.3529487 – MST: 4100587491
Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Kim Anh
Địa chỉ: Thị trấn Tam Quan, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định
MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 366.896.893 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Kim Anh

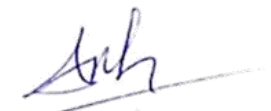
Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Kim Anh
(Ký và đóng dấu)


Lê Hải Kim Anh

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn ³⁶
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Huỳnh Quang Huy
 Địa chỉ: Phường Bồng Sơn, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 893.915.670 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Huỳnh Quang Huy

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Huỳnh Quang Huy
 (Ký và đóng dấu)

Quach
Huỳnh Quang Huy

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Văn Mẫn
 Địa chỉ: Thị trường An Nhơn, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 887.676.918 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Văn Mẫn

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Văn Mẫn
 (Ký và đóng dấu)

MVN
Nguyễn Văn Mẫn

Tên:
 Chức vụ:
, ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:
 Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 38
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Trần Tiến
 Địa chỉ: Xã Cát Lâm, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 596.878.797 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trần Trọng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Trần Tiến

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Trần Tiến
 (Ký và đóng dấu).

Trần Tiến
 Trần Tiến

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 39
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng - P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 - Fax: 02563.829487 - MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà Phân phối Trần Công Diệu
Địa chỉ: Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 530.773.635 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Trần Công Diệu

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Trần Công Diệu
 (Ký và đóng dấu)

Trần Công Diệu

Trần Công Diệu

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thị trấn Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Thị Chu
 Địa chỉ: Xã Nhơn Khánh, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 265.863.408 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trân trọng./.

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tâm

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Thị Chu

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Thị Chu

(Ký và đóng dấu)

Chu
 Nguyễn Thị Chu

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Võ Văn Toàn
 Địa chỉ: Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 39.675.354 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trân trọng /.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Võ Văn Toàn

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Võ Văn Toàn
 (Ký và đóng dấu)

Tòa
 Võ Văn Toàn

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 254
Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.822487 – MST: 4100587491
Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Tuấn Trâm
Địa chỉ: Xã Phước Thuận, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
MST: 4100358371

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 66.984.698 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Tuấn Trâm

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Tuấn Trâm
(Ký và đóng dấu)

Lê Thị Trâm
Lê Thị Trâm

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Kiều Vy
Địa chỉ: Thị trường An Nhơn, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định
MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 891.950.681 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

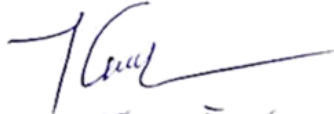
Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Kiều Vy

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Kiều Vy
 (Ký và đóng dấu)


 Nguyễn Kiều Vy

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Lê Kim Anh Thư
 Địa chỉ: Thị trường An Nhơn, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 114.142.370 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



KÊ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Lê Kim Anh Thư

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Lê Kim Anh Thư
 (Ký và đóng dấu)

Lh

Lê Kim Anh Thư

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829437 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà Phân phối Võ Minh Hải
Địa chỉ: Thị trường An Nhơn, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định
MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Đề phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 427.484.500 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trần Trọng
 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Võ Minh Hải

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Võ Minh Hải
 (Ký và đóng dấu)

Hai
 Võ Minh Hải

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà Phân phối Trần Văn Thành
Địa chỉ: KV1, Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 522.803.894 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trần Trọng J.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Trần Văn Thành

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Trần Văn Thành
 (Ký và đóng dấu)

Trần Văn Thành

Trần Văn Thành

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 47
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491

Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Tập hoá Thịnh Phát

Địa chỉ: Tổ 4 khu vực 2, Phường Trần Quang Diệu, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 MST: 8085631126

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 20.000.000 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trần Trọng./.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Tập hoá Thịnh Phát

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Tập hoá Thịnh Phát

(Ký và đóng dấu)

Thị Văn Thịnh

Thị Văn Thịnh

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Danh
 Địa chỉ: Thôn Mỹ An, Xã Tây Bình, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định
 MST: 4100468243

Trích vếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 30.000.000 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Trần Trọng /.

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Danh

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Danh
 (Ký và đóng dấu)

(Handwritten signature)

(Handwritten signature: Nguyễn Danh)

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Trần Thị Ngọc Ly
 Địa chỉ: Khu vực 1, Phường Trần Quang Diệu, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 20.000.000 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./.



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Trần Thị Ngọc Ly

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Trần Thị Ngọc Ly
 (Ký và đóng dấu)

ngly

Trần Thị Ngọc Ly

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn 50
 Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
 Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Nhà phân phối Nguyễn Thị Thanh Hải
 Địa chỉ: Phường Bồng Sơn, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định
 MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 24.801.868 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán,

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.



Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
 Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

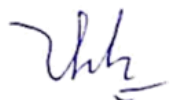
Xác nhận của Nhà phân phối Nguyễn Thị Thanh Hải

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:
 (đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Nguyễn Thị Thanh Hải
 (Ký và đóng dấu)


 Nguyễn Thị Thanh Hải

Tên:
 Chức vụ:
, ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:
 Địa chỉ Email:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
Địa chỉ: 249 Bạch Đằng – P. Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 02563.822025-816584 – Fax: 02563.829487 – MST: 4100587491
Quy Nhơn, ngày tháng 01 năm 2021

263

Kính gửi: Nhà phân phối Tạ Văn Trúc
Địa chỉ: An Thái, Nhơn Phúc, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định
MST:

Trích yếu: V/v xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2020, cho mục đích kiểm toán

Thưa Quý Ông/ Bà,

Để phục vụ cho mục đích kiểm toán, đề nghị Quý Nhà phân phối vui lòng xác nhận số dư nợ phải thu như nêu dưới đây và gửi lại cho kiểm toán viên của chúng tôi là Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam theo địa chỉ như bên dưới. Chúng tôi rất mong sớm nhận được sự hồi báo từ Quý Nhà phân phối.

Số tiền chúng tôi phải thu Quý vị : 182.976.405 VND

Số tiền chúng tôi nhận ứng trước của Quý vị : VND

Chúng tôi cũng xin được lưu ý là thư xác nhận này chỉ phục vụ cho công tác kiểm toán.

Nếu không đồng ý với số dư nêu trên, xin Quý vị cung cấp đầy đủ chi tiết của sự khác biệt cho kiểm toán viên của chúng tôi.

Trân trọng./.



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trung Tín

Kính gửi: Ông Phạm Quang Trung - Kiểm toán viên
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0236) 3 633333 - Fax : (0236) 3 633338

Xác nhận của Nhà phân phối Tạ Văn Trúc

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Đúng

Chúng tôi xác nhận các số dư nêu trên là Không đúng

Chi tiết về các khoản chênh lệch như sau:

(đính kèm bảng chi tiết nếu không đủ chỗ trống để trình bày chi tiết):

Nhà phân phối Tạ Văn Trúc

(Ký và đóng dấu)

Tanhuu

Tạ Văn Trúc

Tên:

Chức vụ:

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Số điện thoại:

Địa chỉ Email: